

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Thu Phương

BIẾN ĐỔI LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN ĐÀ NẴNG
TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Ngành: Văn hóa học

Mã số: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Thu Phương

BIẾN ĐỔI LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN ĐÀ NẴNG
TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Ngành: Văn hóa học

Mã số: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Người hướng dẫn khoa học

GS.TS Từ Thị Loan

Hà Nội - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan toàn bộ nội dung và kết quả nghiên cứu luận án *Biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch* là nghiên cứu độc lập cá nhân của tôi. Nghiên cứu được phân tích một cách khách quan, trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa được công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

Tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm nếu có sự thiếu trung thực về thông tin hay kết quả sử dụng trong công trình nghiên cứu này.

Tác giả luận án

Nguyễn Thu Phương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	vii
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	10
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	10
1.1.1. Những nghiên cứu về lối sống.....	10
1.1.2. Những nghiên cứu về tác động kinh tế của phát triển du lịch đến lối sống....	14
1.1.3. Những nghiên cứu về tác động xã hội của phát triển du lịch đến lối sống	16
1.1.4. Những nghiên cứu liên quan đến lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch	22
1.1.5. Nhận xét, đánh giá về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu	25
1.2. Cơ sở lý luận	26
1.2.1. Các khái niệm.....	26
1.2.2. Các thành tố của lối sống.....	33
1.2.3. Các nhân tố tác động đến biến đổi lối sống.....	33
1.2.4. Lý thuyết vận dụng trong luận án	41
1.3. Khái quát về địa bàn nghiên cứu.....	46
1.3.1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên	46
1.3.2. Đặc điểm kinh tế.....	49
1.3.3. Đặc điểm văn hóa - xã hội - dân cư	50
Tiểu kết.....	55
Chương 2. LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN ĐÀ NẴNG TRƯỚC KHI ĐẦY MẠNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH	57
2.1. Lối sống cư dân Đà Nẵng trước năm 1945	57
2.1.1. Cung cách sinh hoạt.....	57
2.1.2. Cung cách mưu sinh.....	59
2.1.3. Cung cách ứng xử	61
2.1.4. Cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa	62
2.2. Lối sống cư dân Đà Nẵng trước năm 1975	62
2.2.1. Cung cách sinh hoạt.....	62
2.2.2. Cung cách mưu sinh.....	65
2.2.3. Cung cách ứng xử	70
2.2.4. Cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa	71
2.3. Lối sống cư dân Đà Nẵng trước năm 2003	72
2.3.1. Cung cách sinh hoạt.....	73
2.3.2. Cung cách mưu sinh	78
2.3.3. Cung cách ứng xử	80

2.3.4. <i>Cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa</i>	85
Tiểu kết.....	88
Chương 3. LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	89
3.1. Khái quát về tình hình phát triển du lịch tại Đà Nẵng	89
3.1.1. <i>Những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch tại Đà Nẵng</i>	89
3.1.2. <i>Sự phát triển du lịch tại Đà Nẵng hiện nay</i>	90
3.2. Quá trình tác động của du lịch đến cư dân thành phố.....	92
3.2.1. <i>Mức độ tiếp xúc của khách du lịch với cư dân thành phố</i>	92
3.2.2. <i>Quá trình tác động của hoạt động du lịch nội địa đến cư dân thành phố</i>	93
3.2.3. <i>Quá trình tác động của hoạt động du lịch nước ngoài đến cư dân thành phố</i>	96
3.2.4. <i>Quá trình phát triển du lịch nhanh cùng với quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa đã thúc đẩy du khách nội địa, người nhập cư trong nước đến với Đà Nẵng ngày càng nhiều</i>	97
3.3. Biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng.....	98
3.3.1. <i>Biến đổi trong cung cách sinh hoạt</i>	98
3.3.2. <i>Biến đổi trong cung cách mưu sinh</i>	108
3.3.3. <i>Biến đổi trong cung cách ứng xử</i>	112
3.3.4. <i>Biến đổi trong cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa</i>	118
3.4. Xu hướng biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch.....	123
3.4.1. <i>Xu hướng tích cực trong biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng</i>	123
3.4.2. <i>Xu hướng tiêu cực trong biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng</i>	131
Tiểu kết.....	140
Chương 4. BÀN LUẬN VỀ LỐI SỐNG CƯ DÂN ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	142
4.1. Dự báo xu hướng phát triển du lịch Đà Nẵng trong giai đoạn tới	142
4.2. Bàn luận về đặc trưng văn hóa của cư dân Đà Nẵng thể hiện qua lối sống trong bối cảnh phát triển du lịch.....	144
4.3. Những vấn đề đặt ra đối với sự biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển du lịch	153
4.3.1. <i>Phát triển sinh kế gắn với xây dựng, bảo vệ môi trường an ninh, an toàn...</i>	155
4.3.2. <i>Xây dựng con người có nếp sống văn minh, có ý thức chấp hành luật pháp</i>	156
4.3.3. <i>Xây dựng hình ảnh con người Việt Nam/ con người Đà Nẵng thông qua hình ảnh cá nhân</i>	157
4.3.4. <i>Giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, sẵn sàng tiếp thu có chọn lọc và có sức chống chọi trước văn hóa tiêu cực bên ngoài</i>	159
Tiểu kết.....	164
KẾT LUẬN	165
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	172
TÀI LIỆU THAM KHẢO	173
PHỤ LỤC.....	190

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
LATS	Luận án tiến sĩ
LVTS	Luận văn thạc sĩ
Nxb	Nhà xuất bản
PTTT	phương tiện truyền thông
tr	trang
NCS	Nghiên cứu sinh

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Khung lý thuyết.....	46
Bảng 2: Sự thay đổi thói quen ăn uống của cư dân Đà Nẵng.....	102
Bảng 3: Sự thay đổi thói quen mua sắm hàng hóa của cư dân Đà Nẵng	103
Bảng 4: Sự thay đổi thói quen đi lại của cư dân Đà Nẵng.....	110
Bảng 5: Sự thay đổi thói quen sử dụng thời gian nhàn rỗi để tham gia vào các hoạt động văn hóa tinh thần với vai trò thụ hưởng của cư dân Đà Nẵng.....	122
Bảng 6: Mức độ quan tâm của người Đà Nẵng đối với du lịch Đà Nẵng	124
Bảng 7: Sức hấp dẫn của các điểm du lịch tại Đà Nẵng theo nhận định của cư dân Đà Nẵng.....	131
Bảng 8: Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sống ở Đà Nẵng.....	140
Bảng 9: Sự thay đổi mục đích tồn tại của các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật ở Đà Nẵng.....	142
Bảng 10: Quan điểm xây dựng lối sống lành mạnh trong bối cảnh phát triển du lịch của cư dân Đà Nẵng.....	159

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1 Tỷ lệ người tham gia khảo sát.....	7
Biểu đồ 2: Tình trạng nhà ở của cư dân Đà Nẵng	75
Biểu đồ 3: Mức độ tiếp xúc khách du lịch của cư dân Đà Nẵng.....	95
Biểu đồ 4: Các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống của cư dân Đà Nẵng...	97
Biểu đồ 5: Sự thay đổi nghề nghiệp của cư dân Đà Nẵng.....	113
Biểu đồ 6: Sự thay đổi các sản phẩm văn hóa được yêu thích của cư dân Đà Nẵng.....	125

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lối sống với tư cách là một hiện tượng xã hội phụ thuộc vào trình độ tổ chức xã hội, truyền thống văn hóa, trình độ học vấn, trình độ thẩm mỹ... của mỗi xã hội. Chính yếu tố này tạo nên sắc thái và đặc trưng của cộng đồng dân cư, biểu thị mối quan hệ của con người với sinh thái tự nhiên, sinh thái xã hội và sinh thái văn hóa.

Lối sống đô thị ở khu vực miền Trung nước ta theo kiến tạo địa hình chủ yếu mang yếu tố văn hóa biển, giao lưu với nước ngoài và dựa vào sản xuất nông nghiệp ở vùng ngoại ô. Thành phố Đà Nẵng nằm ở tâm điểm của khu vực miền Trung với một địa thế có rất nhiều thuận lợi về giao thông đường sông, đường biển, đường bộ, một vị trí trọng yếu về mặt quân sự. Vì thế con người Đà Nẵng bên cạnh những tính cách cứng cỏi được hun đúc trong hoàn cảnh địa lý và lịch sử khắc nghiệt thì việc giao lưu, hội nhập văn hóa ở vùng đất này không thể không nảy sinh trong họ những cách nhìn mới, những ý tưởng tiên bộ, lối sống tự tin và luôn thích sự đổi mới. Sự giao lưu, hội nhập văn hóa sâu và rộng của thành phố Đà Nẵng không chỉ là quy luật tất yếu của quá trình phát triển đô thị theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa mà còn có một yếu tố tác động hết sức đặc trưng riêng. Đó chính là tác động của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chủ động và có chủ đích, lấy phát triển du lịch làm ngành kinh tế mũi nhọn.

Như vậy, về mặt lý luận, cần phải có những nghiên cứu sâu các vấn đề cơ bản của lối sống đô thị Đà Nẵng từ đô thị cổ đến đô thị cận đại và sang đô thị hiện đại: những kế thừa, phát triển và những loại bỏ; sự hình thành lối sống đô thị Đà Nẵng trong tình hình mới: tính chất, đặc trưng, nội hàm, định hướng, tiêu chí và giải pháp xây dựng lối sống.

Về mặt thực tiễn, Đà Nẵng được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định

công nhận Đà Nẵng là đô thị loại 1 kể từ ngày 15/7/2003, và ngày 16/10/2003, Bộ Chính trị có Nghị quyết số 33-NQ/TW về *xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

Nghị quyết đã chỉ ra phương hướng và nhiệm vụ phát triển Đà Nẵng đến năm 2020: “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ...” [19].

Triển khai thực hiện chủ trương này, Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX (năm 2010) cũng đã xác định rõ: Phấn đấu đến năm 2020, Đà Nẵng trở thành thành phố có môi trường đô thị văn minh và giàu tính nhân văn, có thiên nhiên trong lành và đời sống văn hóa cao, làm giàu bằng kinh tế tri thức; một trong những thành phố hài hòa, thân thiện, an bình; một thành phố hấp dẫn và đáng sống. Trong bối cảnh đó, hơn 20 năm qua, cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương đã nỗ lực tạo ra môi trường sống có bối cảnh phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch. Dưới tác động của phát triển du lịch, lối sống đô thị Đà Nẵng đã biến đổi ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của cư dân địa phương (kể cả người vùng đô thị, vùng nông thôn, vùng ven biển, vùng núi) không chỉ là mối quan tâm của các nhà khoa học, nhà quản lý, mà trở thành vấn đề chung của toàn xã hội. Vậy lối sống của cư dân Đà Nẵng đã biến đổi như thế nào? Trong điều kiện phát triển du lịch, người dân địa phương đã thực hành lối sống truyền thống hay tiếp cận những biến đổi lối sống mới nhằm tạo ra diện mạo mới phù hợp với mục tiêu làm du lịch? Thực tiễn cần có những nghiên cứu để so sánh, nhận diện đặc trưng và dự báo xu hướng biến đổi, đưa ra các khuyến nghị góp phần vào việc xây dựng các chủ chương, chính sách có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình hình thành lối sống người Đà Nẵng văn minh, hiện đại, nhân văn gắn với phát triển du lịch bền vững.

Đã có các công trình nghiên cứu liên quan đến biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trước tác động của đô thị hóa, tác động nhập cư. Tuy nhiên, nghiên cứu về biến đổi của lối sống cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài *Biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch* làm đề tài luận án của mình với mong muốn các kết quả nghiên cứu sẽ làm sáng tỏ những vấn đề về lý luận và thực tiễn đặt ra.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là thông qua việc nhận diện sự biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch, luận án làm rõ những vấn đề đặt ra và đưa ra một số bàn luận và khuyến nghị khoa học góp phần xây dựng lối sống cư dân Đà Nẵng theo hướng văn minh, hiện đại, nhân văn, xây dựng thành phố đáng sống gắn với phát triển du lịch bền vững.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài liên quan đến lối sống, biến đổi lối sống, phát triển du lịch và biến đổi lối sống trong bối cảnh phát triển du lịch.

- Làm rõ cơ sở lý luận về biến đổi lối sống trong bối cảnh phát triển du lịch, giới thiệu các khái niệm công cụ, diễn giải lý thuyết vận dụng trong đề tài là các luận điểm của lý thuyết biến đổi văn hóa.

- Khảo sát, so sánh, nhận diện, đánh giá, dự báo sự biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch mạnh mẽ, cụ thể là trước và sau năm 2003 đến nay, thời điểm Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 2003 về *xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, trong đó xác

định đầu tư phát triển mạnh du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

- Bàn luận về những đặc trưng và xu hướng biến đổi của lối sống cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch, nhận diện những vấn đề đặt ra nhằm xây dựng lối sống cư dân đô thị Đà Nẵng theo hướng văn minh, hội nhập góp phần xây dựng thành phố đáng sống gắn với phát triển du lịch bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là “sự biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch”.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về phạm vi không gian*, trên nguyên tắc, không gian nghiên cứu được giới hạn trong khuôn khổ thành phố Đà Nẵng, đề tài giới hạn ở 7 quận, huyện, nơi có các hoạt động du lịch hiện hữu, sôi động (thành phố Đà Nẵng có 6 quận, 2 huyện Hòa Vang và Hoàng Sa, tuy nhiên nghiên cứu không thực hiện ở huyện Hoàng Sa vì không có hoạt động du lịch). Huyện Hòa Vang mặc dù là khu vực nông thôn nhưng hoạt động du lịch rất sôi động, có các khu du lịch nổi tiếng của Đà Nẵng như khu du lịch Bà Nà, Khu du lịch Suối khoáng nóng Thần Tài, Khu trượt thác Hòa Phú Thành và hàng chục khu du lịch sinh thái, trang trại khác.

- *Về phạm vi thời gian*, nghiên cứu sinh tập trung tìm hiểu bức tranh biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trước và sau khi có sự phát triển du lịch mạnh mẽ ở thành phố này lấy mốc từ năm 2003, khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 2003 về *xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

- *Về nội dung nghiên cứu*: Nghiên cứu biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong các thành tố liên quan đến đời sống sinh hoạt, biểu hiện trong

cung cách ăn (ẩm thực), mặc (thời trang), ở (nhà cửa), đi lại...; các thành tố liên quan đến đời sống kinh tế, thể hiện trong cung cách mưu sinh; các thành tố liên quan đến đời sống xã hội thể hiện trong văn hóa ứng xử qua các quan hệ xã hội; các thành tố liên quan đến đời sống tinh thần, thể hiện trong cách thức hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa...

- *Về khách thể khảo sát*, là cộng đồng cư dân Đà Nẵng được khảo sát đại diện theo phương pháp khảo sát trực tuyến một cách ngẫu nhiên với 900 cư dân Đà Nẵng từ 40 tuổi trở lên. Ở độ tuổi này, người được khảo sát mới có đủ trải nghiệm để phản ánh lối sống của bản thân và gia đình cũng như cộng đồng cư dân Đà Nẵng qua các giai đoạn mà luận án muốn khảo sát là trước và sau năm 2003. Người được khảo sát không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, thành phần xã hội, địa bàn sinh sống... khi họ tham gia có chủ đích hoặc ngẫu nhiên vào các hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, các điều tra xã hội học chỉ có thể mang tính đại diện, lựa chọn ngẫu nhiên theo xác suất giới hạn ở 7 quận, huyện nêu trên.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

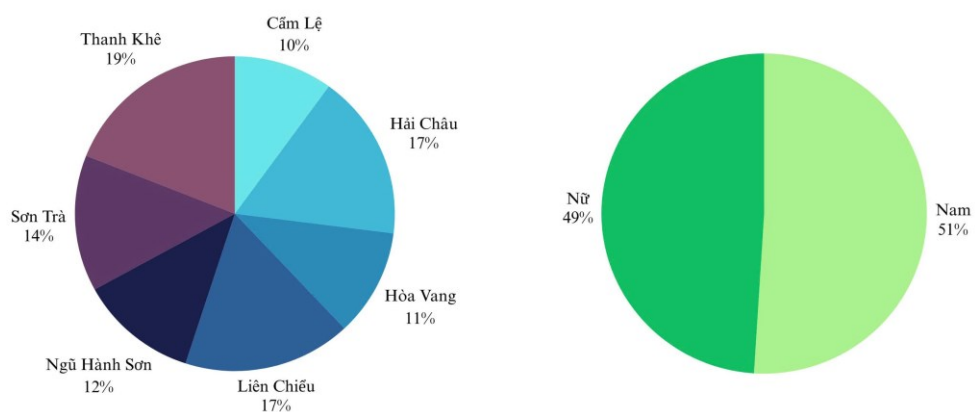
Đề tài chủ yếu sử dụng cách tiếp cận liên ngành của văn hóa học, nhân học văn hóa, xã hội học, du lịch học, ý kiến người trong cuộc để thực hiện đồng thời và có kết nối trong suốt quá trình thực hiện đề tài để thấy được lối sống có tính bền vững ngự trị trong đời sống, quan niệm sống cá nhân như thế nào.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp*: Luận án thu thập, kế thừa, tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu đi trước, các đề tài khoa học, luận văn, luận án, các báo cáo số liệu của các cơ quan Trung ương và địa phương liên quan đến lối sống, tình hình phát triển du lịch, sự biến đổi lối sống dưới tác động của hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trước và

sau mốc 2003 đến nay. Việc thực hành phương pháp khảo sát thông qua các thao tác xử lý, phân tích, xử lý dữ liệu, hệ thống hóa, miêu tả, nhận xét, đánh giá, bình luận để rút ra được các kết quả nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*: Thông qua việc tiến hành khảo sát định lượng đối tượng cư dân địa phương bao gồm những người trực tiếp và gián tiếp tham gia các hoạt động du lịch và những người không tham gia hoạt động du lịch. Với bảng hỏi có 26 câu hỏi được xây dựng trên 4 biến số chỉ báo của lối sống: về cung cách sinh hoạt, cung cách mưu sinh, cung cách ứng xử, cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa theo 2 giai đoạn: trước năm 2003 và sau năm 2003 - khi có sự phát triển mạnh mẽ của du lịch. Qua đó, nghiên cứu sinh tìm hiểu được các phương diện, biểu hiện, mức độ thay đổi của lối sống. Bằng phương pháp khảo sát trực tuyến trong khoảng thời gian khảo sát là 20 ngày, nghiên cứu sinh đã nhận được 1.215 phiếu trả lời ngẫu nhiên của cư dân thành phố Đà Nẵng. Sau khi lọc các phiếu không đảm bảo chất lượng và tiêu chí, còn lại 900 phiếu của người tham gia khảo sát ở độ tuổi trên 40 phục vụ việc thu thập dữ liệu của luận án. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng biểu đồ, bảng. Tỷ lệ người tham gia khảo sát như sau:



Biểu đồ 1. Tỷ lệ người tham gia khảo sát

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

- *Phương pháp so sánh*: Nghiên cứu sinh tiến hành so sánh, đối chiếu lối sống của cư dân thành phố Đà Nẵng giai đoạn trước và sau 2003 đến nay.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Để hỗ trợ cho nghiên cứu định lượng, nghiên cứu sinh cũng tiến hành phỏng vấn sâu đối với 25 đối tượng là người dân, du khách, chuyên gia, nhà quản lý, nhà nghiên cứu có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực văn hóa và du lịch để thu thập các ý kiến, đánh giá, nhận định mang tính khách quan, đa chiều và sâu sắc hơn.

- *Phương pháp quan sát tham dự*: Nghiên cứu sinh là cư dân Đà Nẵng nên thường xuyên hiện diện tại địa bàn nghiên cứu và chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động văn hóa, du lịch trên địa bàn thành phố. Nghiên cứu sinh có cơ hội thu thập được nhiều thông tin có giá trị cả về số lượng lẫn chất lượng thông qua nhiều cuộc trao đổi, trò chuyện với người dân, du khách, các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia trên lĩnh vực văn hóa, du lịch của thành phố qua các thời kỳ. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để kiểm chứng các nguồn tư liệu khác, góp phần cho việc nghiên cứu của luận án đảm bảo tính khoa học, khách quan.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Trên phương diện lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa, mở rộng và làm sâu sắc thêm những vấn đề lý luận về biến đổi lối sống, biến đổi lối sống dưới tác động của phát triển du lịch nói chung, biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch nói riêng, từ đó có những đóng góp nhất định vào sự phát triển của ngành Văn hóa học ở Việt Nam.

Việc nhận diện được một số đặc trưng văn hóa thông qua lối sống và xu hướng biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong thời gian tới là sự đóng góp thiết thực trên phương diện khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này.

5.2. Trên phương diện thực tiễn

Luận án góp phần cung cấp những tư liệu thực tiễn về lối sống của cư dân Đà Nẵng qua các thời kỳ trước năm 2003 và những biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch từ năm 2003 đến nay.

Trên cơ sở nhận diện những vấn đề đặt ra, luận án cung cấp những căn cứ thực tiễn nhằm xây dựng lối sống người dân Đà Nẵng văn minh, hiện đại, nhân văn, góp phần hiện thực hóa các chủ trương, đường lối, chính sách, mục tiêu phát triển của địa phương.

6. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu sinh đặt ra 3 câu hỏi nghiên cứu với các giả thuyết được trình bày như ở dưới đây. Thông qua quá trình thực hiện luận án, kết quả nghiên cứu cũng thể hiện được một số điểm mới và cơ bản phù hợp với giả thuyết đã đặt ra.

- *Câu hỏi nghiên cứu 1:* Lối sống của cư dân Đà Nẵng như thế nào trước khi có sự phát triển mạnh mẽ của du lịch? *Giả thuyết:* Lối sống của cư dân Đà Nẵng là lối sống thuần nông, làng xã cổ truyền kết hợp với lối sống ngư nghiệp của vùng ven biển

- *Câu hỏi nghiên cứu 2:* Lối sống của cư dân Đà Nẵng biến đổi ra sao khi có sự phát triển mạnh mẽ của du lịch? *Giả thuyết:* Phát triển du lịch tạo ra luồng di cư mới, đã làm cho lối sống của người Đà Nẵng biến đổi phong phú hơn, thúc đẩy sự giao thoa về văn hóa, lối sống, nhưng vẫn thể hiện sắc thái khoan dung của cư dân tại chỗ.

- *Câu hỏi nghiên cứu 3:* Để xây dựng lối sống người Đà Nẵng văn minh, hiện đại, nhân văn, góp phần xây dựng “thành phố đáng sống” trong bối cảnh phát triển du lịch đặt ra những vấn đề gì? *Giả thuyết:* Phát triển du lịch có thể tạo ra nguy cơ đối với sự bảo tồn một số nét văn hóa và môi trường trong lối sống của cư dân địa phương. Tuy nhiên, vấn đề này có thể được hạn

chế nếu thực hiện một số khuyến nghị phù hợp và đồng bộ.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu (8 trang), Kết luận (5 trang), Tài liệu tham khảo (17 trang) và Phụ lục (33 trang), cấu trúc của luận án gồm 04 chương:

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về địa bàn nghiên cứu (45 trang)
- Chương 2: Lối sống của cư dân Đà Nẵng trước khi đẩy mạnh phát triển du lịch (32 trang)
- Chương 3: Lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch (52 trang)
- Chương 4: Bàn luận về lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch và một số vấn đề đặt ra (32 trang)

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Những nghiên cứu về lối sống và biến đổi lối sống

1.1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Khái niệm về lối sống lần đầu tiên được nhà tâm lý học người Áo Alfred Adler (1870-1937) đưa ra khi bàn bạc về tâm lý cá nhân vào năm 1929. Trong lĩnh vực xã hội học, với công trình nghiên cứu *Economy and Society* (Kinh tế và xã hội), Max Weber đã khai sáng cho cách tiếp cận sự phân chia giai tầng trong xã hội phương Tây không chỉ ở địa vị kinh tế mà còn được quyết định bởi danh dự mà nó được tạo nên bởi lối sống. Tuy nhiên phải đến những năm 60 của thế kỷ XX - sau chiến tranh thế giới thứ 2 - thì “lối sống” mới được xem là một khái niệm khoa học, được đưa vào các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Mỹ ở các lĩnh vực ngoại ô hóa, giải trí và tuổi già, cách tổ chức cuộc sống của con người. Đến giai đoạn những năm 70 và 80 kế tiếp, khái niệm “lối sống” được sử dụng phổ biến trong những công trình nghiên cứu về thời gian nhàn rỗi và thị trường [3].

Một số nhà nghiên cứu khác đi sâu khảo sát lối sống dưới tác động của các lĩnh vực hoạt động cụ thể trong đời sống con người đến hệ giá trị, hành vi cá nhân, lối sống chung, khuôn mẫu ứng xử, tiêu chuẩn đạo đức của con người (Mathieson và Wall 1982; Fridgen 1996; Kim Kyungmi 2001) hay nghiên cứu tác động của những thay đổi văn hóa – xã hội ở Việt Nam đến lối sống con người (Malarney, 2002; O.Salemink, 2003; Endes, 2006; Philip Taylor, 2007)... Những nghiên cứu này giúp cho các học giả, các nhà quản lý văn hóa, các nhà hoạch định chính sách cũng như các cộng đồng có được những hiểu biết và nhìn nhận đầy đủ hơn về tác động của các hoạt động văn

hóa, kinh tế, xã hội, tâm linh đối với lối sống của người dân Việt Nam trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa ngày càng gia tăng hiện nay.

Trong lĩnh vực nghiên cứu thị trường, lối sống được quan tâm để có được những phân khúc thị trường tốt hơn mà không cần dựa trên đặc điểm nghề nghiệp và phân tầng về kinh tế, xã hội (Wells, 1974) [3].

Về lối sống xã hội chủ nghĩa, kể từ khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, các nước phương Tây không còn đi vào nghiên cứu “lối sống xã hội chủ nghĩa”. Tuy nhiên, có thể kể đến tác phẩm tiêu biểu về lối sống xã hội chủ nghĩa như *Bàn về vấn đề khái niệm sống* của Belova (1977), *Lối sống xã hội chủ nghĩa và sự phát triển về mặt tinh thần của con người* của Dasepin (1977), *Lối sống Xô Viết hôm nay và ngày mai* của Visnhicovski và Dobrynina (1981), *Lối sống xã hội chủ nghĩa* của nhiều tác giả (1982)...

1.1.1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Từ những năm 80 của thế kỷ trước ở Việt Nam đã xuất hiện công trình nghiên cứu đầu tiên có tính lý luận về lối sống Trần Văn Giàu (1980), Vũ Khiêu (1983), Phong Châu (1983), Trần Độ (1984), Trần Độ (1984), Mai Huy Bích (1987), Phan Kế Bính (1915), Trần Trọng Kim (1991). Bên cạnh đó là các công trình đi sâu khảo sát phương pháp luận nghiên cứu lối sống, các biểu hiện của lối sống hoặc bàn luận về lối sống mới xã hội chủ nghĩa, cách thức đấu tranh chống lối sống tư bản chủ nghĩa (Thanh Lê 1979; Phạm Văn Bích 1983; Đỗ Thái Đồng 1983; Nguyễn Quang Vinh 1984)...

Bước sang những năm 90 của thế kỷ XX, khi công cuộc Đổi mới ở Việt Nam bắt đầu được khởi động đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu với những cách tiếp cận mới về lối sống, nhất là nghiên cứu lối sống của thế hệ trẻ. Trong công trình *Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam* (1993), các tác giả Đỗ Huy, Chu Khắc Thuật, Vũ Khắc Liên, Trường Lưu, Lê Quang

Thêm đã từ bình diện nhân cách và các nhân tố văn hóa trong lối sống nêu lên điểm gặp gỡ chung giữa lối sống và văn hóa, sự chi phối của những chuẩn mực giá trị xã hội, điều kiện sống, môi trường văn hóa đối với lối sống... Bên cạnh đó là một số công trình nghiên cứu đi sâu phân tích những vấn đề bản chất, cấu trúc, chức năng của lối sống, các nhân tố tác động đến lối sống và việc xây dựng lối sống trong các nhóm xã hội [29], [76], [74], [77], cụ thể như *Ảnh hưởng của môi trường ký túc xá sinh viên với lối sống sinh viên nội trú* của Trần Thị Minh Đức (1995); *Vấn đề lối sống và giáo dục lối sống cho sinh viên* của Mạc Văn Trang (1995); *Xây dựng lối sống cho thanh niên đô thị hiện nay* của Cao Văn Định (2000)...

Bước sang thế kỷ XXI, trong khoảng 10 năm trở lại đây, ảnh hưởng của các nhân tố mới của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế tác động mạnh mẽ đến lối sống người dân Việt Nam, cả mặt tích cực lẫn tiêu cực, đã được rất nhiều tác giả đề cập đến (Lê Như Hoa 1983, Nguyễn Việt Hương 2000; Nguyễn Chí Dũng 2000, Nguyễn Viết Chức 2001, Huỳnh Khải Vinh 2001; Nguyễn Văn Huyền 2003; Nguyễn Thị Thanh Huyền 2007; Nguyễn Văn Dân 2008). Những thay đổi mạnh mẽ của bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội, các vấn đề của lối sống và sự tác động đến lối sống được đề cập đến đa dạng hơn cả về nội dung lẫn phương pháp tiếp cận. Một số tác giả tập trung vào vấn đề khái niệm (Thanh Lê 2000, Lê Như Hoa 2003, Nguyễn Hồng Hà 2005, Võ Văn Thắng 2006; Phạm Hồng Tung 2007; Nguyễn Ngọc Hà 2011). Một số khác lại nhấn mạnh đến yếu tố tâm lý và văn hóa dân tộc trong lối sống của người dân Việt Nam trong tương quan với các điều kiện địa lý, kinh tế, chính trị (Đỗ Huy 2008), đồng thời cũng đề cao việc phát huy những giá trị tốt đẹp của đạo đức, lối sống truyền thống (Lê Như Hoa 2003, Ngô Đức Thịnh 1999 và 2010). Công trình của Lê Như Hoa (1996) *Lối sống đô thị miền Trung - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* gợi mở nhiều vấn đề về

lý luận và thực tiễn về biến đổi lối sống đô thị miền Trung, trong đó có Đà Nẵng.

Biến đổi lối sống cũng được khảo sát một cách trực tiếp hoặc gián tiếp trong nhiều Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước như Chương trình KX.06-13: *Văn hóa lối sống và môi trường* (1993-1994); đề tài KHXXH-04: *Phát triển văn hóa, xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (1996-2000); đề tài KX-07: *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường* (Chủ nhiệm: Nguyễn Đình Đức, Thái Duy Tuyên, 1994); đề tài KHXXH-04.03: *Xây dựng lối sống, đạo đức và chuẩn mực giá trị xã hội mới trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* (Chủ nhiệm: Nguyễn Duy Quý, 2006); đề tài KX.05-07: *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI-R cải biên* (Chủ nhiệm: Phạm Minh Hạc); đề tài KX.03.16: *Thực trạng và xu hướng biến đổi lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế* (Chủ nhiệm: Phạm Hồng Tung, 2011)...

Các nghiên cứu trên đều đi sâu khảo sát, phân tích đặc điểm, tính chất, nội dung của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang làm thay đổi mạnh mẽ điều kiện sống, mức sống của người dân, từ đó dẫn tới những biến đổi mạnh mẽ trong cung cách sống, lối sống của các cá nhân. Con người bị cuốn hút vào công việc, vào các hoạt động xã hội, chính sách mở cửa, hội nhập làm ảnh hưởng đáng kể đến các quan hệ gia đình, hình thành nên những lối sống rất khác biệt giữa các nhóm xã hội vừa ảnh hưởng tích cực, vừa ảnh hưởng tiêu cực.

Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ năm 2012 - 2013, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện về *Tác động của một số hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đối với lối sống con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. Đây có thể xem

là một sự nghiên cứu tổng thể, hệ thống và mang tính liên ngành, đồng thời cũng có tính chuyên sâu về sự tác động của các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đối với lối sống của con người Việt Nam hiện nay. Từ nhiều góc độ khác nhau, các công trình đã đi vào nhận diện những tác động tích cực và tác động tiêu cực không mong muốn cùng việc lý giải cơ chế tác động và nguyên nhân của sự tác động đa chiều này. Chương trình đã được xuất bản thành ấn phẩm *Hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch và lối sống của con người Việt Nam hiện nay*, Hoàng Tuấn Anh - Nguyễn Chí Bền (chủ biên), Nxb Văn hóa Dân tộc, 2016.

Công trình *Các loại hình giải trí trên phương tiện truyền thông mới tác động đến lối sống* của Từ Thị Loan (Nxb Văn hóa Dân tộc, 2017) qua việc khảo sát thực trạng sử dụng các hình thức giải trí trên mạng bằng phương thức nghe nhìn (âm nhạc, phim ảnh, nghệ thuật trình diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, thời trang...), phương thức đọc (văn học mạng), phương thức chia sẻ thông tin (giao tiếp trên các trang mạng xã hội), phương thức trò chơi (game online) đã làm rõ những tác động đa chiều của chúng đến người dùng mạng cũng như thực trạng công tác quản lý Internet ở Việt Nam. Công trình cũng là cách tiếp cận nghiên cứu tác động của internet đến cung cách hưởng thụ văn hóa của người Việt.

1.1.2. Những nghiên cứu về tác động kinh tế của phát triển du lịch đến lối sống

Có nhiều nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu lý thuyết hay nghiên cứu trường hợp đã đề cập rất chi tiết đến tác động đến kinh tế của phát triển du lịch như Du lịch và Giảm đói nghèo (Tourism and Poverty Relief của Blake) của Adam(2008), Tác động của du lịch đối với chất lượng cuộc sống người dân cộng đồng (*The effects of tourism upon quality of life of residents in the communities*) của Kim. K (2002), Mathieson và Wall (1982), *Du lịch: Các tác động xã hội, thể chất và kinh tế* (*Tourism: Economic, Physical and Social*

Impacts), Nghiên cứu trường hợp - Tác động kinh tế của hệ thống du lịch di sản (*Case study - Economic Impacts of a Heritage Tourism System*) của Strauss & Lord (2001), Du lịch như là một chiến lược sinh sống bền vững (*Tourism as a Sustainable livelihood Strategy*) của Tao & Wall (2009)... Hầu hết các nghiên cứu này đều khẳng định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, một ngành công nghiệp không khói tạo ra nguồn lợi khổng lồ cho các điểm đến du lịch và kể cả nơi du khách xuất phát. Đối với những nước đang phát triển với mong muốn có sự tăng trưởng đáng kể về kinh tế thì phát triển du lịch chính là cú hích. Tuy nhiên bên cạnh tác động tích cực thì nó cũng để lại những tác động tiêu cực bao gồm trực tiếp và gián tiếp mà các nhà nghiên cứu đều sớm quan tâm đến vấn đề này. Tác động của du lịch (*The Impacts of Tourism*) của Glenn Kreag (2001) là một trong những nghiên cứu điển hình đề cập đến cả tác động tích cực và tiêu cực của du lịch.

Tác phẩm *Kinh tế du lịch* của Langquar, Robert (2002) nghiên cứu về tác động của du lịch tập trung vào các lĩnh vực môi trường và kinh tế, do quan điểm về “phát triển” của thế giới thay đổi theo xu hướng Phát triển bền vững kể từ Chương trình 21 (Agenda 21) của Liên Hiệp Quốc (1992). Khi du lịch nổi lên thành một trong những ngành kinh tế tổng hợp tạo ra thu nhập và các giá trị khác cho xã hội, nhiều quốc gia trên thế giới tập trung vào nghiên cứu ở lĩnh vực này. Nghiên cứu của nhóm tác giả Chris N.French, Alan Collier, Stephen J. Craig-Smith trong *Principles of Tourism* (1995) (*Nguyên tắc du lịch*) đã phân tích bối cảnh phát triển du lịch trên thế giới và cung cấp tổng quan về cấu trúc ngành du lịch.

Có thể nhận định các hướng tiếp cận cũng như lý thuyết áp dụng để nghiên cứu tác động kinh tế của du lịch không chỉ nhận được sự quan tâm của các học giả mà cả những nhà quản lý và nhà hoạch định chính sách. Bởi lý do chính mà các nghiên cứu nhận định là tác động kinh tế là nguồn gốc dẫn đến

các tác động khác, từ đó dẫn đến những biến đổi về nhận thức và hành vi của người dân vùng du lịch.

1.1.3. Những nghiên cứu về tác động xã hội của phát triển du lịch đến lối sống

Những tác động mang tính xã hội và văn hóa của du lịch được quan tâm nhiều hơn trong các nghiên cứu gần đây nhằm đánh giá các tác động xã hội, xây dựng các tiêu chí đánh giá tác động, dự báo xu hướng... Các nghiên cứu đều đề cập đến tác động của du lịch đến đời sống xã hội, văn hóa của cộng đồng cư dân địa phương là rất lớn. Từ những năm 1982, Mathieson và Wall, trong cuốn sách *Du lịch: Các tác động xã hội, thể chất và kinh tế* (*Tourism: Economic, Physical and Social Impacts*, Nxb Longman, Harlow) đã nhận định rằng “Các tác động văn hóa và xã hội của du lịch là ở chỗ du lịch đang góp phần đưa đến nhiều thay đổi về hệ giá trị, hành vi cá nhân, mối quan hệ gia đình, lối sống chung, mức độ an toàn, tiêu chuẩn đạo đức, thể hiện sáng tạo, nghi lễ truyền thống và thiết chế cộng đồng” [157]. Tương tự, học giả J.D.Fridgen (*Dimensions of Tourism*, 1996) (*Các chiều kích của du lịch*) khi cho rằng tác động xã hội và văn hóa của các hoạt động hay sự phát triển du lịch lên đời sống xã hội người dân địa phương bao gồm cá nhân, gia đình, thành viên của các thiết chế xã hội, lên các mặt nghệ thuật, thủ công, phong tục, nghi lễ, kiến trúc, và đặc biệt là sự cố kết cộng đồng hay bản sắc văn hóa cộng đồng và đặc biệt là khuôn mẫu ứng xử trong cộng đồng.

Bên cạnh các nghiên cứu tranh luận về các phương diện tác động hay loại hình tác động của du lịch lên người dân vùng có hoạt động du lịch, có nhiều nghiên cứu của các học giả khác lại đi thẳng vào việc xác định, làm rõ và đánh giá mức độ tác động của du lịch trên cơ sở nhận thức hay thừa nhận rộng rãi thực tế về tác động to lớn của du lịch lên mọi lĩnh vực đời sống của con người. Kim Kyungmi trong một nghiên cứu sâu của mình về tác động của du lịch lên chất

lượng sống cộng đồng địa phương [153] vùng du lịch đã xác định rõ được các tác động của du lịch lên mọi mặt đời sống gồm kinh tế, môi trường, văn hóa, xã hội của người dân, trong đó, nhận định của tác giả về các tác động xã hội và văn hóa cho thấy rõ tác động to lớn của ngành công nghiệp này lên sự đổi thay của lối sống người dân vùng du lịch. Trong nghiên cứu của mình, Kim Kyungmi tổng hợp được các tác động xã hội, văn hóa của du lịch từ các nghiên cứu tương tự khác để phục vụ cho quan điểm nghiên cứu của mình *The Effects of Tourism Impacts upon Quality of Life of Residents in the Community (Tác động của du lịch đến chất lượng cuộc sống của cư dân trong cộng đồng)* (LATS, Đại học bang Virginia, Mỹ, 2002), cho thấy:

Tác động xã hội tích cực: Tạo hình ảnh đẹp về đất nước; Cung cấp cơ sở hạ tầng mang tính giải trí cho người dân và du khách; Thúc đẩy quá trình hiện đại hóa; Cung cấp các cơ hội giáo dục.

Tác động xã hội tiêu cực: Tạo ra những trách móc, phản đối trong xã hội liên quan đến bất bình đẳng về thu nhập; quá tải dân cư, tắc nghẽn, đông đúc về giao thông; Suy thoái đạo đức như tỉ lệ tội phạm, ma túy, rượu bia tăng; Xung đột giá trị và xung đột trong xã hội truyền thống.

Tác động văn hóa tích cực: Tăng cường lòng tự hào của người dân về những sáng tạo văn hóa, thủ công, nghệ thuật của địa phương; Bảo tồn di sản văn hóa.

Tác động văn hóa tiêu cực: Mang đến sự bất chước của người dân ở những nơi có du khách đến và nhiều phong tục văn hóa bị bỏ đi; khuyến khích tình trạng trì trệ trong nghề thủ công.

Ngoài ra, có một số nhà nghiên cứu khác cũng có mối quan tâm học thuật tương tự dành cho chủ đề này như A.J.Haley, Tim Snaith, Graham Miller (*The Social Impacts of Tourism, A case study of Bath - Tác động xã hội của du lịch, một nghiên cứu điển hình về Bath*, Annals of Tourism Research, 32 (3), trang

647 - 668, 2005); Fariborz Aref và Ma'rof Redzuan "Community Leaders' Perceptions towards Socio-Cultural Impacts of Tourism on Local Communities" (Nhận thức của lãnh đạo cộng đồng đối với tác động văn hóa, xã hội đối với cộng đồng cư dân địa phương), *Journal of Human Ecology* 29 (2), trang 87-91, 2010); Theano S. Terkenli, Marcia L và Bellas, Laura Dudley Jenkins "Tourism Impacts on Local Life: Socio-Cultural Continuity and Change in Crete" Tác động của du lịch đến đời sống địa phương: Sự liên tục và thay đổi về văn hóa xã hội ở Crete, *Aegean Geographical Journal*, 16, trang 37-52, 2007); Liz Fredline, Margaret Deery và Leo Jago (*Development of a scale to assess the social impact of tourism within communities - Xây dựng thang đo đánh giá tác động xã hội của du lịch trong cộng đồng*, 2006), v.v... Các nghiên cứu này đã giúp những người quan tâm gồm có học giả, các nhà quản lý, hoạch định chính sách, đơn vị kinh doanh dịch vụ và cả cộng đồng có được hiểu biết và nhìn nhận đầy đủ hơn về đóng góp cũng như hạn chế mà du lịch mang đến cho con người trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa hiện nay ở nhiều địa phương, nhiều quốc gia. Tuy nhiên, nhìn chung, phần lớn các nghiên cứu đề cập đến trong phần tổng quan này của các học giả quốc tế thường tập trung vào các khía cạnh xác định, đánh giá tác động xã hội, văn hóa của du lịch lên cộng đồng địa phương có sự phát triển du lịch với cái nhìn chủ yếu là một chiều về sự thụ động và chịu tác động đơn tuyến của cộng đồng trước du khách nói riêng và các hoạt động du lịch nói chung. Bên cạnh đó, các nghiên cứu này là kết quả của những nghiên cứu dựa trên các trường hợp hay bối cảnh nghiên cứu cụ thể, vì thế, có sự đa dạng, khác nhau hay đôi khi xung đột trong quan niệm của chính các học giả về cũng một vấn đề là tác động của du lịch lên đời sống người dân. Cũng nhờ vậy mà cung cấp cho chúng ta những cứ liệu khoa học phong phú và đa chiều hơn về vấn đề nghiên cứu này.

Tại Việt Nam, chủ đề nghiên cứu về tác động của du lịch lên đời sống

kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường sống của người dân cũng đã được nhiều người quan tâm và đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu hoặc bài viết học thuật.

Nghiên cứu của Phạm Trung Lương *Đánh giá hiệu quả xã hội của hoạt động du lịch, lấy ví dụ tại Trung tâm du lịch thành phố Hạ Long* (Đề tài cấp bộ, Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch, 1998) nhằm mục đích đánh giá được hiệu quả của du lịch ở những tiêu chí như thay đổi cơ cấu và đóng góp của du lịch trong nền kinh tế thành phố Hạ Long, công ăn việc làm, mức thu nhập của người dân, nhận thức xã hội và cơ sở hạ tầng thành phố.

Trong nghiên cứu *Phát triển du lịch và quản lý bền vững di sản văn hóa ở phố cổ Hội An* (*Tourism development and the sustainable management of cultural heritages - Case study in Hoi An Ancient Town in Vietnam*) (Luận văn Thạc sĩ, Học viện Chính sách công và Quản lý KDL, Hàn Quốc, 2008), Nguyễn Thị Thu Hà tập trung làm rõ các tác động và tiêu cực của hoạt động du lịch lên cộng đồng địa phương và hoạt động quản lý di sản ở Hội An. Các tác động này cũng được tác giả nhìn nhận khá đa dạng trên nhiều khía cạnh kinh tế, xã hội và văn hóa mà du lịch mang đến Hội An.

Một nghiên cứu khác tương tự là bài viết “Tác động của du lịch đối với các “Giao” (Làng) của người H’Mông ở Sa Pa” của tác giả Trần Hữu Sơn về tác động của du lịch đối với các làng của người H’ Mông ở Sa Pa, trong đó trình bày về những thay đổi tiêu cực và tích cực về kinh tế, nếp sống, văn hóa của người H Mông ở Sa Pa khi du lịch diễn ra và phát triển ở đây.

Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam cũng có 2 LATs *Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An* của Nguyễn Thị Thu Hà (2016) và *Phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch ở Quảng Ninh* (2020) của Ngô Quang Duy nghiên cứu, đánh giá về vai trò của di sản

đối với phát triển du lịch của 2 địa phương Quảng Nam và Quảng Ninh, đồng thời khuyến nghị các giải pháp để phát huy tốt hơn vai trò của di sản trong phát triển du lịch.

Tại Đà Nẵng, các công trình nghiên cứu liên quan đến du lịch chủ yếu tập trung vào việc tìm ra các chính sách để phát triển du lịch trên địa bàn thành phố. Du lịch trong bối cảnh này được xem là ngành kinh tế có tiềm năng to lớn nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ tác động đến môi trường. Do đó, các đề tài nghiên cứu đi sâu phân tích, đánh giá và đưa ra các chính sách làm thế nào để phát triển du lịch bền vững tại Đà Nẵng. Đó là đề tài *Thực tiễn chính sách phát triển du lịch biển từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng* của Ngô Phú Mười (2018) đề cập đến sự phát triển toàn diện của ngành du lịch đã giúp kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua. Bên cạnh đó, vấn đề ô nhiễm môi trường do sự thiếu ý thức của người dân và du khách và của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch.

Đề tài khoa học cấp thành phố *Phát triển ngành du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng* của tác giả Hồ Kỳ Minh (2011), Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế Xã hội thành phố Đà Nẵng đã tập trung nghiên cứu đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch nói chung hay du lịch biển Đà Nẵng nói riêng trong những năm trước đó. Trên cơ sở phân tích các số liệu về nguồn khách du lịch Đà Nẵng, đề tài đã dự báo nguồn khách du lịch đến Đà Nẵng đến năm 2020 trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế, đưa ra các kiến nghị, đề xuất, kiến nghị để phát triển du lịch địa phương đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Lê Đình Hiếu (2018), Viện Khoa học xã hội đã có Luận văn thạc sĩ Luật học *Quản lý Nhà nước về du lịch biển từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng* đã đề cập đến vai trò và trách nhiệm của quản lý Nhà nước trong lĩnh vực du

lich biển, một thế mạnh du lịch của Đà Nẵng; Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý Nhà nước về du lịch biển như điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, yếu tố kinh tế xã hội, chủ trương đường lối. Từ đó đề ra các giải pháp tăng cường quản lý Nhà nước đối với du lịch biển, trong đó đề cập đến giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng bảo vệ, bảo tồn và phát huy các giá trị du lịch biển; tổ chức thực hiện các quy phạm pháp luật liên quan bảo vệ tài nguyên biển...

Luận văn thạc sĩ Chính sách công của Lê Đức Thương (2015), Viện Khoa học xã hội về *Thực tiễn chính sách phát triển du lịch bền vững từ thực tiễn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng* đề cập đến huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được thiên nhiên ban tặng nhiều tiềm năng để phát triển du lịch: có núi, có sông, có rừng, có những phong cảnh đẹp nổi tiếng như Bà Nà, Hòa Phú Thành, Ngâm đôi, Suối Hoa, Đồng Xanh - Đồng nghệ, tắm khoáng nóng Phước Nhơn... Từ nghiên cứu, phân tích thực trạng phát triển du lịch tại Hòa Vang, luận văn đã đưa ra một số chính sách khuyến nghị để phát triển du lịch bền vững, bao gồm đề xuất các loại hình du lịch cần quan tâm phát triển như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch công vụ, du lịch sinh thái; Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển lữ hành, hạ tầng dịch vụ, xúc tiến du lịch, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên...

Nguyễn Thị Vân Anh (2018), Học Viện Khoa học xã hội đã có Luận văn thạc sĩ Chính sách công *Thực hiện chính sách phát triển du lịch bền vững từ thực tiễn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng*. Luận văn đề cập đến điểm mạnh của du lịch Lễ hội truyền thống ở quận Ngũ Hành Sơn như Lễ hội Quán Thế Âm, Lễ hội Vu lan báo hiếu, Lễ hội Thạch nghệ Tổ sư. Từ đánh giá thực trạng, tác giả đã đề xuất các giải pháp để phát triển du lịch văn hóa tâm linh. Bên cạnh các biện pháp về quản lý nhà nước, còn có biện pháp nâng cao nhận thức cho người dân và tạo dựng môi trường văn minh và thân thiện với

khách du lịch.

Gần với lĩnh vực nghiên cứu về du lịch, nghiên cứu sinh có Đề án nghiên cứu cấp thành phố (2019) về *Tuyên truyền góp phần phát triển du lịch và xây dựng thương hiệu thành phố đến năm 2025, tầm nhìn 2030*. Công tác truyền thông du lịch đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển của du lịch Đà Nẵng và nâng cao nhận thức của người dân về vai trò và tầm quan trọng của du lịch. Qua đó, thương hiệu, hình ảnh của thành phố được bạn bè, du khách, nhà đầu tư biết đến ngày càng nhiều. Đó là thương hiệu “Đà Nẵng trở thành điểm đáng đến và đáng sống”. Cùng với đó, công tác xúc tiến du lịch, những chiến dịch truyền thông phát triển du lịch, quảng bá đưa hình ảnh đất nước trở nên lung linh, huyền ảo, độc đáo và hấp dẫn du khách. Đề án đánh giá vai trò của công tác truyền thông tạo ra môi trường du lịch bền vững: Bảo vệ tài nguyên, di sản, xây dựng văn hóa, văn minh đô thị, nâng cao chất lượng dịch vụ...; Xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, bám sát theo loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch sự kiện và lễ hội.

Ngoài ra trong nhiều bài viết, nhiều người cũng có đề cập đến tác động của du lịch lên lối sống của người Việt, tuy nhiên, chỉ dừng ở mức thông tin tham khảo, chưa có nghiên cứu khoa học có hệ thống để đánh giá được mối quan hệ giữa hai yếu tố này ở nước ta. Hầu hết các nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay về vấn đề này chưa thực sự khai thác chuyên sâu về tác động của du lịch lên lối sống của người dân Việt Nam trong bối cảnh xã hội Việt Nam đang tham gia mạnh mẽ vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa như hiện nay cũng như hoàn toàn không đề cập đến các tác động này lên đối tượng cung cấp dịch vụ du lịch. Vì thế, hướng nghiên cứu về tác động của du lịch lên lối sống của cư dân cung cấp dịch vụ du lịch ở Việt Nam là một hướng nghiên cứu còn bỏ ngỏ.

1.1.4. Những nghiên cứu liên quan đến lối sống của cư dân Đà Nẵng

trong bối cảnh phát triển du lịch

Luận án tiến sĩ của Lê Thị Thu Hiền, *Biến đổi tín ngưỡng của cư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa* (2017), Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam đã so sánh sự thay đổi đặc trưng tín ngưỡng cư dân ven biển Đà Nẵng truyền thống và hiện nay và nhận diện các yếu tố tác động thay đổi cũng như đưa ra xu hướng biến đổi tín ngưỡng trong tương lai.

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng phối hợp với Viện Xã hội học và Viện Tâm lý học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam có đề tài *Biến đổi tâm lý - xã hội của cộng đồng dân cư Đà Nẵng dưới tác động của quá trình đô thị hóa* (2007) và Phạm Hảo (2006) có đề tài *Xây dựng lối sống đô thị trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng thực trạng và những giải pháp* đã đề cập đến việc xây dựng lối sống đô thị trong đó có đề cập đến định hướng phát triển của Đà Nẵng là một thành phố du lịch và dịch vụ. Lối sống người dân thành phố Đà Nẵng sẽ chịu tác động lớn của quá trình phát triển đô thị bao gồm việc hình thành các khu công nghiệp, các khu du lịch, các trung tâm thương mại, dịch vụ, các trường đại học, các bệnh viện, các khu chung cư cao tầng... Quá trình đô thị hóa ở Đà Nẵng sẽ diễn ra nhanh hơn các địa phương khác ở khu vực miền Trung bởi vị trí tâm điểm của khu vực, hạ tầng giao thông thuận lợi và con người năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

Viện nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng cũng có Đề tài Tác động của nhập cư đến văn hóa và lối sống của cư dân Đà Nẵng do Bùi Văn Tiếng (2017) chủ biên, nghiên cứu về quá trình nhập cư trong nước và quốc tế tại Đà Nẵng, nhận diện những tác động tích cực, tiêu cực và đưa ra các giải pháp giúp điều tiết, quản lý nhập cư hiệu quả, góp phần bảo vệ văn hóa và lối sống cư dân Đà Nẵng.

Nhóm tác giả Bùi Xuân, Nguyễn Thu Phương cũng có công trình

nghiên cứu khoa học cấp thành phố (2017-2018) về *Lối sống Đà Nẵng*. Công trình ghi nhận biến đổi lối sống của các các tầng lớp cư dân điển hình tại thành phố Đà Nẵng. Công trình đã nghiên cứu về thực trạng lối sống của các tầng lớp cư dân điển hình trên địa bàn thành phố, bao gồm lối sống người hoạt động khoa học và văn nghệ sĩ Đà Nẵng, lối sống cán bộ, công chức, viên chức, lối sống sinh viên, thanh thiếu niên, lối sống doanh nhân, lối sống của người làm nghề tự do, tầng lớp lao động. Từ đó đưa ra các giải pháp và các chuẩn mực để xây dựng lối sống văn minh, hiện đại trong từng tầng lớp cư dân điển hình.

Để xây dựng đô thị Đà Nẵng có lối sống văn minh, hiện đại, nhân văn và có bản sắc riêng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng cũng đã có hội thảo khoa học với 18 chuyên đề tham luận phân tích, nhận định, đánh giá, tổng kết, đúc rút, dự báo xu hướng lối sống cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Các chuyên đề cũng nêu ra nhiều giải pháp và hiến kế của các trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà quản lý nhằm tạo dựng bản sắc riêng cho lối sống Đà Nẵng.

Riêng nghiên cứu sinh cũng đã tham mưu Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng ban hành Sổ tay *Người Đà Nẵng thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh đô thị* trong đó đúc kết từ văn hóa truyền thống và yêu cầu thực tiễn đặt ra để xây dựng thành phố đáng sống thì trước hết phải xây dựng văn hóa con người Đà Nẵng, thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật, tôn trọng các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, của xứ Quảng, hiền hòa, hiếu khách, văn minh, lịch sự. Đó chính là hệ thống chuẩn mực giá trị của người Đà Nẵng từ văn hóa trong gia đình, văn hóa nơi công cộng, văn hóa trong trường học, văn hóa trong bệnh viện, văn hóa trong công sở đến văn hóa doanh nghiệp, văn minh thương mại, văn hóa du lịch.....

Tất cả những công trình nghiên cứu nêu trên là nguồn tài liệu tham

khảo quan trọng đối với đề tài của nghiên cứu sinh.

1.1.5. Nhận xét, đánh giá về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu nước ngoài và trong nước đều có giá trị tham khảo đáng quý cho hướng đi của đề tài. Từ những công trình nghiên cứu nước ngoài có thể thấy rõ nội hàm của khái niệm lối sống, một số yếu tố tác động đến lối sống như mức sống, không gian sống, quy mô dân số, nghề nghiệp... Những công trình ghi chép, nghiên cứu trong nước cho thấy rõ lối sống người Việt Nam từ buổi đầu dựng nước đến thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với những biểu hiện đậm nét của lối sống xã hội chủ nghĩa, cho đến những biến đổi lối sống người Việt nói chung, người miền Trung nói riêng qua các thời kỳ, đặc biệt là trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đây là những tài liệu để đề tài tham khảo nghiên cứu lối sống theo một hướng khác. Đó là nghiên cứu lối sống theo các thành phần nghề nghiệp, có sự so sánh lối sống giữa các vùng thành thị, nông thôn, ven biển.

Đối với những công trình nghiên cứu về du lịch ở nước ngoài và trong nước, đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng, chủ yếu tập trung vào chính sách để phát triển du lịch bền vững. Những công trình này có ý nghĩa gợi ý cho việc phân tích thực trạng hoạt động du lịch tại Đà Nẵng, trong đó có vai trò quan trọng của người dân tham gia vào hoạt động du lịch.

Những công trình nghiên cứu về lối sống trước đây được nhìn trong bối cảnh tạo dựng lối sống để phát triển văn hóa. Riêng ý tưởng nghiên cứu biến đổi lối sống để phục vụ phát triển vừa văn hóa vừa kinh tế (cụ thể trong bối cảnh phát triển du lịch) thì chưa có công trình nào. Đối với thành phố Đà Nẵng, những người ban hành chủ trương, làm chính sách hết sức quan tâm và cần có những tham vấn đánh giá xu hướng biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng, vai trò, tác động của kinh tế mũi nhọn đến lối sống và hình thành lối

sống tiến bộ để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, phục vụ nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cư dân địa phương.

Do vậy, những khoảng trống mà nghiên cứu sinh cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ là:

Thứ nhất, hệ thống hóa và phát triển thêm những vấn đề lý luận liên quan đến biến đổi lối sống trong bối cảnh phát triển du lịch tại các đô thị lớn, cụ thể ở đây là trường hợp thành phố Đà Nẵng, ở đó du lịch đang phát triển mạnh mẽ và năng động.

Thứ hai, nhận diện thực trạng biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch tại địa phương.

Thứ ba, chỉ ra những đặc trưng văn hóa thông qua lối sống, những xu hướng tích cực cũng như tiêu cực của biến đổi lối sống trong quá trình phát triển nóng du lịch, làm rõ những vấn đề đặt ra cũng như đưa ra một số khuyến nghị khoa học nhằm xây dựng lối sống con người Đà Nẵng phù hợp, tương xứng với một “thành phố đáng sống”.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm

- Lối sống

Cho đến nay, trong các nghiên cứu và các ấn phẩm đã được xuất bản có nhiều cách diễn đạt khác nhau về lối sống. Trước khi nói đến lối sống Đà Nẵng, chúng ta cần xác định rõ khái niệm lối sống theo quan niệm duy vật.

C. Mác, Ph. Ăng ghen và V.I. Lê nin, đã từng luận bàn đến lối sống cùng với những khái niệm như nếp sống, phương thức sống, nếp sinh hoạt... Trong đó, khái niệm lối sống gắn liền với phương thức sản xuất của cải vật chất. Cụ thể, trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, C. Mác và Ph. Ăng ghen đã nhận xét một cách sâu sắc rằng, phương thức sản xuất không chỉ là “sự tái sản xuất ra sự tồn tại của chính con người” mà “trên một trình độ lớn hơn nó là

một phương thức hoạt động nhất định của những cá nhân đó, một phương thức nhất định biểu hiện đời sống của họ, một phương thức sinh sống nhất định” [3] của họ. Như vậy, khái niệm phương thức sinh sống mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác nêu ra và đã được diễn đạt theo ngôn từ thời đấy chính là khái niệm mà thời nay được gọi là là ***lối sống***. Như vậy, lối sống không phải là ý thức, là tư tưởng, là suy nghĩ của một người hay xã hội người mà chính là những biểu đạt hành vi và hoạt động của họ trong cuộc sống dưới tác động trực tiếp của phương thức sản xuất và các điều kiện sinh hoạt khác từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội... [3].

Lối sống của con người chịu sự quy định mạnh mẽ của các điều kiện sống bao quanh họ, mà trước hết là các điều kiện sinh hoạt vật chất, trong đó nhân tố tác động mạnh mẽ nhất đến lối sống của con người chính là hoạt động lao động sản xuất và các điều kiện để thực hiện hoạt động đó.

Các điều kiện sống của con người quy định lối sống của họ, nếu tách rời lối sống khỏi các điều kiện sống của con người thì sẽ không thể lý giải được sự biến đổi, vận động có quy luật của lối sống trong đời sống cũng như không thể hiểu được tại sao mỗi một kiểu lối sống có sự ổn định tương đối.

Với nhận thức như vậy, có thể đi đến một kết luận quan trọng là: không thể thay đổi căn bản lối sống của con người, cộng đồng người nếu không thay đổi được hoàn cảnh và điều kiện sống của họ.

Như vậy, nên hiểu lối sống như một tập hợp các hành vi và hoạt động của cá nhân người hoặc cộng đồng người liên hệ gắn bó với nhau và bị quy định bởi các điều kiện sống nơi lối sống diễn ra. Chủ thể của lối sống bao gồm các cá nhân, các nhóm người, cộng đồng người... nên người ta có thể nói về lối sống của một người, của một nhóm nghề nghiệp, một tầng lớp, một giai cấp... thậm chí là lối sống của một dân tộc.

Lối sống bị quy định bởi các yếu tố (hay điều kiện) như: thể chế, môi

trường chính trị, điều kiện lao động sản xuất, điều kiện ăn ở, tiêu dùng, sinh hoạt hàng ngày, giáo dục và y tế... Ngoài ra, truyền thống văn hóa, lịch sử luôn chi phối đến lối sống ở những mức độ khác nhau.

Ngoài các điều kiện vật chất, các điều kiện tinh thần như hệ tư tưởng, các định hướng giá trị, những chuẩn mực, quy tắc, các mục tiêu, mục đích, hệ thống giá trị cá nhân v.v... bằng những cách thức của mình tác động tới lối sống con người.

Từ quan niệm như vậy có thể kết luận rằng: Lối sống thuộc phạm trù xã hội học, là phương thức thực hiện các hoạt động sống của cá nhân, cộng đồng trong những điều kiện tự nhiên, xã hội nhất định, biểu hiện qua phương thức ứng xử đa dạng, phong phú của con người (cá nhân, cộng đồng) trong đời sống hiện thực của mình. Vì vậy, nghiên cứu về lối sống chính là nghiên cứu về cuộc sống và văn hóa của con người gắn với môi trường sống và những mối liên hệ lịch đại và đồng đại của nó, nhằm hiểu rõ bản chất và xu hướng biến đổi lối sống của các nhóm, các cộng đồng người và của toàn xã hội.

Lối sống của một dân tộc được hình thành từ đặc điểm nhân chủng và điều kiện sống của dân tộc. Lối sống của người Việt Nam chính là sự hóa thân của các đặc điểm truyền thống dân tộc, mang những nét riêng bản sắc con người và văn hóa Việt Nam và sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị của lối sống hiện đại thời kỳ hội nhập [142].

Trong giới học thuật trên thế giới cũng như ở Việt Nam có rất nhiều cách hiểu khác nhau về lối sống tùy theo góc độ tiếp cận và mục đích nghiên cứu.

Từ góc độ xã hội học, “lối sống là một tổng thể, một hệ thống những đặc điểm chủ yếu nói lên hoạt động của các dân tộc, giai cấp, nhóm xã hội, cá nhân trong những điều kiện của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định” [83].

Hay theo một cách hiểu khác, “lối sống trước hết là những điều kiện trong đó con người tự tái sản xuất về mặt sinh học cũng như về mặt xã hội. Đó

là toàn bộ những *hình thức, hành vi hàng ngày, ổn định và điển hình* của con người” [83].

Từ góc độ kinh tế - chính trị học, lối sống được hiểu là “phương thức sinh tồn trong xã hội của con người, của các tập đoàn xã hội, các cộng đồng người, các tầng lớp và các giai cấp, tương ứng với một chế độ xã hội nhất định”. Trên cơ sở đó, một số nhà khoa học Việt Nam cho rằng lối sống là sự khúc xạ hình thái kinh tế - xã hội trong *nhận thức, tình cảm, thái độ và hoạt động xã hội, tổ chức đời sống và sinh hoạt cá nhân* của con người [83].

Từ góc độ tâm lý học, “lối sống là sự biểu hiện tập trung của ảnh hưởng của môi trường xã hội, cách quan niệm và tư duy của con người được thể hiện trong lối sống. Đến lượt mình, lối sống lại ảnh hưởng đến *cách tư duy, đến các quan niệm, tình cảm*” [83].

Như vậy, hiểu theo nghĩa bao trùm và gần với khái niệm “văn hóa” thì “lối sống” là các cách sống, các phương thức sống, các hình thức hoạt động sinh sống của con người từ lao động, giao tiếp, sinh hoạt, gia đình và nhân cách trong một môi trường tự nhiên và xã hội nhất định.

Nhìn chung, với tư cách là một khái niệm khoa học, lối sống đã được hiểu và được định nghĩa theo rất nhiều sắc thái khác nhau (những định nghĩa được trình bày ở trên chỉ là một số ít trong vô vàn các định nghĩa về lối sống). Trong cách tiếp cận của mình, Luận án đồng tình với quan điểm của tác giả Huỳnh Khái Vinh (hiểu theo nghĩa hẹp) làm khái niệm thao tác của luận án: “*Lối sống là một tổng thể những hình thái hoạt động của con người, phản ánh các đặc điểm sinh hoạt vật chất, tinh thần của cộng đồng người đã tạo ra lối sống đó*” [137].

Từ đó, có thể thấy các biểu hiện cơ bản của lối sống là cung cách sinh hoạt thể hiện trong chuyện ăn, mặc, ở, đi lại... (ẩm thực, trang phục, nhà cửa,

vận chuyển...), cung cách mưu sinh, cung cách hưởng thụ và tiêu dùng văn hóa cùng các hoạt động sinh hoạt vật chất và tinh thần liên quan...

- Du lịch và phát triển du lịch

Hoạt động du lịch trong lịch sử phát triển của loài người có từ rất sớm. Các nhà sử học cho rằng các chuyến vượt biển bắt đầu từ Ai Cập, người ta đã kết hợp các mục đích, trong đó có cả hoạt động du lịch. Du lịch ngày nay đã trở nên phổ biến trong các hình thức sinh hoạt của con người.

Khái niệm du lịch được hiểu theo nhiều cách khác nhau giữa góc độ của người du lịch và người làm du lịch.

Các chuyên gia tại Hội nghị LHQ về du lịch tại Rome - Italia (1963), đã định nghĩa về du lịch: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình” [36].

Theo Tổ chức Du lịch thế giới:

Du lịch bao gồm tất cả các hoạt động của những người du hành tạm trú với mục đích tham quan, khám phá, tìm hiểu, trải nghiệm hoặc với mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa trong thời gian liên tục nhưng không quá một năm ở bên ngoài môi trường sống định cư nhưng loại trừ các du hành mà có mục đích chính là kiếm tiền [43].

Theo Điều 3, *Luật Du lịch Việt Nam* (2017): “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá một năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí” [68].

Một trong những định nghĩa được cho là khá đầy đủ về du lịch là của Mathieson và Wall (1982) trong công trình *Tourism - Economic, Physical and*

Social Impacts (Du lịch - Tác động kinh tế, vật chất và xã hội) thì “Du lịch là sự di chuyển tạm thời của con người đến những đích ngoài nơi làm việc và sinh sống hàng ngày của họ, các hoạt động được thực hiện tại đích đến và các phương tiện vật chất được tạo ra để đáp ứng những nhu cầu của du khách” [157]. Định nghĩa này không chỉ nhắc đến đích đến và hoạt động của người đi du lịch mà còn nhắc đến các hoạt động của người dân tại đích đến. Họ ứng xử, tiếp nhận thói quen, nhu cầu của du khách và tái tạo thích ứng văn hóa truyền thống của họ để phục vụ và thu hút khách du lịch.

Du lịch được đề cập đến ở nhiều khía cạnh khác nhau. Một trong số những góc độ được nhắc đến tương đối nhiều đó là tác động của nó đến đời sống của người dân bản địa, nơi có hoạt động du lịch hiện hữu.

- Phát triển du lịch: Phát triển du lịch là :

Việc xây dựng các chính sách, thúc đẩy hoàn thiện các điều kiện cần thiết, khuyến khích các thành phần tham gia kinh doanh, phục vụ các đối tượng thị trường khách trên cơ sở phát huy các tiềm năng, giá trị tài nguyên, lực hấp dẫn du lịch để hình thành các sản phẩm du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch, thực hiện xúc tiến, quảng bá du lịch [129].

Để du lịch phát triển cần các điều kiện cung cầu, cũng như môi trường chung cho các điều kiện đó phát triển. Nhưng trong đó, điều kiện về tài nguyên du lịch luôn được xem là yếu tố cốt lõi thúc đẩy sự phát triển của du lịch tại điểm đến, mà tài nguyên văn hóa nhân văn luôn là yếu tố tiên quyết định sự dịch chuyển của du khách đến với điểm đến. Phát triển du lịch cũng là để nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập của quốc gia, để du lịch phát triển bền vững cần đặt sự phát triển trong bối cảnh của môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị [129].

- **Biến đổi lối sống**

Biến đổi được hiểu là quá trình vận động, làm thay đổi, hay làm biến chất, biến tính một hay nhiều sự vật hiện tượng xung quanh. Biến đổi vĩ mô là những biến đổi trong khoảng thời gian dài và diễn ra và xuất hiện trên phạm vi rộng lớn. Nó có thể diễn ra mạnh mẽ, song cũng có thể diễn biến theo kiểu tiến hóa. Động lực thúc đẩy những biến đổi vĩ mô có thể là một biến cố lớn. Biến đổi vi mô được hiểu là những biến đổi nhỏ, diễn ra trong thời gian ngắn. Biến đổi vi mô được tạo ra trong đời sống văn hóa và sự biến đổi của nó cơ bản không lớn [49].

Biến đổi lối sống là những thay đổi quan trọng trong hành vi và tư duy của con người trong một tổ chức, một cộng đồng phù hợp với giá trị và mục tiêu của tổ chức, của cộng đồng đó. Biến đổi lối sống nhằm thích ứng với biến đổi và yêu cầu của môi trường sống để phát triển. Biến đổi lối sống tạo ra một sự thay đổi lớn về giá trị, chuẩn mực và thói quen có tính hệ thống, đồng bộ trong các hoạt động của một tổ chức hay một cộng đồng. Không phải mọi biểu hiện lối sống trong quá trình biến đổi đều có nhịp độ biến đổi như nhau mà có thể xảy ra sự “lệch pha”. Theo lẽ thường, các hiện tượng văn hóa tinh thần, trong đó có lối sống, thay đổi chậm hơn các hiện tượng văn hóa vật chất. Những biến đổi “lệch pha” này dễ gây ra những xáo trộn, va đập, mâu thuẫn giữa các chuẩn mực văn hóa và cả hành vi ứng xử văn hóa.

Biến đổi lối sống vừa có thể quy hoạch, vừa có thể không quy hoạch được. Sở dĩ có thể quy hoạch được là vì những biến đổi ấy cũng đều do con người. Không thể quy hoạch được là bởi vì biến đổi lối sống lại chịu sự tác động của công nghệ, chính trị, xã hội... và nó còn có tính ổn định gắn với niềm tin, sở thích hay giá trị văn hóa của một nhóm xã hội, một cộng đồng.

- Cư dân Đà Nẵng

Trong luận án này, khái niệm “cư dân Đà Nẵng” được hiểu là “cư dân tại chỗ” bao gồm cư dân địa phương và cư dân nhập cư khi những lối sống

của họ đã quyện vào lối sống chung của một vùng đất, tạo nên bản sắc, tính tượng trưng, đại diện cho chính cộng đồng mà họ đang sống.

Cư dân tại chỗ được xác định thông qua sự phân biệt với người nhập cư. Dưới phương diện quản lý hành chính, người bản địa là người sinh sống ổn định ở một địa điểm. Tuy nhiên, nếu vận dụng cách hiểu này thì sẽ rất khó để phân tích các biểu hiện của lối sống. Bởi ngay bản thân những người được coi là cư dân bản địa thì trước đây có thể họ cũng là người nhập cư và thực tế cái hồn, bản sắc của một thành phố vốn đã đang và sẽ được tạo dựng qua các thể hệ dân nhập cư [126].

1.2.2. Các thành tố của lối sống

Trên cơ sở lựa chọn khái niệm thao tác của luận án theo quan điểm của Giáo sư Huỳnh Khái Vinh, “Lối sống là một tổng thể những hình thái hoạt động của con người, phản ánh các đặc điểm sinh hoạt vật chất, tinh thần của cộng đồng người đã tạo ra lối sống đó” [137], luận án xác định các thành tố của lối sống bao gồm:

- Các thành tố liên quan đến đời sống sinh hoạt: Gồm những yếu tố thể hiện trong cung cách ăn (âm thực), mặc (thời trang), ở (nhà cửa), đi lại...
- Các thành tố liên quan đến đời sống kinh tế, thể hiện trong cung cách mưu sinh.
- Các thành tố liên quan đến đời sống xã hội thể hiện qua văn hóa ứng xử trong các quan hệ xã hội.
- Các thành tố liên quan đến đời sống tinh thần, thể hiện qua cách thức hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa...

1.2.3. Các nhân tố tác động đến biến đổi lối sống

- Điều kiện tự nhiên

Đất nước ta nằm trong một môi trường tự nhiên bao quanh chủ đạo là sông nước. Yếu tố này chiếm vị trí đặc biệt, chi phối, ảnh hưởng đến nhiều

mặt của cuộc sống con người như phương thức sản xuất (canh tác lúa nước), về ăn, ở, sinh hoạt, phong tục tập quán..., tất cả đều in đậm dấu ấn của môi trường nước. Điều kiện khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm, mưa nhiều cũng tạo nên một *hệ thực vật* phong phú, tạo nên những đặc trưng văn hóa riêng với tên gọi “nền văn minh thực vật” (P. Gourou), thể hiện ở cơ cấu bữa cơm thiên về thực vật, khác hẳn với cơ cấu bữa ăn nhiều thịt của cư dân du mục vùng đồng cỏ.

Con người Việt Nam rất *mềm dẻo trong ứng xử với cộng đồng* (là nét đặc thù của cư dân nông nghiệp: lấy dung hợp, hiếu hoà làm trọng), *dễ thích nghi với môi trường tự nhiên* (chấp nhận mọi sự biến đổi, tùy thuộc, thích ứng mọi chi phối của tự nhiên); *cần cù trong lao động* (lấy cần cù để bù lại những khó khăn, cản trở của điều kiện tự nhiên, của phương thức sản xuất nông nghiệp cổ truyền); *giỏi chịu đựng gian khổ* (vì điều kiện tự nhiên không phải lúc nào cũng thuận lợi; hạn hán, lụt lội dễ xảy ra, con người dễ gặp bất trắc, tâm lý “sống chung với lũ”), *lối sống trọng tình nghĩa* (vì phải dựa vào nhau, tương trợ, chia sẻ nhau trong cuộc sống và lao động nông nghiệp còn phải phụ thuộc nhiều vào tự nhiên)... Bên cạnh đó, điều kiện tự nhiên cũng đưa tới một số nét hạn chế trong con người Việt Nam như hình thành lối sống tiểu nông (sản xuất nhỏ, manh mún, ít có tầm nhìn xa, bảo thủ); lối sống coi trọng tình nghĩa là mặt tốt, nhưng cũng từ đó nảy sinh mặt trái là tính tùy tiện, ít trọng lý, ít trọng nguyên tắc, xuề xoà, hòa cả làng... Tất cả những điều trên thể hiện rất rõ sự tác động của điều kiện tự nhiên đến lối sống con người [82].

- Điều kiện kinh tế

Xét theo chiều dọc của lịch sử, sự hình thành và thể hiện về lối sống của mỗi xã hội trước hết phụ thuộc vào hình thái kinh tế, mà tiêu biểu là

phương thức sản xuất mà xã hội đó đang tiến hành, cũng như phụ thuộc vào quan hệ sản xuất của xã hội đó. Khi phương thức sản xuất có sự thay đổi, các mối quan hệ xã hội cũng thay đổi, dẫn theo sự thay đổi về lối sống của các thành viên cấu thành xã hội.

Hiện nay, cơ chế vận hành của nền kinh tế là cơ chế thị trường ở Việt Nam từ năm 1986, nhất là từ năm 1990 đến nay đang có tác động không nhỏ tới lối sống của người dân cả ở phương diện tích cực lẫn tiêu cực. Kinh tế thị trường có sức chi phối mạnh mẽ của quy luật cạnh tranh nên *con người phải không ngừng phấn đấu, rèn luyện* để thích ứng và tồn tại. Vì vậy, con người cần phải có tri thức, chuyên môn và phải có cả phương pháp, kinh nghiệm, khả năng thực hành trong hành động và ứng xử. Chính vì thế, lối sống của họ là thường xuyên trau dồi kiến thức văn hóa, nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ, có thể lực khỏe mạnh, có tâm hồn trong sáng, có tầm hiểu biết rộng về chính trị, văn hóa, kinh tế và quản lý...

Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường cũng đưa lại không ít tác động tiêu cực, không mong muốn lên lối sống người dân, gây ra những thay đổi về nhận thức, hành vi, khuôn mẫu ứng xử của các cá nhân và cộng đồng. Lối sống đề cao vật chất, chạy theo đồng tiền, chủ nghĩa tiêu dùng, ăn chơi phè phỡn, sống gấp, hưởng lạc... xuất hiện ngày càng nhiều. Cơ chế quản lý và phân phối hiện nay còn nhiều kẽ hở đã tạo điều kiện cho tệ quan liêu, tham nhũng phát triển, đặc biệt là trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức quyền cao. Điều đó gây những ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin của nhân dân, đến lối sống của toàn xã hội.

- Điều kiện chính trị, luật pháp

Chính trị luôn đi kèm với các thiết chế cai trị và quản lý liên quan rất chặt chẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cho nên, ở bất cứ thời nào và ở bất cứ xã hội nào, chính trị luôn có vai trò chi phối mọi lĩnh vực của đời

sống con người. Sự chi phối của chính trị tỏ ra mạnh đến mức nó có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội của một quốc gia trong một thời gian dài. Chính vì chi phối và tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội nên chính trị vì thế có tác động không nhỏ tới lối sống.

Nhân tố chính trị có thể tác động đến lối sống thông qua hệ thống luật pháp, bởi lối sống được hiểu là các cách thức, phép tắc tổ chức và điều khiển đời sống cá nhân và cộng đồng. Những cách thức, phép tắc tổ chức và điều khiển đó lại được cụ thể hóa bằng các văn bản dưới hình thức những điều luật của luật pháp, những quy định của Nhà nước, những quy định của cộng đồng... Luật pháp nghiêm minh sẽ giúp cho kỷ cương, phép nước được tôn trọng đầy đủ, giúp kịp thời chỉnh đốn, uốn nắn, điều chỉnh các hành vi xấu, các biểu hiện lệch lạc. Do vậy, ở các nước có nền pháp luật tiên tiến, có trật tự, kỷ cương tốt thì môi trường sống cũng thường lành mạnh, trong lành hơn, lối sống con người nhờ đó cũng tốt đẹp hơn.

- Điều kiện văn hóa, xã hội

Lối sống luôn chịu sự định hướng và giới hạn của những quy tắc ứng xử của cộng đồng, được định chế bởi các chuẩn mực văn hóa, khuôn mẫu hành vi được cả cộng đồng thừa nhận và theo đuổi. Cho nên, có thể nói, lối sống của một xã hội có nội dung và hình thức như thế nào phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện văn hóa - xã hội bao quanh.

- Phong tục, tập quán

Nếu trong các xã hội hiện đại, lối sống được định hướng chủ yếu bởi hệ thống pháp luật, thì ở các xã hội truyền thống, lối sống được định hướng chủ yếu bởi các phong tục, tập quán.

Tập quán bao hàm những thói quen trong lao động, suy nghĩ, trong sinh hoạt xã hội như những lễ lối canh tác, cấy cày, nuôi cá ruộng, du canh du cư, ăn trầu, hút thuốc Lào, cách nấu nướng, các kiêng kị... Ở tập quán đã xuất

hiện tính chất bắt buộc đối với các thành viên trong cộng đồng, nhưng còn chưa cao và còn thiên về những gì mà các cá nhân *rất đáng* làm theo. Theo dòng thời gian, một số tập quán và nếp sống dần trở thành phong tục.

Phong tục là những thói tục có ý nghĩa lâu đời hơn và ăn sâu vào đời sống cộng đồng. Đó là những khuôn mẫu ứng xử có tính bắt buộc phải theo nhiều hơn so với tập quán. Đối với các thành viên trong cộng đồng chúng được coi là những ứng xử cần thiết cho lợi ích công cộng (cho trật tự, ổn định và sự phát triển của tập thể). Phong tục phát huy hiệu lực ở cấp độ rộng hơn, có giá trị đối với cả cộng đồng làng, một vùng, hoặc thậm chí cả quốc gia. Các phong tục thể hiện những chuẩn mực về đạo đức, thẩm mỹ, khuôn mẫu ứng xử của toàn thể cộng đồng, do đó trong các xã hội cổ truyền, nhất là ở các tộc người thiểu số, chúng có tính chất bắt buộc nghiêm ngặt. Đó gần như là *luật tục* (luật phong tục) hay *lệ làng*, những quy định “dưới luật” đối với hệ thống pháp luật của một quốc gia như: cúng giỗ tổ tiên, thờ phụng Thành Hoàng, thờ cúng thần linh, các nghĩa vụ đối với cộng đồng như khao vọng, cheo cưới, v.v...

- *Tôn giáo, tín ngưỡng*

Các tôn giáo, tín ngưỡng với giáo lý hướng thiện, công bằng, từ bi, bác ái đã góp phần không nhỏ vào việc hình thành và củng cố một lối sống tốt đẹp cho người dân. Việc tham gia các thực hành tín ngưỡng, hoạt động lễ hội giúp con người có lối sống lành mạnh, giảm bớt những việc làm sai trái, giảm được phần nào tệ nạn xã hội, giúp con người sống thật thà hơn, sống dễ phúc, dễ đức cho con cháu.

- *Văn học nghệ thuật*

Văn học, sân khấu, điện ảnh, hội họa, ca, múa, nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh... có sức tác động rất lớn đến tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của con người, do vậy có ảnh hưởng trực tiếp đến lối sống người dân.

Do vậy, các triều đại phong kiến ở Việt Nam từng luôn coi trọng “văn trị giáo hóa”, dùng văn hóa nghệ thuật để giáo hóa con người, cảm hóa nhân tâm, lấy “văn trị” đối lập với “vũ trị”.

Các tác phẩm văn học, nghệ thuật là nơi chuyển tải hệ thống các giá trị cốt lõi của xã hội, làm chuẩn mực để các cá nhân vươn tới, từ đó hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp ở họ, hay nói cách khác hình thành nên nhân cách con người. Thông qua các tác phẩm văn học nghệ thuật, ý thức về đạo đức, trách nhiệm, bổn phận, những tình cảm thiêng liêng của con người như đạo hiếu với cha mẹ, tinh thần tôn sư trọng đạo, lòng yêu nước, thương nòi, tinh thần dám xả thân vì nghĩa lớn... được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Thông qua việc định hướng giá trị đối với cộng đồng, văn học nghệ thuật có khả năng điều chỉnh chiều hướng phát triển của xã hội, hướng sự vận động của xã hội tới cái tích cực, tiến bộ, nhân văn và hạn chế mặt tiêu cực, thoái hóa, tạo nên lối sống tốt đẹp cho mỗi cá nhân và cả cộng đồng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, văn học nghệ thuật còn có vai trò chống lại xu hướng đồng hóa về văn hóa, bảo vệ tính đa dạng văn hóa của các dân tộc. Nó là công cụ hữu hiệu để duy trì các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa quốc gia, chống lại sự xâm lăng văn hóa, sự áp đặt văn hóa từ bên ngoài thông qua các giá trị hàm chứa trong các tác phẩm văn học nghệ thuật.

- Giáo dục

Trong suốt chiều dài của lịch sử loài người, giáo dục có ảnh hưởng rất lớn đến lối sống con người. Mặc dù kinh tế là nền tảng vật chất quyết định ý thức, quyết định lối sống của con người, nhưng ngược lại, về phần mình, giáo dục lại có tác dụng điều chỉnh quan trọng đến nhận thức và hành động của con người. Không phải cứ có cuộc sống vật chất đầy đủ là con

người có lối sống văn hóa và ngược lại không phải cứ quốc gia nào có kinh tế hùng mạnh là có nền văn hóa phát triển.

Hoạt động giáo dục bên cạnh việc giúp cho con người tiếp thu tri thức, nâng cao hiểu biết, còn rèn giũa, uốn nắn, giáo dục về luân thường, đạo lý, về những phẩm chất, đạo đức làm người, từ đó giúp cho mọi người có được một lối sống cao đẹp, lành mạnh, vươn tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Bác Hồ đã từng nói, con người “hiền dữ phải đâu là định sẵn/ Phần nhiều do giáo dục mà nên” là theo ý nghĩa đó.

Nền giáo dục mang bản chất thế nào sẽ quy định lối sống tương ứng thế đó trong xã hội. Một nền giáo dục đề cao tôn ty, kỷ cương, mang tính áp chế, sẽ tạo ra một lối sống tuân thủ kỷ luật, vâng lời nhưng thụ động. Còn một nền giáo dục dân chủ, đề cao tính nhân văn sẽ tạo ra những công dân có một lối sống độc lập, tự chủ, sáng tạo. Lối giáo dục lấy người học làm trung tâm sẽ tạo ra những con người khác với lối giáo dục lấy người thầy làm trung tâm ...[80]

Do vậy, có thể nói, ảnh hưởng của nhân tố giáo dục đối với lối sống con người mang tính chất thường xuyên, lâu dài và toàn diện.

- Sự phát triển của khoa học - công nghệ

Khoa học, kỹ thuật và công nghệ được xem là nền tảng, là động lực cho công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tác động mạnh mẽ đến sự tiến bộ, lối sống, đến sự cải thiện đời sống của người dân cũng như đến văn hóa họ.

Thời đại của kinh tế tri thức của nhân loại đã mang đến cơ hội để chúng ta tiếp cận và tiếp thu những thành tựu khoa học tiên tiến, công nghệ hiện đại, đi sâu vào phân công và chuyên môn hóa trong ngành nghề, sáng tạo trong văn hóa xã hội. Trong nền kinh tế tri thức, mức độ đóng góp của tri thức và kỹ thuật đối với tăng trưởng kinh tế ngày càng lớn. Bên cạnh đó, thông tin và

năng lực thực sự trở thành những nhân tố then chốt trong sự phát triển xã hội, tri thức ngày nay đã trở thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu, có tác động lớn đến lối sống con người.

- Truyền thông đại chúng

Truyền thông đại chúng, nhất là các phương tiện truyền thông mới là một thành tựu kì diệu của nhân loại trong thời hiện đại. Với ưu thế vượt trội trong việc cung cấp và chia sẻ thông tin, truyền thông đại chúng không chỉ giúp cho việc tuyên truyền, định hướng về lối sống chủ đạo của một xã hội đạt hiệu quả nhanh, mà còn giúp cho lối sống xã hội có thêm nhiều biểu hiện đa dạng, phong phú.

Tác động của truyền thông đại chúng đối với lối sống là tác động hai mặt: truyền thông có thể làm cho lối sống của một xã hội phát triển phong phú theo đúng định hướng của xã hội đó; đồng thời chúng cũng có thể khiến cho lối sống của xã hội bị suy thoái, đồng hóa.

Tác động này lại khá lớn và trực tiếp, đặc biệt là trong thời đại của công nghệ thông tin và bùng nổ Internet hiện nay thì tác động của các PTTT mới cùng với những loại hình giải trí phong phú, đa dạng trên đó đối với lối sống con người là vô cùng mạnh mẽ và sâu sắc.

- Quá trình đô thị hóa

Các nhà nghiên cứu khi bàn luận về đô thị hóa là nói đến quá trình chuyển đổi, rút ngắn khoảng cách giữa khu vực nông thôn với đô thị cùng các biểu hiện đặc thù như: các khuôn mẫu văn hóa đô thị ngày càng trở nên phổ biến, lấn át dần các khuôn mẫu văn hóa nông thôn truyền thống; sự dịch chuyển mạnh mẽ lao động nông thôn từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; sự di cư từ nông thôn vào thành thị... và kéo theo đó là sự xáo trộn, biến chuyển trên hầu hết các phương diện của đời sống kinh tế, xã hội cũng như văn hóa.

- Các yếu tố tự thân của con người

Trong tính hiện thực của nó, con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội [136].

Tuy nhiên mỗi cá nhân, nhóm người lại có những điều kiện và hoàn cảnh riêng biệt ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành lối sống. Chính sự khác biệt của mỗi cá nhân, mỗi nhóm người này tạo nên sự đa dạng trong thống nhất của lối sống của xã hội. Các yếu tố cá nhân khi tập hợp lại sẽ hình thành các yếu tố xã hội, tuy nhiên nó vẫn giữ trong mình các đặc trưng đa dạng và do vậy khi đề cập đến lối sống ta không thể bỏ qua hay không tính đến các đặc điểm này.

Yếu tố cá nhân đầu tiên có ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối sống là trình độ học thức và nhận thức. Mặc dù yếu tố này có tính xã hội nhưng cũng mang tính cá nhân sâu sắc. Các nhóm người có cách nhìn nhận vấn đề và giải quyết vấn đề khác nhau khi họ có trình độ khác nhau. Chính quá trình này góp phần hình thành nên lối sống của cá nhân, nhóm người và trên cơ sở đó là lối sống của xã hội. Trong một số trường hợp, các nhận thức cá nhân tiên tiến khi hội đủ quy mô và tầm ảnh hưởng có thể hình thành nên nhận thức xã hội, và khi đó sẽ giữ vai trò là nhân tố tiên phong định hướng lối sống xã hội. Các yếu tố độ tuổi, giới tính, dân tộc và thể hình, thể trạng... có ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc hình thành và thay đổi lối sống. Các thay đổi này thường mang tính quy luật và có thể dự đoán được [135].

1.2.4. Lý thuyết vận dụng trong luận án

Sau khi tham khảo và nghiên cứu các lý thuyết có liên quan tới đề tài nghiên cứu của mình, nghiên cứu sinh lựa chọn lý thuyết cơ bản để áp dụng cho đề tài, đó là các quan điểm lý thuyết về biến đổi văn hóa. Có rất nhiều lý thuyết liên quan đến vấn đề biến đổi văn hóa như: thuyết Vùng văn hóa (đại diện là C.L.Wissler, A.L. Kroeber), Thuyết tiến hóa luận (đại diện là E.

Taylor, L. Morgan), Thuyết Chức năng (đại diện là Brown, Malinowski), Thuyết Tiếp biến văn hóa (đại diện là Redfield, Broom), ... Các lý thuyết về này đều có những điểm tương đồng và khác biệt.

Trên cơ sở các lý thuyết nêu trên, NCS đã lựa chọn và tiếp cận một số quan điểm lý thuyết về biến đổi văn hóa vận dụng trong nghiên cứu luận án, cụ thể là:

Trong suốt thế kỷ XX và phổ biến cho đến nay, có một khuynh hướng nghiên cứu hấp dẫn các nhà nhân học đó là nghiên cứu *sự biến đổi văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa*, đặc biệt ở những xã hội đang chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Dù biến đổi văn hóa trong quá trình hiện đại hóa là một thực tế không thể đảo ngược, song các tác giả đều khẳng định sự bền bỉ của những giá trị truyền thống và nó sẽ chi phối sự lựa chọn của từng xã hội cụ thể đến chiều hướng, quy mô, dạng thức biến đổi của văn hóa. Điều này hướng nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng lưu ý đến các giá trị bền vững của lối sống cộng đồng này trong quá trình phát triển du lịch.

Trong công trình *Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nguyễn Duy Bắc đã nêu lên:

Biến đổi văn hóa chính là quá trình thay đổi các phương thức sản xuất, bảo quản, truyền bá... các sản phẩm và các giá trị văn hóa phù hợp với những biến đổi về chính trị, kinh tế, xã hội ở những thời kỳ nhất định trong sự phát triển của các quốc gia, dân tộc và nhân loại.

Có 2/4 nhân tố tác động đến biến đổi văn hóa đề cập trong công trình này đã cung cấp cho nghiên cứu sinh cách luận giải về tác nhân biến đổi văn hóa ở thành phố Đà Nẵng, đó là:

(1) Những biến đổi của đời sống kinh tế- xã hội, thể hiện qua những

chính sách đầu tư, phát triển, về môi trường sống, về phương pháp, cách thức sản xuất, về nhu cầu nhận thức, giáo dục nhiều hơn của con người nhằm đáp ứng đòi hỏi của trình độ phát triển xã hội.

(2) Sự giao lưu văn hóa: Khi một cộng đồng tiếp xúc với một cộng đồng khác, có hai quá trình có thể diễn ra, từ đó thúc đẩy văn hóa biến đổi, đó là truyền bá văn hóa và tiếp biến văn hóa. Truyền bá văn hóa là quá trình mà các yếu tố văn hóa được vay mượn từ một xã hội khác hội nhập với văn hóa của cộng đồng tiếp nhận, trong đó chủ yếu chủ thể tiếp nhận từ chủ thể mạnh. Quá trình tiếp xúc văn hóa mang tính bất bình đẳng giữa hai xã hội đã tạo ra tiếp biến văn hóa [49].

Áp dụng các luận điểm này giải thích cho nguyên nhân biến đổi văn hóa, luận án đã chỉ ra phát triển du lịch là tác nhân trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến sự biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng. Du lịch phát triển thì dẫn đến thay đổi môi trường sản xuất, thay đổi nghề nghiệp, dẫn đến sự giao lưu văn hóa của du khách và cư dân bản địa... Du lịch làm cho kinh tế phát triển, mức sống cư dân Đà Nẵng tăng lên đáng kể, làm thay đổi cung cách sinh hoạt, lối sống tiêu dùng vật chất, thụ hưởng văn hóa tinh thần... Cũng chính du lịch làm cho cư dân Đà Nẵng nảy sinh nhu cầu thay đổi nhận thức về nếp sống tiến bộ, tinh thần thượng tôn pháp luật và nhận thức phải bảo tồn những giá trị truyền thống thống đẹp, những di sản và tài nguyên quý giá để phục vụ phát triển du lịch.

Bên cạnh đó là các chủ trương, chính sách của Trung ương và chính quyền thành phố Đà Nẵng cũng là tác nhân quan trọng tạo nên sự thay đổi trong lối sống của cư dân Đà Nẵng. Từ một thành phố thuộc tỉnh, Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị loại 1 cấp quốc gia với các chính sách ưu tiên đầu tư để trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục của khu vực miền Trung Tây Nguyên, chọn du lịch là ngành kinh tế mũi

nhọn, là hướng đầu tư chiến lược để đột phá về kinh tế. Từ đó có các chính sách đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông; phát triển kinh tế biển, chính sách quy hoạch giải tỏa, chỉnh trang đô thị khu vực ven biển, các chính sách an sinh xã hội, các chính sách đầu tư, bảo tồn văn hóa... tác động lớn đến lối sống của cư dân Đà Nẵng.

Nghiên cứu sinh cũng quan tâm đến quan điểm về đời sống đô thị của trường phái Chicago khi nhận diện những tác động của du lịch làm biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng. Trường phái này đã phát triển một lý thuyết về đời sống đô thị như là một kiểu đời sống xã hội riêng biệt, vắng bóng sự nhất trí chung của cộng đồng về chuẩn mực cũng như trật tự tổ chức xã hội được đánh dấu bởi tội phạm, tham nhũng... Đó là xã hội có tính hỗn tạp, dễ chuyển đổi và đứt gãy, dễ tách biệt khỏi hàng xóm và liên quan đến người khác chủ yếu để tăng lợi ích tối đa về kinh tế cá nhân. Do đó văn hóa đô thị không thể thuần nhất mà tiếp biến liên tục, biến đổi đa dạng, phức tạp do sự giao lưu, tiếp biến văn hóa liên tục từ các nhóm cư dân khác nhau.

Đối với trường hợp Đà Nẵng, sự phát triển của du lịch sau năm 2003 đi cùng với quá trình đô thị hóa đã tạo ra sức hút với dòng di dân từ nông thôn và các tỉnh thành khác đóng góp thêm vào quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa của Đà Nẵng làm cho lối sống cư dân Đà Nẵng phong phú, đa dạng nhưng cũng nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp như vi phạm pháp luật, ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông... làm thay đổi nhiều đặc điểm trong lối sống của cư dân địa phương.

Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh cũng tiếp cận quan điểm phát triển du lịch để nghiên cứu biến đổi lối sống trong sự ảnh hưởng mạnh mẽ của sự phát triển du lịch, của những quá trình giao lưu, tiếp xúc vượt phạm vi quốc gia, làm cho các xã hội chuyển đổi. Câu hỏi lối sống của cư dân Đà Nẵng sẽ biến đổi như thế nào trong bối cảnh phát triển du lịch? Đây chính là câu hỏi mà luận án đã,

đang và sẽ tìm cách giải đáp cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Các chiều cạnh của biến đổi lối sống với phát triển, với toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự chuyển đổi xã hội thường đường nhà nhân học, xã hội học thường gắn nghiên cứu các chiều cạnh của biến đổi lối sống với phát triển, với toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự chuyển đổi xã hội. Ít có công trình nào nghiên cứu về biến đổi lối sống lại chỉ quan tâm đến mỗi yếu tố tác động của du lịch mà thường xuyên có sự tác động cộng hưởng nhất định. Vì vậy có thể thấy rằng biến đổi lối sống là một chủ đề nghiên cứu có phạm vi rất rộng thu hút nhiều ngành nghiên cứu. Với luận án này, nghiên cứu sinh tiếp cận các luận điểm trên để đưa ra một số biến đổi bề nổi dễ nhận thấy và khái quát hóa thành lối sống của một cộng đồng: *Thứ nhất*, là biến đổi về cung cách sinh hoạt khi tiếp xúc với nhiều đối tượng, nhiều cộng đồng người ở các vùng miền, các quốc gia khác nhau thì cho có sự cảm nhận tiếp thu cái hay, cái đẹp và cái phù hợp, trong đó chủ yếu chủ nhà thay đổi để đáp ứng nhu cầu của khách, khác với việc nhập gia tùy tục. Nhưng bên cạnh đó cũng duy trì những nét đẹp trong cuộc sống thường nhật như là “đặc trưng” của con người Đà Nẵng, là nét đẹp văn hóa để hấp dẫn, thu hút du khách. *Thứ hai*, là về cung cách mưu sinh, phát triển kinh tế chắc chắn phải biến đổi thì mới có thể “lấy được tiền” của du khách. Khi ngày càng có nhiều khách du lịch đến thì sẽ mang đến cơ hội việc làm cho cư dân địa phương ngày càng nhiều và tự thân nhu cầu này sẽ thúc đẩy cư dân địa phương thay đổi ngành nghề, lựa chọn nghề phù hợp với nhu cầu thị trường và dễ kiếm tiền nhất. *Thứ ba*, về văn hóa ứng xử của cư dân một vùng đất mong muốn đón tiếp ngày càng nhiều du khách năm Châu thì cung cách ứng xử phải thân thiện, hiếu khách, hành động đẹp với môi trường thiên nhiên và nhất là phải tiên bộ, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại đó chính là tinh thần thượng tôn pháp luật. *Thứ tư*, về cung cách thụ hưởng, tiêu dùng văn hóa trong bối cảnh phát triển du lịch, người bản địa trước hết phải tôn trọng, bảo vệ di sản văn hóa du

lịch, dù thụ hưởng hay không cũng phải am hiểu, tường minh, thậm chí là đại sứ văn hóa địa phương. Bên cạnh đó cũng phải thay đổi nhu cầu thụ hưởng văn hóa sao cho văn hóa truyền thống tồn tại và phát triển trong bối cảnh đương đại để có thể trở thành sản phẩm văn hóa phục vụ du khách.

Bảng 1: Khung lý thuyết [Nguồn: Nghiên cứu sinh]

Nhân tố mục tiêu	Câu hỏi nghiên cứu	Các luận điểm của Lý thuyết biến đổi văn hóa	Mối quan hệ giữa các nhân tố
Lối sống của cư dân Đà Nẵng (cung cách sinh hoạt, Phương thức mưu sinh, cung cách ứng xử, cung cách hưởng thụ văn hóa)	Lối sống của cư dân Đà Nẵng như thế nào trước khi có sự phát triển mạnh mẽ của du lịch?	Quan điểm về phát triển du lịch	Tương quan, điều kiện, nhân quả
	Lối sống của cư dân Đà Nẵng biến đổi như thế nào khi có sự phát triển mạnh mẽ của du lịch?	Quan điểm biến đổi văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa	Điều kiện, trung gian, nhân quả
	Để xây dựng lối sống người Đà Nẵng văn minh, hiện đại, nhân văn, góp phần xây dựng “thành phố đáng sống” trong bối cảnh phát triển du lịch thì cần phải có những khuyến nghị gì?	Quan điểm xây dựng kinh tế thị trường ở Việt Nam	Điều kiện, trung gian, nhân quả
		Quan điểm về đời sống đô thị của trường phái Chicago	Điều kiện, trung gian

1.3. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

1.3.1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên

“Đà Nẵng” trong *Ô Châu cận lục* không phải là một địa danh hành

chính mà chỉ là tên gọi của một cửa biển. Thành phố Đà Nẵng nằm trong vùng đất xứ Quảng, nơi các cư dân cổ thuộc Văn hóa Sa Huỳnh đã định cư từ hàng nghìn năm trước. Đồng bằng xứ Quảng đã dựng lên một nền văn minh lúa nước và dâu tằm nổi tiếng. Người Sa Huỳnh không chỉ là những cư dân nông nghiệp mà còn đi biển và có hoạt động giao thương bằng đường biển khá phát triển [1].

Thời Đại Việt, Đà Nẵng nằm ở vị trí tiền cảng với vai trò trung chuyển hàng hóa, tu sửa tàu thuyền, vùng Đà Nẵng trở vào vẫn là miền biên viễn, luôn bị quấy nhiễu và cướp phá. Thế kỷ thứ XVI, Đà Nẵng là tiền cảng có vai trò trung chuyển hàng hóa, tu sửa tàu thuyền. Trong thời Trịnh - Nguyễn phân tranh và thời Tây Sơn, Đà Nẵng trở thành vùng tranh chấp dữ dội và đã chứng kiến những trận đánh quyết liệt của quan quân nhà Nguyễn trong cuộc tấn công vào Đà Nẵng. Đà Nẵng cũng từng là một quân cảng và một thương cảng quan trọng bậc nhất của triều Nguyễn. Vương triều Nguyễn đã chú trọng xây dựng tại đây một hệ thống phòng thủ cảng biển đặc biệt. Trong thực thi chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn với các nước quan hệ qua đường biển, Đà Nẵng trở thành hải cảng chính thức và duy nhất nhằm thực thi nhiều chính sách khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Vào thời điểm ngày 28 tháng 9 Pháp cho tàu nã súng vào các pháo đài bảo vệ Đà Nẵng và cho quân đổ bộ vô hiệu hóa nhiều khẩu thần công của Việt Nam. Pháp đã sáu lần gửi chiến hạm đến Đà Nẵng tính chung từ 1843 đến 1857. Năm 1858, cuộc xâm lược của Pháp tại Việt Nam mở đầu bằng cuộc tấn công vào Đà Nẵng. Triều đình Huế buộc phải ký với Pháp Hiệp ước Harmand vào ngày 25 tháng 8 năm 1883. Theo Hiệp ước này, ngoài việc yêu cầu mở cửa Đà Nẵng để thông thương Pháp còn quy định sẽ được phép lập các khu nhượng địa ở đây. Ngày 17 tháng 8 năm 1887, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh thành lập ba thành phố ở Việt Nam là Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng. Đầu

thế kỷ XX, Pháp đã xây dựng trung tâm Đà Nẵng trở thành một đô thị theo kiểu Tây phương. Cơ sở hạ tầng xã hội được đầu tư, kỹ thuật sản xuất được du nhập. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu, đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh dịch vụ, tài chính ngân hàng được hình thành và phát triển. Năm 1949, Pháp trao trả Đà Nẵng cho chính phủ Quốc gia Việt Nam dưới thời Bảo Đại, thời điểm này, Đà Nẵng trực thuộc tỉnh Quảng Nam. Tháng 3 năm 1965, thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng và thiết căn cứ quân sự hỗn hợp lớn ở đây. Sân bay Đà Nẵng trở nên “tấp nập” trong chiến tranh. Năm 1967, chính quyền Việt Nam Cộng hòa ấn định Đà Nẵng trực thuộc Trung ương và xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm chính trị, quân sự, văn hóa. Năm 1973, khi quân Mỹ rút khỏi Việt Nam theo hiệp định Paris, dưới thời Việt Nam Cộng hòa, Đà Nẵng là đô thị lớn thứ hai miền Nam, cảng Đà Nẵng bây giờ là trung tâm tiếp tế cho cho 3 triệu dân miền Nam. Sau ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, ngày 30 tháng 8 năm 1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 228-CP, thành lập thành phố Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam. Ngày 6 tháng 11 năm 1996, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX đã thông qua nghị quyết cho phép tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tách thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương. Đây là thành phố trung tâm và lớn nhất miền Trung Việt Nam, đóng vai trò là hạt nhân quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung [118].

Ngày 16 tháng 10 năm 2003 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 33-NQ/TW về *xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, trong đó xác định đầu tư phát triển mạnh du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Đà Nẵng trở thành đô thị loại I [19].

Từ đây Đà Nẵng thực sự chuyển mình một cách mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, làm thay đổi căn bản bức tranh kinh tế xã

hội. Hệ thống hạ tầng kinh tế kỹ thuật được nâng cấp, xây dựng rất hiện đại. Trong khoảng hơn 10 năm đầu, trên địa bàn thành phố, nhất là ở các quận Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà có lúc như những đại công trường xây dựng. Tính đến năm 2017, thành phố đã và đang thực hiện trên 500 dự án phát triển kinh tế xã hội với tổng diện tích đất sử dụng gần 75.000 ha; tiến hành giải tỏa, di dời trên 100.000 hộ dân để phục vụ quá trình phát triển du lịch [188]. Sự phát triển đồng bộ, hiện đại của cơ sở vật chất kỹ thuật cùng những chính sách thông thoáng của chính quyền đã tạo môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư đặc biệt trên lĩnh vực du lịch, thúc đẩy nhanh quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, mở ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.

Về điều kiện tự nhiên, thành phố Đà Nẵng có địa hình, thiên nhiên đa dạng, có biển, bán đảo, vùng vịnh, đồi núi, sông, suối, đồng bằng phân bố trong lòng thành phố đóng góp vào phát triển kinh tế, du lịch.

Về mặt địa lý, Đà Nẵng nằm ở trung độ của Việt Nam với vai trò là trung tâm công nghiệp, tài chính, du lịch, dịch vụ, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước; có vị trí trọng yếu cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh; là trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế. Đà Nẵng cũng là đô thị biển và đầu mối giao thông rất quan trọng cả về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không.

1.3.2. Đặc điểm kinh tế

Để chuẩn bị cho một cuộc bứt phá của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, những năm qua, Đà Nẵng đã nỗ lực cải thiện hình ảnh và vị thế của mình để chuẩn bị cho một cuộc bứt phá của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Theo đó, từ năm 2001, thành phố đã bắt đầu triển khai thực hiện chương trình “*Thành phố 5 không*”: Không hộ đói, không có người mù chữ,

không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng và không có cướp của, giết người. Tiếp đến, với những kết quả thành công bước đầu của chương trình này, Đà Nẵng lại tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình “*Thành phố 3 có*”: Có nhà ở, có việc làm và có nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Đến năm 2016, thành phố lại tiếp tục đề ra Chương trình mới - “*Thành phố 4 an*”: An ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và an sinh xã hội. Các chương trình này có ý nghĩa và đóng góp cực kỳ quan trọng, là giải pháp để Đà Nẵng thực hiện thành công công tác an sinh xã hội, xây dựng được nếp sống văn hóa văn minh đô thị, quản lý an ninh trật tự, an toàn xã hội, đã tạo thành mục tiêu và động lực để chính quyền thành phố phấn đấu và tạo được niềm tin đối với người dân và du khách và nhà đầu tư. Các chương trình này đã tạo nên một thương hiệu riêng có của Đà Nẵng được cả nước, Trung ương và bạn bè quốc tế thừa nhận và đánh giá cao.

Trong giai đoạn này, kinh tế thành phố Đà Nẵng khá đa dạng bao gồm cả công nghiệp, nông nghiệp cho tới dịch vụ, du lịch, thương mại, trong đó, du lịch, dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nền kinh tế thành phố. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng và giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, công nghiệp. Tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ trong GDP năm 2019 là 57%, công nghiệp - xây dựng là 41% và nông nghiệp là 2%. Đến năm 2020, ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng trong GDP từ 62-65%, công nghiệp - xây dựng 35-37%, nông nghiệp 1-3% [182].

Trong những năm gần đây, song song với việc nâng cao an sinh xã hội, Đà Nẵng còn rất chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường và được đánh giá là thành phố đáng sống nhất Việt Nam. Năm 2018, Đà Nẵng được tạp chí du lịch Live and Invest Overse bình chọn đại diện cho Việt Nam vào danh sách 10 địa điểm tốt nhất để sống ở nước ngoài.

1.3.3. Đặc điểm văn hóa - xã hội - dân cư

Kể từ khi Đà Nẵng trở thành đô thị loại 1, diện mạo văn hóa, xã hội được thành phố chú trọng và quan tâm. Nếp sống văn hóa không ngừng được quan tâm xây dựng lành mạnh. Đời sống văn hóa cơ sở đã có bước phát triển. Trên địa bàn thành phố có 6 bảo tàng, 18 di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, 46 di tích cấp thành phố, 33 lễ hội chính thức được tổ chức hàng năm, 10 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân. Hệ thống giáo dục và y tế của Đà Nẵng dẫn đầu khu vực miền Trung.

Đà Nẵng là đô thị quy tụ điển hình về địa hình kinh tế - chính trị - xã hội- nhân văn của một tiểu vùng, đó là tụ điểm giao lưu của nhiều loại hình - phương thức kinh tế khác nhau. Ở đây gần sông nước nên có nền kinh tế biển, gần rừng nên nghề rừng cũng không xa lạ, gần ruộng đồng nên dân đô thị vẫn giỏi cày cấy, cư dân Đà Nẵng giỏi các nghề cổ truyền. Văn hóa Đà Nẵng cũng vậy, dường như còn bảo lưu hầu hết những giá trị truyền thống và chế biến một cách “hợp khẩu vị” những yếu tố văn hóa ngoại nhập, không để những yếu tố ngoại được tác thành nguyên xi gốc rễ, ví dụ như giọng nói. Trong hưởng thụ văn hóa cũng vậy, người dân Đà Nẵng chấp nhận hết, nhưng một cách từ từ, không vồ vập, xem sao cái đã, không chối bỏ và để chế biến nó thành hợp khẩu vị, hợp với sinh thái nhân văn của mình, vì thế cái mới đến với Đà Nẵng thường khó khăn và lâu hơn so với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Nếu không thấy được sự hội tụ này thì sẽ không lý giải được lối sống của cư dân Đà Nẵng [56].

Cư dân Đà Nẵng nằm trong vùng cư dân Xứ Quảng ở đây bao gồm Quảng Nam và Quảng Ngãi chứ không như phân chia hành chính hiện thời, mà ngay từ thời Lê vùng hai tỉnh này đã được đặt cái tên chung là Thừa Tuyên Quảng Nam, sau đó là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Quảng Nam.

Về mặt địa lý, Xứ Quảng trải dài gần 300km, nhưng nơi rộng nhất chỉ khoảng trên 100km (như ở Quảng Nam), nơi hẹp nhất chỉ khoảng 60km (như ở

Quảng Ngãi). Hình thể này còn được bao bọc bằng dãy Trường Sơn ở phía tây (địa phận của tỉnh Kon Tum) và biển Đông ở phía Đông. Phía Bắc Xứ Quảng giáp với vùng Bắc Trung Bộ, ngăn cách bằng đèo Hải Vân, bên kia là Xứ Huế.

Với những hiểu biết hiện nay, từ di chỉ Gò Trá (Sơn Tịnh, Quảng Ngãi), các nhà khảo cổ học đã có thể nói tới những dấu hiệu đầu tiên của con người ở vùng đất này từ thời đá cũ. Kế tiếp, một số di tích thuộc văn hóa Hòa Bình muộn, như Bầu Dũ (Quảng Nam) . Tuy nhiên, phải tới hậu kỳ đá mới và sơ kỳ đồ đồng với các di tích văn hóa Sa Huỳnh (các lớp tiền Sa Huỳnh, trung kỳ và hậu Sa Huỳnh) thì dấu tích con người ở vùng này mới thực sự trở nên phổ biến.

Giới nghiên cứu đã nói nhiều tới chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh là cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo, họ sinh sống ven biển nước ta vào thời kỳ kim khí sơ kỳ. Và hình như có một dòng "chảy" của cư dân Nam Đảo này từ duyên hải đông nam Trung Quốc xuống suốt dọc ven biển nước ta suốt thời kỳ đá mới đến sơ kỳ kim khí, mà cái điểm tụ lại có lẽ là Sa Huỳnh, trước khi họ bước vào ngưỡng cửa của nhà nước và văn minh. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài khi bàn đến quê hương của người Nam Đảo ở duyên hải đông nam Trung Quốc và các cuộc thiên di của họ xuống Đông Nam Á, đặc biệt là các nước Đông Nam Á hải đảo.

Vào các thế kỷ trước, sau công nguyên, cũng như nhiều vùng khác của Đông Nam Á, cư dân Sa Huỳnh ở duyên hải Trung Trung Bộ đã tiếp thu khá sâu sắc những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ thông qua con đường buôn bán và Ấn Độ giáo. Tuy nhiên, sự tiếp thu văn hóa Ấn Độ của các bộ phận cư dân Sa Huỳnh cũng khác nhau. Các nhóm cư dân Sa Huỳnh nói ngôn ngữ Nam Đảo dọc biển Trung và Nam Trung Bộ bản địa hóa văn hóa Ấn Độ (hay như người ta thường nói là Ấn Độ hóa) thì trở thành người Chăm với nền văn minh Chăm Pa nổi tiếng; còn các nhóm Sa Huỳnh sinh sống ở rìa núi, vùng trung du

bán sơn địa hay đã vượt lên Tây Nguyên, ít hay không chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ thì con cháu của họ sau này là người Êđê, Gia Rai, Raglai, Chu Ru. Nói tóm lại, người Chăm chính là người Sa Huỳnh bị Ấn Độ hóa, còn các tộc người còn lại nói ngôn ngữ Nam Đảo ở nước ta, như Êđê, Gia Rai, Raglai, Chu Ru thì chính là người Sa Huỳnh núi, không bị Ấn Độ hóa.

Bên cạnh những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ thông qua quá trình Ấn Độ hóa các tiểu vương Chăm Pa, chúng ta cũng không thể không đề cập tới những ảnh hưởng của văn hóa Hán từ khá sớm đối với miền Trung nói chung và Xứ Quảng nói riêng. Trước khi người Chăm thành lập các tiểu vương ở miền Trung thì một phần vùng này đã bị nhà Hán đô hộ. Thế kỷ II, lợi dụng địa thế xa Trung Hoa, người Chăm Pa ở Tượng Lâm (có lẽ là vùng đất nằm giữa Hải Vân và Cù Mông, bao gồm toàn bộ Xứ Quảng hiện nay) đã nổi dậy đánh đuổi nhà Hán, thành lập nước Lâm Ấp, tiền thân của Chăm Pa. Trị sở của Lâm Ấp nằm trên đất Quảng Nam, trên bờ sông Thu Bồn. Sau này, quan hệ giữa Chăm Pa vẫn tiếp tục, thông qua thương mại, di dân từ Trung Quốc đến miền này vào các thời kỳ lịch sử khác nhau, hình thành nên các nhóm Minh Hương. Mỗi quan hệ chính trị và văn hóa đó không chỉ thấy trên các di vật khảo cổ, các nhóm dân cư, mà còn phản ánh trong các huyền thoại, tiêu biểu là huyền thoại Pônugar (Bà mẹ Xứ sở) của người Chăm đã từng trôi dạt vào Trung Hoa và lấy hoàng tử Trung Quốc.

Có lẽ những ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa tới vùng đất miền Trung và Xứ Quảng mạnh mẽ nhất kể từ sau những đợt di dân vào xứ này thời kỳ Minh và Thanh. Các nhóm Minh Hương đã di cư đến vùng này, mang theo văn hóa và trực tiếp truyền bá, trong đó tiêu biểu là người Hoa ở Hội An (Quảng Nam), Thu Xà, Cổ Lũy (Quảng Ngãi)...

Việc di dân người Việt vào Xứ Quảng, trong đó có Đà Nẵng diễn ra nhiều đợt, bắt đầu từ thời Trần và kéo dài tới tận ngày nay. Nguyễn Xuân Hồng đã phân chia các đợt di dân của người Việt vào Quảng Nam thành các

đợt: 1) Di dân theo Huyền Trân công chúa, 2) Di dân theo cuộc viễn chinh của Lê Thánh Tông, 3) Di dân cùng Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận, Quảng, 4) Di dân từ Quy Nhơn và miền Nam ra dưới thời Nguyễn Huệ và thời kỳ đầu vương triều Nguyễn, 5) Di dân từ miền Bắc vào thời kỳ 1954-1975, 6) Di dân từ Huế vào thời kỳ sau giải phóng miền Nam 1975 [118].

Từ 1975 đến trước 1997, cơ chế hành chính tập trung quan liêu, bao cấp và sự sáp nhập Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam đã hạn chế sự phát triển nhiều mặt của đô thị giàu tiềm năng này, kinh tế - xã hội phát triển một cách chậm chạp, lượng cư dân đến thành phố cũng hạn chế. Bên cạnh đó, dân cư ngoại tỉnh về quê sau ngày giải phóng nhiều cũng làm cho quy mô dân số Đà Nẵng giảm xuống.

So với những người di dân vào Nam Bộ, phương thức di dân của người Việt vào Xứ Quảng/miền Trung, có nhiều nét đặc thù. Thứ nhất, như trên đã nói, phần lớn cư dân này có gốc từ vùng Thanh Nghệ; thứ hai, họ thường di dân theo cộng đồng làng xã và dòng họ là những người nghèo, không có ruộng đất; thứ ba, một bộ phận lớn những người di dân thuộc diện tòng binh trong quân đội nam chinh được phân công ở lại khai phá sau chiến thắng; thứ tư, một bộ phận người di dân là gia nhân, tùy tướng, thân tộc của các vua quan chúa Nguyễn; thứ năm là bộ phận di dân gồm những tù binh, hàng binh trong các trận giao tranh Bắc Nam; thứ sáu, người di dân là những người có óc mạo hiểm, phiêu lưu muốn thoát khỏi khủng hoảng xã hội thời Trịnh. Do vậy, khi vào vùng đất mới ở Trung Bộ, trong quá trình khai hoang, lập ấp, họ vẫn duy trì được ở mức nào đó cộng đồng cũ nơi quê hương xứ sở, khác với những người di dân vào Nam Bộ thường theo quy mô gia đình nhỏ hay cá nhân. Khi đặt tên thôn làng nơi đất mới, không ít trường hợp họ vẫn giữ tên làng cũ, vẫn thờ các vị thần và phong tục nghi lễ nơi chôn nhau cắt rốn.

Riêng thành phố Đà Nẵng, từ 1997 đến nay, khi Đà Nẵng trở thành đơn

vị hành chính trực thuộc Trung ương, và tiếp đó là đô thị loại 1 cấp quốc gia vào năm 2003, quá trình đô thị hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tạo tiền đề cần thiết để xây dựng và phát triển Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm du lịch, dịch vụ... văn hóa, thể thao, giáo dục. Dân số Đà Nẵng là 1.220.190 người tính đến năm 2022 theo ước tính trung bình của Tổng cục Thống kê Việt Nam, đứng thứ 34 cả nước. Dân số Đà Nẵng tập trung khu vực thành thị là chủ yếu với tỷ lệ 86,97%. Mật độ dân số có sự chênh lệch khá lớn giữa các ngoại ô và quận khu vực trung tâm. Đó là quận Thanh Khê và quận Hải Châu luôn được coi là điểm nóng khi dân số chiếm tới gần 40% dân số toàn thành phố, trong khi đó diện tích tự nhiên hai quận này chỉ chiếm có 2,6 % diện tích toàn thành phố. Từ năm 2003 đến 2023, mỗi năm tăng dân số cơ học tại Đà Nẵng khoảng 15 ngàn người.

Cho đến nay, cộng đồng người Việt trên mảnh đất Đà Nẵng đã trải qua thời kỳ rất dài hình thành và phát triển với không ít chông gai và thăng trầm của lịch sử. Từ những đợt di dân đã mang trong mình truyền thống văn hóa bản xứ, chung tay, góp sức xây dựng thành phố Đà Nẵng bên vịnh biển ngày càng phát triển. Bên cạnh đó, thời kỳ nhượng địa và quá trình hội nhập quốc tế trong những năm gần đây, Đà Nẵng đã và đang đón nhận sự gia nhập của văn hóa, lối sống đô thị một cách mạnh mẽ. Phải thừa nhận rằng vai trò góp phần đa dạng hóa văn hóa, lối sống của những tầng di dân, nhập cư, du lịch, đầu tư... này đến với Đà Nẵng là rất cần thiết, tuy nhiên cũng đặt ra thách thức đối với diện mạo và lối sống của cư dân Đà Nẵng, buộc Đà Nẵng phải vững chãi từ văn hóa truyền thống của mình, tiếp thu có giá trị văn hóa khác, tạo nên văn hóa, lối sống khá riêng, đặc trưng của người Đà Nẵng.

Tiểu kết

Mặc dù có nhiều khái niệm khác nhau về lối sống được thể hiện qua phân nghiên cứu trong luận án nhưng với mục đích nghiên cứu như đã nói

trên, nghiên cứu sinh chọn khái niệm: “Lối sống là một tổng thể những hình thái hoạt động của con người, phản ánh các đặc điểm sinh hoạt vật chất, tinh thần của cộng đồng người đã tạo ra lối sống đó” [137].

Trong phần này, nghiên cứu đã tập trung nhận diện biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng ở đời sống sinh hoạt, thể hiện trong cung cách ăn (ẩm thực), mặc (thời trang), ở (nhà cửa), đi lại...; các thành tố liên quan đến đời sống kinh tế, cung cách mưu sinh; các thành tố liên quan đến đời sống xã hội, thể hiện qua văn hóa ứng xử trong các quan hệ xã hội; các thành tố liên quan đến đời sống tinh thần, cách thức hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa...

Lối sống biến đổi do nhiều yếu tố dưới tác động của môi trường toàn cầu hóa, đô thị hóa..., trong đó có cả hoạt động phát triển du lịch. Trong phạm vi luận án, xin được đề cập đến du lịch như là một môi trường nghiên cứu tác động thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội tạo nên sự thay đổi về lối sống. Với thành phố Đà Nẵng, du lịch phát triển trên nền tảng tài nguyên thiên nhiên đa dạng, bờ biển trải dài, được quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng du lịch và hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao tạo ra là môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa tác động trở lại để phát triển du lịch. Cư dân Đà Nẵng hình thành trải qua hàng trăm năm nhập cư cộng với thời kỳ nhượng địa, quá trình hội nhập quốc tế của một vùng đất vừa có nền văn minh nông nghiệp và ngư nghiệp là chính. Nhìn vào các nghiên cứu của các tác giả đi trước và thực tế cho thấy, không thể chối bỏ mặt tích cực của du lịch vì đó là môi trường tốt cho việc phát triển kinh tế nhưng chưa nhìn nhận dưới góc độ văn hóa học, chưa nhận diện sự biến đổi về lối sống do tác động của môi trường du lịch. Luận án này sử dụng hướng tiếp cận biến đổi xã hội theo quan điểm biến đổi văn hóa và nhìn nhận du lịch là môi trường tích cực biến đổi lối sống để xem xét quá trình người dân ở Đà Nẵng xây dựng lối sống khác biệt như thế nào trong bối cảnh phát triển du lịch.

Chương 2

LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN ĐÀ NĂNG TRƯỚC KHI ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH

2.1. Lối sống cư dân Đà Nẵng trước năm 1945

2.1.1. *Cung cách sinh hoạt*

Lối sống ở Đà Nẵng nhìn từ khía cạnh làng xã cổ truyền, tức là ở đó kết cấu kinh tế - xã hội ít có sự thay đổi hoặc không có sự biến đổi mang tính căn bản. Thực tế, từ cuối thế kỉ XIX, trong lòng Đà Nẵng, còn diễn ra quá trình định hình một lối sống khác, do ở đây đã hình thành một đô thị hiện đại kiểu phương Tây. Ngày 1-10-1888, dưới áp lực thực dân Pháp, vua Đồng Khánh ban hành đạo dụ trong đó khẳng định: “Các lãnh thổ thuộc các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và khu Đà Nẵng được Chính phủ Đại Nam kiến lập thành nhượng địa và nhượng trọn quyền sở hữu cho Chính phủ Pháp và Chính phủ Đại Nam từ bỏ mọi quyền hành trên các lãnh thổ đó” [92].

Đạo dụ này được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn ngày 3 tháng 10 năm 1888. Theo đó, nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng gồm 5 xã thôn thuộc tổng Bình Thới Hạ, huyện Hòa Vang: Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Thang, Nam Dương, Nại Hiên Tây. Đó là khu đất phía tả ngạn sông Hàn, diện tích khoảng 10.000ha. Trên phần đất này, Toàn quyền Đông Dương liên tiếp ra các Nghị định 24-5-1889, 25-3-1892 và 31-3-1892 để thành lập thành phố Đà Nẵng (Municipalité de Tourane). Đến ngày 15-1-1901 đạo dụ của vua Thành Thái cho phép lấy thêm các xã, thôn: Xuân Đán, Thạch Gián, Liên Trì, Bình Thuận, An Khê, Xuân Hòa, Thanh Khê Đông, Hà Khê thuộc huyện Hòa Vang và Mỹ Khê, An Hải, Tân Thái, Nại Hiên Đông, Mân Quang, Vĩnh An thuộc huyện Diên Phước, sáp nhập vào nhượng địa. Tổng cộng, bấy giờ nhượng địa Đà Nẵng gồm 19 xã (thôn) nằm về cả hai phía sông Hàn, 13 xã bên tả ngạn và 6 xã bên hữu ngạn. Các ngôi chợ được xây dựng bằng gạch, đá với diện tích

khá rộng, gồm vài trăm gian hàng. Bên kia hữu ngạn sông Hàn cũng có một số tòa nhà nằm trong phạm vi của khu nhượng địa đã được xây dựng [92].

Từ đây, quá trình đô thị hóa diễn ra ở khu vực nhượng địa ngày càng mạnh, làm thay đổi căn bản diện mạo đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, biến nó trở thành một đô thị hiện đại kiểu phương Tây, với tên gọi Tourane. Những công sở, nhà ở bề thế của người Pháp, mang phong cách kiến trúc Pháp xuất hiện ngày càng nhiều; kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật được quy hoạch, xây dựng bài bản, như hệ thống đường phố kiểu bàn cờ trong nội thị, các tuyến giao thông huyết mạch nối Tourane với vùng phụ cận như Hội An, Huế, và hệ thống cảng biển, bến tàu, đặc biệt là sự ra đời sân bay dân dụng Đà Nẵng (1926).

Đó còn là lối sống tiện nghi và có xu hướng hưởng thụ. Dù không được hào hứng đón nhận ngay từ đầu, nhưng trước áp lực cuộc sống đô thị bận rộn và căng thẳng, và từ nhu cầu cần chứng tỏ đẳng cấp thượng lưu của một phân hãnh tiến, thì những vật dụng tiện lợi, những thú vui chơi, sinh hoạt mới, những của ngon vật lạ đã từng bước xâm nhập vào đời sống xã hội. Sức mạnh của nó thậm chí không cho phép người ta chọn lựa, ngay cả với tầng lớp trí thức cự học có tinh thần dân tộc. Nhà cửa, ăn mặc, sinh hoạt vui chơi giải trí đã thay đổi.

Trong nhượng địa, phía tả ngạn sông Hàn, nhiều nhà gạch xuất hiện thay cho nhà tranh vách đất, hay kiểu nhà ống ở các tuyến phố kinh doanh buôn bán, đặc biệt có cả những căn biệt thự mang đậm phong cách kiến trúc Pháp. Kèm theo đó là sự chần chu, gọn gàng, lịch sự trong thiết kế không gian nội thất, nó đề cao tính chuyên biệt, riêng tư, cá nhân, từ phòng khách, buồng ngủ, bếp núc .v.v. Những vật dụng phục vụ sinh hoạt đời thường hiện đại, bền đẹp và thời thượng được sử dụng. Ánh sáng từ đèn “măng sông” (manchon), đèn điện thay thế đóm sáng đèn dầu hiu hắt, leo lét; những bộ salon mới lạ thế

chỗ những bộ sập gu nhuộm màu xưa cũ. Nhà cửa, đến đây, thực sự là nơi để người ta nghỉ ngơi, hơn thế, còn làm ăn kinh tế và, cả sự biểu hiện vị thế xã hội, tri thức, đẳng cấp của gia chủ.

Lối ăn mặc mới cũng hình thành. Thức ăn ngoài cơm rau cá truyền thống còn thêm bánh mì, bơ, sữa có nguồn gốc châu Âu, cao lầu của người Hoa. Ngoài không gian gia đình, các tiệm ăn, nhà hàng cũng là nơi được nhiều người lựa chọn, cốt để nhanh, gọn hay thưởng thức, thết đãi thân hữu, đối tác. Âu phục dần thay thế kiểu Việt phục rườm rà, cổ hủ, đôi khi thiếu lịch thiệp. Giày dép, mỹ phẩm phương Tây được ưa thích. Vượt qua nhu cầu mang tính tự nhiên, thay vì ăn no mặc ấm người ta tiến đến ăn ngon mặc đẹp [118].

2.1.2. Cung cách mưu sinh, phương thức sinh kế

Quây quần khu vực ven sông là các ngôi nhà của người bản xứ và một con đường nhỏ đủ để di chuyển khi thủy triều xuống. Báo cáo của Ủy ban Navelle năm 1885 cung cấp thêm thông tin: “Tại Đà Nẵng có một khu chợ chính nằm ở bờ tây của sông Hàn, nơi đây có một số cửa hàng kinh doanh, văn phòng hải quan của Pháp và văn phòng của Công ty Messageries Maritimes” [92].

Mặc dù dân cư thưa thớt, song các hoạt động buôn bán lại diễn ra thường xuyên. Hằng tháng, các tàu, thuyền của Trung Hoa, Nhật Bản và đặc biệt là của Anh, Đức đều cập cảng mang theo nhiều loại hàng hóa. Theo đánh giá của Công ty Messageries Maritimes: Đà Nẵng được xem là một thị trường rộng lớn của khu vực Trung Kỳ. Cảng Đà Nẵng rộng rãi, an toàn và được kết nối với nội địa bằng một con sông lớn cùng các tuyến đường giao thông [118].

Hoạt động tài chính, thương mại, công nghiệp, phát triển. Năm 1891, Ngân hàng Đông Dương (Banque de L' Indochine) đã mở chi nhánh tại Tourane, với mười chức năng hoạt động, như: lưu hành giấy bạc, ứng trước tiền cho việc mua hàng hóa, cho vay trừ vào thu hoạch mùa màng, cấp các thư

tín dụng... Tiếp sau đó là Ngân hàng Pháp - Hoa (Banque Franco - Chinois) (1927) và Ngân hàng Nông tín bình dân (Banque de Crédit Populaire Agricole) (khoảng sau 1930). Nhiều công ty, nhà máy, kho xưởng, chủ yếu trong lĩnh vực chế biến nông sản, công nghệ thực phẩm, xây dựng được thiết lập. Hàng loạt công ty xuất nhập khẩu, khách sạn, nhà hàng ra đời. Nhiều thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế hiện đại lần đầu xuất hiện, như: các trường tiểu học (công lập), trường trung học (tư thực), bệnh viện, bảo tàng, khu nghỉ dưỡng, rạp hát, sân vận động. Kết cấu dân cư xã hội cũng biến động đáng kể. Vào khoảng năm 1920, dân số nhượng địa khoảng 10.000 người, đến cuối thập niên 30 tăng lên khoảng 25.000 người, bao gồm cả người Việt, người Pháp, Hoa kiều, Ấn kiều... Họ thuộc đủ mọi thành phần của xã hội: tư sản, tiểu tư sản, nông dân, công nhân [92].

Các bộ phận cư dân ở đây nhất là tiểu thương, thợ thủ công, phu xe, công nhân nhà máy.v.v. đã bắt đầu bước vào một guồng sản xuất kinh doanh tất bật, do yêu cầu của cuộc sống đô thị mới đặt ra. Những dòng hồi tưởng và nhận định sau đây của một nhân chứng, ông Nguyễn Sơn Trà, cho phép hình dung sinh hoạt của cư dân đô thị nhượng địa hồi những năm 30 (thế kỉ XX):

Thêm vào những công trình đó, còn có nhà ga chợ Đà Nẵng, cứ mỗi buổi mai, hồi 6 giờ và mỗi buổi tối, hồi 18 giờ là đông đúc khách hàng lên xuống, chen chúc giành nhau từng bước. Cách đó từ hai đến ba cây số, lại có một nhà ga lớn hơn gọi là Ga Lớn, trong khu vực Ga Lớn lại có xưởng sửa chữa đầu máy, có cầu quay... Nếu đi một vòng quanh thành phố từ Cổ viện Chàm xuống đến Trẹm (tức là cuối con đường Bạch Đằng bây giờ) ngừng lại từng chặng mà xem, chặng cầu Thương chánh, chặng cầu Quảng Hòa Mỹ, chặng hăng L'UCIA (trụ sở trung bày tội ác Mỹ trước đây) thì ta sẽ thấy nào là công chức, nào tư chức, nào thợ thuyền, nào lao động từ các

công sở, các trụ sở, các bến tàu tuôn ra nườm nượp. Kẻ đi thẳng về nhà, người ghé quán rượu nhậu đôi ba cốc để lấy lại sức. (...) Có thể nói rằng, Đà Nẵng là thành phố của thợ thuyền và viên chức (những người lao động trí óc). So với tất cả các thị xã, thành phố hồi bấy giờ tại Trung kỳ, thì Đà Nẵng quả thật đông đúc và náo nhiệt hơn bất cứ nơi nào khác [127].

Năm 1925, Tạp chí *L'Eveil Économique de l'Indochine* trong bài viết “Đà Nẵng - Thành phố của tương lai” có những miêu tả rằng: Đà Nẵng đang tự thể hiện là trung tâm của một vùng nội địa rộng lớn, với nhiều khả năng phát triển. Con đường cái quan hoàn thiện đã biến Đà Nẵng trở thành xuất phát điểm quan trọng của các luồng thương mại tiến về phía nam. Mỏ than Nông Sơn đang được khai thác và một mỏ khác đang quy hoạch. Một công ty của Pháp được thành lập với số lượng vốn lớn và có nhiều kinh nghiệm trong việc trồng trọt, xuất khẩu trà [102].

Như vậy, Đà Nẵng dưới thời thuộc địa, cái lõi trung tâm (tức khu nhượng địa) đã thực sự chuyển mình theo hướng đô thị, cùng với sự du nhập văn hóa phương Tây, đã tạo nên một lối sống khác biệt so với bộ phận cư dân tại các làng xã truyền thống ở vùng ngoại vi.

2.1.3. Cung cách ứng xử

Trước hết đó là lối sống năng động. Sự năng động của cư dân đô thị Đà Nẵng lúc bấy giờ tất nhiên không thể so sánh với hiện tại, dù với đô thị nào ở Việt Nam, nhưng rõ ràng, quang cảnh buồn tẻ, nhịp điệu chậm rãi của xã hội cổ truyền đã thực sự đi vào quá khứ, thay vào đó, nhịp sống thành phố đã nhanh hẳn lên, đông đúc, xô bồ. Như vậy, có thể thấy rằng, dưới thời Pháp thuộc, dù chịu sự kiểm tỏa của chính quyền thuộc địa Pháp, song, Đà Nẵng với những lợi thế vốn có của mình đã chủ động tiếp biến những giá trị tân tiến của thời đại để vươn lên trở thành một đô thị năng động bậc nhất khu vực miền Trung lúc bấy

giờ. Những tiền đề được tích lũy ở giai đoạn này sẽ tạo nên cơ sở và động lực cho sự phát triển về sau này của một đô thị hiện đại mà tương lai sẽ nắm giữ vai trò là trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung Việt Nam.

2.1.4. Cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa

Các hoạt động giải trí, biểu diễn văn hóa nghệ thuật theo kiểu phi truyền thống cũng từng bước chiếm lĩnh đời sống tinh thần của nhiều thị dân, không chỉ đối với nước ngoài mà cả người Việt. Họ đã tìm đến công viên, các rạp chiếu phim, nhà hát, sân khấu xiếc, tụ điểm trình diễn nghệ thuật để thư giãn, thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, bồi bổ sức khỏe tinh thần. Các đoàn nghệ thuật cải lương danh tiếng ở miền Nam, rồi các đoàn ca kịch Huế, gánh xiếc Tạ Duy Hiền, Long Tiên đều từng ít nhất một lần đến biểu diễn tại Tourane. Một bộ phận tầng lớp trên rất thích xem hát ả đào tại các cơ sở do người Việt chủ trương, tiêu biểu như cơ sở của bà Nguyễn Thị Xuyên ở làng Nại Hiền. Nhưng người dân Tourane mê nhất là xem hát bội do gánh hát La Bông (của huyện Hòa Vang) trình diễn. Địa điểm là các rạp hát Thông Quang, Hòa Bình và Vĩnh Lạc. Các vở như “Tam Quốc”, “Ngũ Hồ”, “Sơn Hậu”, “Lý Mã Hiền”, “Đào Phi Phụng”... được khán giả chào đón nồng nhiệt. Từ đầu những năm 40 (thế kỉ XX), Đà Nẵng đã có sân vận động và “Đội bóng đá Tourane”. “Bấy giờ, những trận cầu giao hữu hay những trận tranh giải đã trở thành những dịp giải trí tập thể, hấp dẫn mọi tầng lớp thị dân, từ trẻ đến già, bình dân cũng như trí thức, chẳng kém gì những ngày hội làng với các cuộc đua ghe náo nức mà họ đã từng quen thuộc” [127].

2.2. Lối sống của cư dân Đà Nẵng trước năm 1975

2.2.1. Cung cách sinh hoạt

Biểu hiện rõ nhất, mang tính tổng hợp của các yếu tố trên là trong đời sống sinh hoạt thường nhật, thiết yếu của người dân. J. Barrow, một người Pháp, đã đến và lưu lại Đà Nẵng hai năm 1792 - 1793, cho chúng ta một sự

hình dung cơ bản, thông qua những quan sát và cảm nhận đầy tinh tế của tác giả. Ông cho biết, cư dân nơi đây mỗi ngày thường chỉ ăn hai bữa: một bữa vào khoảng 9,10 giờ sáng, bữa kia vào lúc xế chiều. “Trong mùa khô - J. Barrow viết tiếp, họ thường ăn cơm ở trước cửa những ngôi nhà tranh của họ, trên những chiếc chiếu trải ở ngoài trời. Ở đâu mọi người cũng ăn uống giống nhau, không ai cảm thấy xấu hổ khi bày ra bữa cơm đạm bạc” [11].

Về phục sức, J. Barrow viết tiếp:

Quần áo của giới nữ không có gì là hấp dẫn. Nhìn chung một chiếc áo vải bông dài lưng thụng, màu nâu hoặc xanh, buông rủ xuống tận giữa bắp đùi, một chiếc quần đen bằng vải thô dày, may rất rộng là y phục thông thường của họ. Họ hoàn toàn không dùng bút thắt và đi giày... Mái tóc đen dài của họ đôi khi được quấn thành búi cố định trên đỉnh đầu, đôi khi được buông lỏng thành những lọn tóc rủ xuống sau lưng, thường là tới tận mặt đất... Y phục của người đàn ông ít phân biệt với y phục nữ giới, nếu có là một chiếc áo khoác và đôi ống quần dài. Một số người chít khăn quấn đầu, có hình dáng giống như chiếc khăn xếp của người Hồi giáo. Một số khác đội nón, mũ có hình dáng khác nhau và làm bằng những chất liệu khác nhau, nhưng hầu hết đã được tính toán sao cho mặt được che khỏi ánh nắng mặt trời. Nhằm mục đích đó, họ đã sử dụng cả những chiếc ô làm bằng giấy bồi cứng Trung Quốc, hoặc những màn che làm bằng lá cây Borassus hay lá cọ và những cây khác trong họ cọ, cùng những chiếc quạt làm bằng lông chim [11].

Với kiểu phục sức này, theo J. Barrow, là quá mộc mạc và thậm chí phản ánh một điều kiện sống thiếu thốn. Bởi vậy, ông kết luận: “Tóm lại, ta không nhìn thấy được điều gì có thể gây ấn tượng mạnh đối với tâm trí một người nước ngoài, với những đánh giá cao về điều kiện sống hạnh phúc của

dân tộc này” [11].

Kiến trúc, quy mô nhà cửa cùng những vật dụng sinh hoạt cũng không lấy gì làm khang trang, tốt đẹp.

Nhìn chung - vẫn theo J. Barrow, những nhà ở vùng phụ cận vịnh Turon chỉ gồm bốn bức vách đất, mái lợp tranh, và vì những ngôi nhà đó nằm ở những nơi đất thấp gần các dòng sông, nên thường được dựng trên bốn cột gỗ hoặc trụ đá để ngăn ngừa những loại chôn, cáo, chuột, bọ hoặc nước lụt tràn vào. (...) Những ngôi nhà tranh có ít đồ đạc, và những đồ đạc ít ỏi đó được chế tạo thô sơ như thể chỉ dùng tạm thời. (...) Những đồ dùng trong nhà chủ yếu gồm một lò đốt bếp bằng đất, một nồi sắt nấu cơm, một cái chảo dùng để xào rau với dầu ăn và một vài chén bát bằng sứ [11].

Điều đáng nói là cho đến năm 1888, ngay ở khu vực nằm trong nhượng địa Pháp, qua quan sát của họ, sự đơn giản của nhà cửa đến độ nghèo nàn:

Đà Nẵng không có một chỗ ở nào xứng đáng được gọi là nhà, vài nhà tranh làm nơi cư trú cho các quan chức người bản xứ của địa phương, bên cạnh những công sự nhỏ, hoang phế, một kho lúa lớn, hai hay ba người Hoa (chi nhánh của Hội An) và một vài ngôi nhà tranh tồi tàn làm nơi trú ngụ cho ngư dân... Chỗ ở của những cư dân rất sơ sài, trừ một người ở riêng trong một nhà tranh cách biệt, tất cả mọi người đều ở chung, mọi nhu cầu sinh hoạt đều diễn ra ở [11].

Thật ra, nhìn nhận trên đây cũng chưa hẳn hoàn toàn chính xác. Bởi, chính trước đó J. Barrow đã cho rằng, “Nhìn chung, những căn nhà tranh ở Turon kín đáo và sạch sẽ, đủ chắc chắn để bảo vệ người dân khỏi nắng nóng trong mùa này và tránh được những cơn mưa lớn trong mùa kia [trích dẫn từ 11]. Nghĩa là, nhà cửa tuy đơn sơ nhưng gọn gàng, ngăn nắp và đủ đảm bảo cho sinh hoạt ăn nghỉ của người dân - một biểu hiện của lối sống “tối giản”

phù hợp với hoàn cảnh lịch sử hiện thời; chứ nó không hề luộm thuộm, xiêu vẹo, “tồi tệ” - một biểu hiện của cuộc sống bi đát, lối sống phó mặc.

Đặc biệt hơn, lối sống thuần phác, giản tiện và tiết kiệm còn được nhìn nhận cả trong lễ hội. Một trong những đặc trưng của lễ hội là sự phung phí đến thừa thãi của ẩm thực. Chính điều này cùng với những biểu hiện khác nữa, làm nên đặc tính *vượt giới hạn* của lễ hội. Thế nhưng, nghiên cứu lễ hội của cư dân Đà Nẵng trong xã hội cổ truyền, có vẻ như đều nằm trong một giới hạn nào đó, nghĩa là dù vượt giới hạn nếu có, cũng không đạt đến mức độ ấn tượng. Hội tiệc thật dân dã. Cả cộng đồng cùng quyên góp để tổ chức ăn uống ở mức “vừa đủ”, với những món không mấy xa cách trong cuộc sống đời thường, khác chẳng chỉ là một chút cầu kì trong chế biến và sự trang trọng trong bày biện. Thậm chí, ngay cả ẩm thực nghi lễ - lễ vật, ngoài một số mang tính ràng buộc truyền thống (thường có giá trị kinh tế không cao) như hương hoa trầu rượu, gà, đầu lợn ..., còn lại vẫn là mùa nào thức ấy, có gì cúng nấy. Hơn thế, có nơi như lễ hội đình làng Thái Lai chỉ tổ chức tế tự đơn sơ, nghiêm cấm tiệc tùng. Hương lệ của làng lập năm Thành Thái thứ 14 (1902) có khoản quy định: “Khoản, hội làng chỉ dùng trầu rượu làm lễ, không được thu nạp tiền để ăn uống. Nếu làm trái, trách phạt lý trưởng 3 quan tiền, hào mục mỗi người 1 quan, một bàn trầu rượu” [11].

Có lẽ cũng từ những biểu hiện trên nên cuối thế kỉ XIX, các sử gia nhà Nguyễn đã hạ những dòng đánh giá đầy quyết liệt khi bàn về phong tục huyện Hòa Vang, rằng “ăn mặc tiêu pha tản tiện” [34].

2.2.2. Cung cách mưu sinh, phương thức sinh kế

Nói đến lối sống ở Đà Nẵng trước 1975, trước hết và quan trọng nhất là nói đến lối sống nông thôn cổ truyền, với nền tảng kinh tế nông nghiệp, kết hợp với ngư nghiệp.

Đà Nẵng vốn là cự địa của người Chăm, được sáp nhập vào lãnh thổ

Đại Việt năm 1306, khi vua Chăm Chế Mân (Harjit - Jaya Sinhavarman IV) dùng 2 châu Ô, Lý làm sính lễ cưới công chúa Huyền Trân nhà Trần. Từ đó, theo đà Nam tiến của dân tộc, Đà Nẵng không ngừng đón các lớp cư dân Việt từ đất Bắc (chủ yếu là vùng Hoan - Ái tức Thanh - Nghệ) đến dừng chân khai phá. Đó cũng là quá trình hình thành nên các làng xã lấy nông nghiệp, chính xác hơn là nông nghiệp trồng lúa, làm phương thức sản xuất vật chất chủ yếu. Dương Văn An trong *Ô châu cận lục* (một cuốn địa chí được biên soạn hoàn thành năm 1555), khi viết về phong tục huyện Điện Bàn đã cho biết dân ở đây “lấy thóc làm giàu”. Huyện Điện Bàn lúc bấy giờ, cũng theo tài liệu trên, có 66 xã, trải rộng từ chân đèo Hải Vân đến khu vực bắc Quảng Nam hiện nay. Trong số đó, nhiều xã nay thuộc thành phố Đà Nẵng, như: Kim (Cẩm) Nê, Yên Nê, Thúy (Túy) Loan, Kim (Cẩm) Toại, Liên Trì, Quá Giản (Giáng), Lỗ Giản (Giáng), Giản (Giáng) Đông, Minh (Quang) /* Châu, Cẩm Lệ, Thạc Giản (Gián), Vân Dương, Hóa Khuê ... Nông nghiệp trồng lúa không chỉ là sinh hoạt kinh tế mang tính thời đoạn như “là một hệ quả tức thời và trực tiếp của công cuộc khai khẩn” trên vùng đất mới, mà đã trở nên gắn chặt với người dân Đà Nẵng cho mãi về sau. Hơn thế, hiện tượng này còn diễn ra ở những làng ven biển, nơi nhiều người thường làm tương kinh tế ngư nghiệp phải trở nên quan yếu; hoặc ngay trong khu vực nhượng địa, khi vào giai đoạn nó đã thực sự được đô thị hóa dưới bàn tay của Pháp. Qua phân tích địa bạ một số làng xã ven biển đầu thế kỉ XIX cho thấy, ở đây ngoài làng phi nông nghiệp, còn có làng vừa phi nông nghiệp vừa kết hợp nông nghiệp và cả làng nông nghiệp. Trong đó, loại thứ nhất như các làng Hoa Ô (tức Nam Ô), Tân An (tức Tân Thái), loại thứ hai như làng Cỏ Mân, và loại thứ ba là hai làng Thanh Khê, Nam An (nay là Nam Thọ). Còn ở khu vực nhượng địa, vào cuối thập niên 20 của thế kỉ XX, diện tích ruộng là 1000 ha. Không gian nhượng địa như ta biết, bấy giờ gồm 19 xã, trong đó 13 xã ở khu vực trung tâm phía tả

ngạn sông Hàn và 6 xã đối diện phía hữu ngạn [7].

Tất nhiên, ở khu vực ven biển, kinh tế ngư nghiệp (đánh bắt hải sản) cũng xuất hiện và dần phát triển về quy mô. Đó có thể là làng “thuần ngư” mang tính lâu đời như trường hợp làng Tân An (Tân Thái). Chính tờ đơn của làng đề ngày mùng 2 tháng 11 năm Gia Long thứ 11 (1812) gửi hai bộ Hình và Hộ kiện làng Nam An xâm chiếm hồ đầm, bãi cát ven biển, đã xác nhận: “Dân làng chúng con lớn nhỏ đều theo nghề đan lưới đánh cá ở các đầm ngoài biển như các xứ Bãi Nôm, Bãi Láng, Bãi Trìa, Bãi Bụt, Bãi Phá, chịu nạp thuế đầm, thuế dung, sưu vào các vụ” [trích dẫn từ 89]. Điều này càng được củng cố qua tư liệu địa bạ thời Gia Long (1815), khi số ruộng đất thực canh của làng chỉ 2 mẫu 9 sào 2 thước, và, 100% là ruộng phụ canh (hay xâm canh), tức chủ sở hữu là người ngoài làng. Ngoài Tân Thái, đa phần ở những làng xã khác, ngư nghiệp hoặc ra đời và tồn tại song hành với nông nghiệp hay hoạt động kinh tế khác, hoặc là kết quả của sự chuyển đổi từ nông nghiệp, có thể bộ phận hay toàn thể. Chẳng hạn, làng Hoa Ổ (Nam Ô) bên cạnh đánh bắt còn có nghề chế biến hải sản, tức nước mắm, và, nghề làm pháo. Ngược lại, từ một làng nông nghiệp đầu thế kỉ XIX, đến đầu thế kỉ XX, ta đã thấy ở Thanh Khê có hội đánh cá, nghĩa là đã hình thành một cộng đồng ngư dân tương đối. Với làng Mỹ Khê, tuy khởi nguyên cũng là làng nông nghiệp, song, về sau có vẻ ngư nghiệp đã chiếm ưu thế, nên mới có câu ca: Cửa Hàn nằm ở trong xa/ Trước mũi Sơn Trà, sau có hòn Nghê/ Vũng Nôm, vũng Bắc gần kề/ Mỹ Khê làng mới làm nghề lưới đăng [7].

Nằm trong bối cảnh chung của kinh tế xã hội Việt Nam thời phong kiến, trình độ sản xuất nông, ngư nghiệp ở Đà Nẵng mang nặng tính thủ công, giản đơn và lạc hậu. Trong nông nghiệp, vẫn phương thức cày sâu cuốc bẫm, sử dụng sức người và sức kéo động vật. Trong ngư nghiệp, chủ yếu là đánh bắt gần bờ do hạn chế của phương tiện ghe thuyền, ngư cụ. Và, tất cả đều phải

chờ đợi sự phán xét của ông trời; nghĩa là, một nền sản xuất hoàn toàn thụ động, phụ thuộc vào tự nhiên. Trong khi đó, với nông nghiệp, ruộng đất ít và không mấy màu mỡ, chủ yếu là những đám trũng nằm xen giữa các gò đồi và bãi cát ven biển. Đầu thế kỉ XIX, Hòa Vang là huyện có tỉ lệ ruộng đất sử dụng trên tổng diện tích đất đai thấp nhất so với các địa phương khác ở dinh Quảng Nam, khoảng 49%; trong khi đó, các huyện Hà Đông, Duy Xuyên, Lễ Dương, Diên Khánh lần lượt là 87%, 75%, 75% và 66%. Ruộng đất không chỉ ít mà còn nghèo dinh dưỡng. Từ tư liệu địa bạ thời Gia Long cho thấy, với các làng ven biển, ruộng hạng 3 và ruộng thu (tức ruộng hạng tư, một vụ, cấy vào mùa Hạ gặt vào mùa Thu) - hai mức thấp cuối cùng trong thang phân loại đẳng hạng ruộng đất lúc bấy giờ - chiếm ưu thế tuyệt đối. Với những làng xã khác, chất lượng ruộng đất có phần tốt hơn, song chủ yếu vẫn là ruộng hạng 3. Ngay như làng Thúy (Túy) Loan - nơi được coi là trù phú của Hòa Vang, thì trong tổng số 286 mẫu 4 sào 4 thước 3 tấc ruộng đất thực canh, tỉ lệ ruộng đất các hạng (từ 1 đến 4) lần lượt là: 5% (14 mẫu 3 sào 7 thước), 6% (17 mẫu 1 sào 11 thước 5 tấc), 77% (221 mẫu 2 sào 7 thước 4 tấc) và 12% (33 mẫu 6 sào 8 thước 1 tấc) [7]. Vậy nên, người dân nông thôn Đà Nẵng luôn phải đối mặt với những thất bại trong sản xuất, tình hình thiếu đói diễn ra thường xuyên, đặc biệt là sự mất mát về con người trong ngư nghiệp đã trở thành ám ảnh, như lời tâm sự chân thành của cô gái xứ Quảng: Lấy chồng nghề ruộng em theo/ Lấy chồng nghề biển hồn treo cột buồm. Xét riêng ở khu vực Đà Nẵng, sự lựa chọn này rõ ràng thật trớ trêu, bởi đó chỉ là sự chọn lựa phương án ít tiêu cực hơn mà thôi.

Với người nông dân, đó là hình ảnh chân lấm tay bùn, bán lưng cho trời bán mặt cho đất, cặm cuội mưu sinh trên những cánh đồng nhỏ hẹp, cằn cỗi. Và có lúc, họ đã bị rơi vào hoàn cảnh bi đát. Dân xã Hòa Phong đến nay vẫn không quên những lời kể từ thế hệ trước: “Có năm 5 - 6 tháng không mưa, tát

cả các nguồn nước tự nhiên ở ao, hồ, đầm đều cạn kiệt, lúa khoai chết cháy hết, dân làng phải phiêu tán lên núi đào củ rừng, lên Lâm Viên, Hậu Vực tìm khoai sắn cứu đói” [92]. Với ngư dân, dù đã không ít trường hợp người thân, láng giềng ra đi không về, gửi thân trên biển, song họ vẫn không rời biển. Ông Nguyễn Như Trinh làng Mỹ Khê nhớ lại:

Người dân không kể sớm khuya, mùa đông giá rét, mùa hè thiêu đốt, với “vòng tre” (áo toi) quanh người, mảnh vải che thân, đi thụt lùi, ngày ngày, tháng tháng, năm năm, với mảnh lưới thô, với thùng chai, ghe lưới quét, bám biển, bám bờ, vào lộng ra khơi, đánh từng con cá nhỏ, nuôi sống gia đình, phát triển dòng họ (phỏng vấn tháng 3 năm 2023).

Nhưng người dân Đà Nẵng không chỉ chăm chú lao động vào một loại ngành nghề duy nhất mang tính “sở trường”, như nông nghiệp hay ngư nghiệp, mà còn rất nhiều công việc khác, thậm chí cả những công việc hoàn toàn là “sở đoản”. Họ triệt để khai thác sức lao động bản thân để mưu toan cuộc sống. Ở họ, gần như không có thời gian gọi là nông nhàn, ngư nhàn. Một khu vực trọng tâm nông nghiệp như Túy Loan, Cẩm Toại, Bồ Bản cũng lên rừng khai thác lâm sản sau những ngày mùa. Cũng là làng trọng nông, nhưng cư dân làng Phong Lệ còn tất bật với hoạt động cào hén trên sông Yên, từ khuya đến sáng, với sự tham gia của mọi thành viên trong gia đình. Hãy nghe một đoạn trong bài về về cào hén sau đây:

*“Sinh ra nghề hén thật hay
 ... Ăn nhờ một chút dưới sông
 Đàn bà đi bán, đàn ông đi cào
 Nửa đêm thức dậy lao xao
 Bà đâu cháu nấy, chồng nào vợ đây
 Gà gáy đầu lửa đỏ một dây
 Chồng sàng, vợ đãi, con cầm cây chụm lò*

*...Ông gia cào thẳng rể nạy
 Con dâu gánh chạy
 ... Tiết đông thiên vào dựa trong bờ
 Trên lạnh, dưới lạnh mắt mờ da ngăm” [58].*

Đặc biệt hơn, là một nơi xa biển, thế mà người nông dân Phong Lệ lại:

*Sớm mai lên núi củi than
 Chiều về xuống biển đào hang bắt còng.*

Tóm lại, nền kinh tế nông nghiệp và một phần ngư nghiệp với điều kiện, trình độ sản xuất đầy khó khăn, hạn chế là nhân tố cơ bản quyết định sự hình thành lối sống của người Đà Nẵng khu vực nông thôn và ven biển Đà Nẵng.

2.2.3. *Cung cách ứng xử*

Sống trong làng xã cổ truyền mang tính chất tự quản, tính cộng đồng làng xã của cư dân nông thôn Đà Nẵng như là một tất yếu. Không một thành viên nào sống trong không gian của làng mà có thể tách rời cộng đồng, không liên hệ gắn kết với những thành viên còn lại. Làng xã là môi trường vừa cộng cư vừa cộng cảm và cộng mệnh. Chính chế độ ruộng công làng xã, các phong tục tập quán (tang ma, cưới hỏi, khao vọng, lễ tết...), thiết chế văn hóa xã hội (thờ thành hoàng, hội làng, hương ước...) là cơ sở phát sinh, đồng thời cũng là nhân tố nuôi dưỡng, củng cố tính cộng đồng làng xã. Qua đó ta thấy, biểu hiện nổi bật của tính cộng đồng là tinh thần tập thể. Không một sự kiện nào diễn ra ở làng và của làng mà không được tổ chức, tham gia bởi cộng đồng nhân dân sở tại. Từ xây dựng, trùng tu các thiết chế tín ngưỡng như chùa dân gian (chùa của làng), đình, miếu... cho đến sinh hoạt lễ hội. Ở đây, mỗi thành viên làng xã tham gia vừa với tinh thần trách nhiệm, vừa mang tinh thần tự nguyện xuất phát từ tình cảm sâu sắc với quê hương. Sự đóng góp, cống hiến nhiệt thành của người dân trong xây dựng và trùng tu thiết chế tín ngưỡng

được ghi nhận qua hàng loạt văn bia Hán Nôm ở Đà Nẵng (có niên đại từ thế kỉ XVII đến 1945). Ở các làng ven biển có kinh tế ngư nghiệp phát triển, thường xuất hiện tổ chức sinh hoạt tập thể gọi là hội nghề cá. Ở làng Thanh Khê là một ví dụ. Hay những làng có truyền thống học hành, đỗ đạt thì lập ra hội tư văn, cùng nhau xây dựng văn chỉ. Làng La Châu, quê hương của tiến sĩ Đỗ Thúc Tịnh, chẳng hạn. Trên cơ sở tinh thần tập thể, con người trở nên gắn kết, sẻ chia cả hạnh phúc và mất mát. Họ không chỉ đến uống rượu chia vui khi gia chủ có hỉ sự mà còn chung tay lo liệu, giúp đỡ khi ai đó gặp chuyện chẳng lành. Chính từ tính cộng đồng nên quan hệ ứng xử mềm mỏng, hòa thuận giữa người với người và cao hơn thế, trách nhiệm giữ gìn thanh danh, thể diện của làng xã rất được đề cao. Nó thể hiện ở chỗ, điều này được thể chế hóa bằng bộ luật của làng, đó là hương ước (hương lệ, khoán ước). Hương lệ xã Thái Lai có những khoản nghiêm cấm các hành vi chửi mắng lẫn nhau, coi đó là hành vi “quá đáng”; hay những ai kiện tụng mà có ảnh hưởng, phương hại đến hương thôn thì “nhất thiết phải nghiêm cấm, không được ham thích điều ấy” [14].

Tóm lại, tính cộng đồng làng xã là sự gắn bó lẫn nhau giữa các thành viên trong cùng một đơn vị cư trú - văn hóa - kinh tế ổn định. Nó biểu hiện trong hầu hết mọi mặt của đời sống.

2.2.4. Cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa

Xem xét từ phong tục, lễ hội, nghi lễ truyền thống của người Đà Nẵng, tuyệt nhiên không hề bắt gặp một hoạt động nào có thời gian kéo dài được tính bằng tháng, tuần; rình rang nhất như các lễ hội đình làng, lễ hội cầu ngư, cũng chỉ đến 3 ngày. Người dân Đà Nẵng gần như dành hầu hết thời gian và sức lực cho lao động. Họ quần quật lao động, bất luận trưa hè, đêm tối, mùa mưa hay mùa nắng, và, đôi khi đánh cược cả sinh mạng. Một sự siêng năng trong gian khó.

Trong giai đoạn lịch sử đầy bi hùng của dân tộc Việt Nam từ 1945-1975, Nhân dân ta đã liên tục tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong bối cảnh đó, cũng như người dân cả nước, đại bộ phận nhân dân Đà Nẵng đã lựa chọn cho mình lối sống đầy cao đẹp: *phụng sự, tận hiến và hi sinh quên mình cho quê hương đất nước vì mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà*. Bất luận giới tính, tuổi tác, đời sống kinh tế, thành phần xã hội dù khác nhau nhưng ở họ đã cùng chung chí hướng, lý tưởng, cùng cháy lên ngọn lửa xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, dẹp tan các thế lực phản động, đánh đuổi quân xâm lược. Tinh thần, lối sống ấy biểu hiện rất phong phú, đa dạng trên mọi lĩnh vực của quá trình cách mạng. Đó là tinh thần sẵn sàng ủng hộ, đóng góp tài sản và tích cực tăng gia lao động sản xuất phục vụ kháng chiến; là sự tự nguyện trở thành cơ sở cách mạng trong vùng địch hậu để nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ, thực hiện thông tin liên lạc, đảm bảo sự thông suốt về công tác báo cáo, chỉ đạo; là tinh thần đấu tranh không khoan nhượng bác bỏ các luận điệu lừa bịp của kẻ địch, đòi dân sinh, dân chủ và hòa bình; và, trên hết, là trực tiếp xung trận, sẵn sàng đối mặt một mất một còn với quân xâm lược, quyết dùng bạo lực cách mạng đánh đuổi đế quốc thực dân [102].

2.3. Lối sống của cư dân Đà Nẵng trước năm 2003

Từ sau quyết định đổi mới đất nước một cách toàn diện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12 năm 1986) và đặc biệt khi tách khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 1997, và được xác định nơi đây sẽ là một trong những trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và của cả nước. Ngày 15/7/2003, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định công nhận Đà Nẵng là đô thị loại 1. Ngày 16/10/2003, Bộ Chính trị có Nghị quyết số 33 -NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện

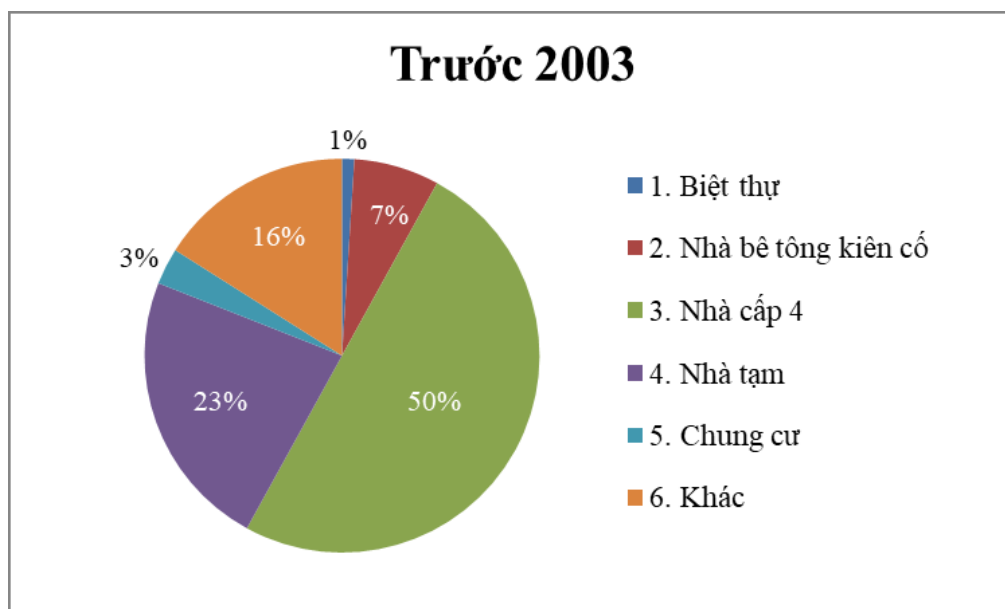
đại hóa đất nước [19]. Như vậy, kể từ ngày 1/1/1997, Đà Nẵng (cũ) chấm dứt vai trò là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, hợp nhất với huyện Hòa Vang và huyện đảo Hoàng Sa để trở thành thành phố Đà Nẵng (mới), trực thuộc Trung ương. Đà Nẵng bước vào tương lai với một tâm thế mới: không gian đô thị được mở rộng, vai trò chính trị của thành phố được nâng tầm; người dân thành phố háo hức khi trở thành công dân của một thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh phản ánh thực trạng lối sống của người dân Đà Nẵng lúc bấy giờ.

2.3.1. Cung cách sinh hoạt

Trong thời kỳ này cư dân Đà Nẵng chủ yếu vẫn là cư dân nhập cư trong nước với dạng nhập cư dài hạn. Những người nhập cư dài hạn phần lớn quyết định chọn nơi này làm quê hương thứ hai, họ vừa nhập gia tùy tục để vượt qua những cú sốc văn hóa, lối sống, vừa có thiên hướng muốn bảo tồn lung vốn văn hóa, lối sống cố hương, đem văn hóa, lối sống cố hương của mình để gây ảnh hưởng, để tác động sâu sắc đến văn hóa, lối sống bản địa, đặc biệt là những người nhập cư dài hạn cùng sống chung trên một địa bàn. Thật ra đối với trường hợp Đà Nẵng thì những người nhập cư trong nước có lẽ cũng không đến nỗi quá sốc, bởi tuy có một số khác biệt nhất định nhưng văn hóa Đà Nẵng cũng chính là văn hóa Việt. Điều mà Đà Nẵng có thể gây sốc cho một bộ phận người nhập cư trong nước là tính chất đô thị của thành phố này. Tuy nhiên ở giai đoạn này mức độ đô thị hóa mới bắt đầu sơ khai nên lối sống, văn hóa Việt gần như được bảo tồn, làm cho văn hóa, lối sống cư dân Đà Nẵng bắt đầu có chút màu sắc. Ví dụ như trong văn hóa ẩm thực, khẩu vị điềm tâm của người Đà Nẵng - ngoài mì Quảng truyền thống, còn có bún bò Huế, phở Bắc, bánh cuốn Bắc.

Dù vậy, trong giai đoạn này, cuộc sống của cư dân Đà Nẵng chủ yếu vẫn sống trong những ngôi nhà cấp 4, nhà tạm và nhà chung cư. Với địa hình

mặt giáp biển, lưng tựa núi, người dân Đà Nẵng vẫn phải đối mặt với rủi ro từ những cơn bão lớn quanh năm và khí hậu nắng nóng gió từ Tây Lào thổi sang oi bức, khô rát vào mùa hè.



Biểu đồ 2: Tình trạng nhà ở của cư dân Đà Nẵng trước năm 2003

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của tác giả)

Nguồn thực phẩm vẫn là các sản phẩm ngư nghiệp, nông nghiệp tại chỗ. Về ẩm thực đặc trưng nhất phải nói đến ngày Tết. Tết bắt đầu cho một năm mới đầy hy vọng, vì thế ở Đà Nẵng, vào tháng Chạp, mọi người đã rục rịch chuẩn bị đón Xuân. Những công việc như quét dọn, sơn sửa nhà cửa cho sạch đẹp, giặt giũ rèm màn, đánh bóng lư đồng, mua sắm những đồ dùng mới để thay thế những đồ cũ, may quần áo mới để mặc cho đẹp trong những ngày Tết... đã diễn ra từ nhà dân đến đình, chùa vào đầu tháng chạp, trên khắp các nẻo đường thành phố Đà Nẵng. Trong khi đàn ông lo chỉnh trang nhà cửa thì cánh phụ nữ lo trổ tài làm các thứ bánh mứt truyền thống như mứt gừng, mứt dừa, mứt bí đao, kim quật, bánh đậu xanh nướng, bánh phục linh, bánh dẻo, bánh khô khảo, bánh bảy lửa... Có hai thứ bánh không thể thiếu trong lễ cúng gia tiên ở Đà Nẵng là bánh Tổ và bánh Tết. Bánh Tổ là đặc sản có truyền

thống lâu đời trong mỗi dịp Tết Nguyên Đán của người dân Đà Nẵng, được làm từ nếp hương và đường bát có thêm vào ít gừng tươi giã nhuyễn để tạo mùi thơm. Bánh Tở không đổ vào khuôn mà được đựng trong những rọ đan bằng nan tre vót mỏng, hình tròn, to bằng cái bát, đường kính khoảng 18-20cm, bên trong lót lá chuối. Trên mặt bánh có rắc mè rang vàng cho thêm hương vị. Bánh Tở sau khi hấp chín thì lấy ra khỏi rọ, để chỗ thoáng mát cho nguội, có thể cắt thành từng lát để ăn hoặc nướng trên than hồng nhỏ lửa, khi bánh nở phồng ra là có thể ăn được, nhưng ngon nhất vẫn là món bánh Tở chiên. Những lát bánh mỏng thả vào chảo dầu nóng phồng lên, vàng rộm trông hấp dẫn. Nhai miếng bánh Tở chiên, ta cảm được vị ngọt đậm đà của đường, quện với mùi thơm của gừng tươi cay cay, hòa với vị dẻo thơm của nếp hương thật là tuyệt.

Bánh Tét là loại bánh được dùng phổ biến trong ngày Tết của người kinh và một số dân tộc ít người tại miền Trung và miền Nam nước ta. Ở Đà Nẵng, bánh Tét có hình trụ, đường kính từ 10 - 15cm, dài khoảng 30 - 40cm. Nguyên liệu chính dùng để gói bánh Tét là nếp, đậu xanh, thịt heo. Bánh được gói bằng lá chuối rồi buộc bằng những sợi lạt tre chẻ mỏng. Bánh Tét không để được lâu nên người ta thường gói bánh vào những ngày giáp Tết. Muốn để lâu hơn thì gói bánh chay chỉ có nhân đậu xanh chứ không dùng thịt heo. Bánh Tét không cắt bằng dao mà dùng sợi lạt để cắt. Mở lạt cột bánh, lột lá chuối xong, lấy sợi lạt khoanh tròn đôn bánh, kéo mạnh hai đầu, vòng dây lạt siết chặt vào đôn bánh cắt rời những lát bánh lóng lẫy, tròn vo vừa nhanh gọn vừa đẹp không bị méo mó như cắt bằng dao. Có lẽ do cách cắt bánh đặc biệt mà các loại bánh khác không có nên bánh được mang tên là bánh Tét. Người dân Đà Nẵng vẫn còn giữ nhiều phong tục tập quán của tổ tiên trong những ngày lễ Tết như: Tục thăm mộ ông bà, Tục lắng nghe tiếng thú vật kêu trong giờ Giao thừa, Tục Xuất hành, Tục Đạp đất (còn gọi là xông đất)...

Việc mua sắm hàng hóa của người dân cũng ở mức tiết kiệm, vừa phải bởi GDP bình quân đầu người của Đà Nẵng chỉ có 4,8 triệu đồng/năm vào năm 1997 [162]. Cư dân Đà Nẵng chắc chắn cũng theo nếp sống của người dân Việt Nam trong văn hóa mua sắm, tiêu dùng gắn với chợ truyền thống. Tỷ lệ khảo sát 100% cư dân có thói quen mua sắm hàng hóa tiêu dùng ở chợ truyền thống. Các cửa hàng mặt phố, kinh doanh buôn bán vỉa hè cũng chưa hình thành đông đúc.

Tất cả các gia đình đều duy trì bữa cơm gia đình truyền thống của người Việt với cơm rau, canh cá thanh đạm. Ẩm thực truyền thống và ẩm thực vùng miền trong nước chiếm phần lớn tỷ lệ trong thói quen ăn uống của cư dân Đà Nẵng và mỗi gia đình đều có bữa cơm gia đình hàng ngày. Người Việt Nam từ xưa tới nay vẫn xem trọng bữa cơm như là thành quả lao động của các thành viên trong gia đình, bữa cơm gia đình là nơi truyền - nhận kinh nghiệm giáo dục đạo đức, lối sống qua nhiều thế hệ trong gia đình.

Có đến 680 người được khảo sát, trước năm 2023 thỉnh thoảng mới được đi xe máy hoặc không đi xe máy trước bao giờ. Một điều khá thú vị là người dân Đà Nẵng bấy giờ hầu như ai cũng đi xe buýt. Nhưng nó không phải là những xe “buýt” hiện đại như thời nay mà đó là những chiếc Renault do Pháp sản xuất, chạy tuyến Tam Kỳ - Đà Nẵng ngày xưa là tiền thân của xe buýt liên tỉnh chạy tuyến liên kê Quảng Nam - Đà Nẵng. Loại xe này có mặt ở nước ta từ thập niên 60 cho tới những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ trước, được người Đà Nẵng gọi là xe đồ hay xe “đờ-nôn” - có lẽ bắt nguồn từ chuyện say xe của hành khách trên những chuyến xe ỉ ạch, nhồi nhét đầy người, hàng hóa, gia cầm... Xe “đờ-nôn” năm ấy là một phần trong ký ức người xứ Quảng. Thế hệ của tôi và nhiều người bạn cùng thời - nay đã qua mốc 40 tuổi có lẽ là “may mắn” khi vẫn có dịp trải nghiệm cảm giác... hoảng sợ trên những chuyến xe cũ kỹ này ở thập niên 90, trước khi chúng hoàn toàn

lùi xa vào quá khứ. Đó là một “tổ hợp” mùi đầy ám ảnh, là mùi gà vịt, mùi mồ hôi người, mùi rượu bia từ ai đó vừa tàn buổi giỗ, mùi hơi nóng hầm hập ở những cuộc xe trưa hè, mùi nhiên liệu... Ám ảnh đến mức có những đứa trẻ chỉ nhìn thấy xe dừng bên quán nước ở một góc nội thị Tam Kỳ, chưa cần bước lên xe mà đã khóc òa. Có số phận giống xe “đờ-nôn” là xe lam. Sinh ra ở tỉnh Gia Lai, chị P.D. (SN 1993) gắn tuổi thơ mình với những chuyến xe lam trên đường về quê ngoại cùng gia đình. Trong ký ức cô bé Diệp Hoàng ngày đó, xe lam khá “ngầu” vì tiếng máy nổ vang động cùng mùi khói xăng đặc trưng. Hoàng nói, xe lam thời đó là phương tiện bình dân như xe buýt hiện đại bây giờ. Khách chỉ cần đứng ven đường vẫy tay là xe dừng lại đón và khi muốn xuống thì cứ việc la lớn báo hiệu cho bác tài. Không có máy lạnh nhưng khách ngồi xe lam rất mát mẻ vì được “hít hà”, tận hưởng gió trời [168].

Hơn 20 năm trước, tài sản của ngành Giao thông Vận tải quản lý là những con đường nhỏ hẹp cùng cây cầu đường bộ Nguyễn Văn Trỗi duy nhất và con đò ngang để nối nhịp đôi bờ... Hầu hết các tuyến đường đều hư hỏng, xuống cấp, hệ thống vỉa hè, thoát nước, chiếu sáng chưa đồng bộ. Khi tách tỉnh, Đà Nẵng trở thành đơn vị hành chính trực thuộc T.Ư, chiều dài mạng lưới đường bộ từ quốc lộ đến đường liên thôn, xã trên địa bàn lúc này khoảng gần 425km và 3 cầu (từ 25m trở lên) là các cầu: Đỏ, Trần Thị Lý, Nguyễn Văn Trỗi. Phần lớn các tuyến đường có chất lượng kém do nhiều năm không được trung đại tu; Nhiều tuyến đường đô thị chưa được xây dựng đồng bộ, thiếu vỉa hè, cống thoát nước, cây xanh, chiếu sáng... Thậm chí 20,87% đường đô thị là đường đất. Nhiều tuyến đường tỉnh chỉ khai thác mùa khô và mới có 9/96km mặt đường được rải nhựa. Các cầu trên tuyến phần lớn được xây dựng từ chế độ cũ, có kết cấu nhịp giản đơn. Ngay ở trung tâm thành phố thời đó, người dân hai bên bờ sông Hàn phải đi lại bằng đò ngang. Mạng lưới giao thông đối ngoại gồm 2 tuyến QL1A và QL14B quá nhỏ nên thường

xuân xảy ra tai nạn, ùn tắc giao thông [162].

2.3.2. Cung cách mưu sinh

Giai đoạn 1986-1990 là thời kỳ chuyển đổi nền kinh tế nước ta từ cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế quản lý thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Tuy nhiên, kể từ năm 1991 cơ chế quản lý này mới phát huy tích cực. Trong giai đoạn 1986-1997, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng kinh tế tăng trưởng liên tục.

Mặc dù, Đà Nẵng được xác định là thành phố trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên, nhưng có đến 37.500 hộ nông dân với 82.000 lao động, chiếm 64% lao động toàn thành phố [14]. Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, phong trào nông dân thành phố đứng trước những thuận lợi và cả những khó khăn mới. Thuận lợi là diện mạo nông thôn Đà Nẵng thay đổi từng ngày, nông dân từng bước xóa bỏ kinh tế thuần nông và độc canh cây lúa, phát triển các loại cây trồng, con vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Phong trào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới tạo điều kiện cho nhiều hộ nông dân trở nên khá giả và giàu có. Tuy nhiên, tình hình nông thôn, nông dân Đà Nẵng trong những năm đầu vẫn còn có những khó khăn: Đời sống đại bộ phận nông dân các xã miền núi, ven biển, vùng kháng chiến cũ, đặc biệt là các đối tượng chính sách còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; kết cấu hạ tầng nông thôn còn nhiều yếu kém; đất sản xuất của nông dân ngày càng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, do thiếu đất sản xuất nên số người thiếu việc làm tăng lên...

Ngành thủy sản Đà Nẵng chỉ có một số tàu cá có công suất 74-82CV của các đơn vị đánh cá quốc doanh, còn đa số là tàu cá có công suất từ 60CV trở xuống, nên chỉ tập trung khai thác hải sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng với nguồn thu hoạch nhỏ, lẻ đủ cung ứng trong thành phố. Đà Nẵng là một làng chài ven biển nghèo nàn [14]. Đó là Sông Hàn một thuở, với những mái nhà nhếch nhác, ghi dấu một quãng đời “không muốn nhớ lại” của người

Đà Thành. Cứ mỗi lần nước lên, mỗi đợt bão tới, để lại một Đà Nẵng tan hoang buồn da diết. Nông nghiệp, ngư nghiệp là hai ngành nghề chính ở nơi đây. Ngư dân làng chài ven biển Đà Nẵng bám biển nhưng thực sự chưa hiệu quả. Thu nhập của lao động nghề biển khá thấp và bấp bênh do phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thời tiết và mùa vụ. Môi trường lao động trên biển rất khắc nghiệt: nắng, mưa, giông bão và thường xuyên phải xa gia đình dài ngày.

Đến cuối 1996, Đà Nẵng công nghiệp Đà Nẵng đã phát triển khá mạnh so với các tỉnh Miền Trung-Tây Nguyên, có 149 doanh nghiệp công nghiệp trong đó 35 doanh nghiệp Nhà nước với tổng số vốn chiếm 21,3%, vốn doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 16,7%, vốn doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 62,% [14]. Những sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp đã có như: Xi măng, bia, sắt thép xe đạp ô tô, giấy, nhựa, vải lụa thành phẩm, quần áo may sẵn,... đã có sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu. Đà Nẵng đã có nhiều doanh nghiệp thương mại lớn vốn Nhà nước có vốn lớn để phân phối hàng hóa và xuất khẩu cho cả vùng. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng vẫn còn nhỏ so với hai đầu đất nước và vẫn còn bất cập, sự phát triển kinh tế thiếu tính bền vững; các ngành du lịch, dịch vụ quy mô còn nhỏ, chất lượng các dịch vụ chưa cao; hoạt động đối ngoại chưa tương xứng với tiềm năng của thành phố, nông nghiệp có giá trị hàng hóa nông sản thấp, việc chuyển dịch cơ cấu còn chậm.

Trước yêu cầu xây dựng thành phố phát triển, kết nối các tỉnh miền Trung, là động lực phát triển cả vùng kinh tế. Đà Nẵng được sự hỗ trợ từ Trung ương, sự đồng thuận của nhân dân, sau 3 năm thành lập đã có những chuyển biến tích cực, đặc biệt được đánh dấu bằng sự kiện Cầu Sông Hàn được xây dựng thay thế cho bến phà, tạo thông thương giữa hai bờ sông, mở ra hướng đi mới cho Đà Nẵng, tạo điều kiện phát triển du lịch và dịch vụ, các khu công nghiệp được quy hoạch và triển khai xây dựng. Từ 1986 đến 1997, dân số thành phố chủ yếu tăng tự nhiên thêm 100 ngàn dân, tuy nhiên sau 5

năm kể từ 1997, kinh tế thành phố đi lên theo hướng đô thị hóa tạo sức hút với dòng di dân từ nông thôn các tỉnh thành trong nước, dân số Đà Nẵng cũng đã tăng thêm 100 ngàn dân do nhập cư [10].

Sau khi thành phố tách ra khỏi tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở chủ trương, chính sách đối ngoại của Việt Nam, những người làm quản lý Đà Nẵng bắt đầu chú trọng đến công tác đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của thành phố trẻ; bên cạnh mục đích chính trước đây là duy trì quan hệ hữu nghị thì bắt đầu nghĩ đến hợp tác phát triển kinh tế.

2.3.3. Cung cách ứng xử

Lối sống nông thôn Đà Nẵng có 3 đặc trưng chung trong lối sống nông thôn Việt Nam, đó là:

+ *Lối sống trọng cộng đồng làng xóm, gia đình và tộc họ*

Bắt nguồn từ lao động sản xuất ở nông thôn chủ yếu dựa vào nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) là chủ yếu. Trong lịch sử cũng như giai đoạn này, phần lớn người dân nông thôn đều cần cù, chăm chỉ, chịu khó trong lao động, sống hòa đồng với thiên nhiên, gia đình là đơn vị cơ bản trong tổ chức và đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp. Trong sản xuất nông nghiệp, quan hệ gia đình tộc họ có vai trò quan trọng. Điều đó quy định lối sống của con người nông thôn là coi trọng gia đình, họ tộc. Tuy nhiên, do nghề nông phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, nhưng thiên tai diễn ra thường xuyên nên con người nông thôn thường đề cao tính cộng đồng để hợp sức chống chọi với thiên tai khắc nghiệt. Lối ứng xử trong nông thôn truyền thống là lối ứng xử coi trọng cộng đồng hơn cá nhân, luôn đặt lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân.

Lối sống nông thôn Đà Nẵng là lối sống mang tính cộng đồng làng xã rất cao. Ở đó mọi người có quan hệ gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau trong gia đình, trong dòng họ, trong cộng đồng thôn xóm. Con người nông thôn rất coi trọng tình

nghĩa làng xóm, đoàn kết, gắn bó với quê hương. Họ luôn sẵn sàng giúp đỡ, đùm bọc, nương tựa, chia sẻ với nhau niềm vui, nỗi buồn, lợi ích chung của cộng đồng được đặt lên trên lợi ích của cá nhân. Có thể nói đây là biểu hiện rất khác biệt, rất đặc trưng của lối sống nông thôn Việt Nam trong đó có Đà Nẵng.

Nền văn minh nông nghiệp có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống con người Việt Nam suốt một thời kỳ dài trong lịch sử dân tộc. Và cũng chính nền văn minh nông nghiệp này đã hình thành nên lối sống tiểu nông. Lối sống tiểu nông là lối sống của người nông dân sản xuất nhỏ, manh mún, lạc hậu, tự phát, tự cung, tự cấp trong cộng đồng làng xã.

+ Nặng tình cảm dòng họ, cục bộ địa phương

Tình cảm dòng họ là một tình cảm có vị trí quan trọng trong đời sống con người Việt Nam. Nó hình thành từ lâu trong nền kinh tế nông nghiệp và trở thành chỗ dựa tinh thần cho các cá nhân về cộng đồng, đặc biệt là trong lúc khó khăn. Tình cảm dòng họ có cơ sở từ quan niệm sống của người Việt là luôn hướng về cội nguồn. Người Việt Nam có câu: “chim có tổ, người có tông”. Tư tưởng này biểu hiện rõ trong quan hệ cuộc sống của người nông dân là đối xử với người cùng dòng họ khác với người dưng. “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”. Biểu hiện tiêu cực của tình cảm dòng họ trong lối sống đó là thái độ hẹp hòi, cục bộ. Quan niệm “một người làm quan cả họ nhờ” đã làm cho một người có chức có quyền tìm mọi cách lôi kéo, đề bạt chức vụ, phân công người cùng dòng họ mình vào vị trí quan trọng, không cần tính toán đến năng lực cá nhân, quy định của nhà nước. Hiện tượng này khá phổ biến trong công tác cán bộ, nhất là cán bộ có gốc huyện Hòa Vang ở giai đoạn này. Có những giai thoại vui rằng bất cứ người dân nào bước vào trụ sở cơ quan Nhà nước ở Đà Nẵng thì câu đầu tiên bị bác bảo vệ chất vấn là “mi quê ở mô?”.

+ Có lối sống trọng tình

Mặc dù có nhiều ý kiến cho rằng phạm vi, môi trường giao tiếp ở nông thôn Việt Nam truyền thống thường khép kín, hạn hẹp cùng lối sống trọng tình, coi trọng nghi thức, ứng xử chân thành nên cách xưng hô giữa mọi người với nhau theo quan hệ gia tộc hoặc lứa tuổi trong làng xóm cũng thân mật như những người trong cùng gia đình, dòng họ.

Hay giá trị trọng tình nghĩa thái quá trong lối sống truyền thống cũng có tác động tiêu cực dẫn đến phương thức ứng xử coi thường mặt “lý” của vấn đề, không nhận thức đúng vai trò của chân khoa học, dễ dẫn đến các hành vi coi thường pháp luật, tìm cách luồn lách pháp luật.

Trên đây là những đặc trưng chủ yếu của lối sống nông thôn trong xã hội Việt Nam truyền thống trước đây. Những đặc trưng đó giai đoạn này vẫn còn hiện diện trong đời sống nông thôn Đà Nẵng, có những ảnh hưởng nhất định đến lối sống đô thị.

+ *Người Đà Nẵng hay cãi*

Lý giải tính cách này từ góc độ lịch sử và văn hóa, có nhiều bằng chứng cho biết đến năm 1.802 (khi Gia Long lên ngôi) ở Đà Nẵng Quảng Nam vẫn còn rất nhiều những làng Chăm sinh sống, thậm chí họ vẫn bảo lưu được giọng nói, y phục của mình mặc dù đã mất chủ quyền từ 500 năm trước (3). Điều đó có nghĩa là họ, người Chăm, đã ý thức về bản sắc văn hóa của mình và họ quyết bảo lưu, giữ gìn nó. Hãy thử hình dung họ bảo lưu bằng cách gì nếu đó không phải là thái độ phê phán gay gắt những gì khác mình? Những khảo sát ban đầu cho thấy suốt một thời gian dài các làng Chăm - Việt ấy đã cài da báo, sống xen kẽ nhau, làng này cách làng kia một cánh đồng, một con bầu, hay thậm chí một con đường làng chỉ lọt chiếc xe bò! Có nghĩa là mở mắt ra đồng họ đã chạm nhau; hai thửa ruộng chỉ cách nhau một con đường hay bờ ruộng nhỏ... có nghĩa là sự va chạm là dai dẳng trong suốt thời gian hơn nửa thiên niên kỷ ấy [186].

Có nhiều bằng chứng về sự xung đột hai nền văn hóa này. Chiều bình Chiêm có những câu “Bọn búi tóc dài”, “Nó cấm dân ta mổ thịt”... Tại sao lại cấm mổ thịt? Vì người Chăm thờ bò trong khi người Việt thì mổ bò khi cả làng ăn hội (ồn như mổ bò). Trong khi người Việt bảo người phụ nữ phải tam tòng tứ đức phụ thuộc hoàn toàn vào người chồng thì người phụ nữ Chăm nắm hết quyền hành gia đình, cởi áo phơi ngực ra mà nhảy múa ngày lễ hội. Khi người Việt bảo Trời, Phật mới là tối thượng thì người Chăm bảo không Siva, Visnu mới là đáng tối cao... Cứ vậy họ đã cãi nhau suốt cả thời gian đằng đẵng ấy. Người lớn cãi là dĩ nhiên mà trong những phạm trù này trẻ con cũng rất thích cãi: “Tau đi đường ni có bông có hoa. Mi đi đường nó có ma đứng đường. Tau đi đường ni có bụi tùm lùm. Mi đi đường nó có hùm chụp mi” (đồng dao Quảng Nam)...” [186].

Ai cũng như phải cố trung thành với niềm tin của mình, cố khẳng định mình đúng, có sai phè ra cũng phải cãi cố cho được là mình đúng. Đây không phải chỉ là tính bảo thủ mà là sự sống còn của bản sắc văn hóa, sống còn hay diệt vong của một dân tộc! Và phải chăng chính nhờ thế mà họ đã bảo lưu được bản sắc văn hóa của mình suốt 500 năm? Đến tận năm 1802, khi Gia Long lên ngôi, với những thiết chế văn hóa phong kiến mạnh mẽ, văn minh phong kiến Việt độc tôn, đẩy văn hóa Champa thành sự xa lạ, nhất là dưới thời Minh Mạng, sự xung đột này mới chịu mất đi với sự ưu tiên vượt trội của văn hóa Việt. Thế nhưng tính hay cãi thì đã nhiễm vào máu mất rồi! [186].

Ở vùng ven biển, cung cách ứng xử của người Đà Nẵng với tự nhiên được thể hiện rõ qua những cách ứng xử biến hóa với thiên nhiên thông qua những lễ tục vẫn còn duy trì đến ngày nay. Đó là các Lễ phạt mộc; Lễ tổng mộc đưa dăm; Lễ cúng sừng mãnh; Lễ nhúng nghề; Lễ tát niên thuyền; Lễ cúng vũng, cúng vịnh; Lễ cúng tạ; Lễ tổng cói; Lễ hội cầu ngư - đặc trưng văn hóa vùng biển [trích dẫn từ 14].

Trải qua bao đời bám biển, họ đã đúc kết được những kinh nghiệm dự báo về thời tiết hỗ trợ đắc lực cho việc đánh bắt. Việc xác định mưa nắng hay lụt lội thì thường dựa vào các hiện tượng sấm, chớp và ráng - móng, các hiện tượng này đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đoán định thời tiết.

Ráng - móng thì thường xuất hiện sau những cơn mưa giông, hoặc có khi xuất hiện trước đó vài ngày. Và dù ở trong thời gian nào thì các dấu hiệu thời tiết báo trước được để ngư dân chú ý chuẩn bị những công việc sắp đến. Cư dân ven biển Sơn Trà một mặt tiếp nối kinh nghiệm của cha ông, một mặt cũng trải nghiệm phần nào trong đời sống nên cũng theo quan niệm chung: *“Chớp Đông nhay nháy, gà gáy thì mưa”*, hoặc *“Móng dài trời lụt, móng cụt trời mưa, móng vừa trời nắng”*, và họ cho rằng: *“Ráng đỏ thì nắng, ráng vàng trời mưa”* [92]. Trong suốt thời gian đi biển lâu dài, ngư dân đã phải đương đầu với đầu sóng ngọn gió và qua các chu kì của một năm đã rút ra cho mình những kinh nghiệm xem xét gió bão. Trước đây vào những ngày 10/3, 23/3 âm lịch thường nổi gió rất to và đã làm thiệt hại rất lớn về tài sản và tính mạng của ngư dân. Chu kì đó lặp đi lặp lại nhiều lần cho nên vào những ngày đó ngư dân gọi là gió kị và không đi biển. Ngày 23/10 âm lịch là ngày lụt lội, nước chảy xiết, người dân gọi là *“nước đi”* nên cũng không ra khơi. Vào những ngày tỏ trăng thì triều cường lên, ngư dân cũng không đi biển.

Trong ứng xử với cộng đồng xã hội, đối với cư dân đánh bắt cá, sống với sông nước và sóng biển bao quanh, họ phải luôn đối chọi với mọi thời tiết bất lợi và hơn nữa là bão tố có thể ập đến với họ bất cứ lúc nào. Cuộc sống ở đây là cuộc sống trần trụi tiếp cận với hoàn toàn tự nhiên bao la mênh mông. Tại đây, trong quá trình lao động sản xuất, họ đã cải biên và sáng tạo ra những nét mới, điển hình là trong các câu hò, điệu lý, trong các làn điệu dân ca, đặc biệt là các câu ca dao, tục ngữ gửi gắm và phản ánh khá rõ nét đời sống lao động cũng như những tâm tư tình cảm của họ.

Nghề đi biển là nghề vô cùng gian nan vất vả, thậm chí phải hy sinh mạng sống của mình những khi trời giông bão nên những người hành nghề đánh bắt cá thường cầu mong:

*Ra khơi bữa có bữa không
Lạy trời đừng để tố giông cho mình [58]*

Những làng chài ven biển từ xưa, cả gia đình, dòng họ, những đứa bé lớn lên đều sống bằng nghề này, có thể nói đây là một nghề cha truyền con nối. Do vậy, họ khuyên con cái của mình dù có khổ cực, hiểm nguy bao nhiêu đi chăng nữa nhưng hãy giữ lấy nghề, tinh thần không khuất phục biển cả:

*Con ơi, giữ lấy nghề chài,
Dù sao cam khổ, ngọt bùi đã quen.
Đêm ra ngoài biển đốt đèn,
Nhìn lên sao sáng phận hèn cũng vui [58].*

Nhưng nghề này, dù cật lực lao động, dù đã đổ mồ hôi, nước mắt, cả tính mạng nhưng chẳng thể nào đem lại sự giàu sang, phú quý bởi họ sống chủ yếu nhờ bọt biển, nếu biển hào phóng ban cho được mùa thì đủ ăn, còn không thì phải chịu cảnh cơ cực:

*Cha chài, mẹ lưới, con câu,
Ăn nhờ bọt nước lấy đâu mà giàu [58]*

2.3.4. Cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa

Ở khu vực nông thôn Đà Nẵng, người dân có nét khác biệt với nông thôn truyền thống nước ta đó là ít có hoạt động phi nông và hội hè, đình đám, không gây tốn kém, lãng phí, hay phát sinh các nhiều hủ tục lạc hậu.

Vùng nông thôn Hòa Vang của Đà Nẵng là cái nôi của những câu hò, điệu hát, lời ru thấm đượm nghĩa tình đã đi vào tiềm thức người dân Quảng Nam - Đà Nẵng, nghe dân ca thì người người, nhà nhà hăng say lao động sản xuất, trai gái nên duyên, vợ chồng hòa hợp. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến

chống Mỹ, những lời ca, tiếng hát giản dị, mộc mạc ấy đã góp phần động viên, cổ vũ tinh thần quân, dân ta chiến đấu và chiến thắng, giành độc lập, tự do cho nước nhà. NSUT N.T.H Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Đà Nẵng nhớ lại:

Tôi vẫn còn nhớ như in không khí thời ấy của các vở dân ca: Thoại Khanh Châu Tuấn, Tiếng sấm Tây Nguyên, Đội kịch chim chèo bèo, Người con gái khu Đông, Bà mẹ Gò Nổi, Một mạng người, Chuyện tình bên dòng sông Thu... đã để lại biết bao ấn tượng tốt đẹp trong lòng quân, dân cả nước về đất và người khu 5 (phỏng vấn ngày 5/7/2023).

Ở vùng ven biển, chủ yếu là sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, tâm linh. Trong cuộc hành trình từ phía Bắc tiến về phương Nam của cộng đồng cư dân ven biển, tín ngưỡng thờ thần trong đời sống của họ ở quê hương cũ vẫn được bảo lưu và tiếp tục phát triển trên vùng đất mới. Bên cạnh tín ngưỡng truyền thống, ngư dân đón nhận thêm những yếu tố mới của văn hóa Chăm và Việt hóa nó, làm giàu hơn bản sắc văn hóa Việt vốn có. Trải qua những biến thiên của cuộc sống, những tín ngưỡng, tôn giáo đó vẫn gắn bó mật thiết đối với cộng đồng cư dân biển và dù có những thay đổi để phù hợp với cuộc sống hiện đại nhưng cũng không mất đi nét truyền thống bởi họ tin rằng *“có thờ có thiêng, có kiêng có lành”*.

Thờ cúng cá Ông độ mạng, giúp đỡ ngư dân là một tín ngưỡng nổi bật của cư dân vùng ven biển. Hằng năm, những nơi có lăng thờ cá Ông, người dân đều tổ chức lễ hội Cầu ngư. Lễ hội Cầu ngư được ngư dân ven biển tổ chức thường có thời gian không thống nhất giữa các làng biển.

Thờ cô hồn là một tín ngưỡng truyền thống của cư dân Việt. Ở các làng ven biển Đà Nẵng miếu thờ cô hồn hiện diện tương đối nhiều. Thậm chí những miếu thờ thần cũng có một bàn thờ lộ thiên ở đằng trước để mỗi dịp cúng lễ thì cũng tổ chức lễ tế vong linh. Miếu thờ hầu như do nhân dân trong

làng đóng góp để xây. Miếu có quy mô lớn nhỏ là tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của người dân trong làng. Hằng năm, lễ tế cô hồn ở các làng biển tương đối khác nhau, nhưng hầu như thường diễn ra trong hai ngày: 15 tháng Giêng và ngày 15 tháng 7.

Đối với sinh hoạt tôn giáo, phần lớn người dân ven biển chủ yếu theo Phật giáo bởi Phật giáo đã theo bước chân của những lưu dân trên đường Nam tiến từ hàng trăm năm về trước, cũng như tư tưởng của đạo Phật vốn gần gũi với phong tục, tập quán của người dân. Có thể nói, Phật giáo là chỗ dựa tâm linh của người dân ven biển, bởi với lý thuyết từ bi cao cả, đạo Phật với tiếng kinh cầu nguyện cho người dân được sống yên vui, hạnh phúc, để người dân cùng đồng tâm hiệp lực, xây dựng cho một tương lai ngày càng tốt đẹp hơn.

Nếu như các làng Bắc Bộ sinh hoạt chủ yếu xung quanh các đình làng thì khu vực Trung bộ, có nhiều điểm sinh hoạt văn hóa hơn. Đó là Đình làng, là Lăng ngư ông - Trung tâm ứng xử, tiếp xúc văn hóa của ngư dân.

Đình làng có chung những chức năng về tín ngưỡng, là nơi thờ Thành Hoàng làng, các vị tiên hiền và hậu hiền với ý nghĩa Tiên hiền khai canh hậu hiền khai cư; Về chức năng hành chính - nơi giải quyết mọi công việc về hành chính của làng dựa vào lệ làng và hương ước. Về chức năng văn hóa, Đình làng còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng, nơi diễn ra các nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng, trong đó có lễ tế, lễ cầu an. Nơi đây còn là nơi diễn ra các hoạt động mang tính giải trí, gắn liền với thể tục, nghệ thuật, thể dục, thể thao, hát hò khoan, là nơi gắn kết mọi người dân trong làng.

Lăng Ông để thờ Ngư Ông và hàng năm tổ chức Lễ cầu ngư vào tháng giêng. Lễ hội cầu ngư luôn có 2 phần: phần lễ và phần hội. Lễ tế chính diễn ra vào ngày 26, bao gồm lễ tế âm linh và lễ tế thần, văn tế trong lễ chủ yếu ca ngợi công đức cứu nhân độ thế của cá ông. Về phần hội, chủ yếu là các trò chơi dân gian gắn liền với miền biển như: lắc thúng, đua thuyền, hát bội, lễ thả thuyền bè

cúng các linh hồn đã khuất trên biển... Lễ hội Cầu ngư là một hoạt động mang đậm chất tâm linh với mong muốn cầu cho một năm mới mưa thuận, gió hòa, trời yên, biển lặng, ngư dân ra khơi thuận buồm xuôi gió, đánh bắt đạt năng suất cao. Lễ hội Cầu ngư không chỉ là tín ngưỡng của ngư dân vùng biển mà còn là một hình thái sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc biệt [142].

Tiểu kết

Lối sống truyền thống của cư dân Đà Nẵng đã hình thành và trường tồn qua hàng trăm năm đã phải đối diện với những thách thức, tác động to lớn. Đó là những tác động, va đập của quá trình di cư trong nước, quá trình nhượng địa và lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước. Tiếp đó là quá trình khôi phục hậu quả chiến tranh, đi lên chủ nghĩa xã hội và mở cửa hội nhập. Như một quy luật tất yếu, những đổi thay về môi trường, điều kiện sống đã tạo ra những biến đổi về văn hóa tinh thần. Thực hành lối sống của cư dân Đà Nẵng diễn ra trong bối cảnh biến động, phức tạp như vậy chắc chắn dân có những biến đổi khác trước. Đặc trưng lối sống truyền thống Đà Nẵng không chỉ có lối sống nông thôn Việt Nam cổ truyền nông nghiệp mà còn có cả ngư nghiệp; bên cạnh đó, lối sống Đà Nẵng của cư dân Đà Nẵng mang nhiều nét đặc trưng của lối sống miền Trung, Việt Nam; đặc biệt có cả lối sống đô thị ở khu vực trung tâm từ rất sớm, đây là nét khác biệt rất cơ bản của lối sống Đà Nẵng, có tầm ảnh hưởng đến lối sống của cư dân Đà Nẵng sau này rất nhiều... Tuy nhiên, trong thời kỳ này, về cơ sở hạ tầng, quy hoạch đô thị, phát triển kinh tế, gia tăng dân số chưa nhiều nên không gian cư trú, không gian sản xuất, không gian sinh hoạt vẫn chưa có nhiều thay đổi. Vì vậy việc duy trì lối sống theo nếp cũ truyền thống chưa có xu hướng vận động thay đổi nhiều.

Chương 3

LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN ĐÀ NẴNG

TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Khái quát về tình hình phát triển du lịch tại Đà Nẵng

3.1.1. *Những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch tại Đà Nẵng*

- Đà Nẵng có vị trí địa lý thuận lợi, thiên nhiên ưu đãi để khai thác phát triển du lịch

Thành phố Đà Nẵng là cửa ngõ ra biển Thái Bình Dương của các nước Myanmar, Thái Lan, Lào và Việt Nam. Đà Nẵng nằm ở trung tâm và dọc theo vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có vị trí địa lý thuận lợi. Đà Nẵng có bờ biển dài 70 km với nhiều bãi biển đẹp nổi tiếng nằm rải rác từ Bắc đến Nam. Giữa lòng thành phố có dòng sông Hàn thơ mộng, để du khách có thể dạo bộ hoặc ngồi ngắm dòng sông trôi hiền hòa. Nơi đây còn nổi tiếng với 9 cây cầu xinh đẹp như: cầu Sông Hàn, cầu Thuận Phước, cầu Rồng... Hàng năm cũng chính trên dòng sông Hàn diễn ra các sự kiện Giải đua thuyền truyền thống, Lễ hội pháo hoa Quốc tế.

Bán đảo Sơn Trà là một trong những hòn ngọc xanh về du lịch của thành phố Đà Nẵng. Nơi đây làm say đắm du khách không chỉ bởi có nhiều địa điểm tham quan mà còn bởi cảnh quan tự nhiên được bao phủ bởi một màu xanh của rừng núi. Bán đảo Sơn Trà với những con đường uốn lượn nổi bật cả với mây trời được xem là “viên ngọc quý” của du lịch Đà Nẵng. Nơi đây không chỉ có hệ sinh thái động thực vật đa dạng; những bãi biển đẹp; hải sản tươi ngon.

- Đà Nẵng là thành phố giàu có về tài nguyên văn hóa

Đà Nẵng là nơi giao lưu và hội tụ những nét văn hóa của nhiều vùng, miền trong cả nước với nhiều tài nguyên du lịch nhân văn vật thể, bao gồm các di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng như Bảo tàng Chăm, Bảo tàng Quân khu V, Bảo tàng Đà Nẵng, Thành Điện Hải, Nghĩa Trung Phước Ninh... Nguồn tài

nguyên này là tiềm năng để phát triển loại hình du lịch văn hóa của thành phố. Các lễ hội lớn như lễ hội Quán Thế Âm, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Đình làng Tuý Loan, Lễ hội pháo hoa quốc tế... hàng năm luôn hấp dẫn và thu hút rất nhiều người đến tham quan, thụ hưởng. Đà Nẵng vẫn còn giữ lại cho mình những làng nghề truyền thống rất lâu đời như làng đá mỹ nghệ Non Nước, làng nước mắm Nam Ô, làng dệt chiếu Cẩm Nê... Các làng nghề hiện tại không chỉ đơn thuần là sản xuất, mà còn là các điểm tham quan du lịch văn hóa.

- Đà Nẵng là thành phố đi đầu trong đổi mới thể chế, cơ chế, chính sách phát triển du lịch, có tư duy đột phá về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Bắt tay vào thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-TW, Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, thành phố đã tập trung nhiều nguồn lực, ban hành nhiều cơ chế, chính sách để đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, nhằm tạo ra những điều kiện cần và đủ để thu hút đầu tư vào phát triển du lịch. Kết quả, hoạt động du lịch của thành phố đã có những bước phát triển mới và ngày càng khởi sắc. Nhiều khu nghỉ dưỡng xứng tầm quốc tế, hàng loạt sản phẩm du lịch mới, có sức hấp dẫn và thu hút khách du lịch đã lần lượt ra đời.

3.1.2. Sự phát triển du lịch tại Đà Nẵng hiện nay

Đà Nẵng là một thành phố có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch, hiện là trung tâm du lịch lớn hàng đầu của Việt Nam. Phía bắc thành phố được bao bọc bởi đèo Hải Vân mệnh danh là “*Thiên hạ đệ nhất hùng quan*”. Phía Tây là Khu nghỉ dưỡng Sun World Bà Nà Hills nằm ở độ cao trên 1.400m với hệ thống 8 tuyến cáp treo có tổng công suất phục vụ 9.500 khách/giờ, tuyến cáp treo Thác Tóc Tiên - Indochine đạt kỷ lục Cáp treo một dây dài nhất thế giới cùng khu vui chơi giải trí trong nhà *Fantasy Park* lớn nhất Đông Nam Á và khu làng Pháp lớn nhất Việt Nam, mỗi ngày khu nghỉ

duỡng Sun World Bà Nà Hills phục vụ hơn 30.000 lượt khách, các ngày cao điểm lên tới hơn 40.000 lượt khách [132].

Phía Đông Bắc là bán đảo Sơn Trà là cánh rừng nguyên sinh gồm nhiều động thực vật phong phú với Vọc Chà vá chân nâu- linh vật biểu tượng của du lịch Đà Nẵng. Phía Đông Nam là danh thắng Ngũ Hành Sơn với làng nghề đã mỹ nghệ Non nước nổi tiếng. Trên địa bàn thành phố còn có một hệ thống các nhà thờ theo kiến trúc phương Tây như Nhà thờ chính toà Đà Nẵng (Nhà thờ Con Gà),... các bảo tàng mà tiêu biểu nhất là Bảo tàng Nghệ thuật Điêu khắc Chăm với nhiều hiện vật Chăm quy mô nhất ở Việt Nam. Thành phố cũng là tâm điểm của 3 Di sản Văn hóa Thế giới: Huế, Hội An, Mỹ Sơn trên Con đường di sản miền Trung.

Đà Nẵng đã xây dựng thương hiệu thành phố du lịch sự kiện, trong đó có Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng, Cuộc thi Dù bay Quốc tế, Danang International Marathon, Điểm hẹn mùa hè...

Thành phố Đà Nẵng hiện có khoảng 1 ngàn khách sạn với 42 ngàn phòng của nhiều thương hiệu du lịch chất lượng cao nổi tiếng thế giới như: Novotel, Hilton, Sheraton, Pullman, Mercure, Hyatt, Furama, Mikazuki..., trong đó phòng lưu trú ven biển thuộc các khách sạn từ 4 đến 6 sao chiếm 42,5% tổng số phòng toàn hệ thống. Đặc biệt, InterContinental Danang Sun Peninsula Resort là "Khu nghỉ dưỡng sang trọng bậc nhất châu Á" kể từ năm 2014 đến nay. Năm 2022 có 309 đơn vị lữ hành, tăng 196 đơn vị so với năm 2011 (113 đơn vị), gồm 40 đơn vị lữ hành nội địa, 189 đơn vị lữ hành quốc tế, 52 chi nhánh, 29 văn phòng đại diện và 6 đại lý [132].

Đà Nẵng tập trung đông thứ 2 về mặt số lượng nhân lực trong lĩnh vực du lịch của khu vực miền Trung - Tây Nguyên (chỉ sau tỉnh Khánh Hoà với 68,6 ngàn lao động trực tiếp). Trong giai đoạn từ 2011-2019, số lao động ngành du lịch từ 13.903 người trong năm 2011 đến năm 2019 đạt là 50.963

người, tăng 3,6 lần so với năm 2011 và chiếm khoảng 8,7% tổng số lao động của thành phố [132].

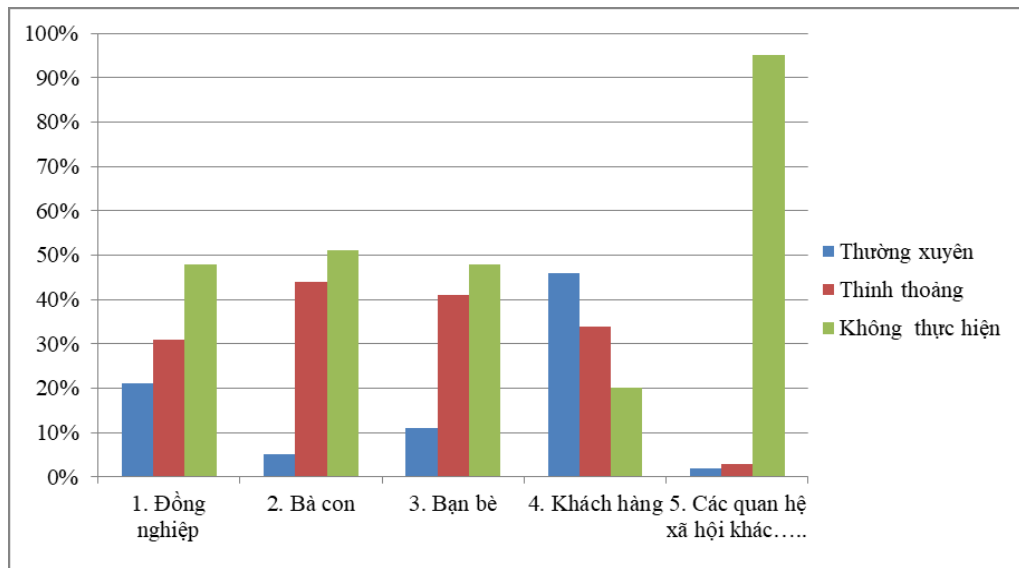
Trước thời điểm dịch Covid- 19 bùng phát, du lịch Đà Nẵng đã phát triển ấn tượng, khẳng định được thương hiệu trên bản đồ du lịch quốc gia và thế giới. Lượng khách du lịch đến thành phố giai đoạn 2003-2019 tăng trưởng là 19,5%. Năm 2019 (đỉnh điểm của du lịch Đà Nẵng từ trước cho đến nay), Đà Nẵng đón 8,7 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt 3,5 triệu lượt, khách nội địa đạt 5,2 triệu lượt. Đến tháng 12/2019, có tổng cộng 35 đường bay quốc tế đến Đà Nẵng, hiện mỗi tuần có đến 1.158 chuyến bay quốc tế và nội địa đến sân bay Đà Nẵng. Tỷ lệ đóng góp trực tiếp của ngành du lịch vào GRDP thành phố đạt 13,6%, đóng góp gián tiếp đạt 17,7%, tạo ra nhiều việc làm với 50.963 lao động trong năm 2019, tăng hơn gấp gần 4 lần so với năm 2011. Trong 9 tháng năm 2024, các cơ sở lưu trú trên địa bàn TP Đà Nẵng phục vụ ước đạt 8,7 triệu lượt khách, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm 2023; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt gần 20.602,7 tỷ đồng, tương đương với giai đoạn đỉnh điểm của du lịch Đà Nẵng trước khi có đại dịch Covid- 19[132].

3.2. Quá trình tác động của du lịch đến cư dân thành phố

3.2.1. Mức độ tiếp xúc của khách du lịch với cư dân thành phố

Theo kết quả khảo sát của đề tài khoa học cấp thành phố năm 2018 của tác giả, về mối quan hệ với khách du lịch nội địa của người Đà Nẵng, 46% (trong số 2000 người được khảo sát) cư dân Đà Nẵng được hỏi trả lời ở mức độ thường xuyên [9]. Như vậy đã có đến gần một nửa cư dân thành phố thường xuyên tiếp xúc với khách du lịch. Điều này thể hiện hoạt động du lịch khá bao trùm đời sống kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng. Việc xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của Đà Nẵng đã được triển khai đúng định hướng chiến lược và mang lại kết quả khả quan với số lượng khách du lịch đến thành phố liên tục tăng qua các năm, sự tham gia của cư dân địa phương

vào hoạt động kinh tế du lịch cũng dần trở nên khá phổ biến.



Biểu đồ 3. Mức độ tiếp xúc khách du lịch của cư dân Đà Nẵng

(Nguồn: Kết quả khảo sát Đề tài Lối sống Đà Nẵng của tác giả năm 2018)

3.2.2. Quá trình tác động của hoạt động du lịch nội địa đến cư dân thành phố

Quá trình tương tác giữa khách du lịch với cư dân bản địa thành phố Đà Nẵng là quá trình lâu dài. Việc khách du lịch đến sinh hoạt xen kẽ với cư dân bản địa có khả năng dẫn đến một xã hội đa văn hóa và nảy sinh hiện tượng giao lưu thẩm thấu văn hóa, lối sống. Trong quá trình này nổi lên một số đặc điểm sau:

- *Tương tác giữa khách du lịch nội địa với cư dân bản địa Đà Nẵng là quá trình tương tác qua lại và diễn ra khá thường xuyên.* Biểu hiện của mối tương tác này là sự gặp gỡ, giao tiếp dẫn đến trao đổi, giao thoa văn hóa của khách du lịch và cư dân bản địa. Hệ quả của nó đối với cư dân bản địa Đà Nẵng là sự xuất hiện thêm những nét văn hóa mới trong đời sống vật chất, tinh thần, trong cách sinh hoạt hàng ngày; là sự xuất hiện các hàng quán, nhà hàng theo kiểu ẩm thực mới.

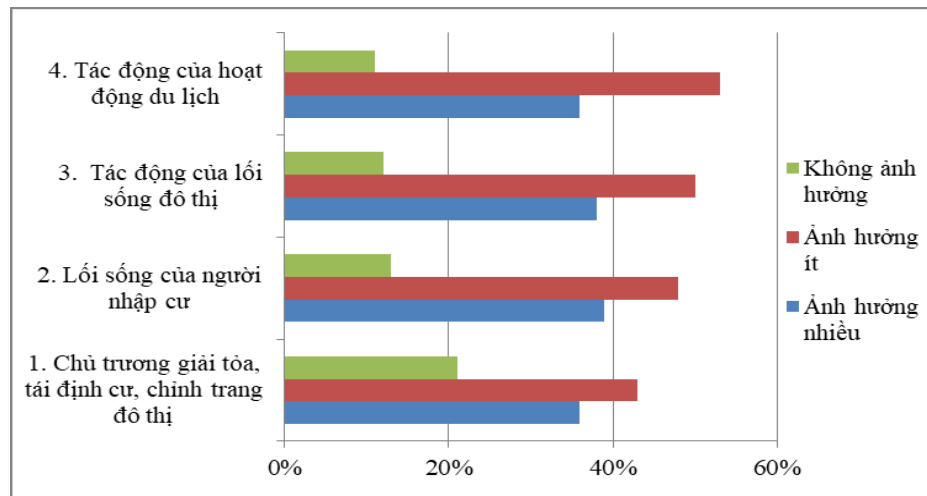
Tương tác giữa khách du lịch nội địa với cư dân bản địa Đà Nẵng

không chỉ là tương tác qua lại mà còn diễn ra thường xuyên, liên tục. Ở góc độ lớn, lịch sử cho thấy di cư từ dòng người du lịch (bao gồm cả du lịch công vụ, nghỉ dưỡng, tham quan, thăm viếng, nghiên cứu văn hóa, lịch sử...) là quá trình diễn ra liên tục trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại tạo nên sự gặp gỡ giữa những người dân của các nền văn hóa khác nhau, nó gần như là một phần của cuộc sống hàng ngày. Ở góc độ nhỏ hơn, sự gặp gỡ giữa khách du lịch và người Đà Nẵng diễn ra hàng ngày, hàng giờ, ở mọi lúc, mọi nơi. Trong hoàn cảnh du lịch ngày càng phát triển như hiện nay thì tần suất gặp gỡ này cũng ngày càng tăng. Sự tương tác diễn ra thường xuyên như vậy sẽ thúc đẩy quá trình giao thoa văn hóa nhanh và mạnh hơn.

- Trong quá trình tương tác, người dân bản địa thường chủ động thích ứng với khách du lịch, có sự biến đổi nếp sống chủ yếu ban đầu để đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch và lâu dần thành lối sống. Lẽ thường, khi đến một vùng đất mới đòi hỏi con người phải thích ứng với người bản địa, với nền văn hóa mới như bỏ bớt đi một số giá trị văn hóa, lối sống, hay chí ít là thói quen của cộng đồng quê nhà để thích nghi, hội nhập với điều kiện nơi vùng đất mới đến. Tuy nhiên, theo bà M. T.T, du khách đến từ Hà Nội thì, trong quá trình tương tác, có sự chênh lệch về mức sống của khách du lịch thường cao hơn mức sống của người bản địa, do đó dẫn đến khách du lịch khó khăn trong việc tiếp nhận văn hóa và lối sống mới của người bản địa, còn người bản địa vốn dĩ hiểu khách và có nhu cầu mưu sinh nên tôn trọng rất cao tính khác biệt về văn hóa, lối sống của khách du lịch, từ đó chủ động thích ứng với khách du lịch (phỏng vấn ngày 30/4/2023).

Khảo sát cho thấy lối sống của cư dân tại chỗ bị ảnh hưởng bởi tác động của hoạt động du lịch và người nhập cư từ ít đến nhiều là 89%, cho thấy hoạt động du lịch là một môi trường tạo ra sự biến đổi lối sống do ảnh hưởng trực tiếp từ khách du lịch hoặc ảnh hưởng một cách gián tiếp, thông qua quá

trình nhập cư trong nước để phục vụ phát triển du lịch. Chính du lịch và quá trình nhập cư trong nước phục vụ phát triển du lịch là tác nhân tạo nên sự thay đổi trong cách ăn (nguyên liệu thực phẩm, chế biến, dụng cụ nấu ăn và ăn...) cách mặc (trang phục, trang điểm). Từ biến đổi các yếu tố vật chất đến các yếu tố phi vật chất như giá trị, chuẩn mực cũng được rút ngắn lại và dần bị ảnh hưởng, biến đổi theo.



Biểu đồ 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống của cư dân Đà Nẵng

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

- Tương tác giữa khách du lịch nội địa với cư dân Đà Nẵng tạo ra sự thay đổi về lối sống văn hóa - văn minh hơn là giá trị văn hóa. Thông qua quá trình tiếp xúc trực tiếp, cư dân bản địa có cơ hội giao lưu, tiếp thu các yếu tố văn minh nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa, dân tộc, quê hương mình. Từ kết quả Bảng 2 cho thấy, lối sống cư dân tại chỗ gần như ít bị ảnh hưởng bởi văn hóa Phương Tây, bên cạnh đó, ảnh hưởng của lối sống nông thôn cũng giảm dần, thay vào đó là ảnh hưởng mạnh mẽ của lối sống đô thị, các phong trào, chủ trương lớn của thành phố như “5 không, 3 có”, “Văn hóa, văn minh đô thị”, “Tái định cư” và ảnh hưởng của giáo dục trường học. Tất cả các nhân tố này tác động đều góp phần xây dựng nên một lối sống văn minh, tuân thủ pháp luật của người Đà Nẵng nhằm tạo ra môi trường sống tích cực phục vụ

phát triển du lịch.

3.2.3. Quá trình tác động của hoạt động du lịch nước ngoài đến cư dân thành phố

Là quá trình tương tác qua lại nhưng không thường xuyên. Sự tiếp xúc của hai đối tượng này không thường xuyên, chủ yếu là do giới hạn về môi trường ngôn ngữ. Sự tương tác này vì vậy không thể hiện ra bằng con đường giao tiếp trực tiếp thông qua ngôn ngữ mà thể hiện thông qua hành động quan sát lẫn nhau nhiều hơn. Thạc sĩ V.Q.V, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng nhận định:

Có 3 mức độ biểu hiện lối sống của người nước ngoài khi đến Đà Nẵng: biểu hiện thứ nhất là nhập gia tùy tục, biểu hiện thứ 2 là bảo tồn văn hóa dân tộc, biểu hiện thứ 3 là đem văn hóa cổ hương của mình để gây ảnh hưởng, tác động đến lối sống, văn hóa bản địa. Tuy nhiên, mức độ ít phổ biến nhất là mức độ 3 (phỏng vấn ngày 15/4/2023).

Việc định hướng phát triển đa dạng các thị trường quốc tế, chủ động tìm những nguồn khách, đa dạng thị trường từ quốc tịch đến loại hình, ví dụ như du lịch đám cưới, học đường, MICE, golf. Đây cũng là hoạt động đã và đang được thành phố thực hiện thường xuyên trong những năm qua và mang lại hiệu quả tích cực. Du lịch Đà Nẵng cung cấp những dịch vụ mà du khách cần, chứ không chỉ là cung cấp những gì mình có. Đối với từng thị trường khách quốc tế, các cơ sở dịch vụ cũng đang nỗ lực đáp ứng nhu cầu phù hợp với từng dòng khách, như về ẩm thực, cơ sở vật chất, thói quen mua sắm... phù hợp với văn hóa, lối sống của đa dạng thị trường khách Ấn độ, khách Hồi giáo cũng đang là mục tiêu Đà Nẵng hướng đến với việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu mang bản sắc đặc trưng riêng. Sự du nhập văn hóa vào Việt Nam bằng nhiều ngã đường, nhiều phương tiện, thông qua

phát triển kinh tế, phương tiện truyền thông, nghệ thuật, giao dịch thương mại, phát triển của khoa học công nghệ, hoàn thiện thể chế luật pháp, trong đó sự biến đổi về vật chất đến biến đổi các giá trị, chuẩn mực trong đời sống của cư dân Đà Nẵng bị ảnh hưởng khá rõ nét thông qua hoạt động du lịch trong bối cảnh toàn cầu hóa.

3.2.4. Quá trình phát triển du lịch nhanh cùng với quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa đã thúc đẩy du khách nội địa, người nhập cư trong nước đến với Đà Nẵng ngày càng nhiều

Nói như vậy để thấy rằng sự tương tác giữa du khách và cư dân bản địa diễn ra trong bối cảnh phát triển du lịch trên cơ sở tài nguyên du lịch hấp dẫn, làm cho Đà Nẵng trở thành đô thị có tốc độ phát triển về hạ tầng kỹ thuật, dân số cơ học vào loại cao nhất ở khu vực miền Trung. Tuy nhiên, khi tốc độ đô thị du lịch hóa diễn ra càng nhanh thì mối quan hệ giữa cư dân trong cộng đồng ngày càng lỏng lẻo, tách biệt và chỉ liên quan đến nhau về lợi ích kinh tế bởi họ phải đương đầu với việc xử lý các thông tin mới đến và chỉ cần duy trì mối quan hệ hời hợt [142].

Có thể dễ nhận thấy đặc điểm nổi bật hiếm có bởi Đà Nẵng là một hiện tượng đô thị biến được kỳ vọng với kiến trúc đô thị dọc sông Hàn và dọc chiều dài bãi biển Đà Nẵng làm chủ đạo để phục vụ phát triển du lịch. Đà Nẵng là một thành phố khá đặc biệt vì có hạ tầng chờ kiến trúc. Đà Nẵng đã chú trọng trong việc thiết lập cơ sở hạ tầng, các đường phố mới, kết quả điều tra xã hội học phản ánh tình trạng nhà ở của người Đà Nẵng là có đến 84,4% đối tượng điều tra có nhà riêng.

Rõ ràng sự phát triển du lịch đã và đang làm thay đổi nhiều vấn đề về văn hóa, xã hội. Bên cạnh đó, việc quy hoạch đô thị theo hướng hiện đại làm biến đổi không nhỏ mối quan hệ giữa người với người và không gian quy hoạch, kiến trúc, tổ chức không gian sống đã phá vỡ rào cản làng xã xưa cũ ở

Đà Nẵng. Sự phát triển của hoạt động du lịch đã dẫn đến sự tương tác giữa du khách và cư dân địa phương mạnh mẽ hơn và mang màu sắc hiện đại hơn dù theo xu hướng tích cực hay tiêu cực.

Bên cạnh đó, quá trình phát triển nhanh của ngành du lịch trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng dẫn đến sự gia tăng luồng khách du lịch nước ngoài đến với Đà Nẵng. Hiện nay, mặc dù vẫn còn ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng phải thừa nhận rằng xu thế toàn cầu hóa, hội nhập hóa là xu thế không thể cưỡng nổi của nhân loại. Xu thế này đã và đang diễn ra ngày càng rõ ràng và mạnh mẽ, tác động đến mọi quốc gia, mọi khu vực, mọi ngóc ngách của các lĩnh vực đời sống xã hội, kinh tế, văn hóa... Thế giới ngày nay được đánh giá là một thế giới mà biên giới đã trở nên “xốp”, cho phép ngày càng nhiều các dân tộc và văn hóa, lối sống tiếp xúc trực tiếp và thường xuyên với nhau hơn. Đây chính là bối cảnh quan trọng trong sự tương tác giữa du khách nước ngoài với cư dân thành phố Đà Nẵng.

Ngành du lịch phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa kết hợp với quá trình đô thị hóa mạnh của thành phố Đà Nẵng từ năm 1997 đến nay đã tạo ra một bối cảnh tương đối thuận lợi cho sự tương tác giữa du khách nội địa và nước ngoài với cư dân Đà Nẵng. Dưới tác động của bối cảnh này, đời sống đô thị Đà Nẵng đang biến đổi rất nhanh chóng với nhiều đặc trưng mới về lối sống, nếp sống văn minh, hiện đại; về nhận thức đối với giá trị văn hóa, di sản và cách bảo tồn văn hóa, di sản để phát triển du lịch.

3.3. Biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng

3.3.1. Biến đổi trong cung cách sinh hoạt

- Trong ẩm thực

Có thể nói ẩm thực Đà Nẵng là kết quả của một hành trình đa sắc. Những món ăn mang đặc trưng ẩm thực nhiều vùng miền trên cả nước đã đến với Đà Nẵng bằng nhiều con đường khác nhau để phục vụ cho nhu cầu ngày

càng tăng của du khách thập phương. Những hàng quán theo chân người tứ xứ đến vùng đất hứa Đà Nẵng lúc đầu có thể vì kẻ sinh nhai, hoặc vì một chút vẩn vương hương vị quê nhà... Các hàng quán này cùng chủ nhân của nó đã và đang mỗi ngày góp thêm những nét sinh động và cần thiết trong bức tranh ẩm thực thành phố du lịch Đà Nẵng.

Qua thời gian, các món ăn ấy không chỉ phục vụ những nhóm người xa quê đang sinh sống trên đất Đà Nẵng, mà dần trở thành một phần không thể thiếu trong bức tranh ẩm thực nhiều màu sắc của thành phố biển. Đó là những món ăn ngon “nức tiếng” của Đà Nẵng như: bánh tráng cuốn thịt heo hải sản, bún chả cá, bánh xèo, bún mắm, mì quảng, bánh nậm, cháo vịt, cao lầu, cơm gà, bánh tráng đập, tré, nem lụi, bún thịt nướng, bún riêu, cháo trắng, bò kho, cơm niêu, bún bò... Dù không còn nguyên bản như ẩm thực gốc nhưng các món ăn cơ bản vẫn giữ được hương vị của đặc sản các vùng miền, có chăng là gia vị được biến đổi để có thể phù hợp với khẩu vị của khách thập phương.

Không chỉ là những món ăn của các vùng miền mà Đà Nẵng còn bắt đầu xuất hiện phong phú ẩm thực Á, Âu, Mỹ như là kết quả tất yếu của quá trình hội nhập quốc tế và phát triển du lịch, dịch vụ. Văn hóa ẩm thực đã góp phần minh chứng cho Đà Nẵng là miền đất của trăm vùng. Chính sự phong phú, đa dạng về không gian văn hóa ẩm thực là lý do quan trọng thứ 3 (sau 2 lý do: có nhiều bãi biển đẹp và nhiều điểm tham quan) khiến du khách chọn Đà Nẵng là điểm đến theo kết quả nghiên cứu từ các tài liệu thứ cấp.

Với không gian văn hóa ẩm thực phong phú nên cách ăn của người Đà Nẵng cũng có nhiều thay đổi. Nếu như ẩm thực thế giới trước năm 2003 còn xa lạ với đa phần cư dân Đà Nẵng thì hiện nay đã có đến 77% cư dân Đà Nẵng biết đến ẩm thực thế giới và 100% cư dân địa phương đã từng thưởng thức ẩm thực vùng miền trong nước.

Bảng 2: Thay đổi thói quen ăn uống của cư dân Đà Nẵng

Thói quen ăn uống	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Ẩm thực truyền thống địa phương	97%	76%	3%	24%	0%	0%
2. Ẩm thực thế giới	1%	3%	4%	74%	95%	23%
3. Ẩm thực vùng miền trong nước	13%	83%	22%	17%	65%	0%
4. Ẩm thực đường phố	3%	0%	3,5%	18%	94,5%	82%

(Nguồn xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

Với tỷ lệ gia đình có bữa cơm gia đình chiếm 76,6%, nhưng Đà Nẵng được cho là địa phương có nhiều quán nhậu, nhà hàng, điều này có thể giải thích: phần lớn nhà hàng phục vụ khách du lịch. Việc ăn của người Đà Nẵng ngày nay trở thành một nhu cầu văn hóa giao tiếp khá đặc biệt. Trong giới doanh nhân và công chức, viên chức, café và điểm tâm sáng trở thành một nét văn hóa đẹp. Trong những không gian văn hóa hay chỉ là những quán café vỉa hè, họ gặp nhau hàng ngày để trao đổi công việc như là một nhu cầu cần thiết để thoát khỏi phong cách hành chính, công vụ khá xơ cứng trong giao dịch hàng ngày. Đà Nẵng bùng nổ dịch vụ các quán ăn vặt buổi chiều trong vài năm trở lại đây nhưng cũng chủ yếu phục vụ du khách.

Những món ăn cổ truyền ngày Tết bây giờ cũng không còn giữ được giá trị biểu trưng trong dịp Tết như bánh Tết, dưa hành đã xuất hiện phổ biến trong năm và chủ yếu là mua về dùng thay vì tự làm như trước đây.

Kết quả khảo sát của luận án cho thấy trước năm 2003, Đà Nẵng chưa có siêu thị nào nên người dân chưa biết đến siêu thị là gì. Tuy nhiên hiện nay số người dân chưa từng đến các siêu thị chỉ chiếm tỷ lệ 1%. Đây là một bước chuyển biến mạnh mẽ, thay đổi thói quen, hành vi mua sắm của cư dân Đà

Năng. Để đáp ứng nhu cầu này, các doanh nghiệp thời trang cũng phải cạnh tranh để có được một vị trí kinh doanh trong các siêu thị. Với quỹ thời gian hạn hẹp, nhiều gia đình người Đà Nẵng có nhu cầu đi mua sắm các loại hàng hóa tiêu dùng thiết yếu, ăn uống và kết hợp cho con cái vui chơi cuối tuần tại các siêu thị là sự lựa chọn tối ưu bởi các siêu thị hiện nay vừa có không gian mát mẻ, trước tiên vừa đáp ứng được phần lớn các nhu cầu của du khách và sau là đáp ứng của một gia đình người dân địa phương vào dịp cuối tuần.

Bảng 3: Sự thay đổi thói quen mua sắm hàng hóa của cư dân Đà Nẵng

Thói quen mua sắm	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Trên mạng	1%	60%	3%	38%	96%	1%
2. Chợ truyền thống	100%	40%	0%	56%	0%	2%
3. Siêu thị	0%	24%	6%	74%	94%	1%
4. Các quầy bán trên vỉa hè	4%	50%	30%	50%	76%	0%
5. Các cửa hàng ở mặt phố	4,5%	20%	6%	80%	89%	0%

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của tác giả)

- Biến đổi trong trang phục

Cách mặc ở Đà Nẵng ngày nay hướng vào cái lành, cái đẹp. Quần áo may sẵn bắt đầu chiếm ưu thế so với quần áo đặt may. Nhìn qua hoạt động của các công ty chuyển phát nhanh và sự “sống lại” của ngành bưu chính, chúng ta có thể khẳng định sự phát triển của thương mại điện tử đang gõ cửa từng nhà, nhất là trong giới 8x và 9x. Việc kinh doanh, mua bán thời trang trên mạng đang có xu hướng lấy đi thị phần của các cửa hàng truyền thống. Có đến 65% số người được khảo sát cho biết thường xuyên mua hàng trên mạng, trong khi mua bán ở các cửa hàng mặt phố chỉ ở mức 37%. Chính vì thế, việc quy hoạch các phố chuyên doanh mà không có bãi đậu xe càng tạo ra

một trở ngại lớn cho các cửa hàng kinh doanh thời trang truyền thống trên các tuyến phố Phan Châu Trinh, Lê Duẩn. Và kết quả kinh doanh của nhiều cửa hàng đã không đạt như kỳ vọng, với doanh số bán ra ít, chi phí mặt bằng, quản lý cao, làm cho giá cả hàng hóa ở đây trở nên đắt đỏ và càng trở nên khó cạnh tranh so với thương mại điện tử.

Một thời trang từ áo, quần, giày, dép, mũ, nước hoa, đồ trang sức cho đến các kiểu tóc đều có xu hướng Hàn Quốc hóa. Điện ảnh là minh chứng cho sự thành công về việc quảng bá văn hóa của Hàn Quốc ra thế giới bằng con đường phát triển công nghiệp văn hóa. Những năm trở lại đây, xu hướng mặc áo dài truyền thống, áo dài cách tân bắt đầu xuất hiện trong cả lứa tuổi thiếu nhi và phụ nữ trung niên vào các dịp lễ, tết. Ở chừng mực nào đó, có thể thấy những người lớn tuổi dường như đã nhận thức duy trì vẻ đẹp của trang phục truyền thống và muốn phục hưng nên muốn gieo vào ý thức của tuổi thơ hôm nay. Kết quả khảo sát của luận án cho thấy 88% số người được khảo sát vẫn duy trì mặc thường xuyên hoặc thỉnh thoảng trang phục truyền thống vào các dịp Lễ, Tết.

Nếu như cách đây khoảng 10 năm, phong trào mặc áo quần “second hand” (*đồ cũ*) của Âu, Mỹ khá phổ biến thì giờ đây đã dần trở vào quên lãng. Người Đà Nẵng không chỉ tìm đến những món ăn ngon mà còn mặc đẹp và khá lịch sự. Những lối ăn mặc khá thoải mái ở Âu, Mỹ dường như ít xuất hiện trong giới trẻ Đà Nẵng. Các câu trả lời phỏng vấn sâu bởi sự gần gũi về văn hóa Á Đông, nên phong cách thời trang của người Hàn Quốc được giới trẻ và cả giới trung niên Đà Nẵng tiếp nhận một cách dễ dàng và cũng được sự chấp nhận của xã hội bởi nó không quá khác biệt và xa rời với phong cách truyền thống của người Việt. Xu hướng thời trang Hàn Quốc đã xuất hiện với tỷ lệ tăng từ 2% trước năm 2003 lên đến 23% hiện nay.

Trong các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, nhóm nhỏ xã hội (các câu lạc bộ) vài năm trở lại đây xuất hiện xu hướng hình thành áo, quần đồng

phục như là một giải pháp để xây dựng thương hiệu, tạo sự gắn kết. Nhiều gia đình trẻ cũng theo xu hướng này xuất hiện áo cặp, áo quần thời trang gia đình như là biểu hiện của sự hạnh phúc, yêu thương, cùng sở thích và cùng chia sẻ.

Nhận thức về hưởng thụ của người Đà Nẵng có sự chuyển biến nhanh chóng về mặt chất. Từ phần đầu đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở, đi lại thuận tiện... thì đến nay tiêu chí tiêu dùng đại bộ phận nhân dân Đà Nẵng là ăn ngon với thực phẩm an toàn, mặc đẹp... Có đến 69% số người được khảo sát có thói quen thường xuyên hoặc thỉnh thoảng mặc thời trang hàng hiệu. Dù vậy, 83% số người tham gia khảo sát cho rằng họ ít bị ảnh hưởng hoặc không bị ảnh hưởng bởi văn hóa Phương Tây và 63% khẳng định ít bị ảnh hưởng hoặc không bị ảnh hưởng bởi mạng xã hội.

- Biến đổi trong nhà cửa

Nhà ở rõ ràng được cải thiện đáng kể theo hướng văn minh, hiện đại. Ở những vùng ven, nơi tốc độ đô thị hóa chủ yếu dành cho quá trình di cư phục vụ hình thành các khu du lịch, nghỉ dưỡng diễn ra càng nhanh thì sự thay đổi về không gian sống cũng trở nên “chóng mặt”. Kết quả chung khảo sát cho thấy lối sống du lịch tác động đến không gian sống của người Đà Nẵng với tỷ lệ đến 88%. Và cũng rất ấn tượng với kết quả khảo sát có đến 84% số người được hỏi có nhà riêng để ở. Điều này phản ánh nếp văn minh, hiện đại, nhu cầu phát triển tự lập của người Đà Nẵng, khác hẳn với nếp sống nông thôn truyền thống Việt Nam.

Nhà nghiên cứu B.X-Nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng cho rằng: “Quy hoạch đô thị Đà Nẵng và quy hoạch không gian văn hóa Đà Nẵng hoàn toàn khác nhau. Nếu cảm nhận được không gian văn hóa, sẽ có phương án quy hoạch phù hợp” (phỏng vấn ngày 10/8/2019).

Nếu đi hết trong lòng Đà Nẵng, sẽ cảm nhận có 4 Đà Nẵng: Một Đà Nẵng thứ nhất ở các vùng ven đổi thay cùng với quá trình di dời, giải tỏa, mở

rộng, chỉnh trang đô thị, phục vụ cho việc tái thiết thành phố, tạo cơ sở hạ tầng cho phát triển du lịch. Ở các khu vực này, nhà cửa khang trang với mô hình bàn cờ và nhà ống, xen kẽ thỉnh thoảng vẫn còn đồng ruộng và nhiều bãi đất trống. Nhiều năm qua, khi xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, việc quy hoạch trên địa bàn vùng ven đô đã tập trung cho việc tạo dựng các khu tái định cư mới, đưa người dân từ những khu đất vàng hướng biển ra vùng ven đô, để lấy quỹ đất biển phục vụ cho các dự án du lịch. Dẫn đến việc làng “được” đô thị hóa và làng “bị” đô thị hóa cùng với quá trình phát triển du lịch. Đặc biệt ở những vùng ven đô sự chuyển hóa từ làng - xã sang phố - phường trong bối cảnh người người đua nhau xây nhà, giãn dân đã phá vỡ gần như toàn bộ cấu trúc làng truyền thống. Giá đất tăng cao.

Đà Nẵng thứ hai là vùng mặt tiền hướng biển. Chủ trương phát triển du lịch đã làm cho hình ảnh về một không gian sống thoáng đãng, yên bình và nhiều cây xanh nhìn ra bờ biển trải dài liên mạch giờ chỉ còn trong ký ức của nhiều người dân, thay vào đó là một không gian sống sầm uất, ồn ào và nhà hàng, khách sạn san sát. Đường bờ biển từ đèo Hải Vân vào đến Điện Ngọc đã quy hoạch, cắt xẻ cho các khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp. Thỉnh thoảng có một bãi tắm công cộng trải xuôi bờ cát trắng dưới bóng những hàng dừa tạo ấn tượng về một thành phố du lịch biển hấp dẫn.

Đà Nẵng thứ ba là khu vực nông thôn của Huyện Hòa Vang. Người Hòa Vang đang đứng trước một thực trạng phải hài hòa giữa kiến trúc truyền thống và đảm bảo môi trường sống và phát triển du lịch sinh thái, làng nghề. Chủ trương phát triển du lịch sinh thái đã giúp Hòa Vang “cưỡng” lại được quá trình đô thị hóa để ưu tiên phát triển, hình thành nhiều khu du lịch sinh thái. Với hướng đi này, những gì Hòa Vang đang làm được là giữ gìn những thôn kiểu mẫu (cả huyện có 17 thôn kiểu mẫu): đường sá sẽ được làm khang trang hơn, có trồng hoa ven đường. Khuyến khích người dân làm vườn trong

khuôn viên đất để tạo nét văn hóa làng quê, cố gắng gìn giữ cây xanh, công làng, những lũy tre già, tạo ra không gian sinh thái. Cuối tuần, du khách là người nội thành kéo nhau về Hòa Vang để đắm mình trong các khu du lịch sinh thái ở xã Hòa Bắc, Hòa Phú, Hòa Ninh, Hòa Châu, các làng nghề truyền thống dệt chiếu Cẩm Nê, rượu cần Hòa Bắc...

Đà Nẵng thứ tư chính là vùng nội thị mà cũng có thể xem là “phố cổ” của Đà Nẵng. Đó là phần lớn địa bàn của quận Hải Châu và Thanh Khê. Những con phố đi bộ hình thành phục vụ phát triển du lịch. Trên các tuyến đường Lê Duẩn, Phan Châu Trinh - nơi các tuyến đi bộ mua sắm hình thành, các hộ dân được tham gia các lớp học ngoại ngữ miễn phí do chính quyền địa phương tổ chức, các biển hiệu được trưng bày bằng song ngữ Việt - Anh. Với mật độ dân số cao, việc chỉnh trang lại đô thị cũ ở các địa bàn quận Hải Châu và Thanh Khê gặp nhiều khó khăn về ngân sách Nhà nước. Chính vì thế, đằng sau những ngôi nhà mặt phố khang trang là rất nhiều kiệt, hẻm nhỏ, ở đó các hộ dân sống chen chúc, chật chội nhưng vẫn hài lòng bởi tâm lý thích sống ở trung tâm thành phố, dễ mưu sinh với kinh tế vỉa hè phục vụ nhu cầu cho khách du lịch.

- Biến đổi trong phương thức đi lại

Đà Nẵng lại là địa phương hiếm hoi sở hữu hệ thống hạ tầng giao thông đa dạng và đầy đủ: không - thủy - bộ - sắt. Nhờ đó, việc di chuyển từ Đà Nẵng đến các tỉnh, thành thuộc Miền Trung - Tây Nguyên, các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM hay cả các nước trong khu vực đều vô cùng thuận lợi, tối ưu thời gian di chuyển, đa dạng lựa chọn dành cho người dân và du khách. Các phương tiện giao thông hiện đại trong nước Đà Nẵng đều có. Đà Nẵng còn có “đặc sản” các phương tiện giao thông thô sơ như xe đạp, xe lam điện, xe xích lô vẫn còn xuất hiện ngày càng nhiều trên các đường phố nhưng mục đích sử dụng đã hoàn toàn khác trước. Thay vì chúng là phương tiện đi lại thì

giờ đã trở thành phương tiện dịch vụ phục vụ cho khách du lịch thương lăm. Các nhà hàng, khách sạn đầu tư các xe lam điện để trung chuyển khách, đội xích lô du lịch Đà Nẵng với “sắc áo” riêng cũng tạo nên một sản phẩm du lịch ấn tượng của Đà Nẵng.

Nhưng câu chuyện đi lại ở Đà Nẵng thực sự trở nên quan ngại trong vài năm trở lại đây. Bởi mỗi gia đình trung lưu đều có một chiếc xe hơi, họ xem đây là một tài sản giá trị và hữu ích không chỉ phục vụ nhu cầu cá nhân, gia đình mà chính là tham gia vào hoạt động vận chuyển khách du lịch thông qua công ty vận chuyển công nghệ Grab cạnh tranh áp đảo tất cả các hãng taxi. Về tỷ lệ người khảo sát có xe ô tô trong gia đình hiện nay là 42%, trong đó có 68% mua xe với mục đích làm dịch vụ kinh doanh thay vì chỉ làm phương tiện đi lại của gia đình. Sự phát triển chóng mặt về số lượng ô tô cá nhân ở Đà Nẵng có thể giải thích bởi không chỉ trào lưu mà cái chính là sự tăng trưởng kinh tế du lịch. Rất nhiều hộ gia đình người Đà Nẵng giàu lên từ quỹ đất khai thác phục vụ phát triển du lịch và mua xe để làm dịch vụ vận chuyển du lịch.

Quá trình di dời, giải tỏa hàng trăm ngàn hộ dân để lấy quỹ đất phục vụ cho việc thu hút các dự án du lịch ven biển cũng tạo cơ hội cho nhiều hộ dân khám phá và thị trường bất động sản ở Đà Nẵng trở nên sôi động cũng chính là nhờ Đà Nẵng đã và đang từng bước xây dựng được thương hiệu “thành phố đáng sống, thành phố đáng đến”. Tất cả các phong trào xây dựng ở Đà Nẵng đều nhằm hướng đến xây dựng lối sống văn minh, hiện đại, nhân văn, đáp ứng xu thế phát triển du lịch và những phong trào này đã có những tác động rất tích cực. Thể hiện kết quả khảo sát “phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Chương trình thành phố “5 không, 3 có”, chủ trương “Năm văn hóa văn minh đô thị”, chủ trương “giải tỏa, tái định cư, chỉnh trang đô thị” có ảnh hưởng nhiều nhất đến sự phát triển của du lịch Đà Nẵng với các tỷ lệ lần lượt là 84%, 87%, 87%, 68%.

Một bất cập hiện nay là làn đường dành cho xe đạp thì nhiều tuyến đường lại được quy định đồng thời dành cho làn đậu xe ô tô. Rốt cuộc, các phương tiện thô sơ bắt buộc vi phạm luật giao thông xâm phạm làn dành cho ô tô và xe máy và nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông cũng bắt đầu từ đây.

Phía trên vỉa hè dành cho người đi bộ, khách du lịch cũng bất cập không kém. Mâu thuẫn giữa kinh tế vỉa hè và trật tự đô thị vẫn kéo dài nhiều năm tại các quận nội đô, nơi có các tuyến phố chuyên doanh du lịch như Lê Duẩn, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng. Người kinh doanh được quyền lấn chiếm vỉa hè dành cho người đi bộ sau khi đã chi trả một khoản phí mặt bằng vỉa hè cho chính quyền các địa phương.

Bắt đầu từ đầu năm 2017 đến nay, Đà Nẵng phải chi 2 tỷ đồng/năm để trợ giá cho 12 tuyến buýt hiện đại [188]. Không ít người cho rằng, việc đầu tư này là lãng phí, cần dừng ngay. Tuy nhiên, đối với các nhà quản lý, việc đầu tư này mang tính chiến lược trong phát triển vận tải công cộng, đặc biệt phục vụ du khách.

Nếu như ngày trước xe “buýt” (xe đồ) chật chội, hôi hám, người Đà Nẵng vẫn đi thường xuyên thì giờ đây xe buýt được trang bị hiện đại người Đà Nẵng vẫn không đi. Thay vào đó, tỷ lệ lựa chọn phương tiện đi xe máy là 88%, đi ô tô thường xuyên hoặc thỉnh thoảng lên đến 68%.

Bảng 4 : Sự thay đổi thói quen đi lại của cư dân Đà Nẵng

Thói quen đi lại	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Đi xe máy	24%	79%	51%	9%	24%	12%
2. Đi xe buýt	52%	4%	45%	13%	3%	83%
3. Đi ô tô	0%	35%	2%	33%	98%	31%

4. Dừng lại khi có đèn đỏ	14%	98%	12%	1%	74%	1%
5. Nhường đường cho người đi bộ	13%	85%	42%	13%	45%	12%

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

3.3.2. Biến đổi trong cung cách mưu sinh

Có lẽ, người Đà Nẵng có truyền thống thích ứng với cơ chế mới về kinh tế từ trước (Thời Chúa Nguyễn đã có Thương cảng Hội An để triển kinh tế xứ Quảng, từ thời Pháp thuộc đến và chế độ Sài gòn, Đà Nẵng là đô thị thứ 2 sau Sài gòn ở miền Nam). Bởi vậy, sau ngày giải phóng, người Đà Nẵng đã có sáng tạo trong việc thực hiện chủ trương cải tạo công thương nghiệp là không đánh tư sản dân tộc bằng việc tịch thu của cải của họ, mà bằng hình thức thành lập các công ty hợp doanh, nhiều nhà tư sản lúc bấy giờ đã đầu tư phát triển các ngành kinh tế của Quảng Nam - Đà Nẵng, điển hình là ngành xây dựng, ngành dệt - may, dâu tằm tơ, sản xuất hàng tiêu dùng... đáp ứng nhu cầu vật chất của xã hội. Chính nhận thức đúng đắn đó đã góp phần giữ ổn định nền kinh tế.

Từ sau khi thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương đến nay, người Đà Nẵng thích ứng rất nhanh với tư duy hội nhập, giao lưu, nhận thức mưu sinh không chỉ đủ ăn mà còn làm giàu. Thành phố Đà Nẵng đã xác định hướng đột phá đầu tiên để phát triển nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân là phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là du lịch, thương mại. Tiến sĩ N.V.H, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Tỉnh Quảng Nam nhận định:

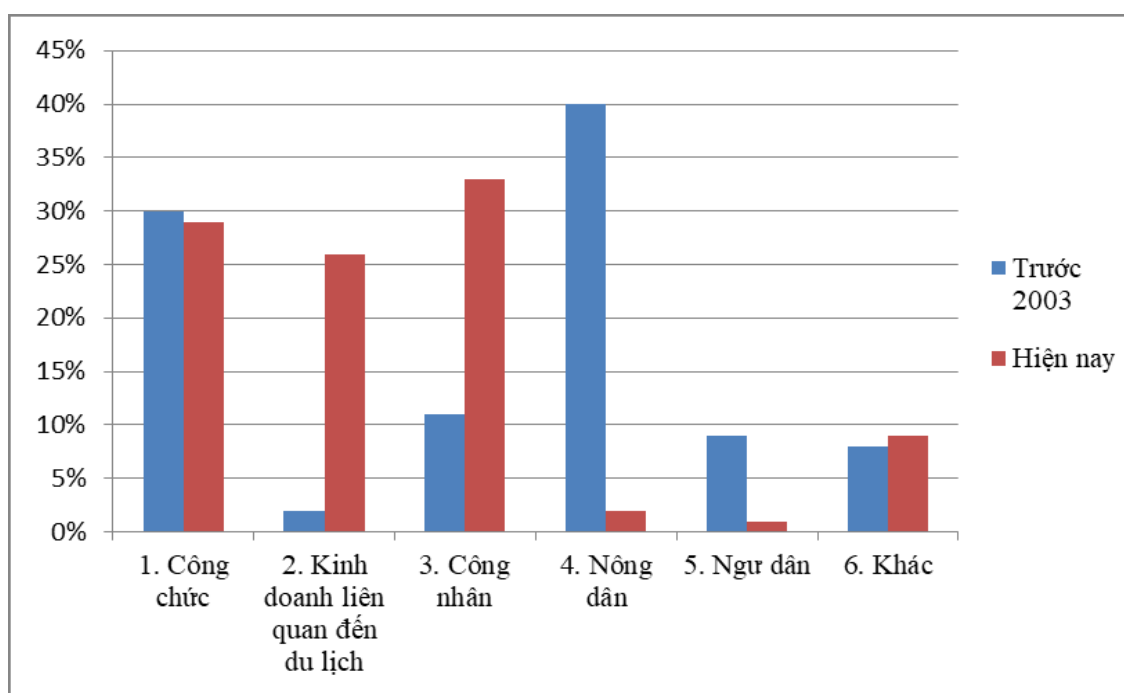
Một trong những thành công của Đà Nẵng là đã chủ trương “*Khai thác quỹ đất*”, “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” trong xây dựng hạ tầng đô thị, nhân dân đã đóng góp hàng trăm tỷ đồng và hàng chục ngàn mét vuông đất để triển khai các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật

đô thị. Mặt khác, thực hiện công tác đền bù, giải tỏa, tái định cư cho nhân dân đúng chính sách, chế độ và tiến độ các công trình, đã tạo ra quỹ đất để đầu tư phát triển hạ tầng đô thị. Vừa kiến tạo đô thị, vừa phục vụ được phát triển du lịch vừa phát triển được thị trường bất động sản về đất đai. Dù còn nhiều mặt hạn chế trong quản lý, nhưng có thể thấy rằng, thị trường bất động sản phục vụ du lịch như khu nghỉ dưỡng, khách sạn, nhà hàng, café... ở Đà Nẵng đã làm cho một bộ phận tầng lớp nghèo, trung bình có điều kiện nâng cao đời sống vật chất của gia đình hơn trước (phỏng vấn năm 2019).

Khu vực tái định cư vùng ven ở đô thị ở thành phố Đà Nẵng chủ yếu là các phường Hòa Quý, Hòa Hải (quận Ngũ Hành Sơn), Hòa Thọ Đông, Hòa Thọ Tây, Hòa Xuân, Hòa An, Hòa Phát (quận Cẩm Lệ), Hòa Minh, Hòa Khánh Nam, Hòa Hiệp (quận Liên Chiểu) và các xã Hòa Nhơn, Hòa Phước, Hòa Châu, Hòa Phong, Hòa Sơn (huyện Hòa Vang) nằm trong bối cảnh diện tích đất nông nghiệp giảm đi một cách đáng kể. Một bộ phận không nhỏ người dân không còn ruộng đất do quy hoạch các khu dân cư, các dự án, mở đường, lập khu công nghiệp... Người dân, khi được đền bù một món tiền lớn, họ đến khu tái định cư với một ngôi nhà khang trang hơn, với những tiện nghi vật chất được mua sắm đầy đủ hơn và rồi họ bỏ hẳn nghề nông nghiệp để chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Phần lớn lao động trẻ thì tổ chức buôn bán nhỏ, mở nhà hàng hoặc làm các dịch vụ du lịch. Nhiều dịch vụ văn hóa tiên tiến tại khu nội ô có tác dụng thâm nhập vào người làm nghề tự do cả về ngôn ngữ, hành vi ứng xử, lối sống văn hóa văn minh đô thị do sự phát triển đô thị đem lại. Từ phong cách của người nông dân, miền núi, hay miền biển dần chuyển hóa, tiếp thu phù hợp trong quá trình diễn ra buôn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu dùng, du lịch cho người đô thị và khách du lịch. Từ đó lối sống của họ cũng bắt đầu thay đổi dần theo phong cách làm ăn mới.

Bên cạnh đó, nhận thức về xã hội hóa trong các lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch. Các dịch vụ y tế theo chủ trương của Đảng thì người Đà Nẵng cũng đi đầu so với các tỉnh trong khu vực miền Trung. Về xã hội hóa y tế, đến nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có bệnh viện quốc tế, các bệnh viện tư nhân: Bệnh viện Đa khoa Bình Dân, Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí, Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Toàn, Bệnh viện Đa khoa Gia đình và hệ thống phòng khám đa khoa, chuyên khoa khác. Chính đa dạng hóa các hình thức đầu tư trong chăm sóc y tế đã làm cho nhu cầu du lịch chăm sóc sức khỏe của du khách đến Đà Nẵng ngày một cao hơn. Sản phẩm du lịch chăm sóc sức khỏe theo kết quả khảo sát của luận án đứng thứ 3 về nhu cầu phát triển, sau sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển và du lịch đường thủy.

Về tư duy trong tham gia lao động ở các ngành kinh tế đáp ứng nhu cầu xã hội của người Đà Nẵng và nâng cao đời sống của bản thân, gia đình. Nhận thức của người Đà Nẵng về tham gia lao động ở các loại hình, lĩnh vực kinh tế có sự chuyển biến tích cực, không còn tư tưởng bất cứ giá nào cũng vào khu vực kinh tế Nhà nước. Ngược lại, lao động ở khu vực kinh tế Nhà nước có chiều hướng giảm dần và lao động ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên, nhất là trong lĩnh vực du lịch. Chính kinh tế ngoài nhà nước đã góp phần giải quyết phần lớn người lao động của thành phố Đà Nẵng, đảm bảo đời sống của nhân dân (có khoảng 412.000 người, chiếm 74,6% lao động toàn thành phố). Mặt khác, người lao động có xu hướng dịch chuyển mạnh sang công nghiệp và dịch vụ (92,6%), lao động nông nghiệp của thành phố Đà Nẵng chỉ còn 5,4%. Nếu như trước năm 2003, chỉ có 2% số người tham gia khảo sát làm việc trong lĩnh vực kinh doanh liên quan đến du lịch, 48% làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và ngư nghiệp thì con số này đã thay đổi rất đáng kể với tỷ lệ tương ứng là 26% và 2%.



Biểu đồ 5. Sự thay đổi nghề nghiệp của cư dân Đà Nẵng

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

Theo số liệu khảo sát cho thấy có đến 66% cư dân Đà Nẵng có thu nhập bình quân trên 8,29 triệu đồng (đây là mức thu nhập bình quân của Bình Dương - địa phương cao nhất cả nước năm 2023), tăng 13 lần so với năm 2003. Chỉ có 4% số người khảo sát có thu nhập ở mức trung bình và dưới của cả nước. Về lý do thay đổi nghề nghiệp do nhu cầu xã hội và do tác động/ảnh hưởng của việc di dời, giải tỏa, tái định cư phục vụ chỉnh trang đô thị, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật chiếm tỷ lệ 59%.

Mặt khác, người Đà Nẵng có sự biến đổi nhận thức trong hưởng thụ là hưởng thành quả của mình tạo ra. Thành phố chủ trương thành phố ‘5 không’, thì người lang thang xin ăn là người Đà Nẵng chắc chắn rất hiếm, nếu không muốn nói là không có. Khách du lịch đến Đà Nẵng rất hiếm khi bị phiền lòng bởi gặp phải hiện tượng lang thang, xin ăn. Và chính nhận thức về môi trường sống xanh, sạch, đẹp, an bình, nhân văn đã tác động ngược trở lại môi trường du lịch, góp phần thu hút du khách đến với thành phố ngày càng nhiều hơn.

Các nghệ thuật truyền thống của Đà Nẵng như hát Bội, Dân ca Bài Chòi, múa Chăm đã theo chân du khách xuống phố, trở thành món ăn văn hóa tinh thần đặc sắc phục vụ du khách từ bình dân đến cao cấp, từ trong nước đến quốc tế.

Trong phương thức giao dịch mua bán, thói quen của người Đà Nẵng cũng thay đổi đáng kể như thanh toán mua bán không dùng tiền mặt và xếp hàng khi giao dịch mua bán với tỷ lệ khảo sát tương ứng 97% và 99% ở mức độ thường xuyên và không thường xuyên.

3.3.3. Biến đổi trong cung cách ứng xử

- Ứng xử trong gia đình, tộc họ

Trong bối cảnh du lịch phát triển, khu vực ven biển của thành phố Đà Nẵng là nơi có nhiều biến đổi nhất về sự dịch chuyển dân cư. Chính sự dịch chuyển dân cư ở khu vực ven biển khiến những người có cùng huyết thống - cùng dòng họ nếu như trước đây thường sống quần tụ trong một không gian cư trú, ở khá gần nhau, gắn kết chặt chẽ, các thành viên luôn có sự tương trợ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày thì ngày nay, sự chuyển dịch dân cư làm cho con cháu của các dòng họ này phải chuyển đến sống ở nhiều nơi khác nhau, dẫn đến cho việc tiếp xúc, trao đổi thông tin hay tham gia các hoạt động của tộc họ trở nên khó khăn hơn. Từ đó làm cho quan hệ giữa các thành viên trong cùng họ tộc trở nên rời rạc hơn, lối sống gắn kết tộc họ, xóm làng theo đó bị biến đổi theo hướng suy giảm, lu mờ dần.

Không gian sống của các hộ gia đình ở các khu tái định cư vùng ven đô mới hình thành hầu hết đều rời rạc. Họ sống trong những ngôi nhà cao tầng thay vì những ngôi nhà thấp 3 gian truyền thống. Sự thay đổi này đã làm cho không gian sinh hoạt của các hộ gia đình có xu hướng tăng lên và giúp cho các thành viên trong gia đình gần như có một khoảng không gian riêng.

Dù vậy, có lẽ là do xã hội Việt Nam truyền thống bị ảnh hưởng sâu sắc

bởi nền tảng Nho giáo và vùng xứ Quảng cũng nằm trong dòng chảy đó nên việc giáo dục nền nếp, gia phong được coi trọng hàng đầu. Các cụ luôn dùng những câu răn dạy của người xưa để giúp con cháu giữ được nền nếp, lễ phép, chăm sóc, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; anh, chị, em sống vui vẻ, hòa thuận, yêu thương nhau; vợ - chồng sống chung thủy, tôn trọng nhau và thực hiện tốt vai trò làm chồng, làm vợ, làm cha, làm mẹ, làm con...; trung thực với bạn bè, yêu thương gắn bó với láng giềng, yêu quê hương, đất nước, yêu lao động, biết tôn trọng người khác, biết giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, có lối sống lành mạnh... Chính nhờ có các cụ mà con cháu biết nhìn nhau mà sống. Việc chăm sóc, nuôi nấng con cái bây giờ cũng bị cuốn vào guồng máy xã hội công nghiệp du lịch nên việc giáo dục con cái có phần xem nhẹ và khoán cho nhà trường, nhưng bên cạnh đó nhiều gia đình vẫn còn có ý thức tạo ra nếp nhà hay “*gia phong*” lưu truyền cho con cháu lối sống theo “*tứ đức*” hay “*ngũ thường*”. Số liệu khảo sát phản ánh điều đáng mừng là tỷ lệ cha mẹ chủ động giao tiếp với con cái hàng ngày là 92%, và người dân chủ động giao tiếp với du khách là 82% ở mức độ đa số là không thường xuyên. Đặc điểm này chính là nét tương đồng với tính cách trọng tình và coi trọng văn hóa gia đình của người Việt/ người Đà Nẵng.

Nói đến sinh hoạt gia đình, người ta thường đề cập đến bữa cơm, đó là lúc các thành viên gia đình người Việt nói chung phải có mặt đông đủ. Ngày trước không phổ biến hàng quán như bây giờ và ít có ai ra ngoài ăn cơm quán. Ngày ba buổi cơm các gia đình đều phải tự nấu. Đảm nhiệm công tác nội trợ thường là những phụ nữ lớn tuổi hoặc con gái lớn trong gia đình. Thường là bữa “*cơm rau*” hay “*cơm canh*” với mắm cá và dưa cà. Bữa cơm trong gia đình người Đà Nẵng hiện nay không còn nặng nề chuyện ứng xử trong bữa ăn. “*Ăn coi nôi, ngồi coi hướng*” thể hiện ở chỗ: dự bữa ăn phải biết coi chừng nồi cơm. Nếu thiếu, thì phải ăn ít lại và nhường cho người khác và phải

biết chọn vị trí ngồi phù hợp với thứ vị trong gia đình. Thường thì người con dâu ngồi đầu nồi để bới cơm cho cả nhà. Nếu nhà chưa có con dâu thì mẹ hoặc con gái lớn phải ngồi đầu nồi. Đến bữa ăn, mọi thành viên phải có trách nhiệm luôn tạo không khí vui vẻ, đầm ấm trong bữa ăn. Từ khi nước ta hội nhập rộng rãi với khu vực và thế giới, đất nước phát triển mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiều gia đình ít có cơ hội được ngồi bên nhau trong bữa cơm thân mật. Nhiều gia đình vẫn còn giữ truyền thống đợi đủ thành viên về mới ăn cơm. Cuộc sống của một gia đình hiện đại ngày nay là sáng đưa con đến lớp, cha mẹ đi làm, chiều về đón con rồi đi chợ nấu cơm. Tuy nhiên, bữa cơm tối duy nhất của cả nhà đôi khi không có mặt đông đủ các thành viên. Khi thì cha hoặc mẹ bận làm thêm giờ, lúc thì con phải đi học thêm... Bữa cơm thường được ăn nhanh chóng để mỗi người một việc, chuẩn bị sẵn sàng cho ngày hôm sau, khoảng thời gian tận hưởng và chia sẻ cùng nhau dường như rất ít. Nhưng nhìn chung, gia đình ở Đà Nẵng ít bị cuốn vào guồng máy của xã hội công nghiệp, như người ta thường chọn cách ăn tiện lợi như: ăn ở cửa hàng, ở các tiệm hay thức ăn nhanh... mà không còn chú tâm đến các bữa cơm gia đình nữa. Kết quả khảo sát của Đề tài Lối Sống Đà Nẵng cho thấy gần 1/2 người dân Đà Nẵng hiện nay có thói quen “Ăn sáng ở nhà” (trong đó: 72.4% nông dân và 72% văn nghệ sĩ, trí thức), tỷ lệ “ăn cơm chiều với gia đình” ở mức độ “thường xuyên” là 82.4%, số người “thường xuyên” “đi làm trưa không về” chiếm 34.0% [9]

- Ứng xử trong quan hệ xã hội

Ở khu vực nông thôn: Dưới tác động của quá trình tái thiết đô thị, phục vụ mục tiêu phát triển du lịch, khu vực ven đô trước đây là khu vực thuần nông, giờ cũng đã chuyển thành đô thị, với nhà ống, khu thương mại, dịch vụ mọc lên. Sự phức hợp, lỏng lẻo, đóng và hẹp trong quan hệ xã hội dân cư nơi cư trú. So với đời sống nông thôn truyền thống, một số giá trị của đời sống

hiện đại đã xuất hiện len lỏi trong đời sống nông thôn hiện nay như: kinh tế thuần nông không còn, thay vào đó là sự đa dạng về ngành nghề sản xuất chủ yếu phục vụ du lịch sinh thái, làng quê và du lịch làng nghề. Dân số bắt đầu có xu hướng tập trung đông, mật độ tăng lên do tăng trưởng cơ học; sự đa tạp về nguồn gốc cư trú; xu hướng thị dân hóa của một bộ phận dân cư. Những đặc trưng này chi phối rất nhiều đến phương thức và thực trạng văn hóa ứng xử ở nông thôn, đặc biệt là ở địa bàn có các dự án du lịch. Xu hướng kết nối nhóm sở thích, nhóm bạn, nhóm công việc, nhóm nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch đang chiếm vị trí quan trọng trong giao tiếp ứng xử của người dân. Lối ứng xử theo kiểu đèn nhà ai nhà nấy rạng, ít giao du láng giềng đã dần xuất hiện... Ngay cả ở môi trường mở hơn như đi du lịch hoặc tham gia lễ hội thì tính chất giao tiếp ứng xử của người dân nông thôn ngày nay cũng không mở rộng như trong xã hội nông thôn cổ truyền.

Về phương thức giao tiếp, ứng xử, trong nông thôn cổ truyền, nghề nông tương đối thuần nhất và làm theo mùa vụ, nên người nông dân có cùng cơ cấu thời gian rỗi hợp lý hơn, tạo điều kiện giao tiếp ứng xử thuận lợi hơn. Trong khi đó, người dân nông thôn ở những khu vực, địa điểm có hoạt động du lịch tại huyện Hòa Vang bắt buộc phải chịu đựng sức ép khi tham gia vào lực lượng lao động trong ngành dịch vụ này. Họ làm việc theo ca kíp bất kể ngày đêm theo một tác phong công nghiệp nên đã xuất hiện nhu cầu giao tiếp mới. Người dân có xu hướng tìm cho mình một lối thoát ở sự giao tiếp gián tiếp thông qua các phương tiện truyền thông internet, mạng xã hội.... Người dân ít có thời gian rỗi dành cho giao tiếp ứng xử văn hóa và giao tiếp tại cộng đồng sinh sống. Kể cả khi có thời gian, họ cũng ít ra khỏi nhà hoặc ít rời khỏi nhóm nhỏ (bạn bè, đồng nghiệp) để tham gia vào những hình thức giao tiếp ứng xử trực tiếp rộng lớn hơn. Họ dành phần lớn thời gian rỗi để làm thêm, giải trí trong gia đình, thăm hỏi họ hàng, bạn bè thân quen, thi thoảng mới

tham dự lễ hội, đi du lịch và tham gia các hình thức sinh hoạt ngoài trời khác. Như vậy, bước đầu có thể thấy, giao tiếp ứng xử văn hóa mang tính gián tiếp, phân tán, không thuần nhất, đa dạng và phức tạp. Ngày trước, cả xã, cả thôn có chung một niềm vui: lễ hội làng cả làng dự; ngày tết vui quanh đình làng. Niềm vui, nỗi buồn, sự lo xua kia là đồng nhất. Còn người dân nông thôn hiện nay, có quá nhiều dịch vụ để làm theo các khung thời gian khác nhau nên cũng chỉ phôi phớt thích và sự quan tâm.

Tuy nhiên, mặt tích cực là khi có hoạt động du lịch trên địa bàn thì lối sống giảm đi một số biểu hiện tiêu cực của tính tiểu nông, tăng dần sự hiện hữu của giao tiếp ứng xử hiện đại. Mặc dù có sự giảm sút của tính cộng đồng, xu hướng đô thị hóa với đặc điểm giao tiếp hiện đại và cái nhìn cởi mở, hướng về giá trị cá nhân đã tạo ra những đổi thay cơ bản có xu hướng tích cực trong giao tiếp, ứng xử: Đó là người dân ý thức hơn về giảm đi tầm nhìn hạn hẹp, thái độ tùy hứng trong công việc, biểu hiện gia trưởng, ý thức sống và làm việc theo pháp luật yếu, tư tưởng bè phái, tâm lý phép vua thua lệ làng... và tiến đến tinh thần thượng tôn pháp luật, yêu môi trường, ứng xử văn hóa với thiên nhiên. Có đến 92% người tham gia khảo sát cho rằng họ không tranh cãi một vấn đề với du khách đến cùng. Điều này cho thấy việc bảo thủ, tính cách “hay cãi” của người Đà Nẵng cũng đã được “gạn đục” trong ứng xử với khách du lịch. Những biểu hiện của lối sống tiểu nông đã từng bước giảm trong đời sống nhiều gia đình và trong mỗi cá nhân... Về cơ bản, bức tranh chung của nông thôn Đà Nẵng đang loại trừ những biểu hiện của lối sống tiểu nông đang hiện diện trong giao tiếp ứng xử để hướng đến phát triển hiện đại và lối sống văn minh.

- Ứng xử nơi công cộng

Với sự mở mang về nhận thức, sự thay đổi tư duy nên nhiều thói quen trong ứng xử văn hóa nông thôn đã dần mất đi. Điển hình là thói quen ứng xử

của con người với môi trường. Nếu như trong đời sống nông thôn truyền thống không quen với lối sống vệ sinh thì cùng với việc nâng cao ý thức cộng với hạ tầng trong môi trường được nâng cao, người dân nông thôn đã biết và quen dần với phương thức thu gom rác thải, dùng nước sạch. Những đổi thay tích cực của đời sống hiện đại, hình thành các thói quen tốt dẫn đến quan hệ giao tiếp, ứng xử của người dân đối với môi trường ngày một tốt hơn. Kết quả khảo sát thể hiện, có 97% đối tượng khảo sát trả lời vứt rác đúng nơi quy định, trong đó 94% là thường xuyên. Hiếm có một thành phố nào ở Việt Nam mà có một sự kiện du lịch quốc tế như Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng: Hàng chục ngàn du khách đến thưởng lãm pháo hoa tập trung khu vực khán đài nhưng chỉ sau 2 tiếng pháo hoa kết thúc, môi trường tại khu vực khán đài đã được trả lại sạch đẹp nguyên vẹn. Hàng trăm học sinh, sinh viên, lực lượng tình nguyện viên đã ra quân đồng loạt cùng với Công ty môi trường đô thị thu gom rác thải, vệ sinh sạch sẽ toàn bộ địa bàn các phường có du khách đến xem pháo hoa. Công việc này cứ thường xuyên lặp lại như thế qua mỗi mùa pháo hoa, làm nên nét đẹp trong lối sống của cư dân Đà Nẵng trong mắt du khách và bạn bè quốc tế.

Ở vùng nội thị: Theo trào lưu của các dịch vụ du lịch, nét đổi thay thay rõ trong ứng xử với bạn bè, đồng nghiệp. Điều kiện sống được cải thiện, nhất là điều kiện nhà ở tốt hơn, một số nhà có phòng khách riêng, vì thế có thể thoải mái tiếp bạn bè, đồng nghiệp nhưng không phải nhờ thế mà người đô thị Đà Nẵng hay mời bạn bè đồng nghiệp đến nhà chơi. Dường như mức độ thăm viếng nhau giữa những người bạn, giữa đồng nghiệp thưa vắng hơn trước. Các quan hệ tình cảm bạn bè, đồng nghiệp được giải quyết trong các buổi café sáng, buổi “tiệc nhậu” chiều, các câu lạc bộ thể dục thể thao, hội đồng hương... diễn ra tại các điểm dịch vụ du lịch.

Trong ứng xử nơi công cộng, nhờ kinh tế và du lịch, dịch vụ thành phố

phát triển mà mức độ tham gia vào các hoạt động công cộng ở người Đà Nẵng ngày càng đa dạng hơn, nhiều hơn như tham gia giao thông, tham gia du lịch, ăn uống, tham gia vào các hoạt động từ thiện, bảo vệ môi trường, thể dục, thể thao. Kết quả khảo sát chỉ ra, nếu như trước đây có đến 73% số người tham gia khảo sát không dừng lại khi có đèn đỏ trong tham gia giao thông, 44% không nhường đường cho người đi bộ thì tỷ lệ này hiện nay đã hoàn toàn ngược lại tương ứng với 0,4% và 13%.

Trong ứng xử với môi trường thiên nhiên, thành phố Đà Nẵng phấn đấu là thành phố môi trường. Đã có chuyển biến tích cực trong việc giữ gìn vệ sinh bãi biển, không có hiện tượng bẻ cành, hái hoa trong các lễ hội. Những năm qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên cùng các sở, ban, ngành, các tổ chức hội, đoàn thể trên địa bàn thành phố tích cực hưởng ứng Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường”. Sở Giáo dục và Đào tạo với mô hình “Trường học xanh”...; Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố với “Mái nhà xanh”, “Đoạn đường tự quản - Ngõ phố nở hoa... Các mô hình đã phát huy hiệu quả trong việc thay đổi nhận thức về bảo vệ môi trường, tạo sự chuyển biến trong hành động của người dân. Trong đó, phong trào Ngày Chủ nhật xanh - sạch - đẹp được các hội, đoàn thể, khu dân cư duy trì thường xuyên và tích cực. Đặc biệt, Đà Nẵng có các đội tình nguyện viên lặn biển nhặt rác, bảo vệ san hô. 3 năm liên 2021, 2022, 2023 - Đà Nẵng dẫn đầu cả nước về thực hiện bộ chỉ số bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên Môi trường công bố [18].

3.3.4. Biến đổi trong cung cách hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa

- Người Đà Nẵng ít sử dụng thời gian nhàn rỗi để tham gia vào các hoạt động du lịch với vai trò thụ hưởng.

Việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của người Đà Nẵng cũng rất đa dạng, có điểm tương đồng với xu hướng chung của thời đại nhưng cũng có

nhiều điểm khác biệt, về cơ bản vẫn giữ được nét đẹp truyền thống. Trong xu hướng du lịch phát triển, tưởng chừng như phá vỡ những nếp sinh hoạt truyền thống của người Đà Nẵng trong việc sử dụng thời gian nhàn rỗi, nhưng trên thực tế từ kết quả điều tra cho thấy, nhu cầu sử dụng thời gian nhàn rỗi của người Đà Nẵng vào việc café, ăn uống với gia đình, bạn bè có tỷ lệ cao thứ 2, chỉ sau nhu cầu sử dụng mạng xã hội. Điều này giải thích cho sự nở rộ các nhà hàng, quán ăn, quán café ở mọi góc phố của Đà Nẵng, từ quán bình dân cho đến quán sang trọng. Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện đứng vị thứ ba và tỷ lệ này gần như được duy trì từ trước đến nay. Điều này hoàn toàn có thể giải thích được bởi trong lòng lối sống cư dân Đà Nẵng vẫn còn duy trì tính trọng tình, “lá lành, đùm lá rách”. Họ làm từ thiện như là một cách tự tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần cho bản thân. Ngược lại, việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của người Đà Nẵng vào việc đi du lịch và tham gia các hoạt động giải trí khác như đi xem phim, ca nhạc, du lịch lại chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ, sau cả sự lựa chọn tham gia các hoạt động thể thao và đi ăn uống. Trên 80% tất cả các đối tượng được khảo sát không thực hiện. Chỉ gần 16% nhóm được khảo sát thực hiện. Phải chăng nó phản ánh một lối sống tiết kiệm của người Đà Nẵng. Nếu như trước kia, người Đà Nẵng chủ yếu dùng thời gian nhàn rỗi để thăm hỏi người thân, hàng xóm thì hiện nay, sự lựa chọn này đã giảm đáng kể xuống $\frac{1}{4}$ lần. Điều này cho thấy sự thay đổi rõ rệt trong nhu cầu về tình cảm của cư dân Đà Nẵng, nhu cầu hưởng thụ các giá trị tinh thần trong lối sống cộng đồng, hàng xóm, láng giềng ngày càng ít đi và thậm chí có những khu vực gần cư gần như không có nhu cầu giao lưu, duy trì tình làng, nghĩa xóm.

Bảng 5: Sự thay đổi thói quen sử dụng thời gian nhàn rỗi để tham gia vào

hoạt động văn hóa tinh thần với vai trò thụ hưởng của cư dân Đà Nẵng

Hoạt động thụ hưởng	Thường xuyên		Không thường xuyên		Không tham gia	
	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Sử dụng mạng xã hội	0%	86%	0%	12%	100%	2%
2. Thăm hỏi người thân, hàng xóm	98%	15%	2%	68%	%0	17%
3. Tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện	19%	20%	64%	58%	17%	22%
4. Café ăn uống với gia đình, bạn bè	16%	53%	32%	38%	9%%	52%%
5. Đi du lịch	2%	9%	4%	54%	94%	37%
6. Đi xem phim	14%	26%	24%	29%	62%	55%

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

- Người dân Đà Nẵng rất quan tâm đến các hoạt động tại các điểm văn hóa, các hóa động du lịch của thành phố

Hầu như số người được khảo sát quan tâm các hoạt động tại các điểm văn hóa, du lịch của thành phố ở mức bình thường và rất quan tâm đạt con số rất cao. Nội dung quan tâm bao gồm cả về số lượng khách du lịch đến Đà Nẵng, về hoạt động du lịch diễn ra trên địa thành phố và về giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các điểm văn hóa, du lịch của thành phố. Việc quan tâm thể hiện ở vai trò trực tiếp tham gia vào làm chủ các hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch. Ngược lại, số người khảo sát chưa từng quan tâm các hoạt động tại, du lịch của thành phố là không có. Điều này cho thấy hoạt động du lịch đã đi vào đời sống của cư dân địa phương và tất cả mọi người đều có nhận thức về các hoạt động này. Đây là điều kiện đủ hết sức thuận lợi để thành phố Đà

Năng xây dựng đô thị văn hóa, văn minh, phục vụ phát triển du lịch cùng với điều kiện cần sẵn có về tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa.

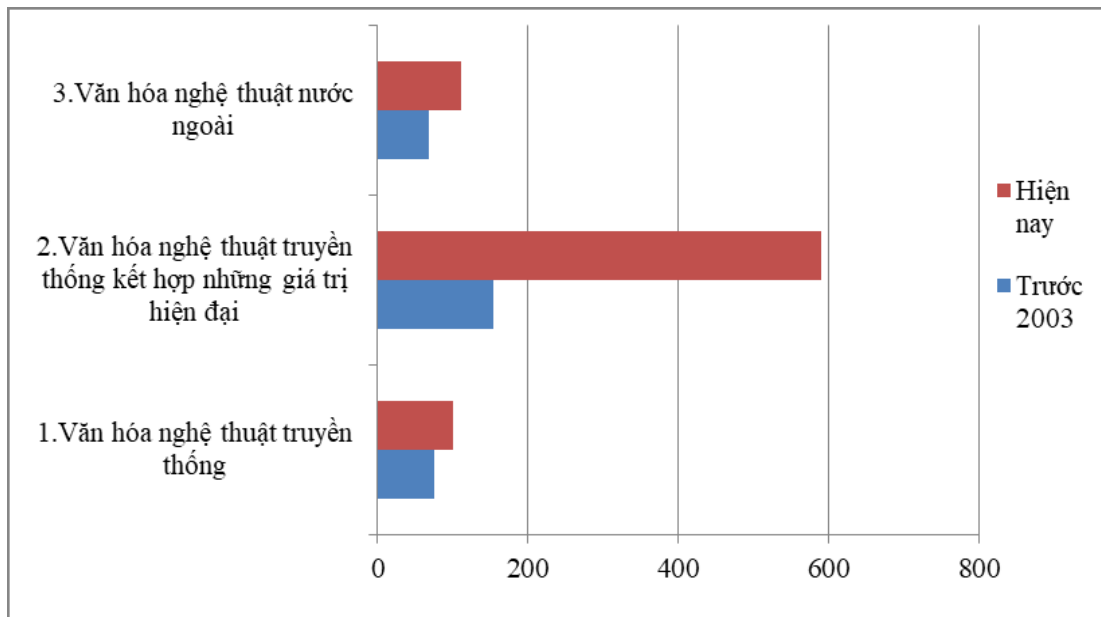
Bảng 6: Mức độ quan tâm của cư dân Đà Nẵng đối với du lịch Đà Nẵng

Các vấn đề quan tâm liên quan đến du lịch	1. Bình thường	2. Rất quan tâm	3. Không quan tâm
1. Về số lượng khách du lịch đến Đà Nẵng	50%	44%	5%
2. Về hoạt động du lịch diễn ra trên địa thành phố	41%	53%	5%
3. Về giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các điểm văn hóa, du lịch của thành phố	28%	69%	3%

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

- Người dân Đà Nẵng rất coi trọng những giá trị của một sản phẩm văn hóa giúp thay đổi văn hóa ứng xử

Kể cả trước đây và bây giờ, các sản phẩm văn hóa mang tính giáo dục văn hóa ứng xử vẫn có tác động rất lớn đến lối sống người Đà Nẵng. Chính vì vậy, các sản phẩm văn hóa nghệ thuật truyền thống được yêu thích trước đây khi kết hợp những giá trị hiện đại vẫn được cư dân Đà Nẵng lựa chọn. Đà Nẵng là địa phương đầu tiên trong cả nước nghiên cứu xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí văn hóa ứng xử của người Đà Nẵng trong tất cả các lĩnh vực, các môi trường hoạt động sống của xã hội.



Biểu đồ 6. Sự thay đổi các sản phẩm văn hóa được yêu thích của cư dân Đà Nẵng

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

Qua phân tích kết quả khảo sát nêu trên, có thể rút ra nhận xét nhu cầu hưởng thụ hóa của người Đà Nẵng rất đơn giản nhưng cũng rất tiến bộ với mong muốn các sản phẩm văn hóa nghệ thuật được tồn tại nhưng phải có sự kết hợp với những giá trị hiện đại. Quá trình biến đổi văn hóa của Đà Nẵng rất đa dạng và không tách rời quá trình giao lưu văn hóa với bên trong và bên ngoài (trong và ngoài nước) theo các xu hướng Đông- Tây/ truyền thống- hiện đại kết hợp. Điều này cho thấy có yếu tố thừa nhận sự khoan dung đối với các chuẩn mực văn hóa của các đối tác; Không tự ti trước nền văn hóa của nước lớn, nước phát triển để phải tiếp thu bằng được văn hóa ngoại lai; Chấp nhận sự độc lập và bình đẳng của văn hóa trong quá trình giao lưu, dù là giao lưu với nền văn hóa lớn hơn, văn minh hơn.

Nhờ kinh tế du lịch, dịch vụ thành phố phát triển, giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa được coi trọng đúng mức. Đời sống văn hóa tinh thần người Đà Nẵng không chỉ thể hiện ở vai trò thụ hưởng văn hóa mà cả

thực hành văn hóa. Hơn lúc nào hết, người dân địa phương rất quan tâm đến việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các tài nguyên thiên nhiên, giá trị di sản văn hóa để phục vụ phát triển du lịch. Sự kết nối các sản phẩm du lịch từ các sản phẩm văn hóa ngày càng rõ nét. Từ các lễ hội cầu ngư, lễ hội Quán Thế Âm, hệ thống bảo tàng, các danh thắng đến các lễ hội, điểm các điểm đến mới như Bà Nà, lễ hội pháo hoa quốc tế... được phục dựng, bảo tồn, tổ chức. Chính vì vậy du khách đã thừa nhận sự độc đáo và sinh động về văn hóa của địa phương đã tạo nên sức hút lớn cho du lịch của Đà Nẵng hơn là sự hiện diện của các khu nghỉ dưỡng cao cấp với chất lượng dịch vụ tốt.

3.4. Xu hướng biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch

3.4.1. Xu hướng tích cực trong biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng

- Phát triển du lịch sẽ tiếp tục tạo ra luồng di cư mới làm cho cung cách sinh hoạt, ứng xử của người Đà Nẵng phong phú hơn, văn minh hơn, hơn thúc đẩy sự giao thoa về văn hóa, lối sống, nhưng vẫn thể hiện sắc thái khoan dung của cư dân tại chỗ

Người dân ý thức hơn về thái độ nghiêm túc, kỷ luật trong công việc, ý thức sống và làm việc theo pháp luật yếu, hạn chế tư tưởng bè phái ... Những biểu hiện của lối sống tiểu nông sẽ tiếp tục giảm dần trong đời sống nhiều gia đình và trong mỗi cá nhân, tăng dần sự hiện hữu của giao tiếp ứng xử hiện đại ... Về cơ bản, bức tranh chung của nông thôn Đà Nẵng vẫn là “nhà nông”, cuộc sống cơ bản còn gắn bó sâu nặng với xóm làng, song trước nhu cầu phát triển đô thị du lịch, việc loại trừ những biểu hiện của lối sống tiểu nông đang hiện diện trong giao tiếp ứng xử là một trong những cách thức để hướng đến thích nghi với công việc mới, với môi trường sống mới. Bên cạnh đó, những đổi thay tích cực của đời sống hiện đại, hình thành các thói quen tốt dẫn đến quan hệ giao tiếp, ứng xử của người dân

đối với môi trường sẽ ngày một tốt hơn.

Các phong tục cổ truyền được thể hiện chủ yếu trong gia đình vào các dịp lễ, tết, hiếu hỉ. Xu hướng tổ chức lễ cưới sang trọng, tiệc diễn ra chủ yếu ở các nhà hàng tiệc cưới thay vì ở gia đình. Các gia đình vẫn thờ cúng tổ tiên. Ma chay có hỏa táng và có cả sự quy tập phần mộ theo dòng họ ở ngoại thành. Lễ tết trong năm sẽ càng đơn giản; Tết Nguyên đán cơ bản tổ chức không cầu kỳ, nhưng ý nghĩa tinh thần theo truyền thống vẫn được đề cao, đề củng cố thêm tình cảm gia đình, quê hương. Thói quen ăn cơm quán, nhà hàng vào các ngày nghỉ cuối tuần sẽ tăng đáng kể. Thành phần trí thức, doanh nhân có thú uống bia rượu văn minh, lịch sự gắn với tinh thần hiếu khách.

Đã và sẽ hình thành nhiều tập quán mới hiện đại như picnic, đi nghỉ cuối tuần, du lịch, mặc đồng phục theo cơ quan, nhóm, dùng thức ăn nhanh. Đà Nẵng là một bằng chứng cho sự dung nạp văn hóa trong quá trình phát triển du lịch. Những giá trị văn hóa không ngưng trệ, khô cứng mà tiếp biến, luôn sống động cùng với sự phát triển của xã hội. Những giá trị đã được gạn lọc, luôn có năng lực thích ứng, hài hòa với những giá trị mới.

Trong tổ chức đời sống cá nhân, gia đình và xã hội, đã cơ bản khắc phục được nếp sống tiểu nông, như tính trì trệ, tác phong lề mề. Tác phong công nghiệp, ý thức pháp luật, ý thức cá nhân về sở hữu đã và sẽ làm thay đổi cách nghĩ, cách làm, cách tổ chức đời sống xã hội của cá nhân và của cộng đồng.

Trong quan hệ của đời sống xã hội thì quan hệ xã hội công dân đã biểu hiện rõ nét và chi phối các quan hệ gia đình. Nếp sống đô thị đã khá rõ và khá ổn định ở đa số người dân. Lối sống cá nhân có thể thấy rõ hơn ở đô thị, còn lại vùng nông thôn và ngoại vi thành phố, nếp sống gia tộc sẽ vẫn tồn tại nhưng không quá đối trọng với lối sống của vùng trung tâm thành phố. Sự kết hợp khá hài hòa giữa thuần phong mỹ tục với cái hiện đại ở Đà Nẵng có thể trở thành hiện thực, nhất là ở các nhóm xã hội có mức sống trung bình, khá

già và ở những người già. Trên cơ sở đó sẽ hạn chế tối đa được tình trạng lai căng, xâm thực của các yếu tố ngoại lai. Cái văn minh được phát triển trên cơ sở bản sắc dân tộc nhân văn. Đây sẽ phải là xu hướng chủ đạo và kết quả xây dựng văn hóa, văn minh đô thị của Đà Nẵng trên con đường phát triển du lịch công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nhu cầu nhân lực phục vụ kinh tế du lịch đã tạo động lực thu hút luồng di dân từ ngoại tỉnh, kể cả cư dân các huyện trong tỉnh, nhập cư trở thành dân Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống, bộ phận này tuy có chịu ảnh hưởng của văn hóa tại chỗ, nhưng vẫn luôn mang trong lòng những thói quen, cảm nhận và lối ứng xử của văn hóa gốc. Kết quả là sự tương tác, pha trộn văn hóa tất yếu phải diễn ra cùng với quá trình cộng cư, làm biến đổi văn hóa Đà Nẵng theo từng cấp độ và khía cạnh biểu hiện khác nhau. Cố Thủ tướng Lý Quang Diệu rất quan tâm đến số lượng nhập cư khi bàn về tác động của nhập cư ngoài nước đến văn hóa và lối sống của cư dân bản địa: *“Nếu đạt đến một lượng người nhập cư lớn, họ thường có khát vọng khẳng định mình và giữ bản sắc; thực tế nếu con số này đủ lớn, họ thậm chí có khả năng tạo ra những thay đổi lên văn hóabản địa”* [126].

Nhà nghiên cứu văn hóa B.V.T nhận định:

Phát triển du lịch ở Đà Nẵng đơn thuần - cũng giống như ở mọi nơi - luôn ở dưới dạng du lịch ngắn hạn. Như vậy người đi du lịch luôn thường không có ý định sống lâu dài ở vùng đất mới, kể cả những người du lịch công vụ thường dài hơn, có cảm giác gắn bó với nơi đến du lịch. Vì vậy người đi du lịch thường có thiên hướng muốn bảo tồn lung vốn văn hóa, lối sống cổ hương. Chỉ có những người di cư dài hạn mới có ý tưởng đem cái văn hóa, lối sống cổ hương của mình để gây ảnh hưởng, để tác động sâu sắc đến văn hóa, lối sống bản địa. Hay nói cách khác, lối sống của người bản địa

chỉ có thể bị tác động sâu sắc bởi người nhập cư. Nhìn lại lịch sử nhập cư trong nước vào Đà Nẵng, có thể thấy giai đoạn từ 1954 đến 1975, Đà Nẵng có hiện tượng quần cư của những người nhập cư là giáo dân Thiên Chúa giáo đến từ các tỉnh phía Bắc vĩ tuyến 17 sau Hiệp định Geneve để hình thành các giáo xứ An Hòa, Tam Tòa, Chính Trạch, Thanh Bô, Đức Lợi. Người nhập cư nước ngoài ở Đà Nẵng cũng giống khách du lịch, có thiên hướng bảo tồn lung vốn văn hóa, lối sống cổ hương là phổ biến. Người Italia ở Đà Nẵng số lượng không đáng kể, nhưng ở Đà Nẵng những năm gần đây xuất hiện phố Tây, nhiều món ăn của Ý được người Đà Nẵng ưa dùng như Pizza, mì Ý và một số nhà hàng còn tạo ấn tượng bằng việc đặt tên rất Italia như Da Vinci, Buratino... [126]

Nói về thiên hướng muôn bảo tồn lung vốn lối sống cổ hương trong khách du lịch, người nhập cư vào Đà Nẵng, do họ chỉ có thể mang theo một ít lung vốn văn hóa, lối sống cổ hương làm hành trang và vì không thể mang theo mọi thứ nên họ phải hết sức chọn lọc những gì tinh túy nhất để “tiện đi đường”. Do vậy họ dễ cảm thấy trân quý cũng như rất tự giác bảo tồn cái lung vốn lối sống cổ hương ấy. Phần lung vốn văn hóa, lối sống mà những người du khách, nhập cư bảo tồn thành công nhất là giọng nói. Bên cạnh đó là ý thức cố kết cộng đồng giữa những người cùng quê thể hiện qua nhu cầu được quần tụ một nơi, khách du lịch góp phần hình thành sôi động Phố Tây, Phố Hàn Quốc, Phố Trung Quốc tại Đà Nẵng.

Lấy ví dụ: Ở Đà Nẵng cũng chưa bao giờ và có lẽ cũng không bao giờ có chuyện các cấm phụ nữ theo đạo Hồi mang mạng che mặt tới các điểm tham quan, du lịch như một số các nước châu Âu để khách du lịch hòa nhập với nền văn hóa bản địa, ngược lại cũng chưa bao giờ có chuyện loại các món ăn làm từ thịt lợn - vốn là thực phẩm kiêng kỵ của người Hồi giáo - ra

khỏi các thực đơn phổ biến theo văn hóa ẩm thực như ở Đan Mạch. Điều này làm cho văn hóa Đà Nẵng phong phú hơn, nhưng rõ ràng là khoan dung hơn, sẵn sàng chấp nhận cái khác mình [126].

Bên cạnh việc sẵn sàng chấp nhận cái khác mình một cách có chọn lọc, người Đà Nẵng với tính cách hay cãi duy trì đến ngày nay cũng là điểm mạnh trong quá trình bảo tồn, bảo lưu văn hóa, lối sống truyền thống tốt đẹp.

- Sự thay đổi phương thức phát triển kinh tế làm cho mức sống của người dân Đà Nẵng cao lên rõ rệt

Mức sống của các gia đình tốt hơn một phần là nhờ vào sự tăng lên về giá trị của đất ở. Phát triển đô thị du lịch diễn ra nhanh chóng sẽ tiếp tục làm cho giá trị đất ở tại những vùng này tăng lên gấp nhiều lần so với trước đó. Bên cạnh đó, luồng di cư của người dân từ nơi khác đến địa phương sinh sống cũng tạo ra một nguồn thu nhập mới đáng kể cho người dân từ việc xây nhà trọ cho thuê và mở dịch vụ, buôn bán, kinh doanh. Đồng thời lực lượng dân nhập cư lao động sản xuất ở đây cũng làm tăng thu nhập tính theo đầu người. Việc phát triển du lịch biển với sự đa dạng trong các loại hình dịch vụ và nghỉ dưỡng cũng góp phần lớn tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cao, từ đó người dân nơi đây sẽ có sự cải thiện đáng kể về đời sống vật chất, thậm chí trở nên giàu có. Ông C.T.D - Chủ tịch Hiệp hội du lịch Đà Nẵng - chia sẻ, “Năm 2019 là thời kỳ đỉnh cao của du lịch Đà Nẵng khi đón gần 8,7 triệu lượt khách, mang về nguồn thu gần 31.000 tỷ đồng. Riêng khách quốc tế thời điểm đó là 3,5 triệu lượt” (phỏng vấn 3/2024).

Du lịch đã khẳng định vị thế “át chủ bài” cho sức bật kinh tế TP, đồng thời là lĩnh vực chủ chốt giúp người dân Đà Nẵng “đổi đời”. Năm 2023, thành phố có khoảng 50 ngàn lao động đang làm việc trong lĩnh vực này. Sự ra đời của những khu du lịch, tổ hợp giải trí hay các khu nghỉ dưỡng đã góp phần tạo việc làm, thu nhập ổn định, nâng cao đời sống cũng như chất lượng nhân lực.

Nếu như năm 2003, trung bình thu nhập người/tháng ở địa phương chỉ khoảng 1,4 triệu đồng thì đến 2023, con số này đã tăng hơn 25,4% so với cả nước và dẫn đầu khu vực miền Trung.

- Phát triển du lịch sẽ tiếp tục làm thay đổi nhận thức về định hướng giá trị tài nguyên, di sản văn hóa của cư dân vùng du lịch theo hướng phục vụ phát triển kinh tế

Nhờ nguồn lợi ngày càng tăng từ du lịch, người dân và du khách có cơ hội hưởng thụ nhiều loại hình tài nguyên và di sản, từ đó họ có thái độ tôn trọng hơn đối với những nguồn này.

Khi tìm hiểu quan điểm đánh giá của du khách về sức hấp dẫn của các điểm du lịch, 82% số người được hỏi khẳng định sự độc đáo và sinh động về văn hóa của địa phương tạo nên sức hút lớn, trong khi đó chỉ có 60% số người được hỏi cho biết thêm rằng sự hiện diện của các khu nghỉ cao cấp với chất lượng phục vụ tốt là yếu tố hình thành sự hấp dẫn của điểm đến đó. Văn hóa của địa phương không chỉ là văn hóa vật chất mà cả văn hóa tinh thần bao gồm lối sống, tính cách của người Đà Nẵng.

Bảng 7: Sức hấp dẫn của các điểm du lịch tại Đà Nẵng theo cảm nhận của cư dân Đà Nẵng

Đánh giá về sức hấp dẫn của các điểm du lịch	Sự lựa chọn
1. Sự độc đáo và sinh động về văn hóa của địa phương tạo nên sức hút lớn	82%
2. Sự hiện diện của các khu nghỉ cao cấp với chất lượng phục vụ tốt là yếu tố hình thành sự hấp dẫn của điểm đến đó.	60%

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

Thành phố Đà Nẵng từ lâu đã thu hút du khách bởi vẻ đẹp thiên nhiên của biển, của núi và bởi sự đa dạng về sản phẩm, loại hình du lịch. Một trong những

yếu tố làm nên thế mạnh của du lịch Đà Nẵng chính là những di sản văn hóa tồn tại lâu đời được duy trì và bảo tồn đến hôm nay. Sự gắn kết giữa phát triển du lịch thành phố gắn liền với việc khai thác bền vững các giá trị của di sản văn hóa luôn là thực trạng trong quá trình phát triển của địa phương.

Hiện nay, về di sản văn hóa vật thể, thành phố Đà Nẵng có 02 di tích quốc gia đặc biệt (Thành Điện Hải, danh thắng Ngũ Hành Sơn), 17 di tích cấp quốc gia, 63 di tích cấp thành phố và 06 hiện vật đang lưu giữ tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia. Năm 2021, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025” [132]. Theo đó đề án đặt ra mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa bền vững gắn với phát triển du lịch, là vấn đề cấp bách và lâu dài, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Gần 3 năm qua, các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích, các hoạt động văn hóa lễ hội, văn hóa tâm linh được quan tâm và đầu tư theo đúng lộ trình, tạo sự phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân. Các lễ hội đình làng, tôn giáo được chính quyền tiếp sức nâng quy mô và giá trị văn hóa du lịch lên tầm quốc tế. Các tour du lịch được đề cử kết nối với các điểm di sản và các lễ hội, tạo điểm nhấn của thành phố sự kiện và lễ hội cho du khách đến quanh năm. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu hướng du lịch gắn với văn hóa bản địa trên thế giới trong những năm đến. Đà Nẵng vừa có nhiều di sản văn hóa, vừa được thiên nhiên ưu đãi nhiều “lá phổi” như Núi Sơn Trà, Núi Bà Nà, Sông Hàn, bờ biển trải dài... giúp môi trường thành phố trong lành ngay cả những thời điểm mùa hè Đà Nẵng đón khách du lịch đạt trên 95% công suất buồng phòng những khách sạn 3 sao trở lên. Thiên nhiên trong lành chính là tiêu chí quan trọng trong thực hành lối sống văn minh của Đà Nẵng để giữ gìn, duy trì cho chính cuộc sống của cư dân thành phố và cho mục tiêu xây dựng thành phố đáng sống, thành phố đáng đến.

Dịch vụ du lịch của Đà Nẵng phát triển mạnh mẽ thời kỳ hậu Covid - 19 theo hướng chuyển đổi số

Trong suốt 4 năm liên từ 2019 đến 2023, thành phố Đà Nẵng được vinh danh là thành phố thông minh Việt Nam, trong đó có tiêu chí đánh giá là chuyển đổi số về dịch vụ tài chính, khả năng thanh toán tiền mặt cho các dịch vụ trong đời sống. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thay đổi hành vi lối sống của những người Đà Nẵng trong cung cấp dịch vụ du lịch là nhờ chủ trương, chính sách đẩy mạnh chuyển đổi số của thành phố Đà Nẵng. Chính trong thời điểm dịch Covid- 19 bùng phát, Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Nghị Quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, đến năm 2030. Nghị Quyết này chính là kim chỉ nam giúp công cuộc chuyển đổi số của Đà Nẵng liên tục dẫn đầu cả nước từ 2021 đến 2024 và ngành du lịch cùng với các dịch vụ đi cùng đã và đang có xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ [178]. Điển hình: Xây dựng Cổng thông tin du lịch điện tử; ứng dụng công nghệ VR360 - "Một chạm đến Đà Nẵng"; tổ chức hội chợ du lịch trực tuyến; ứng dụng trải nghiệm Scan 3D tại Bảo tàng Điều khắc Chăm; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung - Big Data về du lịch để chia sẻ thông tin giữa chính quyền với doanh nghiệp và giữa các doanh nghiệp với nhau, sử dụng công nghệ AI để cung cấp thông tin và trả lời khi du khách hỏi đáp về các thông tin du lịch. Xu hướng nền tảng AI, công cụ Chatbots (nói chuyện tự động) sẽ trở thành nhân viên tư vấn vô cùng hữu hiệu cho các công ty du lịch, các đơn vị lữ hành du lịch. Ông T.N.T, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thành phố khẳng định:

Các tuyến phố đi bộ, phố du lịch, chợ du lịch của Đà Nẵng tiến đến

triển khai 100% mô hình thanh toán không dùng tiền mặt bằng mã QR Code đối với các dịch vụ du lịch, thương mại. Điều này sẽ tạo ra bước chuyển đổi quan trọng trong lối sống văn minh, hiện đại của cư dân Đà Nẵng sống trong khu vực cung cấp dịch vụ du lịch (phỏng vấn tháng 3/2024).

3.4.2. Xu hướng tiêu cực trong biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng

Trong cung cách sinh hoạt

Trên lĩnh vực văn hóa ẩm thực, cộng đồng du khách cũng có thể gây tác động đối với khẩu vị của cư dân bản địa, chẳng hạn thói quen nấu ăn món gì cũng bỏ thật nhiều đường của văn hóa ẩm thực Nam Bộ đang được người Đà Nẵng chấp nhận thích nghi, nấu món gì cũng không cay theo kiểu ẩm thực phương Tây, trong khi thói quen của người gốc Quảng nấu ăn món gì cũng bỏ thật nhiều ... mắm và ớt. Ngay cả Mì Quảng, với một tri thức dân gian vừa được công bố di sản văn hóa phi vật thể cũng bị lai, pha bởi nhiều công thức nấu khác nhau của các vùng miền.

Về tệ nạn xã hội, tuy không nhiều nhưng dấu hiệu ngày càng gia tăng cũng thể hiện sự phức tạp của môi trường thành phố trong bối cảnh phát triển du lịch. Con số gần đây nhất là tội phạm ma túy năm 2023 tăng 15 đối tượng so với năm 2022, tai nạn giao thông cũng tăng 2 vụ, xảy ra 53 vụ cháy.

Trong cung cách ứng xử

Dưới tác động của quá trình phát triển du lịch, các quan hệ gia đình, họ tộc và cộng đồng đều có xu hướng biến đổi. Trong gia đình, sự gắn kết giữa các thành viên có phần suy giảm so với trước do nguyên nhân thay đổi về nghề nghiệp, không gian sống và thời gian làm việc. Mức độ chia sẻ trong quan hệ giao tiếp của người dân có xu hướng giảm so với trước đây.

Trong quan hệ họ tộc và cộng đồng mức độ gần gũi và sự tương trợ giúp đỡ nhau cũng đang có xu hướng suy giảm so với trước đây. Một trong

những nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm này là do sự phát triển nhanh chóng của các dịch vụ xã hội đã làm cho người dân sống trong một cộng đồng ít phụ thuộc vào nhau hơn mỗi khi gia đình có công to việc lớn như cưới xin, tang ma...

So với đời sống nông thôn truyền thống, một số giá trị của đời sống hiện đại đã xuất hiện len lỏi trong đời sống nông thôn hiện nay như: kinh tế thuần nông không còn, thay vào đó là sự đa dạng về ngành nghề sản xuất; xu hướng thuê nhân công thay cho đổi công. Dân số bắt đầu có xu hướng tập trung đông, mật độ tăng lên do tăng trưởng tự nhiên và cơ học; sự đa tạp về nguồn gốc cư trú; xu hướng thị dân hóa của một bộ phận dân cư; sự chuyển đổi nhanh các định hướng giá trị, trong đó rõ rệt nhất là đề cao tính cá nhân; xu hướng đóng, hẹp, lỏng lẻo trong giao tiếp ứng xử văn hóa, đặc biệt khi đối sánh với xu hướng mở rộng và chặt chẽ trong giao tiếp ứng xử ở nông thôn cổ truyền...

Những đặc trưng này chi phối rất nhiều đến phương thức và thực trạng văn hóa ứng xử ở nông thôn, đặc biệt là ở địa bàn có các dự án kinh tế du lịch.

Hầu hết ở nông thôn Đà Nẵng hiện nay, trong một làng, một xã, thường chỉ gồm một số họ tộc, láng giềng từng sinh sống lâu đời, quen thuộc nhau như người nhà và khi gặp gỡ nhau, dù ở đâu họ cũng chào hỏi thân thiết. Tuy nhiên, có một số địa bàn nông thôn có khu tái định cư mới, do sự tập hợp ngẫu nhiên từ nhiều nguồn dân cư, việc giao tiếp ứng xử với nhau có phần lỏng lẻo, thiếu thân thiết hơn xưa. Thêm vào đó là nghề nghiệp của cư dân nông thôn không còn thuần nhất làm nông. Trong một gia đình, trong một xóm có rất nhiều dạng nghề nghiệp khác nhau, với nhịp độ lao động liên tục, nhiều khung giờ lao động đa dạng, khó bố trí cơ cấu thời gian rỗi hợp lý dành cho giao tiếp ứng xử cá nhân và cộng đồng. Vì thế, người dân, dù muốn hay không, bắt buộc phải lựa chọn phương thức ứng xử văn hóa trong môi trường hẹp, theo những nhóm riêng, với những quy chuẩn riêng. Xu hướng kết nối

cộng đồng trong thôn, trong làng vẫn còn cao, tuy nhiên, xu hướng kết nối nhóm sở thích, nhóm bạn, nhóm công việc, nhóm nghề nghiệp đang chiếm vị trí quan trọng trong giao tiếp ứng xử của người dân.

Nhóm thứ nhất ở nông thôn: Người dân nông thôn ở một số địa bàn cận đô thị sẽ bắt buộc phải chịu đựng sức ép của cảnh quan không gian chật hẹp (trong khoảng cư trú có hạn của gia đình) nên đã xuất hiện nhu cầu giao tiếp mới. Người dân có xu hướng tìm cho mình một lối thoát ở sự giao tiếp gián tiếp thông qua các phương tiện truyền thông (nghe đài, đọc sách báo, xem truyền hình, internet, mạng xã hội...). Người dân ít có thời gian rảnh dành cho giao tiếp ứng xử văn hóa và giao tiếp tại cộng đồng sinh sống. Kể cả khi có thời gian, họ cũng ít ra khỏi nhà hoặc ít rời khỏi nhóm nhỏ (bạn bè, đồng nghiệp) để tham gia vào những hình thức giao tiếp ứng xử trực tiếp rộng lớn hơn. Họ dành phần lớn thời gian rảnh để làm thêm, giải trí trong gia đình, thăm hỏi họ hàng, bạn bè thân quen, thi thoảng mới tham dự lễ hội, đi du lịch và tham gia các hình thức sinh hoạt khác ở ngoài trời. Trong các chu trình nghỉ lễ đời người và sinh hoạt cộng đồng địa bàn nông thôn sẽ có nhiều thay đổi về chuẩn mực và cách biểu hiện theo hướng đơn giản hơn và chủ yếu được lớp người lớn tuổi quan tâm duy trì.

Nhóm thứ hai ở ven biển: Nhận định từ bài trả lời phỏng vấn của Tiến sĩ quy hoạch P.P.P- Sở Xây dựng Đà Nẵng cho rằng:

Phát triển đô thị du lịch có thể tạo ra một số nguy cơ đối với lối sống của cộng đồng cư dân địa phương. Thành phố Đà Nẵng càng phát triển, nhất là việc phát triển du lịch với những khách sạn đồ sộ mọc lên san sát ven biển ngày càng nhiều thì các làng chài cũng dần mất đi và kéo theo quy mô cộng đồng cư dân ngư nghiệp bản địa ngày càng “teo tóp”. (phỏng vấn tháng 3/2024)

Quá trình phát triển du lịch vùng ven biển đặc biệt là giải tỏa đền bù và

tái định cư đã làm thay đổi lối sống, một số chuẩn mực, giá trị của cộng đồng dân cư nơi đây. Điều này được biểu hiện qua những thay đổi trong nhiều khía cạnh của đời sống xã hội của cộng đồng cư dân sau tái định cư. Trong quan hệ cộng đồng, sự thay đổi về không gian sống và sự đan xen giữa những người dân gốc với những người dân mới chuyển đến đã phần nào làm ảnh hưởng đến tính gắn kết và sự gần gũi trong cộng đồng.

Nhóm thứ ba ở vùng nội thị: So với trước năm 2003, cơ sở hạ tầng đã có những thay đổi. Các cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm... đều được đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới giúp cho người dân có cơ hội được tiếp cận với những điều kiện sống của người dân đô thị... Quy hoạch đã đem lại bộ mặt hạ tầng đô thị mới, cuộc sống mới cư dân đô thị, hàng chục vạn hộ dân đô thị, hàng chục vạn hộ dân tái định cư trong trật tự và có kiểm soát. Điều đặc biệt là cơ sở hạ tầng của khu vực nội thị Đà Nẵng nói chung khác hơn so với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đô thị lớn nào cũng sẽ là trung tâm với lực hút tự nhiên đối với cư dân nhập cư. Tuy nhiên nếu như ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra hiện tượng quá tải trầm trọng và khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng bị hạn chế thì ở Đà Nẵng hiện tượng này chỉ mới xảy ra cục bộ một vài điểm nhỏ.

Một xu hướng hạn chế mà Đà Nẵng đã nhận thấy và cần khắc phục đó là tính hay “cãi” và “ăn sóng nói gió”. Nếu làm lãnh đạo mà hay cãi dễ dẫn đến bảo thủ, lạm quyền, không muốn người khác cho rằng mình đã sai thì quả thật không thể phát triển được. Đà Nẵng là đất của người Chăm, mà trong lịch sử người Chăm được Sử ký toàn thư ghi lại là họ luôn cướp phá vùng ven biển. Trong các nghiên cứu của các học giả phương Tây thì người Chăm giỏi nghề đi biển và trong sự giao lưu, tiếp biến văn hóa người Việt tiếp thu nhiều thứ trong đó tiếp thu cả tính cách “ăn sóng nói gió”, sẵn sàng mạo hiểm này. Đặc biệt, trong “Dư Địa chí” của Nguyễn Trãi có câu khi đề cập đến vùng Thuận Hóa: “*Dân vùng*

này nhiệm tục cũ của người Chiêm, tính tình hung hãn, quen khó sở”[186]. Với tính cách này, một số người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo của Đà Nẵng trong giai đoạn này đã bị xử lý trách nhiệm có liên quan đến yếu tố bảo thủ và lạm quyền trong các vụ việc sai phạm trong lĩnh vực quản lý đất đai. Vụ việc đã gây bức xúc trong dư luận nhân dân và làm thất thoát tiền của Nhà nước.

Trong cung cách mưu sinh

Phát triển du lịch có thể tạo ra một số nguy cơ đến lối sống của cộng đồng cư dân địa phương. Thành phố Đà Nẵng càng phát triển, nhất là việc phát triển du lịch với những khách sạn đồ sộ mọc lên san sát ven biển ngày càng nhiều thì các làng chài cũng dần mất đi và kéo theo quy mô cộng đồng cư dân ngư nghiệp bản địa ngày càng “teo tóp”.

Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, diện tích đất đã dần bị thu hẹp (do chuyển đổi mục đích sử dụng - phục vụ cho phát triển đô thị du lịch vì vậy một số bến bãi dùng để neo đậu tàu thuyền, phơi thuyền thúng hay các bãi biển để thả thuyền giăng lưới không còn nữa). Nghề đi biển, đặc biệt là các loại hình nghề đánh bắt cận bờ sẽ dần biến mất, kéo theo văn hóa vùng biển cũng dễ mai một.

Những xu hướng chuyển đổi nghề khá phổ biến trong những năm gần đây là chuyển từ đi biển sang các nghề dịch vụ hậu cần nghề cá. Từ đi biển sang chế biến thủy hải sản theo dây chuyền công nghiệp trong các nhà máy. Chuyển từ ngư nghiệp sang các nghề kinh doanh dịch vụ du lịch và nghề tự do. Chuyển đổi từ đánh bắt nhỏ gần bờ sang khai thác quy mô và xa bờ.

Trong quá trình chuyển đổi nghề, người dân đã gặp phải không ít những khó khăn, đặc biệt là đối với những người lớn tuổi. Do hạn chế về trình độ chuyên môn và độ tuổi nên những người lớn tuổi thường khó tìm được một việc làm trong các công ty hay các doanh nghiệp. Không còn đủ sức khỏe để làm các công việc dịch vụ hậu cần nghề cá và các công việc nặng khác.

Không có đủ vốn để đầu tư dịch chuyển từ đánh bắt cận bờ thành đánh bắt xa bờ. Phần lớn những lao động lớn tuổi sau khi nghỉ đi biển thường chuyển sang buôn bán, kinh doanh hoặc các công việc lao động giản đơn. Đối với thế hệ trẻ, một số gia đình có truyền thống làm nghề đi biển và có thể tập trung vốn để đầu tư khai thác hải sản xa bờ thì có thể làm chủ tàu và các phương tiện đánh bắt, tiếp tục hành nghề. Một số khác không đủ vốn thì có thể đi làm thuê trong các đội tàu. Tuy nhiên con số người sở tại làm thuê hay làm bạn thuyền đánh bắt sẽ ngày một giảm và có thể không còn nữa. Thay vào đó các chủ tàu ở Đà Nẵng sẽ thuê mướn nhân lực ở các địa phương khác, đặc biệt là các huyện vùng sâu vùng xa của tỉnh Quảng Nam vì giá lao động rẻ và nguồn nhân lực dồi dào và ổn định. Có một xu hướng khác là lực lượng lao động trẻ ở các vùng ven biển Đà Nẵng bao gồm cả người bản địa và người dân nhập cư hiện nay có thể theo đuổi các ngành học và làm những ngành nghề những công việc hoàn toàn không liên quan đến ngư nghiệp.

Cũng chính hoạt động du lịch làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường sống, làm cho môi trường đô thị quá tải nhanh hơn; khai thác cạn kiệt tài nguyên địa phương (nhiều bài báo đã đăng về khai thác Núi chúa Bà Nà để phục vụ phát triển du lịch), hình thành những ứng xử thiếu lành mạnh trong kinh doanh, coi trọng giá trị của đồng tiền hơn những giá trị sống khá, làm thay đổi thuần phong mỹ tục. Mặc dù Đà Nẵng luôn cố gắng duy trì các giải thưởng về Thành phố môi trường nhưng chính những dịch vụ của ngành du lịch hiện nay đang và sẽ tiếp tục tác động gây ô nhiễm môi trường, nhất là việc tổ chức cho Cầu rồng phun lửa hàng tuần, việc tổ chức Lễ hội Pháo hoa quốc tế hàng năm. Đối với vấn đề xử lý rác thải của thành phố vẫn đang là bài toán khó (thành phố Đà Nẵng vẫn đang phải áp dụng công nghệ chôn lấp đối với chất thải rắn trong khi các hố chôn lấp đang tiến dần đến mức độ lấp đầy và quá tải).

Bảng 8: Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sống ở Đà Nẵng

Các yếu tố chịu tác động của hoạt động du lịch	Nhiều	Ít	Không thay đổi
1. Tạo thêm việc làm, nâng cao mức sống	92%	8%	0%
2. Đưa đến sự thay đổi mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng	88%	9%	3%
3. Đáp ứng nhu cầu hưởng thụ vật chất, tinh thần ngày càng cao	80%	16%	4%
4. Nâng cao ý thức và các hoạt động bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch	74%	24%	2%
5. Thúc đẩy giao lưu văn hóa, hình thành ứng xử văn hóa	79%	17,3%	2,7%
6. Tác động tích cực đến nếp sống, thói quen sinh hoạt	91%	5,7%	3,4%
7. Làm biến đổi văn hóa truyền thống	36%	51%	13%
8. Làm tăng giá sinh hoạt ở địa phương	52%	36%	12%
9. Gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường sống	52%	40%	18%
10. Làm thay đổi giá trị của các lễ hội, các loại hình nghệ thuật	41%	48%	11%
11. Khai thác làm cạn kiệt tài nguyên địa phương, phá hủy môi trường sinh thái tự nhiên	46%	28%	26%
12. Hình thành những ứng xử thiếu lành mạnh trong kinh doanh	34%	51%	15%
13. Coi trọng giá trị của đồng tiền hơn những giá trị sống khác	34%	49%	17%
14. Làm thay đổi thuần phong mỹ tục, lai căng	29%	49%	22%

15. Làm nảy sinh tệ nạn xã hội	38%	48%	14%
--------------------------------	-----	-----	-----

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh cũng cho một con số định lượng đáng chú ý là có đến 60% cư dân Đà Nẵng thường xuyên đi ngủ trước 11 giờ tối và 35% đi ngủ trước 11 tối nhưng không thường xuyên. Điều này cho thấy dịch vụ du lịch về đêm ở Đà Nẵng vẫn chưa được cư dân địa phương hưởng ứng nhiều như các địa phương khác (ví dụ như Phố Cổ Hội An, Cổ đô Huế). Tuy nhiên xu hướng phát triển du lịch đêm là khó tránh khỏi. Khu phố đi bộ An Thượng ở quận Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng là điểm du lịch đêm duy nhất ở Đà Nẵng hiện nay với quy mô khá nhỏ nhưng cũng đã gây ra ảnh hưởng ô nhiễm tiếng ồn cho các khu dân cư vùng lân cận mà người Đà Nẵng cho rằng khó chấp nhận. Song với xu thế phát triển du lịch hiện nay, các chuyên gia du lịch cho rằng Đà Nẵng vẫn rất thiếu các sản phẩm du lịch về đêm và để Đà Nẵng trở thành điểm đến hàng đầu, thành phố cần thêm nhiều sản phẩm hút du khách, nhất là nhu cầu giải trí về đêm, tạo ra "kinh tế ban đêm". Ở Việt Nam chưa có một nghiên cứu chính thức nào để xác định quy mô, sự tác động đến nền kinh tế chung của nó. Song, các nền kinh tế đêm khổng lồ trên thế giới đã chứng minh: 70% chi tiêu của khách du lịch là vào ban đêm [132]. Cũng theo các chuyên gia kinh tế du lịch, kinh tế ban đêm như với trường hợp của Đà Nẵng không nên chỉ gói gọn trong chợ đêm, phố đi bộ, vũ trường, quán nhậu hay casino, karaoke... mà còn hàng loạt dịch vụ khác như dịch vụ vận tải, thương mại, thậm chí là giao dịch tài chính xuyên quốc gia do đặc thù múi giờ khác nhau. Khi có các dịch vụ này, chắc chắn sẽ còn có nhiều tác động tiêu cực đến lối sống cư dân Đà Nẵng mà chưa ai dự lường và đề cập nghiên cứu về vấn đề này.

Dù tác động tiêu cực không nhiều nhưng việc phát triển du lịch cũng phần nào làm biến đổi văn hóa truyền thống và làm thay đổi giá trị của các

lễ hội, các loại hình nghệ thuật. Nghệ thuật truyền thống không còn nguyên vẹn mà phải thay đổi để tạo ra những giá trị mới về vật chất, có thể phục vụ du khách để phát triển đời sống. Kết quả khảo sát, ý kiến người Đà Nẵng cho rằng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật hiện nay chủ yếu phục vụ nhu cầu của du khách thay vì phục vụ đời sống tinh thần của xã hội, vì vậy văn hóa nghệ thuật truyền thống hiện nay vừa phải bảo tồn giá trị truyền thống, vừa tiếp biến những giá trị hiện đại để có thể tồn tại một cách hài hòa giữa nhu cầu du khách và nhu cầu của cư dân địa phương. Rất khó để giải bài toán xây dựng sản phẩm văn hóa, nghệ thuật vừa có tính giáo dục, vừa có tính giải trí, vừa mang tính kinh doanh. Chính vì vậy người Đà Nẵng luôn đau đầu trăn trở về việc làm mới các sản phẩm du lịch nhưng không đánh mất đi giá trị truyền thống của nó.

Bảng 9: Sự thay đổi mục đích tồn tại của các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật ở Đà Nẵng

Sản phẩm văn hóa, nghệ thuật ở Đà Nẵng hiện nay tồn tại và phát triển nhằm mục đích chính là:	Sự lựa chọn của Quý vị	
	Trước 2003	Hiện nay
1. Phục vụ đời sống tinh thần của xã hội	85%	41%
2. Phục vụ nhu cầu của du khách	7%	83%
3. Duy trì sự tồn tại của loại hình văn hóa, nghệ thuật	31%	9%
4. Khác	6%	1%

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của tác giả)

Trong cung cách thụ hưởng văn hóa tinh thần

Quá trình phát triển du lịch vùng ven biển đặc biệt là giải tỏa đền bù và tái định cư đã làm thay đổi lối sống, một số chuẩn mực, giá trị của cộng đồng dân cư nơi đây. Điều này được biểu hiện qua những thay đổi trong nhiều khía cạnh của đời sống xã hội của cộng đồng cư dân sau tái định cư.

Do ảnh hưởng nhiều của văn hóa Trung Hoa với người Việt nói

chung, người Đà Nẵng nói riêng, thậm chí khá sâu đậm nên để phục vụ đời sống tâm linh khách du lịch Trung Quốc, một thị trường tiềm năng nhất của Đà Nẵng, rất nhiều đền thờ nơi du khách đến tham quan ở Đà Nẵng thờ Quan Công, không phải nét văn hóa tín ngưỡng của người Việt. Nhà nghiên cứu V.H.A cho rằng,

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng còn lưu giữ hơn 20 sắc phong của Vua nhà Nguyễn... Quan Công không chỉ được thờ tự trong cộng đồng người Hoa mà còn được thờ tự trong các gia đình, miếu của người Việt... Đặc biệt, tại động Huyền Không, thuộc Danh thắng Ngũ Hành Sơn có miếu thờ Quan Công. Chính môi trường “đồng văn thâm căn cố đế” này đã làm cho những điểm tham quan du lịch văn hóa tâm linh tại Đà Nẵng tác động tiêu cực đến lối sống của cư dân bản địa Đà Nẵng hiện nay [126].

Tương tác giữa khách du lịch nước ngoài và cư dân Đà Nẵng mặc dù bị giới hạn về thời gian và ngôn ngữ nhưng ảnh hưởng của nó không nhỏ. Chính sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ dẫn đến việc gây sự chú ý nhiều hơn, tạo ấn tượng hơn. Đây là điều kiện cho sự thâm thấu cả những nét văn hóa có thể không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của người Việt. Nhất là phong cách ăn mặc của du khách của cả các nước Phương Tây và Châu Á đều nhanh chóng tạo sức hút đặc biệt đối với giới trẻ Đà Nẵng.

Tiểu kết

Diện mạo lối sống của cư dân thành phố Đà Nẵng biến đổi khá rõ rệt trong bối cảnh phát triển du lịch. Tựu trung lại tất cả những nét biến đổi cơ bản về nếp sống, về ứng xử có giá trị văn minh, hiện đại, nhân văn để tạo sức hấp dẫn, thu hút du khách phát triển du lịch, nâng cao đời sống kinh tế. Chính quyền tạo ra những cú hích quy hoạch, phát triển đô thị, hình thành các dịch vụ vụ lịch cốt lõi thông qua thu hút các dự án phát triển du lịch, tạo việc làm

xã hội. Người dân đã đồng hành biến những cú hích đó thành cơ hội thay đổi cuộc sống, thay đổi môi trường sống trên chính vùng đất định cư của mình. Các thói quen, sở thích, nhu cầu về ẩm thực, đi lại, thời trang, nơi ở, nhu cầu việc làm đều có biến đổi thích nghi với xu hướng đồng hành để phát triển du lịch. Các giá trị về văn hóa ứng xử trong gia đình, trong cộng đồng, với thiên nhiên, với môi trường, giá trị về lễ hội, nghệ thuật không chỉ phục vụ cho người dân địa phương mà còn phải thay đổi để phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của du khách, để văn hóa, nghệ thuật trở thành các sản phẩm kinh tế. Xuất hiện những xu hướng biến đổi tích cực trong lối sống của cư dân Đà Nẵng như cung cách sinh hoạt, ứng xử của người Đà Nẵng phong phú hơn, văn minh hơn; sự thay đổi phương thức phát triển kinh tế làm cho mức sống của người dân Đà Nẵng cao lên rõ rệt; nhận thức về định hướng giá trị tài nguyên, di sản văn hóa của cư dân vùng du lịch theo hướng phục vụ phát triển kinh tế; Dịch vụ du lịch của Đà Nẵng phát triển mạnh mẽ thời kỳ hậu Covid -19 theo hướng chuyển đổi số. Bên cạnh đó là xu hướng tiêu cực lỏng lẻo trong các quan hệ gia đình, họ tộc và cộng đồng và các vùng văn hóa ven biển mờ dần.

Chương 4

BÀN LUẬN VỀ LỐI SỐNG CƯ DÂN ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

4.1. Dự báo xu hướng phát triển du lịch Đà Nẵng trong giai đoạn tới

Theo Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị (2019), về *xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* và Quyết định số 2726/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc *Ban hành Đề án định hướng phát triển du lịch Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, việc kết hợp hài hòa xu hướng “du lịch 4.0” (với vai trò kết nối giá trị của công nghệ kỹ thuật số) và “du lịch 0.4” (du lịch trở về với tự nhiên, với thiên nhiên, với giá trị truyền thống) sẽ đóng vai trò chủ đạo trong du lịch hậu COVID-19. Du lịch nghỉ dưỡng, hồi phục và chăm sóc sức khỏe; Du lịch trở về với tự nhiên, với thiên nhiên, môi trường trong lành (du lịch sinh thái rừng, biển, nông nghiệp, nông thôn); Du lịch xanh; Du lịch qua thế giới ảo; Du lịch gắn với văn hóa đặc trưng của điểm đến, Du lịch tìm về chính mình (du lịch trải nghiệm) sẽ là những loại hình phù hợp với hậu COVID-19 [132].

- **Giai đoạn 2022 - 2025:** Là giai đoạn phục hồi của ngành du lịch toàn thế giới, dự báo khách có xu hướng du lịch gắn với yêu cầu an toàn, hướng về các giá trị tự nhiên và văn hóa đặc trưng của điểm đến.

- **Giai đoạn 2026 - 2030:** Là giai đoạn phát triển trở lại ngành du lịch, dự báo du khách có xu hướng tìm kiếm nhiều hơn sự khác biệt, những trải nghiệm, dịch vụ trong chuyến đi.

- **Giai đoạn 2031 - 2045:** dự báo khách du lịch có xu hướng, mong muốn khám phá những điều mới mẻ, độc đáo của điểm đến, trong đó, từ năm 2040, xu hướng “du lịch thể hiện” trở nên phổ biến, nhu cầu tìm kiếm những điểm đến du lịch cao cấp, đẳng cấp quốc tế sẽ cao hơn [21].

Trong bối cảnh đó, thành phố Đà Nẵng có nhiều thuận lợi và thách thức để xây dựng và phát triển văn hóa, con người thành phố. Trên cơ sở phân tích thực trạng, thành phố đang đặt ra mục tiêu trở thành trung tâm du lịch và dịch vụ chất lượng cao, điểm đến sáng tạo của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, phát triển về kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng du lịch đến năm 2030 mỗi năm tăng 12,75% [132].

Bên cạnh đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, khi mà ranh giới giữa các quốc gia bị lu mờ, không gian kinh tế được thu hẹp thì giao lưu văn hóa trở thành một hiện tượng tất yếu, tạo điều kiện cho người dân thụ hưởng tốt hơn những thành tựu văn hóa chung của nhân loại. Sự phát triển vượt bậc của mạng internet đã mang lại nhiều cơ hội để người dân các quốc gia trên thế giới có thể tìm hiểu và tiếp cận, giao lưu với những nền văn hóa, lối sống, phong tục tập quán, đời sống văn hóa vật chất, tinh thần khác nhau. Từ đó có thể chia sẻ, hợp tác, mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa của các nước, làm phong phú kho tàng văn hóa dân tộc cũng như quảng bá văn hóa Việt Nam ra bạn bè thế giới, làm cho lối sống của người Việt Nam nói chung và người Đà Nẵng nói riêng ngày càng biến đổi theo chiều hướng văn minh, hiện đại. Song với bản sắc văn hóa truyền thống của người Đà Nẵng/ người miền Trung nói chung, mức độ hội nhập lối sống của cư dân Đà Nẵng sẽ vẫn chậm “mà chắc” hơn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sẽ nhanh hơn các khu vực khác ở miền Trung bởi tính mở rộng giao lưu hội nhập của Đà Nẵng có đủ điều kiện để phát triển sâu rộng hơn.

Tuy nhiên, tình hình gia tăng dân số cơ học theo nhu cầu tự nhiên và chính sách phát triển kinh tế du lịch của thành phố, trong đó người nhập cư và khách du lịch nước ngoài tăng mạnh sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cư dân đô thị và văn hóa truyền thống bản địa, làm cho công tác quản lý xã hội ngày

càng phức tạp hơn. Môi trường văn hóa, xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ về tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội gia tăng; tác động gây suy thoái đạo đức, lối sống của thế hệ trẻ. Ý thức chấp hành luật pháp của người dân chưa theo kịp với yêu cầu xây dựng lối sống văn minh để đảm bảo tăng tốc phát triển du lịch.

4.2. Bàn luận về đặc trưng văn hóa của cư dân Đà Nẵng thể hiện qua lối sống trong bối cảnh phát triển du lịch

- Lối sống sinh hoạt đã khá mờ nhạt ranh giới giữa không gian nông thôn và đô thị, có nhiều điểm giao thoa về mặt không gian địa lý và không gian hành chính. Người dân Đà Nẵng từ phân đầu đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở, đi lại thuận tiện... thì đến nay tiêu chí tiêu dùng đại bộ phận nhân dân Đà Nẵng là ăn ngon với thực phẩm an toàn, mặc đẹp... và đồng hành trong việc thực hiện các tiêu chí “*Thành phố 4 an*”: giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm...

Từ khi có chủ trương phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, Đà Nẵng thực sự chuyển mình một cách mạnh mẽ theo hướng đô thị, làm thay đổi căn bản bức tranh kinh tế xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật được nâng cấp, xây dựng rất bài bản, hiện đại. Trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, trên địa bàn thành phố, nhất là ở các quận Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn có lúc như những đại công trường xây dựng. Tính đến năm 2019, thành phố đã và đang thực hiện trên 500 dự án phát triển kinh tế - xã hội với tổng diện tích đất sử dụng gần 75.000 ha; tiến hành giải tỏa, di dời trên 100.000 hộ dân để phục vụ quá trình phát triển du lịch [188]. Nhà cửa đa phần không còn kiến trúc 3 gian mà thay vào đó là nhà đúc, nhà ông bê tông hiện đại. Giao thông đô thị góp phần hình thành bản sắc văn hóa Đà Nẵng, góp phần tạo nên khác biệt cho Đà Nẵng với một mạng lưới đường phố ngày càng dày đặc (từ chỗ chỉ có 85 con đường được đặt tên vào trước năm 1997 thì đến cuối năm 2020, Đà Nẵng có tới 2.406 con đường được đặt tên) [188]; cùng

với đó là rất nhiều giao lộ phân lớn đã được lắp đặt hệ thống tín hiệu đèn vàng - đèn đỏ - đèn xanh và rất nhiều dải phân cách cũng như lối đi ưu tiên cho bộ hành... Hiện thành phố có 15 chặng bay thẳng quốc tế thường kỳ, 8 chặng bay nội địa, bình quân mỗi ngày có 111 chuyến bay đến Đà Nẵng, trong đó có 68 chuyến bay nội địa và 43 chuyến bay quốc tế. Từ chỗ chèo đò qua sông, giờ đây Đà Nẵng đã có 9 cây cầu hiện đại bắc qua Sông Hàn, nông thôn đã hóa thành thị một phần lớn nhờ những chiếc cầu này [188].

Cùng với kinh tế, quy hoạch đô thị, diện mạo văn hóa, giáo dục, y tế cũng thay đổi lớn. Hàng loạt cơ sở giáo dục các cấp, cơ sở khám chữa bệnh được nâng cấp, xây mới với trang thiết bị hiện đại. Nhu cầu nâng cao đời sống tinh thần của người dân đã được đáp ứng. Kết cấu dân cư xã hội trở nên đa dạng, trong đó chiếm phần không nhỏ là tầng lớp trí thức, tiểu thương, doanh nhân, công nhân - nguồn lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững của đô thị hiện đại. Cho đến nay, Đà Nẵng đã thực sự vươn mình, trở thành trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học và công nghệ của cả khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Quá trình phát triển du lịch diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các quận, huyện trên địa bàn thành phố đã làm biến dạng cộng đồng nông thôn, làm thành thị hóa nông thôn và nông thôn hóa thành thị ở một mức độ chấp nhận được, nghĩa là trong một nỗ lực phát huy tính tích cực và hạn chế mặt tiêu cực. Thực tế cho thấy rất rõ ở Đà Nẵng trong hai mươi năm qua Đà Nẵng phải nỗ lực rất nhiều để làm hạn chế những mặt tiêu cực của lối sống tiểu nông trong xã hội đô thị thông qua các đề án văn hóa, các chương trình an sinh xã hội. Chính vì vậy, điều tốt đẹp nhất người ta tìm thấy ở Đà Nẵng là sự khắc phục được nhiều nhược điểm của quá trình đô thị hóa như yếu tố chật hẹp của nhà ở, đường đi, sự ô nhiễm môi trường, sự chập giạt về điều kiện sống, sự gia tăng của thói lãnh đạm thờ ơ, sự phức tạp của tệ nạn xã hội... Điều này làm cho

quan hệ giao tiếp ứng xử văn hóa, cũng như lối sống của người dân Đà Nẵng khá hài hòa, ít có xu hướng thu hẹp, đóng kín lại để tự tìm một cảm giác an toàn nhất định so với một số đô thị khác.

So với đời sống nông thôn truyền thống, một số giá trị của đời sống hiện đại đã xuất hiện len lỏi trong đời sống nông thôn hiện nay như: kinh tế thuần nông không còn, thay vào đó là sự đa dạng về ngành nghề sản xuất. Dân số bắt đầu có xu hướng tập trung đông, mật độ tăng lên do tăng trưởng tự nhiên và cơ học; sự đa tạp về nguồn gốc cư trú. Trong 900 người khảo sát thì đã có đến 300 người tham gia là dân nhập cư để làm ăn, sinh sống và 81 người địa phương khác lập gia đình với người Đà Nẵng; xu hướng thị dân hóa của một bộ phận dân cư; phương tiện đi lại hiện đại hơn, nhà ở mang kiến trúc đô thị...

- Văn hóa ứng xử ở vùng du lịch ngày càng văn minh, hiện đại

Mặc dù có sự giảm sút của tính cộng đồng, xu hướng đô thị hóa để phục vụ phát triển du lịch với đặc điểm giao tiếp hiện đại và cái nhìn cởi mở, hướng về giá trị cá nhân đã tạo ra những đổi thay cơ bản có xu hướng tích cực trong giao tiếp, ứng xử: Đó là người dân ý thức hơn về giảm đi tầm nhìn hạn hẹp, thái độ tùy hứng trong công việc, biểu hiện gia trưởng, ý thức sống và làm việc theo pháp luật yếu, tư tưởng bè phái, tâm lý phép vua thua lệ làng... Những biểu hiện của lối sống tiểu nông đã từng bước giảm trong đời sống nhiều gia đình và trong mỗi cá nhân... Về cơ bản, bức tranh chung của nông thôn Đà Nẵng vẫn là “*nhà nông*”, cuộc sống cơ bản còn gắn bó sâu nặng với xóm làng, song trước nhu cầu phát triển du lịch, việc loại trừ những biểu hiện của lối sống tiểu nông đang hiện diện trong giao tiếp ứng xử là một trong những cách thức để hướng đến phát triển hiện đại và lối sống văn minh. Một số biểu hiện tiêu cực của tính tiểu nông giảm đi và tăng dần sự hiện hữu của giao tiếp ứng xử hiện đại.

Với sự mở mang về nhận thức, sự thay đổi tư duy nên nhiều thói quen trong ứng xử văn hóa nông thôn đã dần mất đi. Điển hình là thói quen ứng xử của con người với môi trường. Nếu như trong đời sống nông thôn truyền thống không quen với lối sống vệ sinh thì cùng với việc nâng cao ý thức cộng với hạ tầng trong môi trường được nâng cao, người dân nông thôn đã biết và quen dần với phương thức thu gom rác thải, dùng nước sạch. Những đổi thay tích cực của đời sống hiện đại, hình thành các thói quen tốt dẫn đến quan hệ giao tiếp, ứng xử của người dân đối với môi trường ngày một tốt hơn.

Khảo sát của Luận án cho kết quả rất đáng mừng là hoạt động du lịch đã tạo thêm việc làm nâng cao mức sống của cư dân địa phương, đưa đến sự thay đổi mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ vật chất, tinh thần ngày càng cao, nâng cao ý thức và các hoạt động bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch, thúc đẩy giao lưu văn hóa, hình thành ứng xử văn hóa, tác động tích cực đến nếp sống, thói quen sinh hoạt.

Thành quả quan trọng của quá trình phát triển du lịch Đà Nẵng là điều kiện và cũng là tác nhân quan trọng tạo nên sự biến chuyển sâu sắc về lối sống theo hướng văn minh hiện đại. Đó là ý thức chấp hành pháp luật của người dân mà biểu hiện rõ nhất là trong lĩnh vực giao thông. Trong khi ở rất nhiều địa phương, nhiều đô thị trên cả nước luôn đối mặt với tình trạng vi phạm trật tự an toàn giao thông của người dân, như hành vi vượt đèn đỏ, không đội mũ bảo hiểm, chạy xe trên vỉa hè, điều khiển phương tiện chạy sai làn, lấn làn, lạng lách đánh võng, chạy quá tốc độ, chen lấn, chở hàng hóa công kênh ... thì ở Đà Nẵng hiện tượng này ít được bắt gặp. Thông qua mạng internet, không khó để biết được dư luận xã hội trong nước thực sự ngưỡng mộ ý thức chấp hành luật lệ khi tham gia giao thông của nhân dân Đà Nẵng.

Đó là việc giữ gìn trật tự, cảnh quan, vệ sinh môi trường, ứng xử lịch sự nơi công cộng. Hầu như trên khắp các tuyến phố, công viên hay những nơi

phức tạp như nhà ga, bến xe, bãi biển, các tụ điểm tham quan, du lịch đều luôn có được cảnh quan xanh, sạch, đẹp; không xảy ra nạn mời chào một cách thái quá hay chèo kéo, xúc phạm du khách. Đặc biệt, việc giữ gìn vệ sinh môi trường đã trở thành thói quen, thành nếp sống của người dân thành phố, bất luận ở khu vực đô thị hay nông thôn. Trong thực tế, tại hầu khắp các phường, việc người dân tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường chung quanh nơi cư trú vào ngày nghỉ (chủ nhật, lễ tết), giữ gìn tuyến phố, khu dân cư “không rác” đã trở thành ý thức thường trực, thành sinh hoạt bình thường của cuộc sống.

Hoạt động lễ hội tín ngưỡng tôn giáo vừa thể hiện được sự kế thừa, tiếp nối vừa mang hơi thở của cuộc sống đương đại. Nói cách khác, trên cơ sở nhận thức, trình độ khoa học, năng lực cảm thụ, quan điểm thẩm mỹ hiện đại, người dân Đà Nẵng đã làm sống dậy một cách sinh động, phong phú, tươi mới các lễ hội văn hóa cổ truyền. Tuyệt nhiên không xảy ra tình trạng hoặc là coi trọng truyền thống một cách thái quá dẫn đến nệ cổ, phục cổ thiếu suy xét, gạn lọc, hoặc là nhân danh hiện đại một cách máy móc rồi sáng tạo truyền thống trở nên kịch côm, hay thậm chí buôn thần bán thánh, phỉ báng thần linh, biến thần linh thành đối tượng cầu cạnh, van xin và biến lễ hội tín ngưỡng tôn giáo thành nơi tranh đoạt sự may mắn, như đã xuất hiện không ít trên đất nước ta trong mấy thập niên qua, gây bức xúc, lo lắng đối với toàn xã hội. Hầu như mọi lễ hội tín ngưỡng tôn giáo như lễ hội đình làng, cầu ngư, đặc biệt là lễ hội Quán Thế Âm đều toát lên sự trang trọng, trật tự và thanh khiết.

Du lịch phát triển là cơ hội để cư dân Đà Nẵng có thể tiếp cận thông tin, tiếp thu chia sẻ thành tựu khoa học công nghệ và tiếp thu văn hóa nước ngoài một cách thuận lợi, nhanh chóng. Chính vì vậy, ông P. N.S, nguyên Trưởng phòng Văn hóa, văn nghệ- Ban Tuyên giáo Thành ủy cho rằng:

Biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng vừa là sản phẩm vừa là tác nhân trong quá trình phát triển du lịch ở Đà Nẵng mấy mươi năm

qua. Để có một môi trường du lịch văn minh, Đà Nẵng từng bước xây dựng “3 nhóm hành vi” trong xây dựng văn hóa - văn minh đô thị. Đó là:

- + Xây dựng quan hệ giao tiếp - ứng xử văn minh nơi công cộng và trong cộng đồng dân cư để Đà Nẵng là “một trong những thành phố hài hòa, thân thiện, an bình và có đời sống văn hóa cao”.
- + Thực hiện tốt các quy định về an toàn giao thông, trật tự đô thị để góp phần xây dựng Đà Nẵng thành “một thành phố giàu tính nhân văn, hấp dẫn và đáng sống”.
- + Nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp để xây dựng Đà Nẵng trở thành một thành phố có môi trường đô thị văn minh, có thiên nhiên trong lành (phỏng vấn năm 2023).

Trong nhịp sống ngày càng sôi động nhưng nét đặc trưng người xứ Quảng có truyền thống hiếu khách, thân thiện vẫn còn lưu giữ ở người Đà Nẵng. Tiến thêm bước nữa, những nét đẹp trong giao tiếp ứng xử văn hóa, văn minh được người Đà Nẵng quan tâm xây dựng và đã đạt được những kết quả được bạn bè, du khách ghi nhận.

Nói tóm lại, trong bối cảnh phát triển du lịch mạnh mẽ, lối sống Đà Nẵng là một lối sống mang tính chất đô thị. Từ đó nội dung rất quan trọng trong lối sống Đà Nẵng là cách ứng xử văn minh và trong quá trình phát triển, bề dày của lối sống đô thị đủ cảm hóa một bộ phận người nhập cư và du khách thông qua việc người Đà Nẵng ý thức tạo sự khác biệt bằng việc gây dựng, giữ gìn và nâng cấp tính chất đô thị trong lối sống của mình.

- Văn hóa quản trị kinh doanh của người Đà Nẵng thể hiện tính tiên phong và gắn liền với phát triển du lịch

Mặc dù có những hạn chế nhưng phải thừa nhận văn hóa quản trị kinh doanh của người Đà Nẵng đã thể hiện tư duy tiên phong xây dựng, phát triển

Đà Nẵng, nhất là hạ tầng đô thị - điều kiện cơ bản để phát triển du lịch. Ngay từ lúc thành phố Đà Nẵng còn thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, để thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng, tại Đại hội lần thứ IV Đảng bộ thành phố Đà Nẵng tổ chức vào ngày 8 tháng 5 năm 1989 đã thống nhất kiến nghị với Trung ương và Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng cho thành phố Đà Nẵng được trực thuộc Trung ương, nếu chưa đủ điều kiện thì cho Đà Nẵng được trở thành Đặc khu kinh tế.

Trên cơ sở đó, tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XV (tháng 10 năm 1991), cũng đã kiến nghị với Trung ương cho tách Đà Nẵng thành thành phố trực thuộc Trung ương. Nếu chưa tách thì cho một quy chế riêng để xây dựng Đà Nẵng thành một “*Đặc khu kinh tế của vùng Duyên hải miền Trung*” hoặc “*Khu kinh tế mở*”. Đồng thời đề nghị Trung ương cần được thông báo sớm những chủ trương này để tỉnh và thành phố điều chỉnh chiến lược và quy hoạch cho thích hợp theo hướng từng bước đưa thành phố Đà Nẵng thành một trong những trung tâm kinh tế của cả nước.

Ý tưởng xin tách Quảng Nam - Đà Nẵng tiếp tục tồn tại và kiến nghị lên Trung ương trong những năm tiếp theo sau đó. Đây là ý tưởng đặt nền móng cho việc Trung ương xem xét Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương sau này.

Trong hơn 20 năm qua, chính quyền và nhân dân thành phố Đà Nẵng đã vận dụng nhiều chính sách, cơ chế để xây dựng, phát triển thành phố, nhất là hạ tầng đô thị về giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải, nước thải... để thu hút đầu tư phát triển kinh tế du lịch.

Một trong những thành công của Đà Nẵng là đã chủ trương “*Khai thác quỹ đất*”, “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” trong xây dựng hạ tầng đô thị, nhân dân đã đóng góp hàng trăm tỷ đồng và hàng chục ngàn mét vuông đất để triển khai các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Mặt khác, thực hiện

công tác đền bù, giải tỏa, tái định cư cho nhân dân đúng chính sách, chế độ và tiến độ các công trình, đã tạo ra quỹ đất để đầu tư phát triển hạ tầng đô thị. Đến năm 2015, thành phố Đà Nẵng mở rộng ranh giới đô thị thêm gần 2.000 ha so với năm 2010. Cùng với mở rộng đô thị, hệ thống hạ tầng giao thông của Đà Nẵng đã kết nối không những trong nội tại của thành phố qua hệ thống các cầu, mà kết nối Đà Nẵng với các hành lang kinh tế.

Trog định hướng phát triển kinh tế của thành phố, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã xác định 3 hướng đột phá trong đó đột phá đầu tiên là phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là du lịch, thương mại; tập trung thu hút đầu tư vào công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin. Hai đột phá kế tiếp cũng là nhằm đạt được mục tiêu xây dựng môi trường văn minh, an toàn, sạch sẽ, thân thiện và tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch.

Về đời sống vật chất của người Đà Nẵng cũng bắt nguồn từ truyền thống và trên cơ sở đó thích ứng với thực tại để nâng cao nhận thức của một cộng đồng (ví dụ truyền thống đi đầu trong mở cửa, hội nhập, truyền thống Duy Tân...). Người Đà Nẵng có truyền thống thích ứng với cơ chế mới để nâng cao đời sống vật chất của xã hội.

Từ sau khi thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương đến nay, người Đà Nẵng thích ứng rất nhanh với cơ chế thị trường. Ví dụ, thị trường bất động sản về đất đai, dù còn nhiều mặt hạn chế trong quản lý, nhưng có thể thấy rằng, thị trường bất động sản ở Đà Nẵng đã làm cho một bộ phận tầng lớp nghèo, trung bình có điều kiện nâng cao đời sống vật chất của gia đình hơn trước.

Bên cạnh đó, nhận thức về xã hội hóa trong các lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu du lịch chăm sóc sức khỏe thì người Đà Nẵng cũng đi đầu so với các tỉnh trong khu vực miền Trung. Về xã hội hóa giáo dục, từ 01 trường đại học tư thục năm 1994 là Trường Đại học Duy Tân, đến nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có 5 trường đại học tư thục và các trường đào tạo nghề. Về xã hội

hóa y tế, đến nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có bệnh viện quốc tế, các bệnh viện tư nhân: Bệnh viện Đa khoa Bình Dân, Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí, Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Toàn, Bệnh viện Đa khoa Gia đình và hệ thống phòng khám đa khoa, chuyên khoa khác [188].

Văn hóa kinh doanh trong các tầng lớp Nhân dân thể hiện sự nhanh nhạy dịch chuyển lao động qua việc tham gia lao động ở ngành kinh tế đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhận thức của người Đà Nẵng về tham gia lao động ở các loại hình, lĩnh vực kinh tế có sự chuyển biến tích cực, không còn tư tưởng bất cứ giá nào cũng vào khu vực kinh tế Nhà nước. Ngược lại, lao động ở khu vực kinh tế Nhà nước có chiều hướng giảm dần và lao động ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên. Chính kinh tế ngoài nhà nước đã góp phần giải quyết phần lớn người lao động của thành phố Đà Nẵng, đảm bảo đời sống của nhân dân (có khoảng 412.000 người, chiếm 74,6% lao động toàn thành phố). Mặt khác, người lao động có xu hướng dịch chuyển mạnh sang công nghiệp và dịch vụ (92,6%), lao động nông nghiệp của thành phố Đà Nẵng còn 7,4% (2016) [188]. Trong quá trình giải tỏa, tái định cư, người nông dân không còn đất nông nghiệp nhưng đã có sự nhanh chóng thích ứng chuyển đổi ngành nghề. Thái độ đối với lao động của người dân thành phố đã cơ bản không còn “nhẫn nha” kiểu làm nông mà dần chuyển sang hướng chuyên sâu, có tay nghề và thích ứng với môi trường đô thị.

- Phát triển du lịch làm thay đổi nâng cao mức sống của cư dân

Lối sống Đà Nẵng dưới tác động chuyển dịch cơ cấu kinh tế du lịch, dịch vụ, thúc đẩy sự tăng trưởng trong thu nhập, tác động đến mức sống của người dân thành phố, tạo thêm nhiều công ăn việc làm: Năm 2017, Đà Nẵng chứng kiến bước nhảy vọt của ngành du lịch với tổng thu nhập xã hội do du lịch mang lại tăng 20,6% lên 19.403 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động lưu trú, du lịch, lễ hành ước đạt 6.695 tỷ đồng. Ngành “công nghiệp không khói” vươn lên

là ngành kinh tế mũi nhọn của Đà Nẵng khi đóng góp 23,72% GRDP toàn thành phố [132]. Tỷ lệ người dân có nhu cầu mua ô tô riêng và cho con học ở trường tư tăng đáng kể. Sự phát triển đồng bộ, hiện đại của cơ sở vật chất kỹ thuật cùng những chính sách thông thoáng của chính quyền đã tạo môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư, thúc đẩy nhanh quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, mở ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động. Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người theo đó luôn duy trì ở mức cao, cao hơn nhiều mức trung bình của cả nước. Đời sống sinh hoạt vật chất của người dân được nâng lên rõ rệt.

4.3. Những vấn đề đặt ra đối với sự biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển du lịch

Biến đổi lối sống đô thị Đà Nẵng trong giai đoạn đẩy mạnh phát triển du lịch và hội nhập quốc tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, diễn ra toàn diện theo cách thức bảo tồn, kết hợp với cải tiến và tiếp nhận cái mới; xu hướng, phạm vi và mức độ lan tỏa định hình lối sống Đà Nẵng diễn ra ở cả khu vực nội thị, các đô thị vệ tinh ngoại ô, ven biển và vùng nông thôn Hòa Vang. Quá trình tác động xây dựng lối sống của cư dân Đà Nẵng muốn thành công theo mục tiêu đặt ra trước tiên cần nắm bắt mong muốn của chính cư dân địa phương. Theo khảo sát của tác giả, mục tiêu của người dân thành phố đang theo đuổi trước tiên là xây dựng một cuộc sống có môi trường sống an toàn, lành mạnh, trong sạch; kế tiếp là cuộc sống không cần quá giàu có, nhưng bình an, không bon chen, chà đạp người khác; Và quan trọng là xã hội phải công bằng, nền nếp, kỷ cương, tuân thủ pháp luật, sống có ý nghĩa, công hiến cho đất nước, xã hội. Cuộc sống giàu có, nhiều tiền, dù phải cạnh tranh không phải là mục tiêu đáng quan tâm của người Đà Nẵng. Vì vậy, về mặt nhận thức, cần xác định quá trình biến đổi lối sống Đà Nẵng diễn ra thông qua sự quản lý của Nhà

nước, của chính quyền thành phố theo các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; nhân dân thành phố Đà Nẵng là chủ thể sáng tạo, hưởng thụ các thành quả của quá trình biến đổi văn hóa, lối sống.

Nhận thức này phải được cụ thể hóa trong các chủ trương, chính sách, quyết định của chính quyền thành phố. Quan trọng hơn là phải vận động và lôi cuốn các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia vào quá trình xây dựng văn hóa, lối sống của thành phố. Thông qua đó, người dân có điều kiện thuận lợi để trở thành chủ thể sáng tạo, đồng thời có đủ điều kiện hưởng thụ văn hóa, lối sống do chính mình xây dựng và biến đổi trong thời gian đến.

Trên cơ sở những dự báo nêu trên, để xây dựng lối sống Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn từ nay đến năm 2030, cần được nhận thức như sau:

Lối sống của cư dân Đà Nẵng sẽ là đối tượng chịu tác động va đập thường xuyên, liên tục trong môi trường du lịch ngày càng phát triển. Chính vì thế cần phải nhận thức các giải pháp kiểm soát các tác động tiêu cực của du lịch đến lối sống, hạn chế xuất hiện tính hai mặt của xu hướng biến đổi lối sống đô thị trong đời sống văn hóa và nhân cách người Đà Nẵng. Để tự phòng vệ giữ gìn phong tục, tập quán của địa phương, cần kiên trì các quan điểm sau để xây dựng lối sống lành mạnh trong bối cảnh phát triển du lịch theo đúng mong ước của cư dân địa phương.

Bảng 10: Quan điểm xây dựng lối sống văn minh, hiện đại, nhân văn, có bản sắc riêng trong bối cảnh phát triển du lịch

Quan điểm xây dựng lối sống lành mạnh trong bối cảnh phát triển du lịch	Đúng	Sai	Đúng nhưng khó thực hiện
1. Giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc	88%	1%	11%
2. Có nếp sống văn minh	93%	2,7%	4,3%
3. Có sức chống chọi trước văn hóa tiêu cực bên ngoài	80%	2%	18%
4. Ý thức chấp hành luật pháp	93%	1,7%	5,3%
5. Biết xây dựng hình ảnh con người Việt Nam thông qua hình ảnh cá nhân	91%	1,7%	7,2%
6. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường	94%	2,3%	13,3%

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra bảng hỏi của NCS)

4.3.1 Phát triển sinh kế gắn với xây dựng, bảo vệ môi trường an ninh, an toàn

Môi trường ở đây bao gồm các yếu tố tự nhiên (không khí, đất, nước, ánh sáng, núi, sông, hồ, biển, hệ sinh thái, thảm thực vật, cảnh quan thiên nhiên...), các yếu tố vật chất nhân tạo (khu dân cư, khu sản xuất, di tích lịch sử...) và cả môi trường trên không gian mạng, môi trường văn hóa. Theo đó các sản phẩm, hoạt động du lịch phải gắn với một nền kinh tế xanh và bền vững. Tạo nhiều sản phẩm du lịch đa dạng gắn với thiên nhiên và môi trường, hình thành nhiều khu du lịch sinh thái mang lại nhiều cơ hội lựa chọn cho du khách trong tham quan và nghỉ dưỡng khu du lịch sinh thái Suối Hoa, Ngâm Đồi, Núi Thần Tài, Hòa Phú Thành, Tiên Sa... Cùng với các khu du lịch sinh

thái ở vùng đồi núi, việc khai thác du lịch ở các bãi biển và bán đảo Sơn Trà cũng được thành phố quan tâm, nhất là bảo đảm an toàn, sạch sẽ cho người dân và du khách khi tắm biển, không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường biển từ rác thải sinh hoạt. Để phát triển kinh tế bền vững, tăng trưởng kinh tế phải gắn với bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên. Đà Nẵng cần tính toán đến các giải pháp vừa tiếp tục thực hiện tốt Đề án Thành phố môi trường đã trải qua 13 năm, vừa nghiên cứu các sản phẩm du lịch không tác động tiêu cực đến môi trường mà thay vào đó là các sản phẩm, dịch vụ du lịch có sự đổi mới, sáng tạo, không thâm dụng đất đai, tài nguyên, năng lượng và đưa khí thải ra môi trường như một số sản phẩm, dịch vụ đã nêu hiện nay.

4.3.2. Xây dựng con người có nếp sống văn minh, có ý thức chấp hành luật pháp

Điều tiết biến đổi lối sống đô thị là cái đầu tiên và cũng là cái đích cuối cùng là phải hình thành, bồi dưỡng được những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam nói chung và trong đó có cả cái đẹp, bản sắc riêng của người Đà Nẵng; đó là những con người có tri thức và năng lực sáng tạo, năng động, thích ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch; có nếp sống văn minh, giàu bản sắc văn hóa xứ Quảng. Những phẩm chất này cơ bản được thể hiện ở văn hóa ứng xử của người dân Đà Nẵng và cần tiếp tục thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử văn hóa, văn minh đô thị, trong đó có tiêu chí văn hóa du lịch quy định các hành vi, ứng xử văn hóa của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch và các ngành liên quan đến du lịch, người dân địa phương, khách du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Trên cơ sở những biểu hiện của văn minh đô thị đã thấy rõ trong các khu dân cư nội thành, quan hệ giao tiếp ứng xử vừa kế thừa, phát huy phong tục cổ truyền sẽ hình thành một số tập quán mới văn minh, hiện đại ở Đà Nẵng. Đà

Năng đã cơ bản khắc phục được cảnh quan, môi trường không chỉ trong khu vực nội thị mà còn ở các khu dân cư mới, khu đô thị mới, cần tiếp tục làm cho những biểu hiện thiếu trật tự, văn minh đô thị, lối sống tùy tiện, xô bồ, lạc hậu trong kiến trúc đô thị cần tiếp tục được hạn chế. Tình trạng kinh doanh vỉa hè, bán hàng rong, chèo kéo chặt chém khách, ăn xin biến tướng, đậu đỗ xe bất hợp lý tiếp tục phải nỗ lực khắc phục và thực hiện theo quy hoạch. Hạn chế tính tiểu nông, tính bảo thủ, liều lĩnh và mạo hiểm với pháp luật.

Quá trình bồi dưỡng văn hóa, ứng xử người Đà Nẵng được bắt đầu từ công tác tuyên truyền thực hiện văn hóa, văn minh đô thị thông qua gương người tốt, việc tốt, thông qua các phong trào thi đua, thông qua việc xây dựng các chuẩn mực văn hóa mới.

4.3.3. Xây dựng hình ảnh con người Việt Nam/ con người Đà Nẵng thông qua hình ảnh cá nhân

Yêu nước là phẩm chất đầu tiên trong các giá trị truyền thống của người Việt Nam. Lâu nay, lòng yêu nước thường chỉ thể hiện trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền đất nước. Chính vì hiểu yêu nước một cách hạn hẹp như vậy cho nên mỗi khi nguy cơ đến sự tồn vong của dân tộc qua đi là người Việt nói chung lại có khuynh hướng không hợp tác tốt với nhau. Tuy nhiên đối với người Đà Nẵng nói riêng, lòng yêu nước, yêu thành phố trong thời bình được chuyển thành một dòng mạch chủ lưu khác, đó là sự đồng thuận. Chính sự đồng thuận của người Đà Nẵng đã góp phần rất quan trọng làm nên những thay đổi vượt bậc của Đà Nẵng hôm nay và cần tiếp tục phát huy cho mai sau. Người Đà Nẵng đã thể hiện tinh thần đồng thuận ở mức khá cao để luôn ủng hộ và đồng hành với chính quyền thành phố trong việc thực hiện các chủ trương để phục vụ phát triển kinh tế du lịch và cần tiếp tục duy trì tinh thần này. Đó là các chủ trương giải tỏa, đền bù phục vụ kiến thiết đô thị, chủ trương thành phố “5 không, 3 có” ; Chương trình “4 An”. Việc

xây dựng con người Đà Nẵng nhân ái, thương người trong những năm qua đạt được kết quả cơ bản thể hiện qua sự thành công của các chương trình an sinh xã hội giàu tính nhân văn. Chú trọng xây dựng con người văn minh, thân thiện, làm nền tảng xây dựng thành phố an bình, đáng sống. Không phải ngẫu nhiên mà danh xưng “thành phố đáng sống” được nhiều người truyền nhau khi nói về thành phố Đà Nẵng. Đó là cả một chặng đường dài phát huy, nhân rộng bản chất thân thiện, mến khách vốn có của người xứ Quảng và từng bước xây dựng lối sống văn hóa, văn minh đô thị của chính quyền và nhân dân Đà Nẵng. Không khó để nhận thấy, tại thành phố này mỗi ngày lại chuyển tải những câu chuyện đẹp về cuộc sống. Đó là hình ảnh những quầy hàng, tủ quần áo, vật dụng dành cho người nghèo xuất hiện tại nhiều nơi trên hè phố Đà Nẵng. Người ủng hộ đến tự nguyện đặt quần áo đã giặt sạch sẽ vào tủ đồ. Người đến nhận cứ thoải mái chọn lựa, đem về. Người nhận là người dân ở bất cứ ở đâu, thuộc bất cứ đối tượng nào [189].

Đó là hình ảnh những quán cơm 2.000 đồng, 5.000 đồng được mở ra để phục vụ cho người dân lao động nghèo; hay những bữa cơm từ thiện được mang đến cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại các bệnh viện trong thành phố; những thùng trà đá, tủ bánh mì miễn phí trên các tuyến đường trung tâm thành phố... Đó là hình ảnh những anh tài xế, người dân trả lại của rơi cho du khách. Hay đơn giản là hình ảnh những nhiếp ảnh gia, những người làm du lịch lặng lẽ nhặt rác ở bán đảo Sơn Trà để trả lại môi trường xanh - sạch - đẹp... [189].

Ngành du lịch không giống như thương mại, bỏ tiền ra là mang hàng về. Du lịch là lĩnh vực định tính, không rõ định lượng, kết quả sẽ đến sau dăm bảy năm vận động, kết nối, xúc tiến. Du lịch Đà Nẵng có được như ngày hôm nay không phải là chuyện một sớm một chiều, mà nhờ phần lớn vào ý thức của đông đảo người dân. Chính người dân Đà Nẵng đã giúp các anh hoàn

thành nhiệm vụ. Việc ứng xử văn minh, đón chào thân thiện của từng người dân sẽ giúp bạn bè quốc tế cảm nhận được nét đẹp của nền văn hiến và con người Việt Nam. Một anh chạy xe ôm, một chị bán chíp chíp, một người bán phở, một công chức, những người tha thiết yêu Đà Nẵng, biết vun vén cho thành phố bằng những công việc bình dị của mình, họ chính là những đại sứ của du lịch Đà Nẵng và cũng là đại sứ của đất nước Việt Nam đang hội nhập và phát triển.

4.3.4. Giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, sẵn sàng tiếp thu có chọn lọc và có sức chống chọi trước văn hóa tiêu cực bên ngoài

Nhận diện và bảo tồn bản sắc văn hóa Việt Nam đã khó, khó hơn là nhận diện và bảo tồn bản sắc văn hóa xứ Quảng và càng khó hơn nữa là nhận diện và bảo tồn bản sắc văn hóa Đà Nẵng. Càng khó hơn bởi ở đây có những ba lớp bảo tồn: Lớp thứ nhất là cái khác biệt, cái riêng có về văn hóa của dân tộc Việt Nam; lớp thứ hai là cái khác biệt, cái riêng có về văn hóa của vùng đất Quảng Nam; lớp thứ ba là cái khác biệt, cái riêng có về văn hóa của thành phố bên sông Hàn - điều này có nghĩa bảo tồn bản sắc văn hóa Đà Nẵng thực chất là động thái “ba trong một” đầy nhọc nhằn thách thức. Thậm chí không chừng là “bốn trong một” khi người Đà Nẵng còn phải bảo tồn cả... bản sắc văn hóa phương Đông! Do đó cần nhận diện và giữ gìn, phát huy những nếp sống đẹp, cải tạo phong tục tập quán lỗi thời, phê phán lối sống tha hóa, thực dụng và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại [187].

Người Đà Nẵng cần tiếp tục phát huy cung cách ứng xử hài hòa, bao dung, không cự tuyệt với các giá trị văn hóa bên ngoài theo lối sống cực đoan mà sẵn sàng tiếp thu có chọn lọc, không đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc của con người Việt Nam/ con người xứ Quảng. Việc du nhập văn hóa nhập cư và nước ngoài tại Đà Nẵng không quá ồn ào, vô vấp kể cả ở phương diện vật chất lẫn tinh thần. Chính vì thế mà nhiều giá trị văn hóa ngoại lai nhất là trong lĩnh

vực nghệ thuật ít có điều kiện sinh sôi và phát triển ở Đà Nẵng. Phải chăng đây là điều kiện cần để Đà Nẵng có thể làm tốt hơn việc duy trì và khôi phục các giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, làm cho nó phù hợp và sống lại trong cuộc sống đương đại.

Người Đà Nẵng cần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại song cùng việc hiện đại hóa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Mục tiêu nhằm hình thành những hình thức sinh hoạt văn hóa mang tính toàn cầu nhưng không phai nhạt giá trị truyền thống. Trên cơ sở đó, phát triển các hoạt động văn hóa để có thể trao đổi, giao lưu và tiếp nhận văn hóa với khu vực và quốc tế để phục vụ nhu cầu của du khách. Ví dụ các lễ hội quốc tế, diễn đàn văn hóa, các hội thi, hội diễn, các chương trình giao lưu nghệ thuật, các tuần lễ phim nước ngoài, hợp tác, trao đổi phổ biến các giá trị văn hóa, nghệ thuật...

Để giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, sẵn sàng tiếp thu có chọn lọc và có sức chống chọi trước văn hóa tiêu cực bên ngoài người Đà Nẵng cần thực hành được được:

+ *Về nhận thức*

Nhận thức đúng đắn thứ nhất là tư duy không định kiến. Không nên có suy nghĩ hoạt động du lịch chỉ mang lại tác động tích cực hoặc chỉ mang lại tác động tiêu cực đến lối sống của người Đà Nẵng. Tư duy này sẽ giúp cư dân bản địa không có xu hướng vọng ngoại hoặc bài ngoại.

Nhận thức đúng đắn thứ hai là tinh thần khoan dung về văn hóa- ý thức sẵn sàng chấp nhận cái khác mình. Điều này thể hiện sự tôn trọng và đề cao sự đa dạng, phong phú của các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Không phải ngẫu nhiên mà vào năm 1995, UNESCO đã thông qua ngày 16/11 hàng năm là ngày Quốc tế khoan dung. Một Đà Nẵng luôn thân thiện, chào đón du khách không thể không đề cao tinh thần khoan dung về văn hóa, lối sống.

Nhận thức đúng đắn thứ ba là ý thức tiếp biến về văn hóa, lối sống là hệ

quả của khoan dung về văn hóa. Khả năng tiếp biến về văn hóa cao nhất là khả năng hợp trội. Đây là từ thể hiện tương đối rõ khả năng sẵn sàng dung nạp cái khác mình, đồng thời có thể cải biến tất các cái khác mới dung nạp ấy thành cái riêng của mình theo kiểu con ong hút nhụy hoa để tạo nên mật ngọt, cũng như đủ sức để loại thải cái không/không còn phù hợp trong quá trình cải biến.

Nhận thức đúng đắn thứ tư là ý thức bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt/ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa xứ Quảng/ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, lối sống bản địa của cư dân Đà Nẵng... Đây là hệ quả của ý thức tiếp biến về văn hóa, bởi nói như nhà văn Nguyên Ngọc: “Người ta chỉ có thể trở thành phong phú và cường tráng bằng chính khả năng hội nhập được với cái khác mình. Bản sắc mới sẽ được hình thành nếu quá trình tiếp nhận đạt được kết quả thành công. Bản sắc không phải là cái có sẵn trước và cố định; nó xuất hiện và tự khẳng định chính bằng bảo tồn, hội nhập, biến đổi và phát triển do hội nhập. Nó là hiện tượng động, có sức mạnh lớn trong chính khả năng động đó chứ không đứng im, đóng chặt”.

Nhận thức đúng đắn thứ năm là tinh thần thượng tôn pháp luật. Cộng đồng cư dân bản địa phải hết sức gương mẫu trong việc tuân thủ những quy định của pháp luật. Chẳng hạn như việc giữ, gìn vệ sinh môi trường, bảo tồn các di sản văn hóa, không xâm hại đến lợi ích dân tộc.

+ *Về hành vi*

Chính quyền địa phương khuyến khích cộng đồng cư dân trở thành lực lượng lao động chính tham gia các dự án du lịch trên địa bàn thành phố. Lực lượng lao động này được đào tạo không chỉ nghiệp vụ mà còn bồi dưỡng cả văn hóa, giữ gìn hình ảnh, thương hiệu địa phương, quốc gia. Khuyến khích cộng đồng cư dân tại chỗ trở thành chủ thể các hoạt động du lịch cộng đồng, các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật để thu hút du khách cùng tham gia, qua đó tăng cường giao lưu, sự hiểu biết và học hỏi lẫn nhau[126].

Khuyến khích cộng đồng cư dân địa phương kịp thời phát hiện và đấu tranh với các hành vi lệch chuẩn, vi phạm thuần phong mỹ tục, dẫn đến vi phạm pháp luật.

Giao lưu, tiếp biến văn hóa là một trong những tính quy luật phát triển văn hóa. Ở đâu du lịch càng phát triển, ở đó mức độ hội nhập càng sâu, rộng thì ở đó quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa càng diễn ra mạnh mẽ. Văn hóa Đà Nẵng hình thành từ một vùng đất là một cánh cửa mở vào xứ Quảng và mở ra thế giới. Từ thế kỷ XIX, Đà Nẵng là cảng biển phòng thủ quan trọng nhất của nhà Nguyễn, là nơi bị thực dân nổ tiếng súng đầu tiên trong cuộc xâm lược Việt Nam. Có thể nói đây là vùng đất đã trải qua tiến trình hội nhập rất sớm trong lịch sử.

Quá trình mở rộng không gian đô thị phải chú ý đến tính thống nhất văn hóa Đà Nẵng. Mặt khác quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa đã và đang đa dạng hóa các hình thức giao lưu, tiếp biến văn hóa đô thị của nhân loại trên địa bàn thành phố. Thực tế một số dạng thức sinh hoạt văn hóa mang tính toàn cầu hóa đã xuất hiện ở Đà Nẵng, xu hướng này sẽ ngày càng diễn ra sâu rộng trong thời gian tới.

Thúc đẩy biến đổi văn hóa Đà Nẵng ngày nay chính là thúc đẩy sự giao lưu, tiếp biến văn hóa cả trong và ngoài nước trên cơ sở kế thừa, phát huy di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, nhằm giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, được thể hiện đặc trưng ở Xứ Quảng, khai thác phục vụ phát triển du lịch. Sự kế thừa và phát huy chính là để bảo đảm cách thức biến đổi văn hóa theo hướng tiếp nhận cái mới nhưng không làm lỏng lẻo và rời rạc văn hóa Đà Nẵng.

Sự thống nhất nội tại của đời sống văn hóa người Đà Nẵng hiện nay phải được coi là một phương hướng quan trọng nhất của quá trình biến đổi văn hóa. Sự thống nhất của đời sống văn hóa người Đà Nẵng chính là thước đo đánh giá tính ổn định, tính đúng đắn của quá trình biến đổi văn hóa đô thị

trước những tác động của các yếu tố rất khác nhau, từ kinh tế thị trường đến những dạng thức văn hóa mang tính toàn cầu.

Chúng ta đều biết rằng, các di sản, các thành tựu văn hóa được hình thành theo 2 con đường là bác học và dân gian, tạo nên bản sắc riêng của các nền văn hoá. Vì vậy, việc bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa Đà Nẵng phải đi đôi với sáng tạo, phát triển văn hoá cùng với quá trình xây dựng, phát triển thành phố.

Để tiếp tục xây dựng, phát triển văn hóa Đà Nẵng giữ được bản sắc riêng bằng con đường bác học, hay nói đúng hơn là phát triển dựa vào khoa học, trước hết, thành phố Đà Nẵng cần có một đội ngũ kiến trúc sư quyết định về quy hoạch, quản lý quy hoạch và kiến trúc của thành phố, tạo nên mối quan hệ hài hoà giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với di sản, di tích mà ông, cha để lại (thực ra các thế hệ sau này đã phá bỏ rất nhiều di tích, trong đó có các nhà kiểu Pháp ở các đường Bạch Đằng, Quang Trung, Nhà hát Trưng vương...) và giữa con người với con người (nhiều phố mới đã và đang hình thành do khai thác triệt để quỹ đất, hình thành hệ thống nhà ống, không có không gian sinh hoạt cộng đồng; thành phố Đà Nẵng chưa phải là thành phố đông dân cư, nhưng do tình trạng tập trung phát triển xây dựng ở khu trung tâm, nên gây ùn tắc... đang là những vấn đề bức xúc đối với nhân dân). Rõ ràng, để Đà Nẵng trở thành “thành phố đáng sống” còn giải quyết nhiều vấn đề về quy hoạch và quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị - bản sắc văn hoá vật thể dễ cảm nhận nhất, cùng với đó là di tích, trong đó có di tích nhà cổ, cảnh quan, môi trường tự nhiên (những thứ đặc hữu của Đà Nẵng như Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hải Vân, Bà Nà - núi Chúa, núi Phước Tường, các bãi tắm biển...) cần được bảo vệ và phát huy trong quá trình xây dựng, phát triển thành phố.

Tiểu kết

Trên cơ sở dự báo xu hướng phát triển du lịch Đà Nẵng trong giai đoạn tới: du lịch trở về với tự nhiên, với thiên nhiên, với giá trị truyền thống và nhận diện những đặc trưng văn hóa của cư dân Đà Nẵng thể hiện qua lối sống trong bối cảnh phát triển du lịch, đó là lối sống văn minh, hiện đại, tinh thần tiên phong trong tư duy phát triển kinh tế, coi kinh tế du lịch là mũi nhọn. Thực tiễn đó đòi hỏi phải làm thế nào để lối sống Đà Nẵng dưới tác động của du lịch vẫn đảm bảo biến đổi theo đúng định hướng của Đảng và chính quyền và đáp ứng mong muốn của cư dân địa phương. Theo đó, phát triển sinh kế phải gắn với xây dựng, bảo vệ môi trường an ninh, an toàn; xây dựng văn hóa con người Đà Nẵng lấy nếp sống văn minh, có ý thức chấp hành luật pháp làm trung tâm; xây dựng hình ảnh con người Việt Nam/ con người Đà Nẵng thân thiện, hiếu khách thông qua hình ảnh cá nhân; giữ gìn truyền thống Đà Nẵng/xứ Quảng, bản sắc dân tộc, sẵn sàng tiếp thu có chọn lọc và có sức chống chọi trước văn hóa tiêu cực bên ngoài.

KẾT LUẬN

1. Nghiên cứu lối sống và các yếu tố tác động làm biến đổi lối sống luôn nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu từ nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Vào cuối những năm 70 đầu những năm 80 của thế kỷ trước lý thuyết “lối sống xã hội chủ nghĩa” phát triển khá mạnh, được phân tích và phát triển trong nhiều công trình nghiên cứu của các nhà triết học, xã hội học và văn hóa học các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa. Một số nhà nghiên cứu khác đi sâu khảo sát lối sống dưới tác động của các lĩnh vực hoạt động cụ thể trong đời sống con người đối với hệ giá trị, hành vi cá nhân, lối sống chung, khuôn mẫu ứng xử, tiêu chuẩn đạo đức của con người. Ở Việt Nam đã xuất hiện những công trình nghiên cứu đầu tiên mang tính nền tảng trong lý luận về lối sống, nhiều công trình nghiên cứu với những cách tiếp cận mới về lối sống, nhất là nghiên cứu lối sống của thế hệ trẻ. Bước sang thế kỷ XXI, những thay đổi mạnh mẽ của bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam và sự tác động đến lối sống được đề cập đến đa dạng hơn cả về nội dung lẫn phương pháp tiếp cận, trong đó có các công trình nghiên cứu đến tác động của du lịch đến lối sống làm thay đổi về mặt kinh tế và thay đổi cả về mặt xã hội. Tại thành phố Đà Nẵng, các công trình nghiên cứu về lối sống, biến đổi lối sống chưa nhiều, chủ yếu dừng lại ở nội dung nghiên cứu lối sống đô thị, lối sống của một số tầng lớp dân cư điển hình, tác động của nhập cư đến lối sống và nghiên cứu các tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên. Nghiên cứu này là một cố gắng góp một phần khiêm tốn bổ khuyết vào việc nhận diện biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh đặc trưng riêng của thành phố: phát triển theo hướng chọn du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn .

2. Nghiên cứu đã vận dụng các quan điểm biến đổi văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa, mặc dù quá trình này diễn ra mạnh mẽ khi chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội hiện đại nhưng những giá trị truyền thống đều

có sức sống bền bỉ; quan điểm trong xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam cho thấy những chính sách đầu tư, phát triển, về môi trường sống, về phương pháp, cách thức sản xuất, về nhu cầu nhận thức, giáo dục đã làm biến đổi văn hóa của địa phương, của dân tộc và khi một cộng đồng tiếp xúc với một cộng đồng khác cũng thúc đẩy văn hóa biến đổi; quan điểm về đời sống đô thị của trường phái Chicago đề cập đến tính chất của một xã hội đô thị có tính hỗn tạp, dễ chuyển đổi và đứt gãy, dễ tách biệt khỏi hàng xóm và liên quan đến người khác chủ yếu để tăng lợi ích tối đa về kinh tế cá nhân. Đó đó văn hóa đô thị không thể thuần nhất mà tiếp biến liên tục, biến đổi đa dạng, phức tạp do sự giao lưu, tiếp biến văn hóa liên tục từ các nhóm cư dân khác nhau; quan điểm phát triển du lịch cho thấy biến đổi lối sống trong sự ảnh hưởng mạnh mẽ quá trình giao lưu, tiếp xúc vượt phạm vi quốc gia.

3. Đà Nẵng, với không gian địa lý khá đặc biệt, là thành phố duy nhất trong số 5 thành phố trực thuộc Trung ương nằm ở vị trí trung độ của đất nước, với mặt tiền là Biển Đông bao la và phía sau là Tây Nguyên hùng vĩ. Đà Nẵng đã đón nhận các đợt di dân của người Việt vùng Bắc Bộ và Trung Bộ đến sinh sống. Với vị trí địa lý này, người Đà Nẵng bản địa và nhập cư nhiều đời thành cư dân Đà Nẵng đã khai thác các giá trị nông nghiệp và ngư nghiệp để sinh sống đồng thời đã tạo dựng ra các giá trị lối sống người Việt nói chung, đặc trưng lối sống riêng của cư dân Đà Nẵng..

Năm 1858, thực dân Pháp đã chọn Đà Nẵng để tấn công, mở đầu cuộc xâm chiếm nước ta. Cư dân Đà Nẵng đã tiếp xúc với nền văn hóa Phương Tây thời kỳ nước ta bị xâm lược, đô hộ, thành thuộc địa. Nhưng vượt qua những yếu tố của lịch sử, cư dân Đà Nẵng vẫn chất lọc được nhiều tinh hoa để ngày hôm nay cùng gìn giữ và phát triển.

Với vị trí chiến lược trọng yếu đó, tại Nghị quyết số 33-NQ/TW năm 2003 và Nghị quyết số 43-NQ/TW năm 2019, Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu Đà Nẵng:

Từng bước khẳng định vai trò là đô thị lớn, đầu tàu, động lực phát triển, trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung - Tây Nguyên và của cả nước, với quan điểm phát triển được xác định đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung - Tây Nguyên; có sự kết nối chặt chẽ với các cực tăng trưởng, các trung tâm phát triển, các thành phố lớn trong cả nước và khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương; dựa trên việc khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế, nhất là về tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng kinh tế biển, vị trí địa kinh tế và địa chiến lược quan trọng của thành phố Đà Nẵng... trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống... [20].

Sự phát triển của các yếu tố hạ tầng đã kéo theo những chuyển biến trong kiến trúc thượng tầng của thành phố, trong đó có lối sống của cư dân Đà Nẵng.

4. Trước khi có sự phát triển mạnh mẽ của du lịch, lối sống của cư dân Đà Nẵng có tính chất làng xã cổ truyền hình thành và trường tồn qua hàng trăm năm. Lãng xã ở Đà Nẵng hội tụ đủ các yếu tố tự nhiên của vùng biển, sông, núi, đồng bằng. Lối sống đó đã chịu tác động của quá trình di cư trong nước, quá trình nhượng địa và lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước, đi lên chủ nghĩa xã hội và mở cửa hội nhập. Bên cạnh yếu tố lối sống nông nghiệp, nông thôn truyền thống của miền Trung Việt Nam, Đà Nẵng còn mang trong mình lối sống đô thị trong lõi trung tâm từ rất sớm dưới thời nhượng địa, góp phần vào việc hình thành lối sống văn minh, hiện đại của đô thị Đà Nẵng sau này. Đa phần dân cư Đà Nẵng vẫn thực hành duy trì nền kinh tế nông nghiệp, ngư nghiệp quy mô nhỏ kéo dài làm cho lối sống của cư dân Đà Nẵng vẫn theo nếp cũ truyền thống làng xã xưa cũ, ít vận động thay đổi.

5. Sự biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng phản ánh trên 4 phương diện cung cách sinh hoạt, cung cách mưu sinh, cung cách ứng xử và cung cách thụ hưởng văn hóa tinh thần dưới tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của du lịch, trong đó tác động kinh tế là nguồn gốc dẫn đến tác động xã hội. Sự phát triển nhanh của thành phố Đà Nẵng đã tác động đến đời sống nói chung của thành phố, làm biến đổi sâu sắc, toàn diện, song không tránh khỏi theo hướng tự phát ở phương diện này hay phương diện khác, từ cách thức sản xuất đến tiêu dùng, từ nếp ăn, ở, mặc, đi lại, nếp ứng xử, cách vui chơi, giải trí trong gia đình và ngoài xã hội, v.v... Lối sống người Đà Nẵng đã có những biến đổi ở cả phương diện phạm vi chung của cả thành phố và các nhóm xã hội và gia đình với rất nhiều các cung bậc phát triển khác nhau thể hiện qua các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa.

Tác động của du lịch đã làm thay đổi nhanh về đời sống vật chất của đô thị Đà Nẵng nhưng không thay đổi quá nhanh về lối sống - văn hóa tinh thần. Nguyên nhân chính là nhờ có sự tham gia tích cực quá trình quy hoạch biến đổi lối sống của cư dân địa phương theo các chủ trương, định hướng của chính quyền địa phương. Do đó, không thấy có biến đổi “lệch pha” gây ra những xáo trộn, va đập, mâu thuẫn quá mức giữa các chuẩn mực văn hóa và cả hành vi ứng xử văn hóa của cư dân Đà Nẵng. Lối sống của cư dân bản địa chuyển biến theo hướng tích cực, văn minh, hiện đại, tạo ra sản phẩm, thương hiệu du lịch đáp ứng yêu cầu thị trường toàn cầu. Định hướng về giá trị tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa của cư dân bản địa thay đổi rõ rệt. Nhận thức về tầm quan trọng của tính đa dạng văn hóa vì vậy Đà Nẵng đã và đang tập trung bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vốn có và các tài nguyên thiên nhiên như là đánh thức các tiềm năng quý giá góp phần quan trọng vào sự phát triển của du lịch.

Mong muốn của cư dân Đà Nẵng không chỉ là phát triển kinh tế du lịch

bằng sự đánh đổi mọi giá, mà họ đã và đang thực hành phát phát triển kinh tế từ du lịch theo hướng mang lại nhiều cơ hội để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và làm mới các giá trị đó thành các sản phẩm văn hóa tinh thần mang tính toàn cầu, có tác động trở lại, thúc đẩy và làm bệ đỡ để tiếp tục phát triển kinh tế. Về cơ bản, thành quả quan trọng của quá trình phát triển du lịch ở Đà Nẵng là điều kiện và cũng là tác nhân quan trọng tạo nên sự biến chuyển sâu sắc về lối sống theo hướng văn minh hiện đại. Cùng với lối sống theo hướng văn minh hiện đại là lối sống năng động, sáng tạo. Mặc dù điều kiện về tài nguyên du lịch luôn được xem là yếu tố cốt lõi thúc đẩy sự phát triển của du lịch tại điểm đến, nhưng lối sống của cư dân Đà Nẵng cũng đã góp phần quan trọng làm nên tài nguyên văn hóa nhân văn quyết định sự dịch chuyển của du khách đến với Đà Nẵng .

6. Xu hướng biến đổi lối sống Đà Nẵng sẽ chủ yếu vẫn giữ được các giá trị nhân văn trong nền văn hóa dân tộc, văn hóa xứ Quảng; Quan hệ giao tiếp ứng xử vừa kế thừa, phát huy phong tục cổ truyền và sẽ hình thành một số tập quán mới văn minh, hiện đại; Đã và sẽ hình thành những hình thức sinh hoạt văn hóa mang tính toàn cầu; Bên cạnh đó là sự xuất hiện tính hai mặt của xu hướng biến đổi văn hóa, lối sống đô thị trong đời sống văn hóa và nhân cách người Đà Nẵng, sẽ xuất hiện không ít những dạng thức văn hóa mới hoặc rất mới, khác hẳn với các dạng thức văn hóa đô thị truyền thống.

Trong tiến trình đề tồn tại và phát triển, cũng như các đô thị lớn, hiện đại trong nước và trên thế giới, Đà Nẵng xác định phát triển đô thị theo hướng du lịch - dịch vụ, với định hướng ấy, việc tổ chức điều hành phát triển du lịch đã không ngừng tác động đến nhiều mặt đời sống của cư dân Đà Nẵng trong đó có lối sống. Có thể nhận định, tác động của việc hình thành và phát triển du lịch là tác động chủ đạo, có định hướng để điều chỉnh sự tác động của quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa phù hợp với mục tiêu Đà Nẵng đặt ra. Với

những kết quả nghiên cứu này, cho ta thấy bức tranh kết quả về mục tiêu xây dựng Đà Nẵng có chiều hướng đạt được theo đúng mục tiêu đề ra, để Đà Nẵng trở thành thành phố có môi trường đô thị văn minh và giàu tính nhân văn, có thiên nhiên trong lành và đời sống văn hóa cao, làm giàu bằng kinh tế tri thức; một trong những thành phố hài hòa, thân thiện, an bình; một thành phố hấp dẫn và đáng sống. Kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần quan trọng vào việc thảo luận, đánh giá, nhìn nhận chính xác, có cơ sở khoa học hơn về phát triển văn hóa, lối sống người Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay, cũng như khuyến nghị những vấn đề đặt ra cho việc xây dựng lối sống cư dân Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ góp phần vào việc xây dựng nhân cách con người Đà Nẵng theo hướng xây dựng văn hóa con người là trung tâm trong quá trình phát triển văn hóa, trong đó những biểu hiện của lối sống chính là thước đo bề nổi để nhận diện những giá trị chuẩn mực, nhân cách con người.

7. Thông qua nghiên cứu *Biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch* cũng khuyến nghị một số vấn đề đặt ra trên cơ sở bàn luận các xu hướng tác động tích cực và tiêu cực. Luận án tự giới hạn không đi sâu vào nghiên cứu và đề xuất toàn bộ giải pháp trong xây dựng lối sống đô thị Đà Nẵng mà chỉ đưa ra các khuyến nghị giảm tác động tiêu cực của phát triển du lịch lên lối sống của người Đà Nẵng, lấy văn hóa để xử lý vấn đề văn hóa.

Những yếu tố thúc đẩy biến đổi lối sống Đà Nẵng hiện nay không phải tất cả đều là tiền đề thuận lợi. Quá trình biến đổi lối sống Đà Nẵng đang diễn ra toàn diện nhưng chưa năng động như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đà Nẵng như vùng đất của trăm miền, văn hóa, lối sống giao lưu, hội tụ và tiếp biến nhưng vẫn chưa tạo được một bản sắc có tính đặc trưng. Sự đa dạng tương đối của lối sống đô thị Đà Nẵng là một thực tế tích hợp trong quá trình hội nhập trong nước và quốc tế với văn hóa xứ Quảng cần được tiếp tục điều chỉnh biến đổi theo hướng văn minh, hiện đại, nhân văn, giàu bản sắc riêng,

và gắn với phát triển du lịch bền vững.

Để điều tiết quá trình biến đổi lối sống Đà Nẵng theo đúng quan điểm, định hướng, và mong muốn của cư dân địa phương, luận án gợi ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu những yếu tố khác như đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của khoa học công nghệ, các phương tiện truyền thông hiện đại đối với quá trình biến đổi lối sống đô thị ở Đà Nẵng. Trong đời sống đô thị, mức độ phụ thuộc vào các phương tiện nghe nhìn, các dịch vụ công rất lớn. Sự đổi mới và hiện đại hóa các phương tiện nghe nhìn và dịch vụ công có tác động đến việc thay đổi nhận thức, quan hệ xã hội, hành vi ứng xử của cư dân đô thị. Quan tâm nâng cao chất lượng các chương trình truyền hình, nội dung tuyên truyền phục vụ có tính trí tuệ, có sức hút khán giả. Nâng cao văn hóa đọc cho các tầng lớp cư dân đô thị; đánh giá các chính sách an sinh xã hội nhằm góp phần thúc đẩy biến đổi lối sống theo hướng tiến bộ. Sự gia tăng dân số, sự nhập cư mạnh mẽ đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến đời sống như đào tạo nghề, giải quyết chỗ ở, phát sinh tệ nạn xã hội, tạo nên sự đa dạng trong cơ cấu dân cư, thúc đẩy đa dạng hóa các nhóm văn hóa đô thị...

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thu Phương (2020), “Lối sống ở Đà Nẵng giai đoạn trước năm 1945”, *Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2019*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.165-179.
2. Nguyễn Thu Phương (2024), “Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa Đà Nẵng trong quá trình xây dựng lối sống văn minh, hiện đại, nhân văn, giàu bản sắc”, *Tạp chí Lý luận phê bình, văn học nghệ thuật*, số 9, tr.139-146.
3. Nguyễn Thu Phương (2024), “Biến đổi cung cách ứng xử của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 584, tr.21-24.
4. Nguyễn Thu Phương (2024), “Giao lưu văn hóa trong hợp tác phát triển du lịch Việt Nam - Liên bang Nga”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 3, tr.156-163.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Dương Văn An (2001), *Ô châu cận lục*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Đào Duy Anh (1938), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Quan Hải Tùng.
3. Hoàng Tuấn Anh - Nguyễn Chí Bền (Chủ biên) (2016), *Hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và lối sống của con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
4. Trần Thúy Anh (chủ biên) (2011), *Giáo trình du lịch văn hóa - Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Vân Anh (2018), *Thực hiện chính sách phát triển du lịch bền vững từ thực tiễn Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng*, LATS Chính sách công, Học Viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Toan Ánh (1965), *Nếp cũ con người Việt Nam*, Nxb Nam chi Tùng Thư, Sài Gòn.
7. Huỳnh Công Bá (1996), *Công cuộc khai khẩn và phát triển làng xã ở Bắc Quảng Nam từ giữa thế kỉ XV đến giữa thế kỉ XVIII*, Luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học quốc gia Hà Nội.
8. Đặng Văn Bài (2019), “Bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trong môi trường đô thị hiện đại”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, tháng 1, tr.33-36.
9. Ban chủ nhiệm đề tài Lối sống Đà Nẵng (2017), *Báo cáo kết quả điều tra xã hội học*.
10. Ban Tuyên giáo Quận ủy Sơn Trà (2017), “Vai trò của người dân quận Sơn Trà trong việc tổ chức tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội”, *Kỷ yếu hội thảo Xây dựng lối sống Đà Nẵng văn minh, hiện đại, nhân văn*, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, tr.67-74;
11. Barrow.J (2011), *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792 -*

1793), Nxb Thế giới, Hà Nội.

12. Belova N.I (1977), *Bàn về vấn đề khái niệm lối sống*, Tài liệu dịch, lưu tại Thư viện Viện Xã hội học, Ủy ban Khoa học xã hội xuất bản, Hà Nội.

13. Mai Huy Bích (1987), *Lối sống gia đình ngày nay*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

14. Nguyễn Thị Thu Bích (2017), “Vai trò của người dân quận Thanh Khê trong việc tổ chức tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội”, *Kỷ yếu hội thảo Xây dựng lối sống Đà Nẵng văn minh, hiện đại, nhân văn*, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, tr.159-166.

15. Phạm Văn Bích (1983), *Giới lý luận Liên xô bàn về lối sống với tư cách một phạm trù xã hội học*, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.

16. Nguyễn Văn Bình (2007), “Bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch”, Tạp chí *Kiến trúc Việt Nam*, số 38, tr. 48-52.

17. Trương Quốc Bình (2005), “Vai trò của các di sản văn hóa với sự phát triển của du lịch Việt Nam”, Tạp chí *Du lịch Việt Nam*, số 2, tr. 36-43.

18. Phan Kế Bính (1915) *Việt Nam phong tục*, Nxb Dân trí, Hà Nội.

19. Bộ Chính trị (2003), Nghị quyết về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, số 33-NQ/TW, Hà Nội.

20. Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, số 43-NQ/TW, Hà Nội.

21. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (2016), Quyết định phê duyệt chiến lược Phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, số 2522/QĐ-BVHTTDL, Hà Nội.

22. Phong Châu (1983), *Về lối sống mới của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

23. Nguyễn Thị Chiến (2004), “Khai thác di sản văn hóa như một tài nguyên du lịch”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 2, tr. 38-43.

24. Trịnh Ngọc Chung (2009), “Quản lý di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 302, tháng 8, tr. 31-33.

25. Nguyễn Viết Chức (chủ biên) (2001), *Đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa Thủ đô thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Viện Văn hóa, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

26. Nguyễn Viết Chức (chủ biên) (2001), *Nếp sống người Hà Nội*, Nxb. VHNT, Hà Nội.

27. Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-05 (2003), *Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Hà Nội, 27-28/11/2003.

28. Nguyễn Văn Dân (2008), “Đời sống văn hóa của con người Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới.” Tạp chí *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 9, tr. 13-22.

29. Hồ Tuyết Dung (1999), “Văn hóa thẩm mỹ với việc xây dựng lối sống cho thanh niên đô thị hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu lý luận*, số 11, tr.10-14.

30. Nguyễn Chí Dũng (2000), “Xã hội hóa lối sống và xây dựng lối sống trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, Tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 5, tr. 38-37.

31. Ngô Quang Duy (2018), “Tính hấp dẫn của di sản văn hóa Hạ Long trong phát triển du lịch”, Tạp chí *Du lịch*, số 6, tr. 51-59.

32. Ngô Quang Duy (2020), *Phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch ở Quảng Ninh*, LATS Quản lý văn hoá, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

33. Nguyễn Thị Thùy Dương (2010), “Dân cư và lối sống đô thị (Nghiên cứu một cộng đồng nghèo ven đê sông Hồng - Hà Nội)”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 4.

34. Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Dinh*

Quảng Nam, Tập I, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

35. Cao Văn Định (2000), “Giáo dục lối sống cho thanh niên đô thị hiện nay”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 2, tr. 37-47.

36. Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hoà (2006), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, Nxb Lao động, Hà Nội.

37. Trần Độ (1984), *Lối sống con người*, Sở văn hóa và thông tin Long An xuất bản.

38. Đỗ Thái Đồng (1983), “Vấn đề lối sống của thanh niên trong nghiên cứu xã hội học”, *Tạp chí Xã hội học*, số 1, tr 42-49.

39. Đặng Hoàng Giang (2011), ”Tác động của du lịch đến đời sống người Thai Mai Châu”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 330, tr. 22,23,28.

40. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

41. Nguyễn Hồng Hà (2005), *Môi trường văn hóa với việc xây dựng lối sống và con người Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội.

42. Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên) (2011), *Đặc điểm tư duy và lối sống của con người Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

43. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Quản lý du lịch văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam*, LATS Văn hóa học, Thư viện Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.

44. Trần Dũng Hải (2013), “Phân cấp quản lý di sản văn hóa và điểm du lịch”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 351, tháng 9, tr. 46-48.

45. Phạm Hảo (2006), *Xây dựng lối sống đô thị trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng thực trạng và những giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, Học Viện Chính trị Khu vực III, Đà Nẵng.

46. Nguyễn Thị Hằng (2004), *Tìm hiểu lối sống của sinh viên thành*

phố Hồ Chí Minh qua việc sử dụng thời gian rồi, LVTS Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

47. Vũ Thị Phương Hậu (2019), “Di sản văn hóa trong phát triển du lịch ở thủ đô Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội*, số 12, tr. 47-52.

48. Hoàng Ngọc Hiến (2003), *Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

49. Lê Thị Thu Hiền (2017), *Biến đổi tín ngưỡng của cư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa*, LVTS văn hóa học, Thư Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội

50. Lê Đình Hiếu (2018), *Quản lý Nhà nước về du lịch biển từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, LVTS Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

51. Hoàng Văn Hiếu (2016), “Giá trị của di sản văn hóa với sự phát triển du lịch”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 383, tháng 5, tr. 96-97.

52. Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

53. Đỗ Đức Hình (2007), “Du lịch và di sản văn hoá”, *Tạp chí Di sản văn hoá*, số 41, tr.33-36.

54. Lê Như Hoa (chủ biên) (1993), *Lối sống trong đời sống đô thị hiện nay*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội

55. Lê Như Hoa (2003), *Bản sắc dân tộc trong lối sống hiện đại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

56. Lê Như Hoa (2003), *Lối sống đô thị miền Trung - Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

57. Đặng Năng Hòa (2017), “Làng nghề thủ công Bàu Trúc và giải pháp phát triển từ hoạt động du lịch”, *Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số 395, tr. 46-48

58. Võ Văn Hòe (2011), *Địa chí văn hóa dân gian làng Phong Lệ*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

59. Ngô Tất Hở (2000), *Phát triển và quản lý du lịch địa phương*, Trần

Đức Thanh, Bùi Thanh Hương dịch, Nxb Khoa học Bắc Kinh, Trung Quốc.

60. Nguyễn Phạm Hùng (2016), *Văn hóa du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

61. Nguyễn Quốc Hùng (2008), “Đôi điều về việc bảo tồn và phát triển du lịch tại các di sản ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 1 (22), tr. 29-34.

62. Đỗ Huy (2008), *Lối sống dân tộc - hiện đại: Một vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

63. Nguyễn Văn Huyền (1944), *Văn minh Việt Nam* (1944), Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

64. Nguyễn Văn Huyền (2003), “Lối sống người Việt Nam dưới tác động của toàn cầu hóa hiện nay”, Tạp chí *Triết học*, số 12, tr. 70-76.

65. Lê Thị Thanh Huyền (2019), “Đánh giá tiềm năng du lịch di sản văn hóa ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc và Thời đại*, số 209, tháng 11+12, tr. 47-60.

66. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2007), “Toàn cầu hóa và nguy cơ suy thoái đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Triết học*, số 2, tr.189.

67. Nguyễn Thị Lan Hương (2019), *Mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

68. Nguyễn Thị Thanh Hương (2017), “Luật Du lịch 2017- Tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy du lịch phát triển”, Tạp chí *Du lịch*, số 9, tr.14-15.

69. Nguyễn Việt Hương (2000), *Lối sống, nếp sống và chuẩn giá trị xã hội dưới tác động của kinh tế thị trường*, Nxb Chính trị Quốc gia.

70. Nguyễn Trùng Khánh (2020), “Du lịch Việt Nam mọc son ghi dấu một chặng đường”, Tạp chí *Du lịch*, số 1, tr. 2-3.

71. Chu Khắc (1985), “Một vấn đề về lối sống đô thị ở nước ta”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2, tr 18-24.

72. Vũ Khiêu (1982), ‘Lối sống là gì’. Tạp chí *Xã hội học*, số 2, tr. 119.
73. Trần Trọng Kim (1919), *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn học, Hà Nội.
74. Phan Huy Kỳ (1999), “Xây dựng lối sống mới trong điều kiện hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu lý luận*, số 7, tr.27-34.
75. Phan Thị Lắm (2021), “Đẩy mạnh phát triển du lịch tại làng cổ Phước Tích”, Tạp chí *Du lịch*, số 3, tr.26-27.
76. Thanh Lê (1979), *Thế nào là lối sống xã hội chủ nghĩa*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội.
77. Thanh Lê (1999), *Văn hóa và lối sống - hành trang vào thế kỷ 21*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
78. Thanh Lê (2000), *Văn hóa và lối sống*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội.
79. Ngô Sĩ Liên, (1479), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
80. Từ Thị Loan (2013), “ Các loại hình giải trí trên phương tiện truyền thông mới tác động đến lối sống”, *Chương trình khoa học trọng điểm cấp Bộ về Tác động của một số hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đối với lối sống con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, tr. 12-23.
81. Từ Thị Loan (2016), “Môi trường văn hóa, đời sống văn hóa - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Tạp chí *Văn hóa học*, số 1 (23), tr. 3-11.
82. Từ Thị Loan (2017), *Các loại hình giải trí trên phương tiện truyền thông mới tác động đến lối sống*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
83. Từ Thị Loan (2019), “Đồ lưu niệm trong phát triển du lịch bền vững”, in trong sách *Một số kết quả nghiên cứu khoa học 2018*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 205-218.
84. Từ Thị Loan (2022), “Khai thác giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững”, in trong sách *Văn hóa Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr. 386-399.

85. Phạm Trung Lương và cộng sự (2002), *Nghiên cứu xây dựng bảo vệ môi trường du lịch với sự tham gia của cộng đồng góp phần phát triển du lịch bền vững trên đảo Cát Bà - Hải Phòng*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

86. Nguyễn Phúc Lưu (2015), “Tiềm năng và hiện trạng du lịch di sản văn hóa Hà Nội”, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 236, tháng 9, tr. 97-99.

87. Nguyễn Phúc Lưu (2020), “Giải pháp phát triển du lịch di sản văn hoá”, Tạp chí *Quản lý Nhà nước*, số 290, tháng 3, tr. 64-68.

88. Lê Hồng Lý (chủ biên) (2010), *Giáo trình Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

89. Trần Thị Mai (chủ biên) (2009), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, Nxb Lao động, Hà Nội.

90. Hương Minh (2020), “Phát huy giá trị các di sản văn hóa trong phát triển du lịch Thủ đô”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, 10/10/2020.

91. Hồ Kỳ Minh (2011), *Phát triển ngành du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế Xã hội, Đà Nẵng.

92. Ngô Văn Minh (cb) (2007), *Lịch sử Đà Nẵng (1858 - 1945)*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

93. Ngô Phú Mười (2018), *Thực tiễn chính sách phát triển du lịch biển từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, LVTS chính sách công, Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

94. Phạm Văn Nam (2021), “Các nhân tố tác động đến sản phẩm du lịch Đồng bằng Sông Hồng”, Tạp chí *Du lịch*, số 10, tr. 51-53.

95. Nguyễn Thị Thống Nhất (2014), *Khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới nhằm phát triển du lịch miền Trung Việt Nam*, LATTS kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

96. Phong Nhi (2020), “Đà Nẵng đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch”, Tạp chí *Du lịch*, số 1+2, tr.13-19.

97. Nhiều tác giả (1982), *Lối sống xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
98. Nguyễn Thị Oanh (2001), *Thanh niên - lối sống*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
99. Vũ Hào Quang (2000), “Quan hệ giữa lối sống và cấu trúc và xã hội của đám trẻ em lang thang”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 1, tr. 7-12.
100. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1789), *Đại Nam thực lục và Việt sử thông giám cương mục*, Nguyễn Thế Nghiệp dịch và xuất bản năm 1968, Sài Gòn.
101. Radugin A.A (chủ biên) (2002), *Từ điển Bách khoa Văn hóa học*, Vũ Đình Phòng dịch, Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
102. Lưu Anh Rô (2011), *Đà Nẵng: chuyện phố chuyện làng*, Nxb Đà Nẵng.
103. Dương Văn Sáu (2011), “Văn hóa du lịch: sản phẩm của văn hóa Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa hiện nay”, Tạp chí *Lý luận và truyền thông*, số 1+2, tr. 39-43.
104. Dương Văn Sáu (2019), “Những quan điểm tiếp cận mới trong công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa qua con đường du lịch ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 423, tháng 9, tr. 49-52.
105. Hà Văn Siêu (2018), “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam thông qua phát triển du lịch”, Tạp chí *Nghiên cứu văn hoá*, số 26, tháng 12, tr. 66-71.
106. Hà Văn Siêu (2018), “Di sản văn hóa với phát triển du lịch”, Tạp chí *Cộng sản*, số 910, tr. 68-71.
107. Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng, Viện Xã hội học và Viện Tâm lý học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2007) *Biến đổi*

tâm lý - xã hội của cộng đồng dân cư Đà Nẵng dưới tác động của quá trình đô thị hóa”, Đề tài Khoa học cấp thành phố, Đà Nẵng.

108. Trần Hữu Sơn (2016), *Tác động của du lịch đối với các “Giao” (Làng) của người H’Mông ở Sa Pa*, LATTS.

109. Tạp chí Văn hóa Du lịch Đà Nẵng (2011), “Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị - Hành trình lâu dài”, số 10 (4.2011), tr.32-33, 37.

110. Lê Tắc (1263-1342), *An Nam chí lược* viết bằng văn xuôi chữ Hán.

111. Trần Đức Thanh và Chu Thành Huy (2013), “Đề xuất mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại các di sản thế giới tại Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ*, Ngày 2 tháng 10, tr. 161-166.

112. Nguyễn Quý Thanh (2011), *Internet - Sinh viên - Lối sống: Nghiên cứu xã hội học về phương tiện truyền thông kiểu mới*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

113. Hoàng Văn Thành (2014), *Giáo trình văn hóa du lịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

114. Phạm Việt Thắng và Nguyễn Phúc Lưu (2015), “Mục tiêu và chính sách phát triển du lịch di sản văn hóa Hà Nội”, Tạp chí *Quản lý Nhà nước*, số 238, tháng 11, tr. 95-98.

115. Võ Văn Thắng (2006), *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay từ góc độ văn hóa truyền thống dân tộc*, Nxb Văn hóa Thông tin.

116. Lê Cao Thắng (2005), *Xây dựng nếp sống văn hóa của sinh viên trên địa bàn thủ đô Hà Nội trong giai đoạn hiện nay*, LVTS Văn hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

117. Ngô Đức Thịnh (1999), “Về nếp nghĩ và lối sống của người Việt cổ truyền ở châu thổ Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 04, tr.178.

118. Lê Xuân Thông (2017), “Bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống gắn với lối sống người Đà Nẵng”, *Kỷ yếu hội thảo Xây dựng lối sống Đà Nẵng*

văn minh, hiện đại, nhân văn, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, tr.48-57;

119. Thủ tướng chính phủ (2020), *Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*, Số 147/QĐ-TTg, Hà Nội.

120. Thủ tướng chính phủ (2023), *Quyết định phê duyệt quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2030*, Số 1287/QĐ-TTg, Hà Nội.

121. Chu Khắc Thuật, Nguyễn Văn Thủ (chủ biên) và các tác giả khác, *Văn hóa, lối sống với môi trường*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

122. Nguyễn Thị Bích Thủy (2013), *Đo lường hình ảnh điểm đến quốc tế - Trường hợp thành phố Đà Nẵng*, LATTS quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.

123. Hoàng Thị Diệu Thuý (2010), “Nghiên cứu các chỉ báo phát triển du lịch bền vững tại các điểm tham quan du lịch thuộc Quần thể di tích Huế (Việt Nam)”, *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, số 62, tr. 127- 139.

124. Nguyễn Hữu Thức (2016), “Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc trong phát triển kinh tế du lịch”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 5, tr. 63-66.

125. Lê Đức Thương (2015), *Thực tiễn chính sách phát triển du lịch bền vững từ thực tiễn Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*, LVTS Chính sách công, Viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

126. Nguyễn Quang Trung Tiến (1997), “Quy hoạch và thiết lập đô thị ở miền Trung thời Pháp thuộc”, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Số 1/1997.

127. Bùi Văn Tiêng (2017), *Tác động của nhập cư đến văn hóa và lối sống của cư dân Đà Nẵng*, Đề tài khoa học cấp thành phố.

128. Lê Ngọc Tòng (2004), *Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

129. Phạm Hồng Tung (2007), “Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề

khái niệm và cách tiếp cận”, Tạp chí *Khoa học*, Chuyên san Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 23, số 4.

130. Phạm Hồng Tung (2011), “Về đặc điểm và xu hướng chủ yếu trong lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 3.

131. Turov, I.X. (1996), “Lối sống đô thị nhìn từ phương diện lý thuyết”, in trong sách *Tìm hiểu xã hội học đô thị*, Trịnh Duy Luân (chủ biên). Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

132. Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng (2022), Quyết định về việc *Ban hành Đề án định hướng phát triển du lịch Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, số 2726/QĐ-UBND, Đà Nẵng.

133. Lê Lâm Ứng (2001), “Lối sống mới của người Việt Nam”, Tạp chí *Quân đội nhân dân*, số 26/1.

134. Nguyễn Thị Thu Vân (2012), “Nghiên cứu năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch Đà Nẵng”, Tạp chí *nghiên cứu khoa học Đại học Đông Á*, số 10, tr. 5-12.

135. Hùng Việt (2017), “Đà Nẵng bùng nổ cơ sở lưu trú”, Tạp chí *Du lịch*, số 5, tr. 44-45.

136. Vi-snhĩ-ốp-xki X.X. (1981), *Lối sống xã hội chủ nghĩa*, Nxb Lao động, Hà Nội.

137. Huỳnh Khải Vinh (2001), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

138. Huỳnh Khải Vinh (2001), “Xây dựng lối sống có văn hóa trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, in trong *Những vấn đề văn hóa Việt Nam đương đại*, tập 2, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội.

139. Nguyễn Quang Vinh (1984), “Mấy vấn đề xây dựng lối sống mới của thanh niên tại thành phố Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Xã hội học*, số 3, tr.38-45.

140. Dương Nguyễn Quốc Vinh, Trần Thị Ngọc Oanh (2008), *Du lịch*

và *Di sản*, dịch từ tiếng Pháp, tái bản Valery Patin, Hà Nội.

141. Bùi Thị Hải Yến (2007), *Tài nguyên du lịch*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

142. Bùi Xuân - Nguyễn Thu Phương (2018), *Lối sống Đà Nẵng*, Đề tài khoa học cấp thành phố

Tài liệu tiếng nước ngoài

143. A.J.Haley, Tim Snaith, Graham Miller.(2005).*The Social Impacts of Tourism, A case study of Bath* (Tác động xã hội của du lịch: Một nghiên cứu điển hình của Bath), *Annals of Tourism Research*, 32 (3), trang 647 - 668.

144. Arthur Perderson (2002), *Managing Tourism at World Heritage Sites: Practical Manual for World Heritage Site Managers* (Tài liệu Hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý Khu di sản thế giới), bản PDF.

145. Blake, Adam và những người khác (2008), “*Tourism and Poverty Relief*” (Du lịch và Giảm đói nghèo, *Annals of Tourism Research*, 35(1), tr. 107-126.

146. Christine N. French, Alan Collier, Stephen J. Craig-Smith (1995), *Principles of Tourism* (Nguyên lý du lịch), Longman, UK.

147. Chris Cooper, John Fletcher, Alan Fyall, David Gilbert và Stephen Wanhill (2008), *Tourism Principle and Practice* 4th edition (Nguyên lý du lịch và Thực tiễn), Financial Times/ Prentice Hall.

148. Chris Cooper and Michael Hall, (2016), *Contemporary tourism: An international approach* (Du lịch đương đại: hướng tiếp cận quốc tế), Good Fellow Publisher, United Kingdom.

149. Cosmescu Ioan, Dudău Denisa (2010), “Cultural heritage management and tourism (Quản lý DSVH và du lịch)”, *Revista Economică*, No 5, Vol 1, p.81-87.

150. Cristoforo Borri (1621), *Relatione della nuova missione delli P.P. della Compagnia di Gesù al Regno della Cocincina* (Xứ Đàng trong).

151. Kim. K (2002), “*The effects of tourism upon quality of life of residents in the communities*” (Tác động của du lịch đối với chất lượng

cuộc sống người dân cộng đồng), (LATS), Virginia Polytechnic Institute and State University Virginia.

152. Langquar, Robert (2002), *Kinh tế du lịch*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

153. Fariborz Aref và Ma'rof Redzuan.(2010) *Community Leaders' Perceptions towards Socio-Cultural Impacts of Tourism on Local Communities* (Nhận thức của lãnh đạo cộng đồng đối với tác động văn hóa, xã hội của du lịch đối với cộng đồng địa phương), *Journal of Human Ecology* 29 (2), tr. 87-91.

154. Fridgen, J.D (1996), *Dimensions of Tourism* (Các chiều kích của du lịch).

155. Liz Fredline, Margaret Deery và Leo Jago (2006), *Development of a scale to assess the social impact of tourism within communities* (Xây dựng thang đo đánh giá tác động xã hội của du lịch trong cộng đồng), Australia.

156. Long Hong Pham (2012), *Local Residents' Perceptions of Tourism Impacts and Their Support for Tourism Development: the Case of Ha Long Bay, Quang Ninh, Viet Nam* (Nhận thức về tác động du lịch và hỗ trợ của người dân địa phương để phát triển du lịch ở Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam), Luận án tiến sĩ, Đại học Rikkyo, Nhật Bản.

157. Mathieson và Wall (1982), *Du lịch: Các tác động xã hội, thể chất và kinh tế* (*Tourism: Economic, Physical and Social Impacts*, Nxb Longman, Harlow.

158. Mathieson, A., & và Wall,G. (1982), “*Tourism: Economic, Physical and Social Impacts*” (Du lịch: Các tác động xã hội, thể chất và kinh tế), Longman, London.

159. Strauss, C.H., & Lord,B.E. (2001), “Case study- Economic Impacts of a Heritage Tourism System” (Nghiên cứu trường hợp – Tác động kinh tế của hệ thống du lịch di sản), *Journal of Retailing and Consumer Services*,8,tr.199-204.

160. Tao,T.C.,& & Wal,G. (2009), “Tourism as a Sustainable

livelihood Strategy” (Du lịch như là một chiến lược sinh sống bền vững), *Tourism Management*, 30, tr. 90-98.

161. Theano S. Terkenli, Marcia L và Bellas, Laura Dudley Jenkins (2007), *Tourism Impacts on Local Life: Socio-Cultural Continuity and Change in Crete* (Tác động của du lịch đến đời sống địa phương: Sự liên tục và thay đổi về văn hóa xã hội ở Crete), *Aegean Geographical Journal*, 16, tr.37-52.

Tài liệu Internet

162. Nguyễn Đông (2023), *Đà Nẵng những năm 1980*, Nguồn: <https://vnexpress.net/da-nang-nhung-nam-1980-4579106.html>

163. Hoàng Hoài (2021), *Mì Quảng được ví là “hồn cốt” của ẩm thực Quảng Nam và Đà Nẵng*, Nguồn: <https://danviet.vn/mi-quang-duoc-vi-la-hon-cot-cua-am-thuc-quang-nam-va-da-nang-20211119215921417.htm>

164. Thái Mỹ (2020), *Tích xưa...tên cũ “Chợ Cồn”*, Nguồn: <https://cadn.com.vn/tich-xua-ten-cu-cho-con-post231232.html>

165. Smile Travel (2020), *Đà Nẵng xưa hình ảnh đẹp ngất ngây lòng người*, Nguồn: <https://smiletravel.vn/tin-tuc/da-nang-xua-hinh-anh-dep-ngay-ngat-long-nguoi.html>

166. Xuân Tiến (2022), *Du lịch Đà Nẵng*, Nguồn: <https://52hz.vn/lang-co-phong-nam/>

167. Myda Stone (2024), *Làng đá mỹ nghệ Non Nước xưa*, Nguồn: <https://www.mydastone.com/vn/tin-tuc/lang-da-my-nghe-non-nuoc-da-nang-xua-va-nay-n34.html>

168. Tán Vỉnh (2023), *Xe đồ chở bao kỷ niệm*, Nguồn: <https://baoquangngai.vn/van-hoa/202307/xe-do-cho-bao-ky-niem-5dc6747/html>

169. Cinet(2023), *Nhớ gánh hát Bội ngày xuân*, Nguồn: <https://toquoc.vn/nho-ganh-hat-boi-ngay-xuan-99208584.htm>

170. Cẩm nang du lịch (2021), *Đà Nẵng xưa*, Nguồn:

<https://seahorse.vn/vi/du-lich-da-nang-xua-va-nay-46-nam-giai-phong.html>

171. Hoài Phong (2023), *Phía sau thành công Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng*, Nguồn: <https://vnexpress.net/phia-sau-thanh-cong-le-hoi-phao-hoa-quoc-te-da-nang-2023-4626477.html>

172. Báo Tổ Quốc (2018), “*Con lốc” Cầu Vàng đã khiến truyền thông quốc tế chao đảo thế nào?*, Nguồn: <https://vietnamtourism.gov.vn/post/27106>

173. Đức Hoàng (2024), *Đà Nẵng khai trương phố đi bộ Bạch Đằng*, Nguồn: <https://toquoc.vn/da-nang-khai-truong-pho-di-bo-bach-dang-20240607172148218.htm>

174. Phương Thảo (2022), *Diện mạo mới của không gian đô thị ven sông tại Đà thành*, Nguồn: <https://baotainguyenmoitruong.vn/dien-mao-moi-cua-khong-gian-do-thi-ven-song-tai-da-thanh-346742.html>

175. Lan Anh (2024), *Top 10 địa chỉ bán cơm niêu ngon ở Đà Nẵng nên đến*, Nguồn: <https://danangaz.com/dia-diem-an-uong/com-nieu-ngon-o-da-nang/>

176. M Vinh (2023), *Hơn 1.800 vị trí việc làm cho thanh niên, sinh viên, người lao động Đà Nẵng*, Nguồn: <https://cadn.com.vn/hon-1800-vi-tri-viec-lam-cho-thanh-nien-sinh-vien-nguoi-lao-dong-da-nang-post287007.html>

177. Công Hạnh (2016), *Sân bay quốc tế Đà Nẵng tiếp tục lọt top 30 sân bay tốt nhất Châu Á*, Nguồn: <https://cadn.com.vn/san-bay-quoc-te-da-nang-tiep-tuc-lot-top-30-san-bay-tot-nhat-chau-a-post156254.html>

178. BT (2024), *Du lịch Đà Nẵng thắng lớn trong dịp Tết*, Nguồn: <https://cadn.com.vn/du-lich-da-nang-thang-lon-trong-dip-tet-post290758.html>

179. PV(2015), *Khai trương Vincom đầu tiên tại Đà Nẵng*, Nguồn: <https://vneconomy.vn/khai-truong-vincom-dau-tien-tai-da-nang.htm>

180. Danago (2024), *Xích lô du lịch Đà Nẵng – Chở niềm vui cho mọi người*, Nguồn: <https://danangnet.com/xich-lo-du-lich-da-nang-a-cho-niem-vui-cho-moi-nguoi>

vui-cho-moi-nguoi.html

181. Tâm An (2018), *Bí thư Đà Nẵng: “Hình ảnh CSGT đẹp thì chẳng ai muốn vi phạm”*, Nguồn: <https://dantri.com.vn/xa-hoi/bi-thu-da-nang-hinh-anh-csgt-dep-thi-chang-ai-muon-vi-pham-20180320203229646.htm>

182. Đình Tăng (2021), *Kinh tế biển Đà Nẵng: Thực trạng và định hướng phát triển*, Nguồn: <https://dangcongsan.vn/kinh-te/kinh-te-bien-da-nang-thuc-trang-va-dinh-huong-phat-trien-583619.html>

183. Đức Hoàng (2024), *Đà Nẵng: Phát động phong trào bảo vệ môi trường với nhiều hoạt động ý nghĩa*, Nguồn: <https://toquoc.vn/da-nang-phat-dong-phong-trao-bao-ve-moi-truong-voi-nhieu-hoat-dong-y-nghia-20240224104845768.htm>

184. Vy Hậu (2018), *Nông sản sạch*, Nguồn: <https://cadn.com.vn/nong-san-sach-post196293.html>

185. Trần Lê Lâm (2021), *Lễ hội Quán Thế Âm được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*, Nguồn: <https://vnanet.vn/vi/anh/anh-thoi-su-trong-nuoc-1014/le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-duoc-dua-vao-danh-muc-di-san-van-hoa-phi-vat-the-quoc-gia-5281378.html>

186. Hồ Trung Tú (2022), *Lý giải người Quảng Nam hay cãi: Đi tìm từ lịch sử*, Nguồn: <https://1thegioi.vn/ly-giai-nguoi-quang-nam-hay-cai-di-tim-tu-lich-su-185073.html>

187. Bùi Văn Tiếng (2024), *Giữ gìn và gây dựng bản sắc văn hóa Đà Nẵng*, Nguồn: <https://vanngheданang.org.vn/giu-gin-va-gay-dung-ban-sac-van-hoa-da-nang-11493.html>

188. Acc Đà Nẵng (2024), *Tổng quan đặc điểm kinh tế xã hội ở Đà Nẵng*, Nguồn: <https://accdanang.vn/dac-diem-kinh-te-xa-hoi-tinh-da-nang/>

189. Hà Thu (2024), *Xây dựng nét đẹp văn hóa người Đà Nẵng*, Nguồn: <https://baodanang.vn/channel/5414/201908/xay-dung-net-dep-van-hoa-nguoi-da-nang-3252500/>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Thu Phương

BIẾN ĐỔI LỐI SỐNG CỦA CƯ DÂN ĐÀ NẴNG
TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Ngành: Văn hóa học

Mã số: 9229040

PHỤ LỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2024

MỤC LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT BIẾN ĐỔI LỐI SỐNG CƯ DÂN ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH	190
PHỤ LỤC 2: PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU	201
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN	204
PHỤ LỤC 4: PHỤ LỤC ẢNH	206

PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT
BIẾN ĐỔI LỐI SỐNG CƯ DÂN ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH
PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Để nghiên cứu về biến đổi lối sống cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch, chúng tôi rất mong được Ông/Bà giúp đỡ bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây.

Chúng tôi cam kết, thông tin do Ông/ Bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn Quý Ông/Bà.

Câu hỏi 1: Thông tin cá nhân của Quý vị

Quận huyện	Số lượng
Cẩm Lệ	
Hải Châu	
Hoà Vang	
Liên Chiểu	
Ngũ Hành Sơn	
Sơn Trà	
Thanh Khê	

Giới tính	Số lượng
Nam	
Nữ	

Câu hỏi 2: Tình trạng nhà ở của Quý vị

Loại nhà ở	Trước 2003	Hiện nay
1. Biệt thự		
2. Nhà bê tông kiên cố		
3. Nhà cấp 4		
4. Nhà tạm		
5. Chung cư		
6. Khác		

Câu hỏi 3: Quý vị thường mua sắm hàng hóa tiêu dùng ở đâu?

	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
Thói quen mua sắm	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Trên mạng						
2. Chợ truyền thống						
3. Siêu thị						
4. Các quầy bán trên vỉa hè						
5. Các cửa hàng ở mặt phố						

Câu hỏi 4: Quý vị cho biết thói quen ăn uống của gia đình mình?

	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
Thói quen ăn uống	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Ẩm thực truyền thống địa phương						
2. Ẩm thực thế giới						
3. Ẩm thực vùng miền trong nước						
4. Ẩm thực đường phố						

Câu hỏi 5: Trong gia đình Quý vị có bữa cơm gia đình hay không?

Trước 2003			Hiện nay	
Có		Không	Có	Không

Câu hỏi 6: Gia đình Quý vị có ô tô hay không? Nếu có thì mục đích sử dụng là gì?

Có	Không	Mục đích làm dịch vụ kinh doanh	Mục đích làm phương tiện đi lại của gia đình

Câu hỏi 7: Thói quen đi lại của Quý vị là gì?

Thói quen đi lại	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Đi xe máy						
2. Đi xe buýt						
3. Đi ô tô						
4. Dừng lại khi có đèn đỏ						
5. Nhường đường cho người đi bộ						

Câu hỏi 8: Sở thích của Quý vị về thời trang là gì?

Thói quen mặc	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không thực hiện	
	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Trang phục truyền thống vào dịp Lễ Tết						

2. Xu hướng thời trang Hàn Quốc						
3 Thời trang hàng hiệu						
4. Trang phục bình dân						

Câu hỏi 9: Thu nhập của Quý vị ở mức nào?

Mức thu nhập	Thu nhập của Quý vị
Dưới 4.960.000 đồng	
Từ 4.960.000 đồng đến 6.224.000 đồng	
Từ 6.224.000 đồng đến 8.290.000 đồng	
Trên 8.290.000 đồng	

Câu hỏi 10: Lý do nào khiến Quý vị sống ở Đà Nẵng?

Lý do	Sự lựa chọn của Quý vị
1. Sinh ra và lớn lên ở Đà Nẵng	
2. Nhập cư đến Đà Nẵng sinh sống, làm ăn	
3. Lập gia đình với người Đà Nẵng	
4. Lý do khác	

Câu hỏi 11: Nghề nghiệp của Quý vị có thay đổi hay không?

Nghề nghiệp của Quý vị	Trước 2003	Hiện nay
1. Công chức		
2. Kinh doanh liên quan đến du lịch		
3. Công nhân		
4. Nông dân		
5. Ngư dân		
6. Khác		

Câu hỏi 11: Nghề nghiệp của Quý vị có thay đổi hay không?

Nghề nghiệp của Quý vị	Trước 2003	Hiện nay
1. Công chức		
2. Kinh doanh liên quan đến du lịch		
3. Công nhân		
4. Nông dân		
5. Ngư dân		
6. Khác		

Câu hỏi 12: Lý do khiến Quý vị thay đổi nghề nghiệp là gì?

Lý do thay đổi nghề nghiệp	Sự lựa chọn của Quý vị
1. Giải tỏa/ di dời chỗ ở	
2. Nhu cầu của xã hội	
3. Sở thích/ Năng lực	
4. Khác	

Câu hỏi 13: Theo Quý vị, các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật ở Đà Nẵng tồn tại và phát triển nhằm mục đích chính là gì?

Sản phẩm văn hóa, nghệ thuật ở Đà Nẵng hiện nay tồn tại và phát triển nhằm mục đích chính là:	Sự lựa chọn của Quý vị	
	Trước 2003	Hiện nay
1. Phục vụ đời sống tinh thần của xã hội		
2. Phục vụ nhu cầu của du khách		
3. Duy trì sự tồn tại của loại hình văn hóa, nghệ thuật		
4. Khác		

Câu hỏi 14: Ai là người quyết định công việc quan trọng trong gia đình quý vị?

Người quyết định công việc quan trọng trong gia đình	Lựa chọn của Quý vị	
	Trước 2003	Hiện nay
1. Cha (chồng)		
2. Mẹ (vợ)		
3. Cả hai		

Câu hỏi 15: Quý vị có tranh luận đến cùng với du khách?

Tranh luận đến cùng với du khách	Có	Không
----------------------------------	----	-------

Câu hỏi 16: Quý vị có thói quen chủ động giao tiếp ứng xử ở mức độ nào?

Thói quen chủ động giao tiếp ứng xử	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không thực hiện
Chủ động giao tiếp với con cái			
Chủ động giao tiếp với khách du lịch			

Câu hỏi 17: Quý vị có thói quen nào sau đây?

Các thói quen	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1. Đi ngủ trước 11 giờ tối			
2. Thanh toán mua bán không dùng tiền mặt			
3. Vứt rác đúng nơi quy định			
4. Xếp hàng khi giao dịch, mua bán			

Câu hỏi 18: Quý vị yêu thích các sản phẩm văn hóa nào?

Các sản phẩm văn hóa yêu thích	Trước 2003	Hiện nay
1. Văn hóa nghệ thuật truyền thống		
2. Văn hóa nghệ thuật truyền thống kết hợp những giá trị hiện đại		
3. Văn hóa nghệ thuật nước ngoài		

Câu hỏi 19: Các sản phẩm văn hóa nào có tác động đến lối sống của Quý vị?

Các sản phẩm văn hóa nào có tác động đến lối sống của Quý vị	Sự lựa chọn của Quý vị	
	Trước 2003	Hiện nay
1. Mang tính giáo dục văn hóa ứng xử		
2. Mang tính giải trí		
3. Mang tính kinh doanh		

Câu hỏi 20: Quý vị cho biết việc sử dụng thời gian nhàn rỗi để tham gia vào hoạt động văn hóa tinh thần với vai trò thụ hưởng?

Hoạt động thụ hưởng	Thường xuyên		Không thường xuyên		Không tham gia	
	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay	Trước 2003	Hiện nay
1. Sử dụng mạng xã hội						
2. Thăm hỏi người thân, hàng xóm						
3. Tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện						
4. Café ăn uống với gia đình, bạn bè						
5. Đi du lịch						
6. Đi xem phim						

Câu hỏi 21: Quý vị đang theo đuổi những mục tiêu nào sau đây?

Mục tiêu theo đuổi	Sự lựa chọn của Quý vị
1. Muốn có cuộc sống giàu có, nhiều tiền dù phải cạnh tranh	
2. Muốn cuộc sống không cần quá giàu có, nhưng bình an, không bon chen, chà đạp người khác	
3. Muốn cuộc sống thanh đạm, không bị ràng buộc về vật chất	
4. Muốn một cuộc sống có ý nghĩa, cống hiến cho đất nước, xã hội	
5. Cuộc sống xã hội công bằng, nền nếp, kỷ cương, tuân thủ pháp luật	
6. Cuộc sống có môi trường sống an toàn, lành mạnh, trong sạch	

Câu hỏi 22: Các yếu tố sau đây ảnh hưởng như thế nào đến lối sống của Quý vị?

Các yếu tố ảnh hưởng lối sống người Đà Nẵng	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng
1. Văn hóa phương Tây			
2. Các trang mạng xã hội			
3. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa			
4. Chương trình thành phố “5 không”, “3 có”			
5. Chủ trương “Năm văn hóa, văn minh đô thị”			

6. Chủ trương giải tỏa, tái định cư, chỉnh trang đô thị			
7. Lối sống của người nhập cư			
8. Truyền thống gia đình, tộc họ			
9. Đạo đức tôn giáo			
10. Bạn bè/ Làng xóm/ Cộng đồng dân cư			
11. Tác động của lối sống đô thị			
12. Tác động của hoạt động du lịch			
13. Tác động của lối sống nông thôn			
14. Tác động của lối sống ven biển			
15. Khoa học và công nghệ			

Câu hỏi 23: Theo quý vị, hoạt động du lịch tác động như thế nào đến môi trường sống ở Đà Nẵng?

Các yếu tố chịu tác động của hoạt động du lịch	Nhiều	Ít	Không thay đổi
1. Tạo thêm việc làm, nâng cao mức sống			
2. Đưa đến sự thay đổi mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng			
3. Đáp ứng nhu cầu hưởng thụ vật chất, tinh thần ngày càng cao			
4. Nâng cao ý thức và các hoạt động bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch			

5. Thúc đẩy giao lưu văn hóa, hình thành ứng xử văn hóa			
6. Tác động tích cực đến nếp sống, thói quen sinh hoạt			
7. Làm biến đổi văn hóa truyền thống			
8. Làm tăng giá sinh hoạt ở địa phương			
9. Gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường sống			
10. Làm thay đổi giá trị của các lễ hội, các loại hình nghệ thuật			
11. Khai thác làm cạn kiệt tài nguyên địa phương, phá hủy môi trường sinh thái tự nhiên			
12. Hình thành những ứng xử thiếu lành mạnh trong kinh doanh			
13. coi trọng giá trị của đồng tiền hơn những giá trị sống khác			
14. Làm thay đổi thuần phong mỹ tục, lai căng			
15. Làm nảy sinh tệ nạn xã hội			

Câu hỏi 24: Quý vị có quan tâm đến các vấn đề liên quan đến du lịch?

Các vấn đề quan tâm liên quan đến du lịch	Rất quan tâm	Quan tâm ít	Không quan tâm
1. Về số lượng khách du lịch đến Đà Nẵng			
2. Về hoạt động du lịch diễn ra trên địa thành phố			
3. Về giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các điểm văn hóa, du lịch của thành phố			

Câu hỏi 25: Quý vị cho biết đánh giá về sức hấp dẫn của các điểm du lịch tại Đà Nẵng theo nhận định của quý vị?

Đánh giá về sức hấp dẫn của các điểm du lịch	Sự lựa chọn
1. Sự độc đáo và sinh động về văn hóa của địa phương tạo nên sức hút lớn	
2. Sự hiện diện của các khu nghỉ cao cấp với chất lượng phục vụ tốt là yếu tố hình thành sự hấp dẫn của điểm đến đó.	

Câu hỏi 26: Quan điểm xây dựng lối sống văn minh, hiện đại, nhân văn, có bản sắc riêng trong bối cảnh phát triển du lịch trong bối cảnh phát triển du lịch

Quan điểm xây dựng lối sống lành mạnh trong bối cảnh phát triển du lịch	Đúng	Sai	Đúng nhưng khó thực hiện
1. Giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc			
2. Có nếp sống văn minh			
3. Có sức chống chọi trước văn hóa tiêu cực bên ngoài			
4. Ý thức chấp hành luật pháp			
5. Biết xây dựng hình ảnh con người Việt Nam thông qua hình ảnh cá nhân			
6. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường			

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý vị!

Tháng 01 năm 2023

PHỤ LỤC 2

PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU

Để nghiên cứu về tác động của hoạt động du lịch đến lối sống của cư dân Đà Nẵng, chúng tôi rất mong được Ông/Bà giúp đỡ bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây.

Chúng tôi cam kết, thông tin do Ông/ Bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn Quý Ông/Bà.

Họ và tên người được phỏng vấn:.....

Công việc hiện nay.....

1. Ông/ Bà nghĩ như thế nào tình hình phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng trong những năm gần đây?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Theo Ông/ Bà, việc phát triển du lịch ở Đà Nẵng gây nên những tác động tích cực và tiêu cực gì đến biến đổi lối sống của cư dân thành phố. Trong

những tác động được xem là tiêu cực, Ông/Bà quan ngại nhất là tác động nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Theo Ông/ Bà, đối với vấn đề lối sống của người Đà Nẵng, tác động của việc hình thành và phát triển du lịch được thể hiện như thế nào? Giữa khách du lịch và người địa phương có sự tương tác về lối sống ra sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Theo Ông/ Bà cần có các giải pháp gì để hạn chế mặt tiêu cực và phát huy

mặt tích cực trước tác động của phát triển du lịch đến lối sống của cư dân thành phố Đà Nẵng?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày phỏng vấn:.....

Người phỏng vấn: ThS Nguyễn Thu Phương, tác giả Luận án “Biến đổi lối sống của cư dân Đà Nẵng trong bối cảnh phát triển du lịch”

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

STT	Họ và Tên	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác
1	Trần Thị Thúy Hiền	Công chức	Trường Chính trị Đà Nẵng
2	Phạm Đi	Tiến sĩ	Học Viện Chính trị Khu vực III
3	Nguyễn Thị Hội An	Công chức	Sở Văn hóa Thể thao Đà Nẵng
4	Nguyễn Trường Hoàng	Nghệ sĩ ưu tú	Liên Hiệp hội VNNT Đà Nẵng
5	Mai Thị Thanh	Du khách	Hà Nội
6	Ngô Đình Tráng	Công chức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng
7	Lê Nữ Hoàng Hân	Công chức	Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
8	Phan Diệp Hoàng	Người dân	Quận Hải Châu
9	Võ Quốc Vinh	Công chức	Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
10	Bùi Xuân	Công chức	Nguyên Phó Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
11	Phùng Phú Phong	Công chức	Sở Xây Dựng Đà Nẵng
12	Nguyễn Như Trinh	Người dân	Làng Mỹ Khê
13	Trần Ngọc Thạch	Công chức	Sở Thông tin và Truyền thông Đà Nẵng
14	Bùi Văn Tiếng	Nhà nghiên cứu	Liên hiệp các Hội VHNT TP

15	Ngô Văn Hùng	Nhà nghiên cứu	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam
16	Nguyễn Văn Nghĩa	Nhà nghiên cứu	Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
17	Trương Thanh	Công chức	Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
18	Võ Văn Hòe	Nhà nghiên cứu	Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
19	Trần Thị Ngọc Yến	Công chức	Liên đoàn Lao động thành phố
20	Đỗ Thị Diệu Hà	Công chức	Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng
21	Lê Minh Quốc	Người dân	Phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
22	Tán Văn Vương	Công chức	Sở Du lịch Đà Nẵng
23	Trần Thị Thái Hà	Công chức	Sở Thông tin và Truyền thông Đà Nẵng
24	Lê Văn Định	Tiến sĩ	Học Viện Chính trị Khu vực III
25	Phạm Ngọc Sang	Công chức	Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng

PHỤ LỤC 4

PHỤ LỤC ẢNH

Một số hình ảnh về lối sống của cư dân Đà Nẵng trước khi có sự phát triển của du lịch

1. Cung cách sinh hoạt



Mì Quảng ở Đà Nẵng xưa
(Nguồn Hoàng Hoài, 2021)



Gia đình anh Lê Minh Quốc ở quận Hải Châu Đà Nẵng
(Ảnh do người được phỏng vấn cung cấp)



Sông Hàn những năm 1960, ảnh Lê Minh Quốc ở quận Hải Châu
(Ảnh do người được phỏng vấn cung cấp)



Chợ Cồn Đà Nẵng
(Nguồn Thái Mỹ, 2020)



Bờ sông Hàn nhìn từ đường 2-9 ngày nay
(Nguồn *Smile Travel*, 2020)



Xe đồ ở Đà Nẵng
(Nguồn *Tân Việt*, 2023)

2. Cung cách mưu sinh



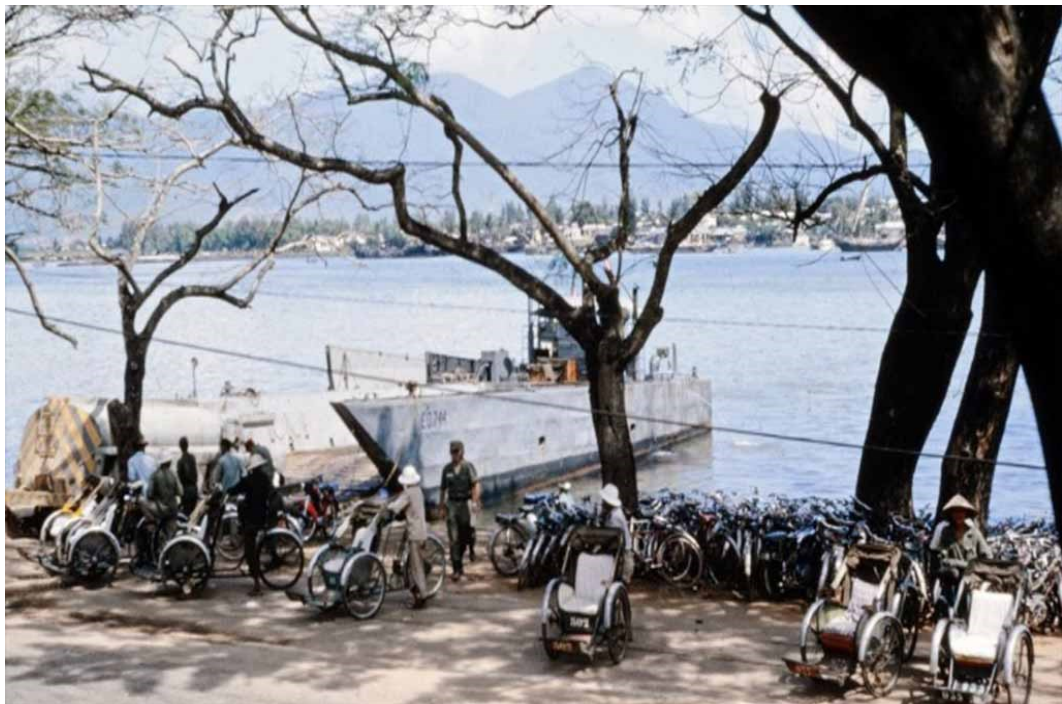
Ngư dân Đà Nẵng đưa thuyền xuồng bãi biển Mỹ Khê, quận Sơn Trà để đánh
bắt cá thập niên 80
(Nguồn Nguyễn Đông, 2003)



Những người ở nhà chồ gắn với sông nước, đàn ông chủ yếu chèo ghe đánh
cá, đàn bà lội đưa cá đi bán ở Đà Nẵng
(Nguồn Nguyễn Đông, 2003)



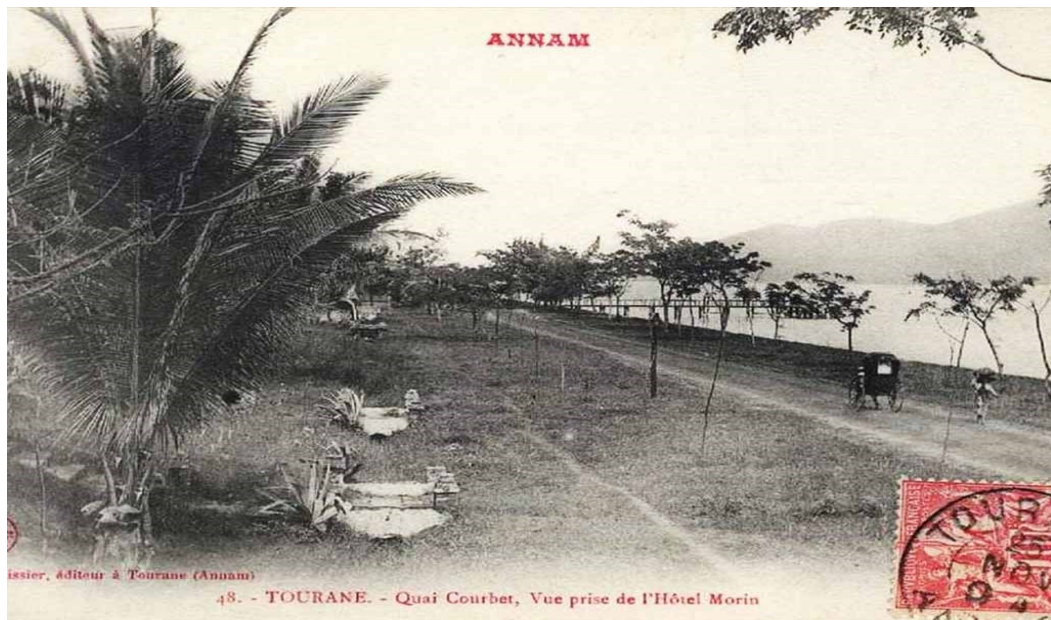
Trung tâm Thương nghiệp Đà Nẵng
(Nguồn *Smile Travel*, 2020)



Bến thuyền Bạch Đằng
(Nguồn *Smile Travel*, 2020)



Cầu Trịnh Minh Thế và cầu Nguyễn Văn Trỗi nay là cầu Trần Thị Lý và cầu Nguyễn Văn Trỗi vẫn giữ tên cũ đến ngày nay
(Nguồn *Smile Travel*, 2020)



Đường Bạch Đằng bên bờ cầu sông Hàn
(Nguồn *Smile Travel*, 2020)



Đường Nguyễn Thái Học xưa nay là đường Trần Hưng Đạo
(Nguồn Smile Travel, 2020)



Nông thôn Đà Nẵng xưa
(Nguồn Cẩm nang du lịch, 2021)

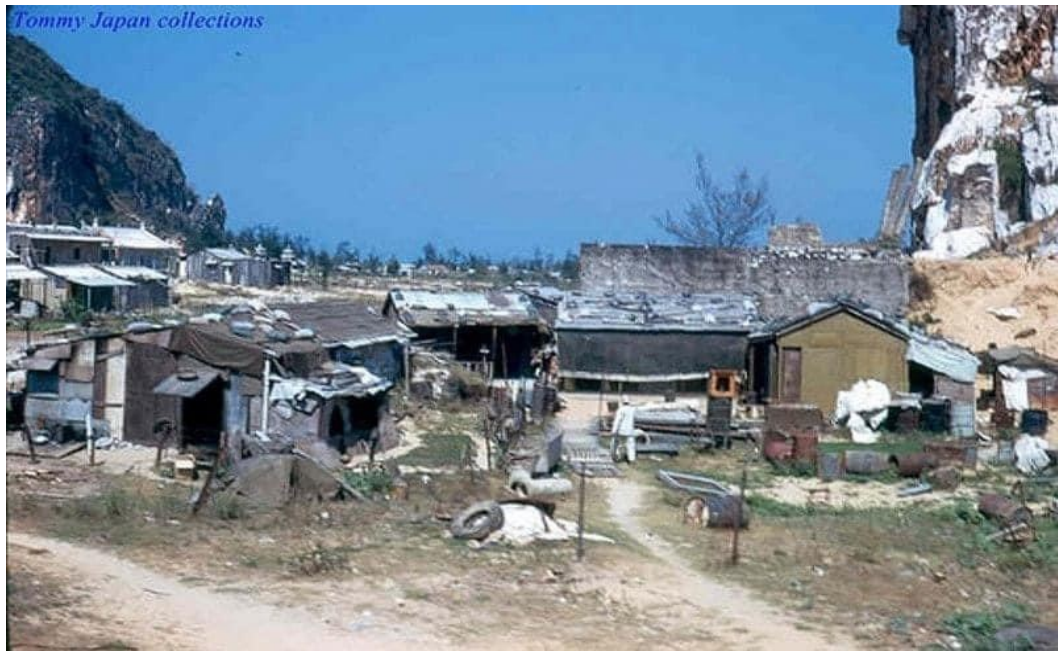
3. Cung cách thụ hưởng văn hóa



Bảo tàng Chàm vẫn còn giữ gần như nguyên vẹn kiến trúc đến ngày nay
(Nguồn Smile Travel, 2020)



Làng Cổ Phong Nam Đà Nẵng
(Nguồn Xuân Tiến, 2022)



Làng đá mỹ nghệ Non nước Đà Nẵng
(Nguồn Myda Stone, 2024)



Gánh hát bội Đà Nẵng ngày xuân
(Nguồn Cinet, 2023)

Một số hình ảnh về lối sống của cư dân Đà Nẵng hiện nay

1. Cung cách sinh hoạt



Khu đô thị mới ven biển Sơn Trà - Điện Ngọc
(Nguồn *Phương Thảo*, 2022)



Ẩm thực Đà Nẵng
(Nguồn *Lanh Anh*, 2024)



Sân bay Quốc tế Đà Nẵng
(Nguồn Công Hạnh 2016)



Ngày Tết ở Đà Nẵng
(Nguồn BT, 2024)



Bánh Tớ truyền thống ngày Tết ở Đà Nẵng
(Nguồn BT, 2024)



Giao thông ở Đà Nẵng
(Nguồn Tác giả, 2024)



Phong trào ngày chủ nhật Xanh- Sạch- Đẹp ở Đà Nẵng
(Nguồn Đức Hoàng, 2024)

2. Cung cách thụ hưởng văn hóa



Lễ hội pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng
(Nguồn Tác giả 2023)



Cầu Vàng tại Khu du lịch Bà Nà Đà Nẵng
(Nguồn Tác giả, 2023)



Đà Nẵng khai trương phố đi bộ Bạch Đằng
(Nguồn Đức Hoàng 2024)



Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Furama ở Đà Nẵng
(Nguồn Tác giả, 2021)



Lễ hội Quán Thế âm ở Đà Nẵng
(Nguồn Lê Lâm, 2021)



Người Đà Nẵng và Tết
(Nguồn Tác giả, 2024)

3. Cung cách mưu sinh



Thanh niên Đà Nẵng đi tư vấn tuyển dụng
(Nguồn M Vinh, 2023)



Người Đà Nẵng đi siêu thị Lotte Mart
(Nguồn Tác giả, 2023)



Xe xích lô du lịch ở Đà Nẵng
(Nguồn Danago, 2024)



Nhà cửa hai bên ở Sông Hàn Đà Nẵng
(Nguồn: *Phương Thảo*, 2022)



Khai thác hải sản ở Đà Nẵng
(Nguồn: *Đình Tăng*, 2021)



Nông nghiệp sạch ở Đà Nẵng
(Nguồn Vy Hậu, 2018)